TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

CHỈ SỐ KINH DOANH DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT

2025

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Các ngành

NHÓM NGÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN – HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CHUYÊN DỤNG – XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT DÂN DỤNG – XÂY DỰNG NHÀ CÁC LOẠI

HÀ NỘI - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

CHỦ BIÊN
PGS. TS. Nguyễn Mạnh Quân
Biên soạn
Nguyễn Phương Thảo

MỤC LỤC

4 Lời mở đầu

6 Phần I. Tổng quan phương pháp nghiên cứu và thực trạng phát triển doanh nghiệp Việt Nam

7 – Phương pháp nghiên cứu chỉ số và ứng dụng

23 Phần II. Các chỉ số và chỉ tiêu đánh giá năng lực hoạt động tài chính của doanh nghiệp

36 Phần III. Danh sách các doanh nghiệp đạt chỉ số tốt nhất và doanh nghiệp có nhiều chỉ số được cải thiện nhất theo từng ngành

47 Phần IV. Tổng hợp năng lực hoạt động tài chính của doanh nghiệp thuộc các ngành

68 Phần V. Các chỉ số hoạt động tài chính chi tiết của doanh nghiệp trong từng ngành

69 – Ngành Hoạt động kinh doanh bất động sản

115 – Ngành Hoạt động xây dựng chuyên dụng

130 – Ngành Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

171 – Ngành Xây dựng nhà các loại

LỜI MỞ ĐẦU

Doanh nghiệp là khu vực kinh tế quan trọng đối với mọi quốc gia. Đóng góp to lớn của doanh nghiệp đối với nền kinh tế không chỉ thể hiện bằng việc cung cấp hàng hóa, tạo việc làm, nguồn ngân sách mà nó còn là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Chính vì vậy, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển là rất cần thiết để phát triển kinh tế quốc dân, mang lại phồn vinh cho xã hội, xây dựng quốc gia vững mạnh.

Sau hơn hai thập kỷ chuyển hướng nền kinh tế sang định hướng kinh tế thị trường, doanh nghiệp Việt Nam đã phát triển rất mạnh mẽ, nhất là khu vực tư nhân, và có những đóng góp rất to lớn trong sự phát triển của kinh tế Việt Nam. Hàng loạt chính sách đã được Chính phủ ban hành để trợ giúp doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau phát triển và đã phát huy tác dụng tích cực trong việc giúp doanh nghiệp Việt Nam vượt qua khó khăn, phát triển và đóng góp vào sự phát triển ổn định của nền kinh tế. Thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam vẫn không ngừng tăng lên.

Vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế của đất nước ngày càng được coi trọng. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) (Ngày 03/06/2018) đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, khẳng định rõ "Phát triển kinh tế tư nhân là một phương sách quan trọng để huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển và giải phóng sức sản xuất". Đồng thời với việc thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2024 của chính phủ, mục tiêu "Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại" nêu trong Nghị quyết 10-NQ/TW không còn là chủ trương mà trở thành nhiệm vụ cấp bách cần thực hiện.

Tiến trình các Hiệp định Khu vực Mậu dịch Tự do (AFTA) và Hợp tác Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đang mở ra những cơ hội to lớn cũng như đang đặt ra những thách thức mới buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải tiếp tục đổi mới, nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế và hội nhập nhanh chóng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Trợ giúp doanh nghiệp Việt Nam phát triển cũng cần có những bước tiến mới.

Để trợ giúp phát triển doanh nghiệp một cách thiết thực và hữu hiệu, Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp (INBUS) thuộc Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (HUBT) phối hợp với Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp (DĐDN) thuộc Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI), Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA), Hội các Nhà

Quản trị Doanh nghiệp Việt Nam (VACD) cùng phối hợp triển khai "*Chương trình Đánh giá Năng lực Hoạt động Doanh nghiệp*", được tiến hành hằng năm với mục đích thiết lập một khuôn khổ phân tích năng lực doanh nghiệp phục vụ việc xây dựng các biện pháp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực hoạt động theo hướng hội nhập. Chương trình đánh giá năng lực doanh nghiệp gồm 02 nội dung: (i) đánh giá năng lực tài chính doanh nghiệp qua các chỉ số kết quả hoạt động tài chính (KRI - Key Result Indicator), và đánh giá năng lực hoạt động của doanh nghiệp qua các chỉ số năng lực hoạt động (KPI - Key Performance Indicator).

Khởi động từ năm 2013, cuốn báo cáo năm 2025 đã được hoàn thiện rất nhiều và chính thức ra mắt bạn đọc như một món quà đối với các nhà nghiên cứu, phân tích kinh tế, các nhà quản lý các cấp, các nhà đầu tư và doanh nghiệp tự đánh giá hoạt động của mình.

Mặc dù cố gắng, nhưng do những hạn chế nhất định, chắc chắn Báo cáo không thể làm hài lòng tất cả bạn đọc. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến nhận xét, đóng góp để hoàn thiện. Chúng tôi mong muốn sẽ được phục vụ bạn đọc tốt hơn. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Ban Thư ký chương trình theo địa chỉ dưới đây.

Ban thư ký *Chương trình Đánh giá Năng lực Hoạt động Doanh nghiệp*

Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp (INBUS)

Địa chỉ: Phòng A409, Nhà A,Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội
Số 29A Ngõ 124 Phố Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024-36336507/ 04-36336600 – máy lẻ: 803

Fax: 024-36336506

Email: admin@inbus.vn W*ebsite*: http://www.inbus.vn

BAN THƯ KÝ CHƯƠNG TRÌNH

PHẦN I

TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CHỈ SỐ VÀ ỨNG DỤNG

PGS. TS. Nguyễn Mạnh Quân

Viện trưởng, Viện NC&PT DN - *INBUS*

GIỚI THIỆU CHUNG

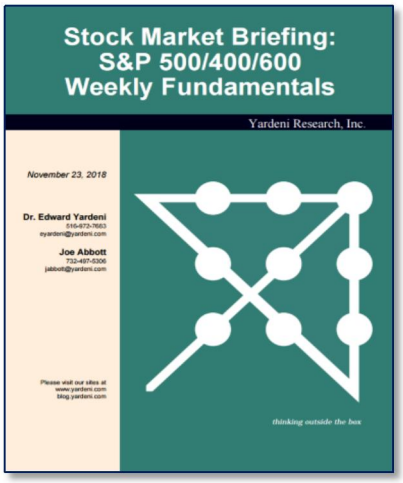
Nghiên cứu bằng chỉ số (Indexing) là phương pháp quen thuộc được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực. Nghiên cứu bằng chỉ số (còn được gọi là phương pháp lập chỉ mục) được hiểu với nghĩa rộng là phương pháp lập và sử dụng các chỉ số, chỉ báo (indicators) làm thước đo cho một khía cạnh nào đó trong các hoạt động của con người, tổ chức, nền kinh tế. Trong thị trường tài chính, nghiên cứu bằng chỉ số có thể được sử dụng như (i) một thước đo thống kê để theo dõi dữ liệu kinh tế, hay (ii) một phương pháp phân nhóm một thị trường/ngành cụ thể hoặc như một chiến lược quản lý đầu tư cho các nhà đầu tư, [https://www.investopedia.com/terms/i/indexing.asp]. Đây cũng là phương pháp nghiên cứu rất phổ biến và có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu kinh tế và xã hội học. Mặc dù đã được áp dụng từ lâu, giá trị của phương pháp này mới được đề cao và tiếp tục phát triển ở mức độ cao hơn trong một số năm gần đây trong bối cảnh hội nhập kinh tế, khi cạnh tranh và so sánh (comparative) trở thành một căn cứ quan trọng trong các quyết định ở phạm vi toàn cầu.



Các dẫn chứng điển hình sau đây là những bằng chứng tiêu biểu về cách làm và giá trị thực tiễn của phương pháp nghiên cứu bằng chỉ số. *Thứ nhất* là Báo cáo *Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu* (Global Competitiveness Index, GCI) thường niên của *Diễn đàn Kinh tế Thế giới WEF* (World Economic Forum), một nguồn tài liệu gần đây được nhắc đến và trích dẫn rất nhiều bởi các nhà nghiên cứu kinh tế, chính trị trên toàn thế giới. Xuất hiện từ năm 1971 với tên gọi ban đầu là *Diễn đàn Quản lý Châu Âu* (European Management Forum, EMF) và được đổi tên thành *Diễn đàn Kinh tế Thế giới* WEF vào năm 1987, WEF đã trở thành một diễn đàn, cầu nối quan trọng cho các quốc gia và nền kinh tế có thể chế chính trị khác nhau đối thoại và hợp tác. Báo cáo GCI của WEF là một trong số những đóng góp quan trọng của WEF và rất có giá trị cho sự phát triển kinh tế quốc gia và toàn cầu, đặc biệt trong kỷ nguyên hội nhập và toàn cầu hóa. *Thứ hai* là Báo cáo *Chỉ số Sáng tạo Toàn cầu* (Global Innovation Index, GII), một sản phẩm hợp tác giữa viện nghiên cứu, hiệp hội doanh nghiệp và tổ chức phát triển quốc tế. Được khởi xướng bởi Học viện INSEAD (CH Pháp) năm 2007, trải qua những giai đoạn phát triển khác nhau với sự hợp tác với các tổ chức truyền thông,

cộng đồng doanh nghiệp, đến năm 2014, GII của INSEAD chính thức là một ấn phẩm của sự hợp tác giữa Học viện *INSEAD* (CH Pháp), *Cornell University* (Hoa Kỳ)và *Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới WIPO* (World Intellectual Property Organization) với sự hỗ trợ tích cực của cộng đồng doanh nghiệp quốc tế. Báo cáo GII xuất bản hằng năm đã trở thành một nguồn tham chiếu và trích dẫn quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách, quản lý kinh tế vĩ mô, các nhà nghiên cứu ở nhiều quốc gia trên thế giới về những vấn đề liên quan đến chính sách chiến lược đổi mới sáng tạo và kinh tế tri thức ở quy mô quốc gia. Các báo cáo hằng năm của WEF và GII đã trở thành những nguồn thông tin rất quan trọng và quý giá được trích dẫn và sử dụng ở nhiều quốc gia, diễn đàn bởi các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà hoạch định chính sách và nhà quản lý ở mọi cấp, từ vĩ mô đến doanh nghiệp, khẳng định giá trị thực tiễn và đóng góp thiết thực của phương pháp và các kết quả nghiên cứu.



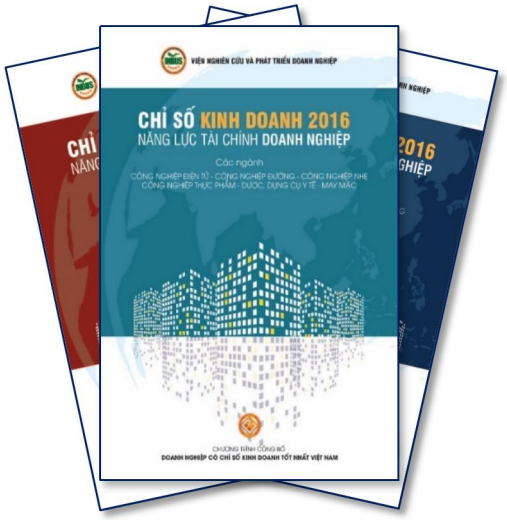


Nghiên cứu về ngành và doanh nghiệp cũng đã được tiến hành ở nhiều quốc gia. Ví dụ điển hình cho các nghiên cứu thuộc nhóm này là các báo cáo thường niên của các nhà nghiên cứu và quản lý Hoa Kỳ: *S&P 500* và *Fortune 500*. *S&P 500* hay *Chỉ số cổ phiếu 500 của Standard & Poor*(*Standard & Poor's 500 Stock Index*) là một chỉ số cổ phiếu dựa trên cổ phiếu phổ thông của 500 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất niêm yết trên NYSE hoặc NASDAQ. S&P 500 được giới chuyên môn đánh giá là một trong những chỉ số khách quan nhất, đáng quan tâm nhất của các nhà đầu tư chứng khoán Mỹ. Ngoài việc được coi như một chỉ số quan trọng của nền kinh tế, S&P 500 còn được các nhà đầu tư xem như một thước đo chính xác nhất của thị trường.[https://vi.wikipedia.org/wiki/S%26P_500]. *Fortune 500* là bảng xếp hạng danh sách 500 công ty lớn nhất Hoa Kỳ theo tổng doanh thu mỗi công ty được biên soạn hàng năm bởi tạp chí *Fortune*(Hoa Kỳ). Danh sách này bao gồm các công ty đại chúng và công ty tư nhân có doanh thu công khai. Fortune 500 là ý tưởng của Edgar P. Smith, một biên tập viên của tạp chí này. Danh sách đầu tiên được xuất bản từ năm 1955. Danh sách Fortune 500 được cập nhật hàng năm bằng cách tổng hợp và sử dụng các số liệu gần đây nhất về doanh thu của các công ty công bố công khai doanh thu. Trở thành công ty thuộc Fortune 500 được coi là một dấu hiệu của uy tín công ty ; [https://vi.wikipedia.org/wiki/Fortune_500].



Ở phạm vi tổ chức/doanh nghiệp, các nghiên cứu thường tập trung vào hai lĩnh vực khác nhau nhưng có mối liên hệ mật thiết: (i) *hoạt động tài chính*, và (ii) *hoạt động tác nghiệp*. Nghiên cứu về tài chính là cách tiếp cận truyền thống và được tiến hành rất phổ biến. Trong các nghiên cứu tài chính, các số liệu tài chính về kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là nguồn tư liệu chủ yếu được sử dụng để phân tích, vì vậy, các chỉ số tài chính còn được gọi là *chỉ số kết quả* - RI hay KRI, (Key - Result Indicators). Hiển nhiên, các kết quả kinh doanh KRI thể hiện bằng các chỉ số tài chính lấy vào thời điểm cuối mỗi năm thực chất chỉ là những dấu hiệu phản ánh những nỗ lực của doanh nghiệp thực hiện trong suốt năm trên các phương diện tác nghiệp như bán hàng, công nghệ, nhân lực, tổ chức, và quản lý điều hành. Đến lượt nó, các hoạt động tác nghiệp này lại có thể được thể hiện bằng các *chỉ số năng lực thực hiện* – PI hay *KPI*, (Key - Performance Indicators). Do sự đa dạng và phức tạp của hệ thống tổ chức triển khai các hoạt động tác nghiệp tại các tổ chức/doanh nghiệp trong thực tiễn, rất khó xác định các giá trị KPI; Việc nghiên cứu về năng lực KPI gặp rất nhiều khó khăn và ít được triển khai một cách hệ thống. Vì vậy, trong khi nghiên cứu về tài chính bằng các chỉ số tài chính KRI được áp dụng rất phổ biến, nghiên cứu về năng lực hoạt động tác nghiệp bằng KPI mới chỉ bắt đầu được quan tâm triển khai trong một vài thập kỷ gần đây.

Việc dựa vào các chỉ số kết quả KRI để dự báo trở nên ngày càng thiếu tin cậy trong một môi trường nhiều biến động như ngày nay. Dự báo dựa vào năng lực có độ tin cậy cao hơn, bởi KRI là chỉ số phản ánh quá khứ, trong khi KPI là chỉ số hướng tới tương lai.



Nghiên cứu của INBUS kế thừa và phát triển nhiều nghiên cứu đã được ghi nhận bởi cộng đồng nghiên cứu và doanh nghiệp trong nước và trên thế giới. Nghiên cứu của INBUS gồm hai phần: (i) nghiên cứu về năng lực tài chính doanh nghiệp KRI, và (ii) nghiên cứu về năng lực hoạt động doanh nghiệp KPI, bằng bộ chỉ số Khung năng lực doanh nghiệp *INDEXBUS* được phát triển trên cơ sở tích hợp các công cụ nghiên cứu KRI và KPI. Báo cáo này là phần nghiên cứu về KRI. Mặc dù dựa trên chỉ số kết quả KPI, nghiên cứu của INBUS vẫn hướng tới việc *phản ánh năng lực hoạt động* tài chính thông qua các chỉ số kết quả KRI, thay vì chỉ phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong thực tế, các tổ chức nghiên cứu, tư vấn nổi tiếng trên thế giới, ví dụ như McKinsey, PwC, Malik… đều đã thành công với việc phát triển và sử dụng những bộ công cụ chẩn đoán năng lực doanh nghiệp hữu hiệu.

Một trong những đặc điểm đáng lưu ý trong nghiên cứu của INBUS thể hiện ở *khả năng vận dụng tham chiếu* để so sánh giữa các năm hay đối chiếu cho các doanh nghiệp khác. Đây là một đặc điểm được thiết kế có chủ đích khi biên soạn bộ tiêu chí. Thông tin về chỉ số hoạt động của doanh nghiệp trong nghiên cứu của INBUS có thể sử dụng làm "chỉ số định chuẩn" cho các doanh nghiệp khác tham chiếu. Ví dụ, có thể vận dụng để xác định "khả năng vốn hóa thị trường" cho những doanh nghiệp chưa hay không niêm yết bằng cách đối chiếu và chỉ ra những doanh nghiệp "định chuẩn" trong số các doanh nghiệp có tên trong Báo cáo có các chỉ số tài chính tương đồng hay tương đương;Mức giá cổ phiếu, cổ tức của (các) doanh nghiệp này có thể sử dụng làm mức tham chiếu khi cần huy động vốn. Những nghiên cứu sâu về năng lực doanh nghiệp thông qua các chỉ số KPI có thể giúp xác định "năng lực kiểm soát nợ xấu" của doanh nghiệp.

Nghiên cứu năng lực bằng chỉ số của INBUS được bắt đầu với bước đi quan trọng nghiên cứu bằng chỉ số hoạt động tài chính KRI, nối tiếp bởi các nghiên cứu bằng chỉ số năng lực hoạt động KPI và được hoàn tất bởi những nghiên cứu về mối quan hệ tương hỗ giữa KRI và KPI vận dụng cho từng đối tượng thể cụ thể. Với bộ công cụ hoàn thiện này, các nhà nghiên cứu, tư vấn, quản lý có thể có được hiểu biết chính xác và đầy đủ hơn về doanh nghiệp, nhờ đó sự hỗ trợ đối với doanh nghiệp cũng hiệu quả hơn.

MỤC ĐÍCH CỦA CUỐN SÁCH

Báo cáo *thường niên* Chỉ số kinh doanh – Năng lực tài chính doanh nghiệp nói chung, và *năm 2025* nói riêng, cung cấp một bức tranh tổng quát về tình trạng hoạt động kết quả và năng lực hoạt động tài chính của một doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp niêm yết thuộc một ngành trong số 26 ngành kinh tế theo cách phân loại của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (năm tham chiếu 2013) thông qua một hệ thống các chỉ số và nhóm chỉ số tài chính cơ bản rút ra từ các báo cáo tài chính chính thức của các doanh nghiệp niêm yết. Cuốn báo cáo được biên soạn nhằm phục vụ 3 nhóm đối tượng chính sau đây.

Thứ nhất là các doanh nghiệp, các nhà đầu tư. Mặc dù không cung cấp chi tiết về tình hình hoạt động cũng như những biến động của một doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp hay ngành, báo cáo có thể cung cấp những thông tin căn bản về hoạt động và năng lực tài chính doanh nghiệp làm nền tảng cho những quyết định mang tính dài hạn đối với nhà quản lý, doanh nghiệp đối tác và các nhà đầu tư. Số liệu về những thay đổi của các chỉ số tài chính căn bản của doanh nghiệp trong hai năm là những thông tin hữu ích về năng lực và hiệu lực quản lý tài chính doanh nghiệp trong một năm. Người quản lý doanh nghiệp, các đối tác, nhà đầu tư có thể tiếp cận số liệu cụ thể của doanh nghiệp và/hoặc nhóm doanh nghiệp, ngành.

Thứ hai là cơ quan hoạch định chính sách của chính phủ, các cơ quan hỗ trợ phát triển trong và ngoài nước. Thông tin hệ thống về ngành và nhóm doanh nghiệp theo ngành có thể cung cấp những cơ sở cho việc phân tích một cách hệ thống những thay đổi giữa các ngành trong một năm và của các ngành theo các năm. Những phân tích ở phạm vi ngành có thể cung

cấp những thông tin hữu ích về tình trạng năng lực và hoạt động tài chính của doanh nghiệp, đặc điểm về năng lực tài chính doanh nghiệp trong ngành phản ánh qua các chỉ số tài chính và khoảng cách về các chỉ số này. Những số liệu về biến động trong ngành như số lượng, chỉ số chung, chỉ số thành phần, tình trạng cải thiện về chỉ số hoạt động tài chính theo ngành là những thông tin được cung cấp trong báo cáo hằng năm.

Thứ ba là các nhà nghiên cứu, các trường đại học, tổ chức tư vấn hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Bắt đầu từ năm 2013, các nghiên cứu Chỉ số kinh doanh – Năng lực tài chính doanh nghiệp, đã có 6 năm số liệu. Thông tin trong báo cáo thường niên, các năm từ 2013 đến nay là nguồn số liệu thống kê hệ thống duy nhất hiện có cho công việc nghiên cứu, phân tích của các nhà nghiên cứu. Báo cáo năm 2025 là một 'mảnh ghép' các nhà nghiên cứu có thể tiếp cận được các tư liệu này tùy theo yêu cầu sử dụng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Báo cáo này là một nỗ lực của INBUS trong việc áp dụng phương pháp nghiên cứu đã sử dụng trong các báo cáo của GCI của WEF và GII của GII vào việc nghiên cứu năng lực kinh doanh ở cấp độ ngành và doanh nghiệp trong nền kinh tế nước ta, trên hai mảng: năng lực hoạt động tài chính và năng lực hoạt động tác nghiệp. Cuốn sách này là báo cáo kết quả nghiên cứu của INBUS về năng lực hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Nghiên cứu về năng lực hoạt động tác nghiệp sẽ được giới thiệu ở một công trình khác của INBUS – Khung Năng lực Doanh nghiệp (Firm's Competency Framework) hay 'Phiếu sức khỏe doanh nghiệp'.

Phương pháp nghiên cứu sử dụng trong Báo cáo có phương pháp luận tương tự các phương pháp được sử dụng trong các nghiên cứu của WEF và GII. Các báo cáo *Chỉ sốNăng lực Cạnh tranh Toàn cầu* (Global Competitiveness Index) của WEF và *Chỉ số Sáng tạo Toàn cầu* (Global Innovation Index) của GII là những nguồn tham chiếu chính về phương pháp nghiên cứu áp dụng trong các Báo cáo *Chỉ số Kinh doanh* của INBUS, trong đó có Báo cáo Chỉ số Kinh doanh – *Năng lực Tài chính Doanh nghiệp*. Những điểm chính về chỉ số được trình bày trong các Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 để tham chiếu và về phương pháp nghiên cứu được mô tả tóm tắt ở phần trình bày tiếp theo.

BẢNG 1: CÁC CHỈ SỐ CẠNH TRANH TOÀN CẦU (GCI) CỦA DIỄN ĐÀN KINH THẾ THẾ GIỚI (WEF)

Tên tổ chức thực hiện	Tên tài liệu tham chiếu	Các chỉ số chính
Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum, WEF)	Báo cáo *Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu* (Global Competitiveness Report, GCR)	Tên gọi: **Chỉ số Cạnh tranh Toàn cầu** (Global Competitiveness Index, GCI) 1. *Nhóm chỉ số* (Subindex) – **Các Yêu cầu cơ bản** (Basic Requirement): => Then chốt cho các nền kinh tế *dựa vào tài nguyên* (Key for factor-driven economies) 1.1. Chỉ số chính (Pillar) – *Thể chế* (Institution) 1.2. Chỉ số chính (Pillar) – *Hạ tầng cơ sở* (Infrastructure) 1.3. Chỉ số chính (Pillar) – *Môi trường kinh tế vĩ mô* (Macroeconomic environment) 1.4. Chỉ số chính (Pillar) – *Y tế và Giáo dục phổ thông* (Health and Elementary education) 2. *Nhóm chỉ số* (Subindex) – **Các nhân tố tăng cường hiệu quả** (Efficiency enhancers): => Then chốt cho các nền kinh tế *dựa vào tính hiệu quả* (Key for efficiency-driven economies) 2.1. Chỉ số chính (Pillar) – *Giáo dục đại học* (Higher education and training) 2.2. Chỉ số chính (Pillar) – *Tính hiệu quả của thị trường hàng hóa* (Goods market efficiency) 2.3. Chỉ số chính (Pillar) – *Tính hiệu quả của thị trường lao động* (Labor market efficiency) 2.4. Chỉ số chính (Pillar) – *Tình trạng phát triển của thị trường tài chính* (Financial market development) 2.5. Chỉ số chính (Pillar) – *Tính sẵn sàng về công nghệ* (Technological readiness) 2.6. Chỉ số chính (Pillar) – *Quy mô thị trường* (Market size) 3. *Nhóm chỉ số* (Subindex) – **Các nhân tố sáng tạo và phức hợp** (Innovation and Sophistication factors): => Then chốt cho các nền kinh tế *dựa vào tính hiệu quả* (Key for factor-driven economies) 3.1. Chỉ số chính (Pillar) – *Mức độ phức hợp của công việc kinh doanh* (Business sophistication) 3.2. Chỉ số chính (Pillar) – *Tình trạng đổi mới sáng tạo* (Innovation)

Nguồn: Klaus Schwab ed. (2015) *Global Competitiveness Report 2014-2015,* World Economic Forum, Geneva.

BẢNG 2: CÁC CHỈ SỐ SÁNG TẠO TOÀN CẦU (GII) CỦA HỌC VIỆN QUẢN LÝ CHÂU ÂU INSEAD

Tên tổ chức thực hiện	Tên tài liệu tham chiếu	Các chỉ số chính
2007 1. Học viện *INSEAD* (INSEAD), Pháp 2. Tạp chí *World Business*, Anh 2008 - 2010 1. Học viện *INSEAD* (INSEAD), Pháp 2. Liên hiệp Công nghiệp Ấn độ *GII* (Confederation of Indian Industry), Ấn Độ 2011 - 2012 1. Học viện *INSEAD* (INSEAD), Pháp 2. Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới *WIPO* (World Intellectual Property Organization), UN 2013 - nay 1. Học viện *INSEAD* (INSEAD), Pháp 2. Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới *WIPO* (World Intellectual Property Organization), UN 3. Đại học *Cornell* (Cornell University), Hoa Kỳ	Báo cáo *Chỉ số Năng lực Đổi mới Sáng tạoToàn cầu* (The Global Innovation Index)	Tên gọi: **Chỉ số Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu** – *Bình quân* (Global Innovation Index – Average) Và **Chỉ số Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu** – *Hệ số* (Global Innovation Index – Ratio) 1. *Nhóm chỉ số* (Subindex) – **Đầu vào đổi mới sáng tạo** (Innovation Inputs): 1.1. ***Thể chế*** (Institution) 1.1.1. *Môi trường chính trị* (Political environment) 1.1.2. *Môi trường pháp luật* (Regulatory environment) 1.1.3. *Môi trường kinh doanh* (Business environment) 1.2. ***Vốn nhân lực và Nghiên cứu*** (Human capital and Research) 1.2.1. *Giáo dục phổ thông* (Education) 1.2.2. *Giáo dục đại học* (Tertiary Education) 1.2.3. *Nghiên cứu & Triển khai* (R&D) 1.3. ***Hạ tầng cơ sở*** (Infrastruture) 1.3.1. *Công nghệ thông tin truyền thông* (ICTs) 1.3.2. *Hạ tầng cơ sở chung* (General infrastructure) 1.3.3. *Tính bền vững về môi trường* (Ecological sustainability) 1.4. ***Mức độ phức hợp của thị trường*** (Market sophistication) 1.4.1. *Tín dụng* (Credit) 1.4.2. *Đầu tư* (Investment) 1.4.3. *Thương mại, cạnh tranh và cấp độ thị trường* (Trade, competition and market scale) 1.5. ***Mức độ phức hợp của công việc kinh doanh*** (Business sophistication) 1.5.1. *Lao động có kiến thức* (Knowledge workers) 1.5.2. *Mối liên kết về đổi mới sáng tạo* (Innovation linkages) 1.5.3. *Khả năng hấp thụ kiến thức* (Knowledge absortion) 2. *Nhóm chỉ số* (Subindex) – **Đầu ra đổi mới sáng tạo** (Innovation Outputs): 2.1. ***Sản phẩm kiến thức và công nghệ*** (Knowledge and Technology outputs) 2.1.1. *Tạo ra kiến thức* (Knowledge creation) 2.1.2. *Tác động của kiến thức* (Knowledge impact) 2.1.3. *Truyền bá kiến thức* (Knowledge diffusion) 2.2. ***Sản phẩm sáng tạo*** (Creative outputs) 2.2.1. *Tài sản vô hình* (Intangible assets) 2.2.2. *Sản phẩm và dịch vụ sáng chế* (Creative goods and services) 2.2.3. *Tính sáng tạo trên mạng* (Online creativity)

Nguồn: Soumitra Dutta, Bruno Lanvin, and Sacha Wunsch-Vincent ed. (2016) *Global Innovation Index 2014-2015,* Cornell University, INSEAD, and the World Intellectual Property Organization, Beijing and Geneva.

BẢNG 3: CÁC CHỈ SỐ KINH DOANH – NĂNG LỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP CỦA INBUS

Tên tổ chức thực hiện		Các chỉ số chính
Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp (INBUS), thuộc Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (HUBT)	Báo cáo *Chỉ số kinh doanh – Năng lực Tài chính Doanh nghiệp* (Business Indexing – Financial Capacity)	Tên gọi: **Chỉ số Kinh doanh – Năng lực Tài chính Doanh nghiệp** (Business Indexing – Financial Capacity) **1. Các chỉ số thanh toán** *1.1 Chỉ số thanh toán nợ ngắn hạn* *1.2 Chỉ số thanh toán nhanh* *1.3 Chỉ số thanh toán tức thời* **2. Các chỉ số hiệu quả kinh doanh** *2.1. Số vòng quay các khoản phải thu ngắn hạn* *2.2. Số vòng quay hàng tồn kho* *2.3. Hiệu suất sử dụng TSCĐ* *2.4. Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản* *2.5. Hiệu suất sử dụng vốn* **3. Các chỉ số đòn bẩy tài chính** *3.1. Hệ số nợ trên tài sản* *3.2. Hệ số nợ trên vốn cổ phần* *3.3. Khả năng thanh toán lãi vay* **4. Các chỉ số lợi nhuận** *4.1. Chi phí trên 1000 đồng doanh thu* *4.2. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu* *4.3. Tỷ suất lợi nhuận hoạt động trên doanh thu* *4.4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu* *4.5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA ròng)* *4.6. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần bình quân (ROE ròng)* *4.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)* *4.8. Mức tăng lợi nhuận sau thuế tuyệt đối* **5. Hệ số bảo toàn vốn** *5.1. Hệ số bảo toàn vốn* **6. Doanh thu** *6.1. Doanh thu*

Ghi chú: (1) Xem chi tiết về các chỉ số tài chính KRI nêu trên ở Phần II cuốn báo cáo này;

(2) Các chỉ số Khung Năng lực Doanh nghiệp KPI (INDEXBUS) của Viện INBUS và 'Phiếu sức khỏe Doanh nghiệp' sẽ được giới thiệu trong một nghiên cứu khác của INBUS.

Trong Báo cáo *Chỉ số kinh doanh – Năng lực tài chính* (Business Capacity Indexing – Financial Capacity) của INBUS, các chỉ số tài chính cơ bản – chỉ số thanh toán, chỉ số hiệu quả, chỉ số đòn bẩy, hệ số lợi nhuận, hệ số bảo toàn vốn, doanh thu, và các chỉ số thành phần – được sử dụng làm chỉ báo để đánh giá, so sánh, tổng hợp, phân tích tình trạng năng lực hoạt động, quản trị tài chính của doanh nghiệp thuộc từng ngành trong 26 ngành kinh tế của Việt Nam, theo cách phân chia ngành theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (năm 2018). Cách phân nhóm ngành như vậy được duy trì trong các báo cáo hằng năm để đảm bảo tính thống nhất và hệ thống trong việc thể hiện số liệu về ngành.

Năng lực hoạt động tài chính của doanh nghiệp được phản ánh thông qua 6 chỉ số cơ bản của doanh nghiệp, đã trình bày trên Bảng 3, để cung cấp cho người đọc không chỉ cái nhìn tương đối qua 5 chỉ số đầu và cái nhìn tuyệt đối qua chỉ số doanh thu (chỉ số thứ 6) về tình trạng và quy mô của doanh nghiệp. Do mỗi chỉ số có thể được xác định bởi nhiều chỉ tiêu khác nhau, việc quy thành điểm là điều cần thiết.Như vậy, mỗi chỉ tiêu được quy thành điểm và được tổng hợp thành *điểm chỉ số* trước khi sử dụng để so sánh giữa các doanh nghiệp khác nhau. Việc quy đổi thành điểm của từng chỉ tiêu (*điểm chỉ tiêu*) được tiến hành bằng cách vận dụng các công thức xác định đối với chỉ tiêu. Thông tin sử dụng để xác định các chỉ tiêu này được rút ra từ các báo cáo tài chính hằng năm của doanh nghiệp đã được kiểm toán và đã được công bố chính thức.

Cách quy điểm của từng chỉ tiêu được thực hiện bằng cách lấy kết quả tính được của tất cả các doanh nghiệp về chỉ tiêu được xét để xác định "khoảng xét điểm", "chuẩn tối ưu" và "mức quy điểm".

Khoảng xét điểm được lấy là giới hạn từ kết quả chi tiêu tính được thấp nhất (min) đến kết quả chỉ tiêu tính được cao nhất (max) của tất cả các doanh nghiệp được xét, theo cùng công thức, phương pháp với số liệu tương ứng rút ra từ các báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Khoảng xét điểm = [giá trị min, giá trị max] = (giá trị max – giá trị min)

Chuẩn tối ưu là mức chỉ tiêu được coi là phản ánh trạng thái tốt nhất cần có của doanh nghiệp về chỉ tiêu được xét. Chuẩn tối ưu về các chỉ tiêu khác nhau là rất khác nhau, có thể là một con số cụ thể (các chỉ tiêu về hệ số thanh toán), hoặc mức độ cao nhất (chỉ số sinh lời) hoặc thấp nhất (chi phí trên đồng doanh thu). Chuẩn tối ưu được lấy làm giá trị tốt nhất khi xem xét và được quy định là 100 điểm khi quy đổi điểm chỉ tiêu. Trong hầu hết các trường hợp, chuẩn tối ưu nằm ở điểm cao nhất (max) hoặc điểm thấp nhất (min) của khoảng xét điểm; Tuy nhiên, trong một số trường hợp khác, như đối với các chỉ số thanh toán, chuẩn tối ưu không nằm ở hai điểm này, mà nằm trong khoảng xét điểm. Nguyên tắc chung, doanh nghiệp

có kết quả tính được về chỉ tiêu càng gần chuẩn tối ưu, điểm chỉ tiêu càng cao, càng xa chuẩn tối ưu điểm chỉ tiêu càng thấp.

Chuẩn tối ưu = Giá trị min *hoặc* Giá trị max *hoặc* Giá trị cụ thể = 100 điểm.

Mức quy điểm là mức giá trị tính được về một chỉ tiêu quy đổi tương ứng với 1 điểm trong thang điểm chỉ tiêu 100 điểm (số giá trị chỉ tiêu tương ứng với 1 điểm trong thang đo). Mức quy điểm được xác định bằng cách quy đổi khoảng xét điểm thực tế thành 100 điểm.

$$Mức quy điểm = \frac{100}{[\text{Khoảng xét điểm}]}$$

Đối với những trường hợp chuẩn tối ưu không nằm ở hai điểm cao nhất (max) hay thấp nhất (min), mà nằm trong khoảng xét điểm, mức quy điểm là khác nhau theo hai hướng do ý nghĩa khoảng cách về hai phía đối với chuẩn tối ưu là khác nhau. Ví dụ đối với chỉ số thanh toán nhanh, chuẩn tối ưu được lấy là một (=1), các giá trị càng xa chuẩn tối ưu thể hiện doanh nghiệp ở thế bất lợi hơn, nhưng mức độ lại khác nhau. Một mức chênh lệch giá trị về phía thấp hơn so với chuẩn tối ưu (<1) thể hiện mức độ "nghiêm trọng" lớn hơn so với mức chênh lệch giá trị tương tự nhưng về phía cao hơn so với chuẩn tối ưu (>1). Vì vậy, một *hệ số tầm quan trọng* được sử dụng để phân biệt tình trạng này khi tính mức điểm cho cùng mức chênh lệch theo hai hướng khác nhau.

$$Mức quy điểm = \frac{100}{[\text{Khoảng xét điểm}]} x \text{hệ số tầm quan trọng} = 1 \text{ điểm}$$

Điểm chỉ tiêu là điểm quy đổi cho doanh nghiệp về một chỉ tiêu căn cứ vào chuẩn tối ưu, theo mức quy điểm. Điểm chỉ tiêu cho doanh nghiệp được xác định bằng cách xác định "vị trí" của doanh nghiệp về chỉ tiêu đó so với chuẩn tối ưu. Điểm chỉ tiêu của doanh nghiệp cho biết "khoảng cách" của doanh nghiệp đến doanh nghiệp tốt nhất (chuẩn tối ưu).

Điểm chỉ tiêu = (Giá trị chỉ tiêu doanh nghiệp – Giá trị kém nhất) x Mức quy điểm

hay

$$\text{Điểm chỉ tiêu} = \left[1 - \frac{(\text{Chuẩn tối ưu} - \text{Giá trị chỉ tiêu doanh nghiệp})}{[\text{Khoảng xét điểm}]}\right] x\ 100$$

Cách tính điểm chỉ tiêu như vậy cho biết số điểm tương ứng của doanh nghiệp theo giá trị chỉ tiêu khi đem so sánh với giá trị chỉ tiêu tương ứng của doanh nghiệp có điểm tốt nhất (chuẩn tối ưu).

Điểm chỉ số là điểm cộng dồn của các điểm chỉ tiêu liên quan. Tùy thuộc vào từng trường hợp, điểm chỉ số có thể bao gồm nhiều điểm chỉ tiêu, ví dụ như điểm chỉ số thanh toán gồm 3 điểm chỉ tiêu, điểm chỉ số hoạt động gồm 6 điểm chỉ tiêu, điểm hệ số đòn bẩy gồm 5 điểm chỉ

tiêu, điểm hệ số sinh lời gồm 5 điểm chỉ tiêu, trong khi điểm hệ số bảo toàn vốn và điểm doanh thu chỉ gồm 1 điểm chỉ tiêu. Sáu điểm chỉ số này được sử dụng làm căn cứ để so sánh giữa các doanh nghiệp.

$$\text{Điểm chỉ số} = \sum \text{Điểm chỉ tiêu}$$

Tổng điểm các chỉ số là điểm cộng dồn 6 điểm chỉ số. Cũng theo nguyên tắc đã nêu, lấy các giá trị điểm *max* và điểm *min* làm "khung điểm chuẩn tối ưu" từ "1" đến "10", trong đó giá trị điểm max là được tính là "10" và giá trị điểm min được tính là "1", để quy đồng tất cả tổng điểm chỉ số về thang điểm chung đơn giản hơn.

$$\text{Điểm chỉ số năng lực} = \left[1 - \frac{(\text{Chuẩn tối ưu} - \text{Giá trị chỉ tiêu doanh nghiệp})}{[\text{Khoảng xét điểm}]}\right] x\ 100$$

Các kết quả tính được được sử dụng làm căn cứ để tổng hợp, so sánh và phân tích tiếp theo. Một số nguyên tắc tương tự về phương pháp tính có thể tìm thấy trong phương pháp được áp dụng trong các báo cáo của WEF và GII.

ĐỐI TƯỢNG DOANH NGHIỆP VÀ NGUỒN SỐ LIỆU

Việc nghiên cứu được kỳ vọng sẽ được áp dụng ở phạm vi rộng với số lượng không giới hạn các doanh nghiệp. Trong khuôn khổ nghiên cứu giới hạn của Báo cáo, việc lựa chọn đối tượng nghiên cứu tập trung vào nhóm các doanh nghiệp tương đối điển hình, theo kinh nghiệm, là các doanh nghiệp niêm yết trên các sàn chứng khoán chính thức. Các doanh nghiệp này được lấy làm "mẫu" tiêu biểu để nghiên cứu đại diện cho nhóm doanh nghiệp/ngành đồng thời cũng để làm mẫu 'định chuẩn' (bench-mark).

Doanh nghiệp tiêu biểu được chọn để nghiên cứu trong Báo cáo là các đơn vị đã niêm yết trên 3 sàn chứng khoán HNX, HOSE và UPCOM của Việt Nam.Việc lựa chọn các doanh nghiệp trên các sàn chứng khoán này không chỉ là cách làm theo truyền thống đã được kiểm chứng bằng kinh nghiệm quốc tế (xem S&P 500 hay Fortune 500), mà còn xuất phát từ thực tế đó là nơi tập trung các doanh nghiệp có thể đại diện cho các ngành kinh tế và là nơi được các nhà phân tích coi là "phong vũ biểu" của nền kinh tế. Thực tế cho thấy những doanh nghiệp niêm yết thường là những doanh nghiệp rất ý thức được về sự hiện diện của họ trước công chúng và các nhà đầu tư và vì vậy họ luôn rất nghiêm túc và chuẩn bị kỹ lưỡng trong hoạt động kinh doanh và tài chính của mình. Việc lựa chọn các doanh nghiệp niêm yết để nghiên cứu với tư cách là các đại diện tiêu biểu cho các doanh nghiệp trong một ngành/nhóm ngành là hoàn toàn xứng đáng và phù hợp cho mục đích này.

SỬ DỤNG KẾT QUẢ

So sánh giữa các doanh nghiệp được tiến hành đối với từng chỉ tiêu và cũng như tổng số điểm của các chỉ tiêu. Việc so sánh được tiến hành theo từng chỉ tiêu và trên tất cả các chỉ

tiêu đồng thời (theo tổng điểm các điểm chỉ tiêu). Doanh nghiệp có điểm chỉ tiêu hay tổng điểm cao hơn, được xếp ở vị trí cao hơn, doanh nghiệp có điểm hay tổng điểm cao nhất được xếp ở vị trí trên cùng. Việc so sánh cũng được tiến hành giữa các doanh nghiệp trong cùng nhóm ngành, cũng như với tất cả các doanh nghiệp thuộc các nhóm ngành khác. Vị trí của doanh nghiệp được ghi nhận bằng số thứ tự trong thứ hạng của doanh nghiệp trong nhóm ngành (thứ hạng nhóm) hay khi so sánh với tất cả các nhóm ngành (thứ hạng tổng). Cách so sánh "chéo" có thể cung cấp những thông tin hữu ích về "vị trí" tương đối của doanh nghiệp hay một ngành so với các doanh nghiệp thuộc các ngành khác của nền kinh tế. Việc so sánh chéo giữa các ngành được tiến hành bằng cách so sánh tổng điểm các chỉ tiêu không sử dụng trọng số là có chủ ý nhằm hạn chế đến mức tối đa sự can thiệp chủ quan vào kết quả tính điểm cho doanh nghiệp. Trong thực tiễn, ý nghĩa của các chỉ số có thể khác nhau đối với các doanh nghiệp thuộc các ngành khác nhau cũng như đối với mục đích sử dụng khác nhau. Thực tế này có thể và cần được các nhà phân tích, nghiên cứu tính đến khi sử dụng số liệu trong Báo cáo này vào việc ra quyết định, hoạch định và quản lý.

Kết quả nghiên cứu về các doanh nghiệp tiêu biểu có thể sử dụng làm các tiêu chí 'định chuẩn' để đánh giá và xác định các chỉ số năng lực quản trị tài chính cho các doanh nghiệp chưa niêm yết hoặc không niêm yết. Tính 'định chuẩn' của các chỉ báo không đồng nghĩa với "mức tốt nhất" hay "mức tối ưu", mà mang ý nghĩa là các "mức tham chiếu đáng tin cậy". Các chỉ số này cung cấp một căn cứ cho phép so sánh đối chiếu (bench-marking) các Chỉ số tài chính tương đương của các doanh nghiệp chưa/không niêm yết với nhóm doanh nghiệp niêm yết tương tự và các chỉ số năng lực tài chính khác, ví dụ như 'chỉ số khả năng vốn hóa thị trường'.

BIỂU DIỄN KẾT QUẢ

Kết quả tính được biểu diễn dưới nhiều hình thức khác nhau để tiện cho người sử dụng và với những mục đích nhất định.

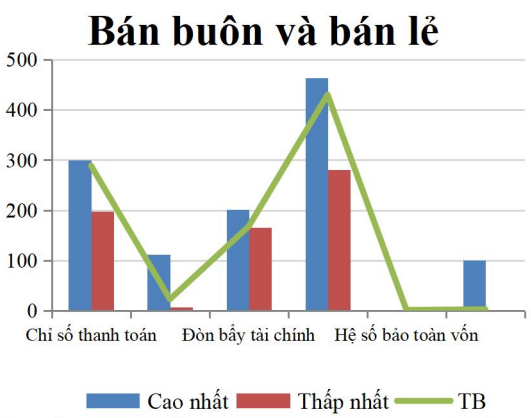
Tình trạng hoạt động tài chính của doanh nghiệp trong một ngành được thể hiện bằng các chỉ số thực và chỉ số quy điểm. Các chỉ số này được trình bày bằng các bảng số liệu, theo hình thức truyền thống. Biểu diễn các *chỉ số thực* nhằm cung cấp cho người sử dụng những thông tin thực tế về hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ số tài chính tính được từ các thông tin trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của doanh nghiệp. Đây có thể được coi là số liệu "gốc" về hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Các *chỉ số quy điểm*, hay điểm chỉ số và điểm tổng các chỉ số, của doanh nghiệp là các thể hiện cho phép có thể tổng hợp giữa các chỉ tiêu, so sánh giữa các doanh nghiệp/ngành khác nhau. Qua đó có thể xác định vị thế tương đối của doanh nghiệp trong một ngành và/hay trong tổng thể các doanh nghiệp được nghiên cứu. Vị thế này được thể hiện qua vị trí thứ hạng của doanh nghiệp trong nhóm doanh nghiệp, ngành và toàn bộ. Cần lưu ý, thứ hạng doanh nghiệp là vị trí tương đối xét theo chỉ số kết quả

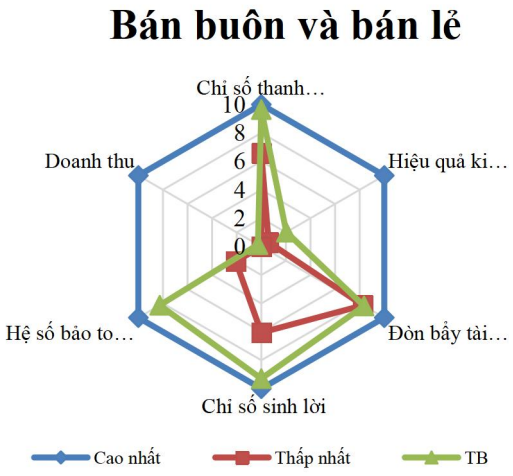
tài chính trong một năm, chỉ phản ánh trạng thái của 1 năm, điều này có thể không có nhiều ý nghĩa với những ngành/doanh nghiệp có chu kỳ tài chính dài hơn 1 năm. Khi đó, những thay đổi ở khoảng thời gian dài hơn, được thể hiện qua xu thế "*tốt lên*" hay "*yếu đi*" khi so sánh sự biến động của chỉ số giữa 2 năm liên tiếp hoặc nhiều năm liên tiếp, sẽ là căn cứ đáng tin cậy hơn khi đưa ra nhận xét về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP					
		Tổng điểm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2024	*2025*	*2024*	*2025*	*2024*	*2025*
1	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1,076.36	858.14	1	6	8	38

TT	TÊN CÔNG TY	1, Chỉ số thanh toán			2, Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3, Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	0.05	-0.03	-0.10	-3.38	4.03	0.49	0.11	2.00	0.02	0.33	-2.43
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*

Cách biểu diễn bằng biểu đồ cung cấp cho người sử dụng có cách nhìn trực quan hơn về các chỉ số của doanh nghiệp (xét theo điểm chỉ số) khi so sánh với doanh nghiệp có điểm chỉ số tốt nhất (cao nhất), trung bình và kém nhất (thấp nhất). Đây là các điểm chỉ số cao nhất, trung bình, thấp nhất của các doanh nghiệp trong tất cả các ngành.





Cách biểu diễn bằng sơ đồ dưới các hình thức đồ thị đường thẳng có thể giúp người sử dụng so sánh một doanh nghiệp với ba mức cao nhất nhất, trung bình và thấp nhất, trên tất cả 6 chỉ tiêu đồng thời. Đường cao nhất, trung bình và thấp nhất tương ứng với các doanh nghiệp "ảo": (i) cao nhất ứng với trường hợp "lý tưởng" gồm tất cả các chỉ số tốt nhất trong mọi ngành, (ii) trung bình ứng với trường hợp gồm tất cả các chỉ số trung bình trong mọi ngành, và (iii) thấp nhất ứng với trường hợp gồm tất cả các chỉ số tồi nhất trong mọi ngành. Đây là những "doanh nghiệp đối chuẩn" (bench-marking).

Một cách biểu diễn khác bằng sơ đồ dưới các hình thức đồ thị ra-đa có thể giúp người sử dụng có cách nhìn trực quan rõ hơn về tình trạng cân đối của các chỉ số của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp đối chuẩn.

Báo cáo *thường niên* năm 2025 cung cấp một bức tranh tổng quát về tình trạng năng lực hoạt động tài chính của từng ngành trong số 26 ngành, được thể hiện dưới hình thức các chỉ số tài chính, gồm 21 chỉ số thành phần chia thành 6 nhóm, được tổng hợp từ việc phân tích các chỉ số này của tất cả các doanh nghiệp (niêm yết) trong ngành, rút ra từ các báo cáo tài chính được kiểm toán. Ngoài các bảng số liệu, cách thể hiện bằng các biểu đồ và sơ đồ trực quan có chủ đích nhằm cô đọng thông tin, và giúp người đọc có ngay được cái nhìn tổng quan về tình trạng năng lực hoạt động và quản trị tài chính của ngành và doanh nghiệp trong ngành. Mức độ cải thiện và hiệu lực của các biện pháp quản trị cũng có thể được nhận diện thông qua những biến động "tốt lên" hay "yếu đi" của các chỉ số được so sánh trong 2 năm liên tiếp. Dù không phản ánh được những biến động tức thời của giá cổ phiếu, thông tin trong báo cáo vẫn có thể giúp chỉ ra tình trạng vững chắc về tài chính của doanh nghiệp cho các nhà đầu tư chứng khoán và hướng sự chú ý vào việc đầu tư lâu dài. Một phần do khuôn khổ hạn chế của báo cáo, một phần để đảm bảo tính riêng tư về thông tin doanh nghiệp, ngoài phần tổng hợp, Báo cáo chỉ chọn doanh nghiệp đứng đầu ngành để giới thiệu đại diện.[1]

NỘI DUNG BÁO CÁO CHỈ SỐ KINH DOANH - NĂNG LỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP *NĂM 2025*

Báo cáo Chỉ số kinh doanh 2025 gồm 5 phần chính.

Phần I, *Tổng quan về phương pháp nghiên cứu*, gồm một bài trình bày về phương pháp nghiên cứu bằng chỉ số do Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp INBUS thực hiện trong Báo cáo. Đây là lần phát hành đầu tiên của Báo cáo năm, việc giới thiệu về phương pháp là điều cần thiết, đặc biệt với phần giới thiệu những công trình nghiên cứu tương tự rất uy tín của các tổ chức quốc tế như *GCI* của WEF, *GII* của INSEAD, *S&P 500* của McGraw-Hill hay *Fortune 500* của tạp chí Fortune, được thực hiện với mục đích giúp khẳng định tính xác thực và hữu dụng của phương pháp và kết quả nghiên cứu. Bài trình bày về thực trạng phát triển doanh nghiệp Việt Nam không chỉ cung cấp cho người đọc thêm thông tin, mà còn nhằm mục đích qua đó thể hiện mong muốn và ý định mở rộng phạm vi nghiên cứu sang các đối tượng rộng hơn bao gồm các doanh nghiệp thuộc mọi đối tượng, lĩnh vực, quy mô trong nền kinh tế.

[1]Các doanh nghiệp khác có nhu cầu, có thể yêu cầu cung cấp thông tin tương tự bằng cách liên lạc trực tiếp với văn phòng chương trình. Các trường hợp khác có thể được tra cứu, tham khảo trong trang web của Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp http://www.inbus.vn.

Phần II, *Các chỉ số và chỉ tiêu đánh giá năng lực hoạt động tài chính của doanh nghiệp*, trình bày kỹ hơn về các chỉ tiêu và chỉ số được áp dụng để nghiên cứu hoạt động tài chính của doanh nghiệp sử dụng các thông tin trong báo cáo tài chính doanh nghiệp của năm. Phần này cũng trình bày về cách thức kết quả nghiên cứu được giới thiệu trong báo cáo, và nội dung, ý nghĩa của các thông tin được thể hiện trong các nội dung này của Báo cáo năm.

Phần III, *Danh sách doanh nghiệp đạt chỉ số tốt nhất và doanh nghiệp có nhiều chỉ số được cải thiện nhất theo từng ngành*, là phần dành để giới thiệu các doanh nghiệp đạt được điểm các chỉ số thành phần và điểm chỉ số tổng hợp cao nhất trong năm của ngành. Kết quả này là những dấu hiệu thể hiện sự nỗ lực và hiệu lực của các quyết định và hoạt động trong năm của doanh nghiệp.

Phần IV, *Tổng hợp năng lực hoạt động tài chính của doanh nghiệp thuộc các ngành*, tổng hợp những đặc điểm đáng chú ý nhất về ngành. Biến động là biểu hiện của thay đổi. Thông qua những biến động của các chỉ số được tổng hợp, Báo cáo cố gắng chỉ ra chiều hướng thay đổi ở các ngành. Phần này của Báo cáo dành một nội dung để trình bày về những thay đổi được ghi nhận là nhiều nhất lớn nhất ở các doanh nghiệp trong ngành, thông qua những biến động về chỉ số trong 2 năm liên tiếp. Để có cái nhìn tổng quát, phần này của Báo cáo cũng dành một nội dung khác để trình bày tình trạng "phân bố" các chỉ số tổng hợp của 26 ngành. Do việc thu thập tư liệu (các báo cáo tài chính của doanh nghiệp) một cách khách quan không phải lúc nào cũng thuận lợi, đầy đủ và kịp thời, danh sách nêu trong Báo cáo được xác định căn cứ vào số doanh nghiệp phù hợp tiêu chí lựa chọn về đối tượng (danh sách được liệt kê) và thông tin (báo cáo tài chính năm có kiểm toán) của các doanh nghiệp này.

Phần V, *Các chỉ số hoạt động tài chính chi tiết của doanh nghiệp trong từng ngành,* trình bày thông tin cụ thể của từng ngành. Những thông tin được trình bày ở phần này mô tả những biến động về số lượng doanh nghiệp của ngành trong một năm, số liệu và chỉ số của doanh nghiệp tiêu biểu, và vị thế của doanh nghiệp tiêu biểu so với ngành, thông qua các chỉ số so sánh.

Qua việc cung cấp dữ liệu chính về các chỉ số tài chính trên được chiết xuất từ các báo cáo tài chính được kiểm toán của doanh nghiệp được xét, việc xử lý bằng cách quy điểm và so sánh còn cho phép chỉ ra chiều hướng và mức độ thay đổi của các chỉ số qua các năm. Hơn thế nữa, so sánh cũng cho phép chỉ ra những doanh nghiệp đạt được mức tốt nhất về một chỉ số nào đó của mỗi ngành trong 26 ngành để tập hợp thành một danh sách CÁC DOANH NGHIỆP ĐẠT CHỈ SỐ TỐT NHẤT – ***the best company***– của ngành.

Cuốn tài liệu này được hoàn thành với sự tham gia và ủng hộ tích cực của nhiều tổ chức, cá nhân. Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự ủng hộ và động viên to lớn của các thành viên Hội đồng điều hành gồm Tạp chí Diễn đàn doanh nghiệp (DĐDN), Viện nghiên cứu và phát triển Doanh nghiệp (INBUS), Hội Kiểm toán, kế toán Việt Nam (VAA), Hội các nhà Quản trị doanh nghiệp Việt Nam (VACD). Chúng tôi trân trọng cám ơn sự động viên và những ý kiến đóng góp quý báu của các thành viên Hội đồng Tham vấn gồm Cục Tài chính Doanh nghiệp (Bộ Tài chính), Cục phát triển Doanh nghiệp (Bộ KH – ĐT), Vụ quản lý phát hành chứng khoán (Ủy ban CKNN), Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, cũng như sự hỗ trợ tích cực của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (HUBT) để có thể ra mắt cuốn Báo cáo này.

Chúng tôi cũng muốn dành những lời cảm ơn chân thành cho ông *Phạm Ngọc Tuấn,* Nguyên Tổng biên tập Tạp chí DĐDN thuộc VCCI và các đồng nghiệp bên Tạp chí DĐDN; *PGS. TS Đặng Văn Thanh*, Chủ tịch Hội Kiểm toán, kế toán Việt Nam và các đồng nghiệp thuộc Tạp chí Kế toán và Kiểm toán; *TS. Hàn Mạnh Tiến*, Chủ tịch Hội các nhà Quản trị doanh nghiệp Việt Nam (VACD) về những ý kiến đóng góp và sự hỗ trợ quý báu trong quá trình biên soạn cuốn Báo cáo.

Chúng tôi muốn dành sự cảm ơn đặc biệt chân thành cho các cá nhân đã đóng góp công sức không nhỏ vào việc hoàn thành bản thảo báo cáo này, đó là *ThS. Nguyễn Phương Thảo*, *ThS. Nguyễn Bình Nguyên, ThS. Nguyễn Lê Thành*, *Nguyễn Lê An*, *Nguyễn Đình Phúc* thuộc Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp (INBUS). Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn các cá nhân, đơn vị đã hỗ trợ tích cực cho việc ra mắt cuốn Báo cáo.

PHẦN II

CÁC CHỈ SỐ VÀ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP

I. Các chỉ số

Năng lực hoạt động tài chính doanh nghiệp được thể hiện qua các chỉ số cơ bản sau đây.

1. Chỉ số thanh toán

Nhóm chỉ tiêu "Chỉ số thanh toán" là nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Nhóm chỉ tiêu này cho biết: với số tài sản hiện có, doanh nghiệp có bảo đảm trang trải được các khoản nợ phải trả hay không. Nếu trị số nhóm chỉ tiêu này của doanh nghiệp ≥ 1, doanh nghiệp bảo đảm được khả năng thanh toán và ngược lại; trị số này < 1, doanh nghiệp không bảo đảm được khả năng trang trải các khoản nợ. Trị số của nhóm chỉ tiêu này càng nhỏ hơn 1, doanh nghiệp càng mất dần khả năng thanh toán. Nhóm chỉ tiêu này thường bao gồm 3 chỉ tiêu: Chỉ số thanh toán tổng quát, chỉ số thanh toán nợ ngắn hạn, chỉ số thanh toán nhanh (Có thể có chỉ số thanh toán tức thời).Ý nghĩa và cách tính các chỉ số này được thể hiện trong bảng sau *(Bảng 4)*.

***Bảng 4:* Các chỉ số thanh toán, cách xác định và ý nghĩa**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức	Ý nghĩa
1.1	Chỉ số thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	Tổng TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Hệ số này cho ta thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp, cho biết tỷ lệ các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp được trả bằng các tài sản tương đương với thời hạn được cho vay các khoản nợ đó
1.2	Chỉ số thanh toán nhanh	Lần	Tổng TS ngắn hạn − Hàng tồn kho/Tổng nợ ngắn hạn	Hệ số này cho biết khả năng đáp ứng việc thanh toán nợ ngắn hạn vì doanh nghiệp dễ dàng chuyển từ tài sản lưu động thành tiền mặt. Hệ số này nói lên việc công ty có khả năng đáp ứng việc thanh toán nợ ngắn hạn vì công ty không gặp khó khăn nào trong việc chuyển từ tài sản lưu động khác về tiền mặt. Hệ số này > 1 thì được đánh giá là an toàn vì công ty có thể trang trải các khoản nợ ngắn hạn mà không cần đến các nguồn thu hay doanh số bán. Đây là hệ số phản ánh sự chắc chắn nhất khả năng của công ty đáp ứng nghĩa vụ nợ hiện thời. Hệ số này càng cao thì càng được đánh giá tốt.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức	Ý nghĩa
1.3	Chỉ số thanh toán tức thời	Lần	Tiền và tương đương tiền/Tổng nợ ngắn hạn	Chỉ số càng cao: doanh nghiệp có lượng tiền mặt và tài sản có tính thanh khoản rất cao lớn so với nợ ngắn hạn → khả năng đáp ứng nghĩa vụ thanh toán tức thời tốt, rủi ro thanh khoản thấp hơn. Chỉ số thấp: lượng tiền sẵn có không đủ để trang trải nợ ngắn hạn nếu các khoản nợ đồng thời đến hạn → rủi ro thanh khoản cao hơn. Chỉ số < 1: tiền và tương đương tiền không đủ để thanh toán toàn bộ nợ ngắn hạn. Tuy nhiên, điều này không đồng nghĩa doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, vì doanh nghiệp còn có thể sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho hoặc các tài sản ngắn hạn khác.

2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh

Nhóm chỉ tiêu này cho chúng ta biết trình độ sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp có đạt kết quả cao nhất với chi phí bỏ ra là ít nhất hay không. Trị số các chỉ tiêu này càng cao thì trình độ sử dụng vốn (tài sản) của doanh nghiệp càng cao và ngược lại. Nhóm chỉ tiêu này gồm 5 chỉ tiêu, cụ thể cách tính và ý nghĩa được trình bày trong bảng sau, *(Bảng 5)*.

Bảng 5: **Các chỉ số hiệu quả kinh doanh, cách xác định và ý nghĩa**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức	Ý nghĩa
2.1	Số vòng quay các khoản phải thu ngắn hạn	Vòng	DTT/Phải thu ngắn hạn bq	Phản ánh tốc độ luân chuyển các khoản phải thu thành tiền mặt. Vòng quay càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu ngắn nhanh và ngược lại
2.2	Số vòng quay hàng tồn kho	Vòng	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ. Chỉ số này càng cao càng được đánh giá là tốt vì tiền đầu tư cho hàng tồn kho thấp mà vẫn đạt hiệu quả cao tránh được tình trạng ứ đọng vốn. Nếu chỉ số này thấp chứng tỏ hàng tồn kho nhiều, sản phẩm không tiêu thụ được. Ngoài ra, chỉ tiêu này cũng phụ thuộc vào lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức	Ý nghĩa
2.3	Hiệu suất sử dụng TSCĐ	đồng	Doanh thu thuần/Tài sản cố định bình quân	Chỉ tiêu này để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định có nghĩa là khi đầu tư trung bình một đồng vốn cố định thì tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu thuần.
2.4	Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản	đồng	Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	Chỉ tiêu này cho nhà đầu tư thấy cứ 1 đồng vốn sử dụng bình quân tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu thuần hay vốn của doanh nghiệp trong kỳ quay được bao nhiêu vòng.
2.5	Hiệu suất sử dụng vốn	đồng	Doanh thu thuần/Vốn đầu tư của CSH	Chỉ tiêu này cho nhà đầu tư thấy cứ 1 đồng vốn đầu tư CSH sử dụng bình quân tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu thuần

3. Chỉ số đòn bẩy tài chính

Nhóm chỉ tiêu này phản ánh tính trạng nợ hiện thời của doanh nghiệp có tác động đến nguồn vốn hoạt động và luồng thu nhập thông qua chi trả vốn vay và lãi suất khi đáo hạn. Tình trạng nợ của doanh nghiệp thể hiện qua hệ số nợ, hệ số thu nhập trả lãi định kỳ, hệ số trang trải chung. Cụ thể về cách tính và ý nghĩa được trình bày trong bảng sau *(Bảng 6)*.

Bảng 6: **Các chỉ số đòn bẩy tài chính, cách xác định và ý nghĩa**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức	Ý nghĩa
3.1	Hệ số nợ trên tài sản		Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Hệ số này cho biết cứ sử dụng một đồng vốn kinh doanh thì có bao nhiêu đồng vay nợ
3.2	Hệ số nợ trên vốn cổ phần		Tổng nợ phải trả/Vốn đầu tư của CSH	Tỷ lệ nợ phải trả so với VCSH (Vốn đi chiếm dụng so với vốn tự có - thể hiện tình hình đảm bảo tài chính, an ninh tài chính)
3.3	Khả năng thanh toán lãi vay (Times interest earned Ratio)	Lần	Lãi trước thuế+Chi phí lãi vay/Chi phí lãi vay	Tỷ lệ lãi trước thuế + lãi vay so với lãi vay (Càng lớn hơn 1 càng tốt)

4. Hệ số lợi nhuận

Với các nhà đầu tư thì nhóm chỉ tiêu này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng vì nó gắn liền với lợi ích kinh tế của nhà đầu tư. Nó đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của một kỳ và là

căn cứ để nhà đầu tư đưa ra các quyết định trong tương lai. Hệ số này cho biết mức độ hiệu quả khi sử dụng các yếu tố đầu vào trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Hệ số lợi nhuận cao có nghĩa là quản lý chi phí có hiệu quả hay nghĩa là doanh thu tăng nhanh hơn chi phí hoạt động, điều đó rất có lợi cho quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Hệ số lợi nhuận ròng phản ánh khoản thu nhập ròng của một công ty so với doanh thu của nó. Trên thực tế mức lợi nhuận ròng giữa các ngành là khác nhau, còn trong bản thân 1 ngành thì công ty nào quản lý và sử dụng yếu tố đầu vào tốt hơn thì sẽ có hệ số lợi nhuận cao hơn.

Hiện nay, trong phân tích cơ bản một cổ phiếu, nhóm chỉ số này hầu như không thể thiếu. Cụ thể về cách tính và ý nghĩa được trình bày trong bảng sau *(Bảng 7).*

Bảng 7: **Các hệ số lợi nhuận, cách xác định và ý nghĩa**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức	Ý nghĩa
4.1	Chi phí trên 1000 đồng doanh thu	đồng	(Giá vốn+ Chi phí bán hàng+ Chi phí quản lý DN+Chi phí lãi vay)/1000 đ Doanh thu	Hệ số này đo lường hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, cho biết mỗi 1.000 đồng doanh thu tạo ra thì tốn bao nhiêu đồng chi phí. Giá trị này càng thấp càng tốt, phản ánh doanh nghiệp quản lý chi phí hiệu quả, tạo ra lợi nhuận cao hơn từ cùng một mức doanh thu.
4.2	Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu	%	(Doanh thu thuần- Giá vốn)/Doanh thu thuần	Hệ số này cho biết lợi nhuận gộp mà doanh nghiệp thu được từ mỗi đồng doanh thu thuần, sau khi trừ đi giá vốn hàng bán. Chỉ số này đánh giá khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, hiệu quả kiểm soát chi phí sản xuất và định giá sản phẩm, làm cơ sở để so sánh hiệu quả giữa các doanh nghiệp cùng ngành, và thu hút nhà đầu tư, đồng thời hỗ trợ nhà quản trị xây dựng chiến lược giá và phát triển bền vững.
4.3	Tỷ suất lợi nhuận hoạt động trên doanh thu	%	(Lãi gộp-Chi phí bán hàng- Chi phí quản lý)/Doanh thu thuần	Hệ số này cho biết bao nhiêu phần trăm doanh thu được chuyển hóa thành lợi nhuận sau khi trừ giá vốn hàng bán và chi phí hoạt động. Tỷ lệ này phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng quản lý chi phí của doanh nghiệp. Một tỷ suất cao hơn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức	Ý nghĩa
				cho thấy doanh nghiệp kiểm soát chi phí tốt hơn, có lợi thế cạnh tranh và khả năng sinh lời bền vững hơn.
4.4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Hệ số này phản ánh khoản thu nhập sau thuế của một doanh nghiệp so với doanh thu của nó. Hệ số này càng cao thì càng tốt vì nó phản ánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
4.5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA ròng)	%	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản là hệ số tổng hợp được dùng để đánh giá khả năng sinh lời của một đồng vốn đầu tư. Chỉ số này cho biết cứ một đồng tài sản thì doanh nghiệp sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận và đồng thời chỉ số này cũng đánh giá hiệu suất sử dụng tài sản của doanh nghiệp.Hệ số này càng cao thì cổ phiếu càng có sức hấp dẫn hơn vì hệ số này cho biết khả năng sinh lời từ chính nguồn tài sản hoạt động của doanh nghiệp.
4.6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần bình quân (ROE ròng)	%	Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư CSH	Hệ số này cho biết một đồng vốn tự có tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận. ROE càng cao thì khả năng cạnh tranh của một doanh nghiệp càng mạnh và cổ phiếu của doanh nghiệp càng hấp dẫn.
4.7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	đồng	(LNST - Cổ tức cho cổ phần ưu đãi)/Số cổ phiếu thường bq	Chỉ số này cho biết nhà đầu tư sẽ được hưởng lợi nhuận trên mỗi cổ phần mà họ đang nắm giữ là bao nhiêu. Chỉ số này càng cao thì càng được đánh giá tốt vì đấy chính là khoản thu nhập nhà đầu tư có được khi đầu tư vào mỗi cổ phiếu.
4.8	Mức tăng lợi nhuận sau thuế tuyệt đối	đồng	Lợi nhuận sau thuế	Kết quả lợi nhuận sau thuế doanh nghiệp đạt được (Phản ánh lãi hay lỗ)

5. Hệ số bảo toàn vốn

Bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh đối với các doanh nghiệp là nội dung quan trọng. Điều này tạo ra sự chủ động cho doanh nghiệp trong quá trình sử dụng vốn phục vụ

cho hoạt động sản xuất kinh doanh,đồng thời gắn trách nhiệm của doanh nghiệp đối với việc bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Nếu chỉ số này >1, doanh nghiệp bảo toàn được vốn. Nếu chỉ số này <1, doanh nghiệp mất vốn.

Cách tính và ý nghĩa được trình bày trong bảng sau *(Bảng 8)*.

Bảng 8: **Hệ số bảo toàn vốn, cách xác định và ý nghĩa**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức	Ý nghĩa
5.1	Hệ số bảo toàn vốn	lần	Vốn CSH/Vốn đầu tư CSH	Hệ số này đo lường mức độ ổn định và an toàn tài chính của một doanh nghiệp, cho biết khả năng sử dụng vốn chủ sở hữu để tài trợ hoạt động kinh doanh. Hệ số này càng cao càng cho thấy doanh nghiệp có sự ổn định, ít phụ thuộc vào vốn vay, trong khi hệ số thấp cho thấy sự phụ thuộc nhiều vào vốn vay và có thể gặp rủi ro tài chính cao.

6. Doanh thu

Doanh thu là thước đo hiệu quả kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp, phản ánh tổng giá trị tiền thu được từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, là cơ sở để đánh giá quy mô hoạt động và là nguồn vốn cho tái đầu tư, phát triển trong tương lai. Doanh thu giúp doanh nghiệp xác định khả năng tài chính, đánh giá mức độ cạnh tranh, đồng thời là nền tảng để tính toán lợi nhuận và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. Tính điểm, so sánh và biểu diễn kết quả

1. Phương pháp tính điểm

Trong hoạt động thực tế, mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng. Số liệu về doanh nghiệp ở một thời điểm chỉ phản ánh một cách tương đối thực trạng hoạt động và năng lực của doanh nghiệp. Việc so sánh giữa các doanh nghiệp với nhau có thể giúp các nhà quản lý, phân tích, đầu tư, nghiên cứu, và hoạch định chính sách có cái nhìn tổng quát, tương quan về hoạt động của doanh nghiệp.

Tương tự, việc so sánh, xếp thứ hạng doanh nghiệp không thể giúp khẳng định doanh nghiệp "tốt" hay "xấu". Mặc dù vậy, việc xếp hạng cũng giúp ích trong việc cho biết "khoảng cách" giữa các doanh nghiệp về một phương diện (chỉ số) nào đó. Điều này càng trở nên có ý

nghĩa khi xét đến "khoảng cách" về chỉ số của doanh nghiệp so với mức "chuẩn tối ưu" (lý tưởng) về chỉ số. Doanh nghiệp càng gần mức "chuẩn tối ưu" về một chỉ số nào đó càng "an toàn", càng xa "chuẩn tối ưu" càng "nguy hiểm" về phương diện xét đến. Doanh nghiệp có mức điểm gần với "chuẩn tối ưu" sẽ được xếp ở thứ hạng cao hơn, vì vậy, vị trí xếp hạng cao hơn sẽ đồng nghĩa với vị thế an toàn hơn về phương diện được xét. Sự chênh lệch về mức độ "an toàn" hay "nguy hiểm" được biểu thị bằng các khoảng cách về con số.

Năng lực hoạt động tài chính của doanh nghiệp được phản ánh thông qua 5 chỉ số cơ bản đã trình bày trên, và doanh số (chỉ số thứ 6) của doanh nghiệp để cung cấp cho người đọc cả cái nhìn tương đối khi so sánh các chỉ số (5 chỉ số đầu) và cái nhìn tuyệt đối (chỉ số doanh thu) về quy mô của doanh nghiệp. Do mỗi chỉ số có thể được xác định bởi nhiều chỉ tiêu khác nhau (xem các Bảng 1 – 5), mỗi chỉ tiêu được quy thành điểm và được tổng hợp thành *điểm chỉ số* trước khi sử dụng để so sánh giữa các doanh nghiệp khác nhau. Việc quy đổi thành điểm của từng chỉ tiêu (*điểm chỉ tiêu*) được tiến hành bằng cách vận dụng các công thức xác định đối với chỉ tiêu (nêu trong các bảng). Thông tin sử dụng để xác định các chỉ tiêu này được rút ra từ các báo cáo tài chính năm 2024 của doanh nghiệp đã được kiểm toán và đã được công bố chính thức.

2. Nguồn số liệu

Số liệu sử dụng để tính toán được thu thập một cách khách quan không do doanh nghiệp trực tiếp cung cấp mà thông qua các nguồn thông tin đại chúng. Danh sách doanh nghiệp được xác định dựa vào danh sách của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) công bố trên trang web www.ssc.gov.vn. Mức giá giao dịch trên sàn chứng khoán của các doanh nghiệp niêm yết được xác định là mức giá tham chiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) công bố trên trang https://iboard.ssi.com.vn/ trong quý I và II năm 2025. Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được tập hợp từ 2 nguồn: (1) tại trang web của doanh nghiệp, và (2) đăng tải trên trang www.cafef.vn.

3. So sánh kết quả

So sánh giữa các doanh nghiệp được tiến hành đối với từng chỉ tiêu và cũng như tổng số điểm của các chỉ tiêu. Việc so sánh được tiến hành theo từng chỉ tiêu và trên tất cả các chỉ tiêu đồng thời (theo tổng điểm các điểm chỉ tiêu). Doanh nghiệp có điểm chỉ tiêu hay tổng điểm cao hơn, được xếp ở vị trí cao hơn, doanh nghiệp có điểm hay tổng điểm cao nhất được xếp ở vị trí trên cùng. Việc so sánh cũng được tiến hành giữa các doanh nghiệp trong cùng nhóm ngành, cũng như với tất cả các doanh nghiệp thuộc các nhóm ngành khác. Vị trí của doanh nghiệp được ghi nhận bằng số thứ tự trong thứ hạng của doanh nghiệp trong nhóm ngành (thứ hạng nhóm) hay khi so sánh với tất cả các nhóm ngành (thứ hạng tổng). Cách so

sánh "chéo" có thể cung cấp những thông tin hữu ích về "vị trí" tương đối của doanh nghiệp hay một ngành so với các doanh nghiệp thuộc các ngành khác của nền kinh tế. Việc so sánh chéo giữa các ngành được tiến hành bằng cách so sánh tổng điểm các chỉ tiêu không sử dụng trọng số là có chủ ý nhằm hạn chế đến mức tối đa sự can thiệp chủ quan vào kết quả tính điểm cho doanh nghiệp. Trong thực tiễn, ý nghĩa của các chỉ số có thể khác nhau đối với các doanh nghiệp thuộc các ngành khác nhau cũng như đối với mục đích sử dụng khác nhau. Thực tế này có thể và cần được các nhà phân tích, nghiên cứu tính đến khi sử dụng số liệu trong Báo cáo này vào việc ra quyết định, hoạch định và quản lý.

4. Biểu diễn kết quả

Kết quả tính được biểu diễn dưới nhiều hình thức khác nhau để tiện cho người sử dụng và với những mục đích nhất định. Hình thức biểu diễn chủ yếu các kết quả tính được là dưới dạng bảng số liệu và sơ đồ. Ngoài hai hình thức biểu diễn cơ bản này, kết quả tính được còn được biểu diễn dưới hình thức tư liệu điện tử với nhiều tiện ích rất lớn.

Hình thức biểu diễn *các chỉ số* nhằm cung cấp cho người sử dụng những thông tin thực tế về hoạt động của doanh nghiệp thông qua các. BẢNG A: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH cung cấp các chỉ số tài chính hai năm, 2024 ở Bảng A.1 và 2025 ở Bảng A.2, cho tất cả doanh nghiệp trong từng nhóm ngành. Các số liệu này được tính trên cơ sở các thông tin trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của các doanh nghiệp. Đây có thể được coi là số liệu "gốc" về hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Sự thay đổi về kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp giữa hai năm (2025 so với 2024) được thể hiện trong Bảng A.3. Tuỳ theo chiều hướng thay đổi so với mức chỉ tiêu tối ưu của từng tiêu chí mà tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp xét trên từng phương diện (tiêu chí) cụ thể được ghi nhận là "cải thiện" nếu sự thay đổi là tiến gần hơn đến mức chỉ tiêu tối ưu, hoặc "xấu đi" nếu có sự thay đổi theo hướng rời xa mức chỉ tiêu tối ưu của tiêu chí.

BẢNG B: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUY ĐIỂM cung cấp số liệu về các giá trị quy đổi thành điểm (quy điểm) của các chỉ số tài chính cho doanh nghiệp trong từng ngành. Các doanh nghiệp được phân nhóm: nhóm các doanh nghiệp đạt 2 tiêu chí – nhóm 1 (giá cổ phiếu >10.000 đ/cp và chỉ số EPS>15%) và nhóm các doanh nghiệp chỉ đạt 1 tiêu chí– nhóm 2 (giá cổ phiếu). Các điểm chỉ số được cung cấp cho 2 năm để tiện cho việc so sánh đồng thời tiện cho việc xác định sự thay đổi vị trí của doanh nghiệp: chuyển từ nhóm này sang nhóm khác, và vị trí thứ hạng trong tổng số. Điểm chỉ số và điểm tổng các chỉ số của doanh nghiệp được biểu diễn trong những cột khác nhau trong các bảng B (điểm thành phần) và bảng C (điểm tổng) nhằm cung cấp số điểm quy đổi cho các chỉ tiêu, theo phương pháp đã được mô tả ở phần trên, cho từng doanh nghiệp phục vụ cho việc so sánh giữa các doanh nghiệp trong

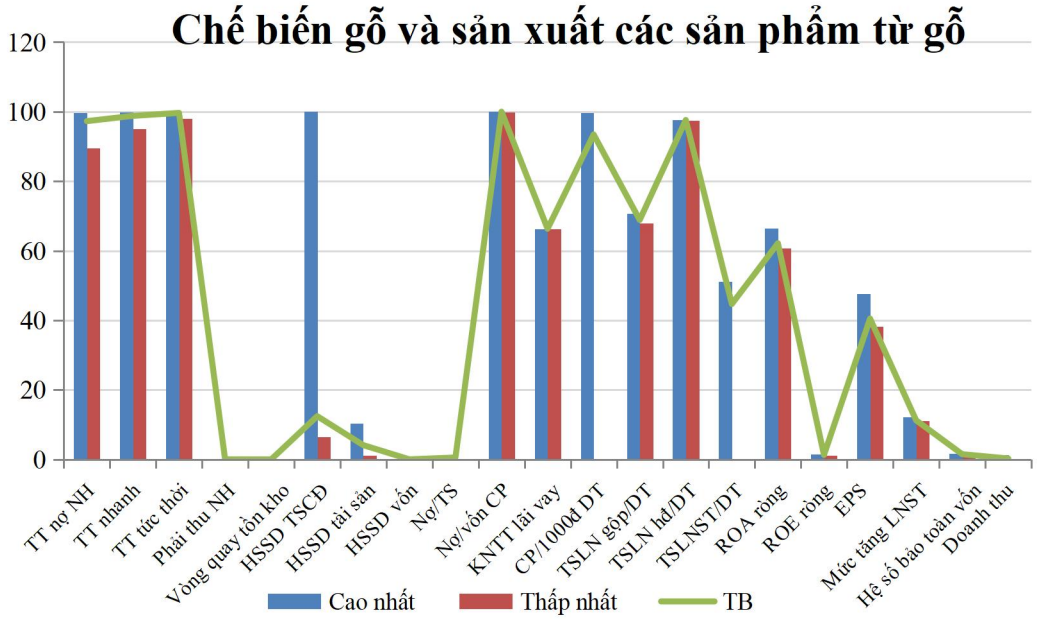
cùng ngành hoặc thuộc các ngành khác nhau.Doanh nghiệp trong bảng được xếp theo thứ tự bắt đầu từ nhóm các doanh nghiệp chuyển hạng (từ đạt tiêu ít tiêu chí lên nhóm nhiều hơn hay cao hơn), đến nhóm giữ hạng (xuất hiện trong cả 2 năm) và cuối cùng là nhóm xuống hạng (không đạt tiêu chí nào).

BẢNG C: THAY ĐỔI VỊ TRÍ THỨ HẠNG THEO ĐIỂM cho biết sự thay đổi về thứ tự xếp hạng của doanh nghiệp trong tổng số và trong từng nhóm. Vị trí tương đối của doanh nghiệp được xác định dựa vào việc so sánh tổng điểm từng chỉ số và tổng điểm tất cả các chỉ số giữa các doanh nghiệp trong một nhóm (thứ hạng trong nhóm) hoặc tất cả các doanh nghiệp ở tất cả các ngành (thứ hạng trong tổng số). Vị trí của doanh nghiệp được thể hiện ở các cột về thứ hạng trong nhóm và thứ hạng tổng cho từng năm.Việc so sánh thứ hạng doanh nghiệp được xét theo điểm quy đổi cho các doanh nghiệp. Do đó, thứ hạng của một doanh nghiệp có thể thay đổi ngay cả khi kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không khác nhiều so với năm trước, bởi có sự thay đổi về số lượng doanh nghiệp trong nhóm (chuyển từ nhóm này sang nhóm khác, doanh nghiệp năm trước mới tham gia…) hay tổng số doanh nghiệp của năm. Sự thay đổi vị trí, thứ hạng cho biết mức độ hiệu quả trong hoạt động của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp cùng nhóm chỉ tiêu, ngành hay các doanh nghiệp thuộc các ngành khác nhau. Vị trí được cải thiện (tăng bậc) đồng nghĩa với việc doanh nghiệp hoạt động tương đối hiệu quả hơn so với các doanh nghiệp cùng nhóm chỉ tiêu, cùng ngành hay với các doanh nghiệp thuộc các ngành khác; tình trạng (giảm bậc) mang ý nghĩa ngược lại.

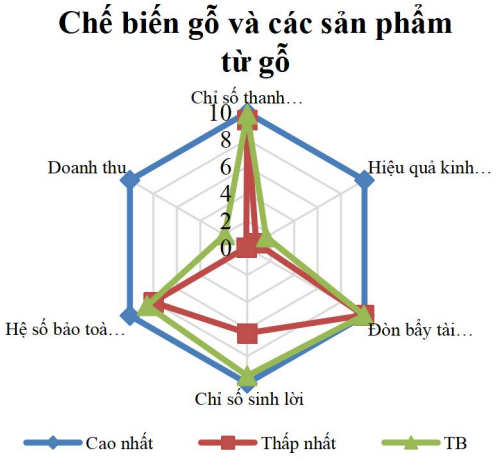
Cách biểu diễn bằng *biểu đồ* cung cấp cho người sử dụng có cách nhìn trực quan hơn về các chỉ số của doanh nghiệp (xét theo điểm chỉ số) khi so sánh với doanh nghiệp có điểm chỉ số tốt nhất (cao nhất), trung bình và kém nhất (thấp nhất). Đây là các điểm chỉ số cao nhất, trung bình, thấp nhất của các doanh nghiệp xét trong tất cả các ngành.

Sơ đồ là những cột thể hiện 2 mức: cao nhất và thấp nhất, trên tất cả 6 chỉ tiêu đồng thời. Đây là đường biểu diễn các chỉ số của các doanh nghiệp "ảo": (i) cao nhất ứng với trường hợp "lý tưởng" gồm tất cả các chỉ số tốt nhất trong ngành và (iii) thấp nhất ứng với trường hợp gồm tất cả các chỉ số tồi nhất trong ngành. Một đường thể hiện mức trung hình được xác định từ giá trị trung bình (average) của các doanh nghiệp trong ngành về 6 chỉ tiêu này. Đây có thể được coi là những "chuẩn đối sánh" (bench-marking) để "đo lường" tình trạng hoạt động tài chính của từng doanh nghiệp cụ thể trong ngành.

Giải trình chi tiết các chỉ số của doanh nghiệp trong ngành được cung cấp trong một nhóm sơ đồ khác để tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu, phân tích, so sánh, đánh giá về đặc điểm hoạt động tài chính của doanh nghiệp trong ngành, và so tương quan với các ngành khác.

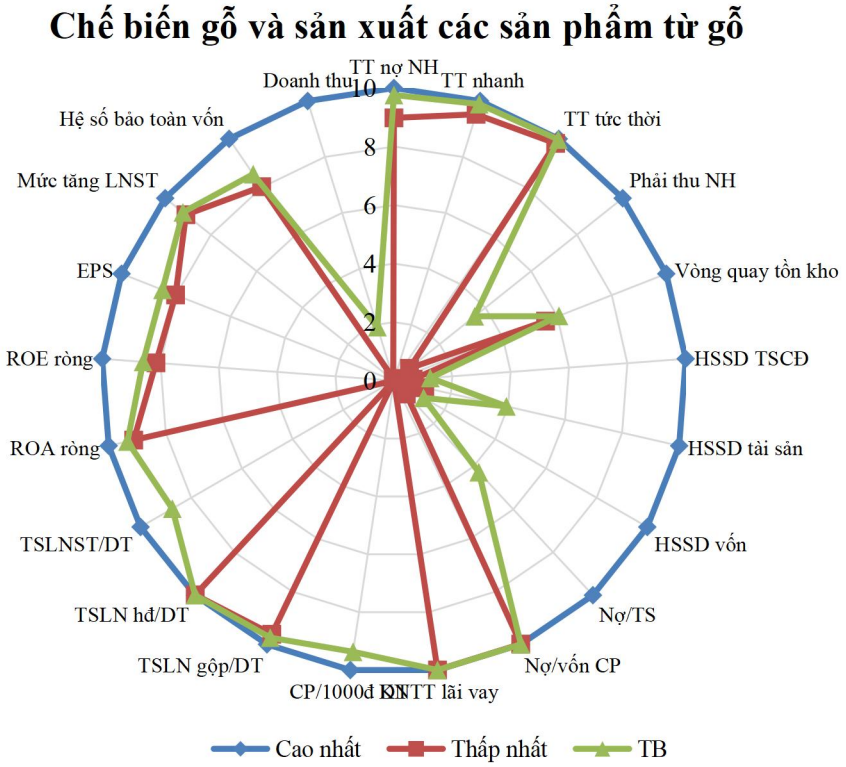


Biểu diễn bằng sơ đồ dạng rada là một hình thức khác có thể cung cấp cái nhìn trực quan về tình trạng cân bằng trong hoạt động tài chính thông qua tính cân đối giữa của các chỉ số của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp "chuẩn đối sánh". Các chỉ số của doanh nghiệp "tốt nhất" được lấy làm chuẩn mực với các chỉ số đạt thang điểm "10". Các doanh nghiệp khác, kể cả doanh nghiệp "trung bình" và "tồi nhất", so sánh các chỉ số của mình theo "chuẩn" này. Đồ thị dạng rada cho biết khoảng cách về chỉ số giữa doanh nghiệp "tốt nhất", "tồi nhất"



và "khoảng cách" về chỉ số giữa các doanh nghiệp trong một ngành. Khoảng cách càng lớn, doanh nghiệp càng khác nhau; Khoảng cách càng nhỏ, tính phổ biến càng lớn.

Sự khác biệt và tính phổ biến giữa các doanh nghiệp trong một ngành có thể được giải thích kỹ hơn qua sơ đồ rada chi tiết.



Ở phần *thông tin chi tiết* cho từng ngành, những số liệu tổng hợp được cung cấp để tiện khai thác:(1) Đó là những thông tin về quy mô và những biến động trong ngành, nhóm trong ngành (số lượng doanh nghiệp, sự tăng/giảm số lượng) giữa 2 năm;(2) Động thái trong nhóm và giữa các nhóm trong ngành; (3) Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính và mức độ cải thiện giữa 2 năm; (4) Đặc điểm việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính của các doanh nghiệp trong ngành; và (5) Kết quả thực hiện của các doanh nghiệp trong ngành so sánh tương đối với các ngành khác.

Thông tin tổng hợp về ngành được trình bày gồm những nội dung dưới đây:

1. **Số lượng doanh nghiệp trong nhóm ngành**

Năm 2023: *Năm 2024:*

Thêm: *Bớt:*

2. **Tình trạng doanh nghiệp trong nhóm năm 2024 so với năm 2023**

+ Số lượng doanh nghiệp đạt 2 tiêu chí:

Duy trì: *Tăng thêm:* *Giảm bớt:*

+ Số doanh nghiệp đạt tiêu chí về giá:

Duy trì: *Tăng thêm:* *Giảm bớt:*

+ Số doanh nghiệp không đạt tiêu chí về giá:

Duy trì: *Tăng thêm:* *Giảm bớt:*

3. Tình trạng thực hiện các chỉ tiêu tài chính ở các doanh nghiệp trong nhóm

Điểm cao:

Điểm thấp:

4. Tình trạng cân đối trong việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính giữa các doanh nghiệp trong nhóm

Chênh lệch nhiều:

Chênh lệch ít:

5. Thay đổi vị trí xếp hạng trong tổng số doanh nghiệp

Tăng bậc: *Không đổi:* *Giảm bậc:*

6. Doanh nghiệp đạt chỉ số tốt nhất trong ngành

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*

7. Doanh nghiệp có số lượng chỉ tiêu tốt lên nhiều nhất trong ngành

PHẦN III

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP ĐẠT CHỈ SỐ TỐT NHẤT VÀ DOANH NGHIỆP CÓ NHIỀU CHỈ SỐ ĐƯỢC CẢI THIỆN NHẤT THEO TỪNG NGÀNH

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP ĐẠT CHỈ SỐ TỐT NHẤT THEO TỪNG NHÓM NGÀNH

I. NHÓM NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (1)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (299,56)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (201,38)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tô Châu (168,84)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (445,59)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (65,08)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần (9,24)

II. NHÓM NGÀNH DỊCH VỤ

1. NGÀNH BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ, SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (8)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Armephaco (299,41)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Cà phê PETEC (112,46)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không (201,13)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần FPT (462,96)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin (60,82)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (100,00)

2. NGÀNH DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*

Công ty Cổ phần Du lịch Trường Sơn COECCO (240)

+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (298,96)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Du lịch Trường Sơn COECCO (21,39)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk (167,76)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (441,68)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (50,49)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (0,47)

3. NGÀNH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt (32)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - Coninco (299,76)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt (100,48)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex (167,86)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt (437,73)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (52,93)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (0,47)

4. NGÀNH HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi (13)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (299,66)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi (10,59)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (168,23)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad (472,30)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh (66,26)

+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty cổ phần Du lịch và Giao thông vận tải Việt Nam - Vietravel (2,37)

5. NGÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Vinhomes (7)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần KOSY (299,59)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (107,27)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Quốc tế Holding (168,59)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Vinhomes (528,76)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO (58,82)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (66,55)

6. NGÀNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ BẢO HIỂM

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (24)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh (299,37)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (107,50)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (167,48)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội (480,32)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần PVI (54,49)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tập đoàn Bảo Việt (15,02)

7. NGÀNH KHO BÃI

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần cảng Rau Quả (9)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (299,52)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần cảng Rau Quả (121,15)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*

Công ty Cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng (200,62)

+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần (472,57)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần (99,99)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần (7,99)

8. NGÀNH THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG; NGHỆ THUẬT, VUI CHƠI VÀ GIẢI TRÍ

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (50)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (299,24)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (21,76)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (167,51)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (484,58)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (56,20)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (12,45)

9. NGÀNH VẬN TẢI

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc Tế (45)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung (299,55)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Vận tải thủy Vinacomin (22,62)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (201,83)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc Tế (507,25)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (67,92)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  TCT Hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần (37,63)

III. NHÓM NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG

1. NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần (31)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (299,10)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần (103,09)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (167,63)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (444,35)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Thông Quảng Ninh (59,94)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty cổ phần Gỗ An Cường (1,42)

2. NGÀNH CUNG CẤP NƯỚC, HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (5)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (299,34)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (35,70)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (167,49)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (534,00)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (100,00)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (1,39)

3. NGÀNH DỆT VÀ SẢN XUẤT TRANG PHỤC

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May (10)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty cổ phần DAMSAN (299,65)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group (19,60)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May (266,27)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May (454,48)

+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần 26 (60,64)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tập đoàn Dệt May Việt Nam (6,11)

4. NGÀNH HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CHUYÊN DỤNG

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (20)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (299,75)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4 (109,21)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (170,09)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (443,18)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (56,89)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (4,53)

5. NGÀNH KHAI KHOÁNG

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (2)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin (299,37)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (206,11)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (175,27)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc (481,84)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (53,72)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn (43,30)

6. NGÀNH SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (41)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (298,02)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá (34,76)

+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (167,92)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (479,18)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (81,25)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn (11,32)

7. NGÀNH SẢN XUẤT GIẤY VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GIẤY

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (123)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Tp.Hà Nội (299,20)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (19,02)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Miza (167,39)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (441,47)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (60,71)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Miza (1,57)

8. NGÀNH SẢN XUẤT HÓA CHẤT, HÓA DƯỢC VÀ DƯỢC LIỆU

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (22)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Dược phẩm TW1 - Pharbaco (299,75)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (112,01)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Dược Enlie (201,04)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Nam dược (452,62)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Nam dược (66,46)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau (4,91)

9. NGÀNH SẢN XUẤT KIM LOẠI VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ KIM LOẠI

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (40)

+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (299,05)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin (114,18)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - VNSteel (168,67)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (462,58)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin (100,00)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (49,47)

10. NGÀNH SẢN XUẤT MÁY MÓC, PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Vimarko (63)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư CMC (299,45)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Chế tạo máy Vinacomin (22,06)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm (200,69)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Vimarko (481,42)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị (54,03)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (1,45)

11. NGÀNH SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ KHOÁNG PHI KIM LOẠI, CAO SU VÀ PLASTICS

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (3)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (299,63)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (82,19)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Thành An 77 (208,88)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (482,45)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (100,00)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (5,00)

12. NGÀNH SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN, ĐIỆN TỬ, MÁY VI TÍNH VÀ SẢN PHẨM QUANG HỌC

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu Điện Hà Nội (6)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (299,01)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu Điện Hà Nội (106,83)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (167,59)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu Điện Hà Nội (474,91)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (74,34)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (11,99)

13. NGÀNH SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Tổng Công ty Điện lực TKV - Công ty Cổ phần (72)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (299,40)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (29,02)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Tổng Công ty Điện lực TKV - Công ty Cổ phần (200,69)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình (443,20)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (52,72)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần (14,32)

14. NGÀNH SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty cổ phần Mía đường Sơn La (42)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản (299,56)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty Cổ phần (107,64)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*

Công ty Cổ phần NTACO (201,89)

+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty cổ phần Mía đường Sơn La (495,51)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty cổ phần Mía đường Sơn La (77,82)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (29,37)

15. NGÀNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT DÂN DỤNG

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (16)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (299,75)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (113,67)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (201,15)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (449,32)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Sông Đà 505 (65,71)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tasco (10,65)

16. NGÀNH XÂY DỰNG NHÀ CÁC LOẠI

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty cổ phần LICOGI 14 (25)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 (299,59)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty cổ phần LICOGI 14 (107,79)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần The Golden Group (168,65)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (438,38)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (78,87)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons (7,41)

PHẦN IV

TỔNG HỢP NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP THUỘC CÁC NGÀNH

NHỮNG BIẾN ĐỘNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG CÁC NGÀNH

Báo cáo này là một nỗ lực phân tích năng lực hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Thông tin sử dụng cho việc phân tích trong là các báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Vì thế, để đảm bảo tính xác đáng, báo cáo tài chính doanh nghiệp được sử dụng là các báo cáo đã được kiểm toán. Để đảm bảo kết quả phân tích là tổng hợp, số lượng doanh nghiệp được chọn là các doanh nghiệp niêm yết trên các sàn chứng khoán HOSE, UPCOM, HNX. Năm 2023, số lượng doanh nghiệp được khảo sát là 1.438. Năm 2024, số lượng doanh nghiệp được xử lý giảm nhẹ với năm trước 1.401 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp được xem xét cũng khác nhau. Ngoài việc được phân chia thành các ngành để đánh giá và so sánh, các doanh nghiệp còn được phân chia thành các nhóm theo 2 tiêu chí sau: (i) giá cổ phiếu ≥10.000 đ/cp, và (ii) tỷ suất lợi nhuận trên cổ phần EPS ≥15%. Xét theo hai tiêu chí này, có thể phân chia các doanh nghiệp thành 3 nhóm: (1) nhóm các doanh nghiệp đạt cả hai tiêu chí, (2) nhóm các doanh nghiệp chỉ đạt tiêu chí về giá, và (3) nhóm các doanh nghiệp không đạt tiêu chí về giá. Theo cách phân loại trên, số doanh nghiệp được phân tích năm 2023 thuộc nhóm: (1) 433 doanh nghiệp, nhóm (2) 462 doanh nghiệp, và nhóm (3) 543 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp được phân tích năm 2024 thuộc các nhóm: (1) 472 doanh nghiệp, (2) 406 doanh nghiệp, và (3) 523 doanh nghiệp (BẢNG TH.1.)

Số doanh nghiệp thuộc các nhóm tiêu chí năm 2024 cũng có sự biến động so với 2023. Số lượng doanh nghiệp đạt 2 tiêu chí *tăng* ở đa số các ngành như *Cung cấp nước; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; Vận tải; Kho bãi; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; trong khi lại giảm ở ít ngành như Khai khoáng; Sản xuất hoá chất, hoá dược, dược liệu*. Một số ngành số lượng doanh nghiệp đạt 2 tiêu chí *không thay đổi* như ngành *Bán buôn và bán lẻ; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Sản xuất và phân phối điện; Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy; Sản xuất thiết bị điện, điện tử; Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải*. Tương tự, số lượng doanh nghiệp đạt tiêu chí về giá *tăng* ở các ngành như *Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Khai khoáng; Thông tin, truyền thông; Kho bãi; Sản xuất hoá chất, hoá dược và dược liệu*, và *giảm* ở đa số các ngành *Cung cấp nước, Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Khai khoáng; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản…* Số lượng doanh nghiệp không đạt tiêu chí giá *tăng* ở các ngành như *Bán buôn, bán lẻ; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Xây dựng nhà các loại; Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải* và *giảm* ở ngành *Cung cấp nước, Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm…*

Trong từng ngành cũng thể hiện tính trạng "chuyển nhóm" của các doanh nghiệp. Sự chuyển nhóm được coi là *tích cực* nếu các doanh nghiệp chuyển từ nhóm đạt ít tiêu chí sang nhóm đạt nhiều tiêu chí; và ngược lại, sẽ bị coi là *tiêu cực* nếu chuyển từ nhóm đạt nhiều tiêu chí sang nhóm đạt ít tiêu chí. Từ kết quả tổng hợp trong bảng 'tình hình thay đổi về số lượng doanh nghiệp đạt tiêu chí xét theo ngành', (BẢNG TH.2 và BẢNG TH.3), có các *Cung cấp nước; Hoạt động chuyên môn, KHCN; hoạt động kinh doanh bất động sản; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; Sản xuất và phân phối điện; Thông tin, truyền thông; Vận tải; Khi bãi; Xây dựng; Sản xuất đồ uống*... thể hiện xu thế chuyển nhóm *tích cực*; trong khi đó chiều hướng thay đổi *tiêu cực* ở các ngành còn lại như *Bán buôn và bán lẻ; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Khai khoáng; Sản xuất, chế biến thực phẩm* .... Ở hầu hết các ngành đều có doanh nghiệp nằm trong cột "không có tên", đó là các doanh nghiệp có kết quả hoạt động trong năm giảm sút nên không đạt được bất kỳ chỉ tiêu nào, vì thế đã "biến mất" khỏi danh sách các doanh nghiệp được xét.

Sự thay đổi về thứ hạng của doanh nghiệp cũng là dấu hiệu cho biết sự tiến bộ trong hoạt động của các doanh nghiệp và của một ngành qua một năm. Sự thay đổi thứ hạng doanh nghiệp trong nhóm và trong tổng số các doanh nghiệp được nghiên cứu có thể là do sự xuất hiện của các doanh nghiệp mới. Nếu doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn, vị trí thứ hạng của doanh nghiệp sẽ được cải thiện (*tăng bậc*). Ngược lại, nếu doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả so với năm trước hay so với doanh nghiệp khác trong ngành hay trong nhóm thậm chí các doanh nghiệp mới xuất hiện, thứ hạng của doanh nghiệp sẽ hạ xuống (*giảm bậc*). So sánh số liệu giữa hai năm 2024 và 2023 cho thấy theo chiều hướng thay đổi là "tích cực", có nghĩa là thứ hạng của những doanh nghiệp được nghiên cứu trong năm 2023 và 2024 có xu thế tăng bậc (BẢNG TH.4.). Xét theo thứ hạng doanh nghiệp trong tổng số doanh nghiệp, ngành *Bán buôn và bán lẻ; Cung cấp nước; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Kho bãi; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải; Xây dựng* có số lượng doanh nghiệp tăng bậc nhiều hơn số doanh nghiệp giảm bậc. Điều đó chứng tỏ hoặc các doanh nghiệp đang hoạt động đã cải thiện được tình trạng hoạt động so với năm trước và/hoặc so với các doanh nghiệp được xét, kể cả các doanh nghiệp mới xuất hiện. Nhiều ngành phải chứng kiến tình trạng có doanh nghiệp giảm bậc. Những ngành có nhiều doanh nghiệp giảm bậc gồm *Hoạt động kinh doanh bất động sản; Khai khoáng; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; Sản xuất, chế biến thực phẩm....*

Tình trạng "sức khoẻ" của doanh nghiệp được phản ánh qua những thay đổi về kết quả hoạt động của doanh nghiệp khi so sánh giữa 2 năm 2023-2024, thể hiện qua hiệu số giữa các chỉ số tài chính của doanh nghiệp năm 2024 so với 2023 (các Bảng A.3.). Tình trạng "sức khoẻ lý tưởng" của doanh nghiệp, xét từ góc độ các chỉ tiêu tài chính, được phản ánh qua hệ thống các 'mức chuẩn tối ưu' của các chỉ tiêu. Một sự thay đổi về chỉ số của một doanh nghiệp tiến gần đến 'mức chuẩn tối ưu' của chỉ tiêu đó hơn sẽ được ghi nhận là có "*Tốt lên*"; Ngược lại, nếu có sự thay đổi theo hướng rời xa 'mức chuẩn tối ưu', tình trạng sẽ được ghi nhận là "*Yếu đi*". Số chỉ tiêu được xét gồm 21 chỉ tiêu cụ thể thuộc 6 nhóm chỉ tiêu tài chính. Để có thể so sánh được, doanh nghiệp được xét là những doanh nghiệp nằm trong số các doanh nghiệp đạt tiêu chí xem xét cả trong năm 2023 và 2024.

Trong số 1.398 doanh nghiệp năm 2023 được xem xét, năm 2024 số lượng này giảm đi còn 1.359 doanh nghiệp. Số lượng các doanh nghiệp còn "trụ" được trong nhóm các đối tượng xem xét theo ngành được liệt kê trong Bảng TH.5. Có thể nhận thấy, mức thay đổi trung bình giao động quanh mức 50% (44% "Tốt lên", 55% "Yếu đi"). Điều đó cho thấy, tình trạng tài chính doanh nghiệp của nền kinh tế, qua các doanh nghiệp được xét, thay đổi theo chiều hướng tiêu cực trong năm 2024 so với 2023. Tuy nhiên, xét đến phạm vi ngành, mức độ cải thiện ("Tốt lên") ở các chỉ số tài chính lại rất khác nhau và giao động từ 29% đến 61%.

Theo mức độ cải thiện, có thể chia thành 4 nhóm: (*1*) các ngành có doanh nghiệp được ghi nhận mức cải thiện các chỉ tiêu tài chính đạt trên 60%; (*2*) các ngành có doanh nghiệp được ghi nhận mức cải thiện các chỉ tiêu tài chính đạt từ 50 đến 60%; (*3*) các ngành có doanh nghiệp được ghi nhận mức cải thiện các chỉ tiêu tài chính đạt dưới 50%. Nhóm ngành *thứ nhất* chỉ gồm 1 ngành với tổng số 64 doanh nghiệp thuộc ngành *Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải*. Nhóm ngành *thứ hai* gồm 3 ngành với tổng số 108 doanh nghiệp thuộc các ngành *Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Dịch vụ lưu trú và ăn uống*. Nhóm ngành *thứ ba* gồm 22 ngành với tổng số 1.187 doanh nghiệp thuộc các ngành *Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Sản xuất kim loại; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Hoạt động kinh doanh bất động sản; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm...* Số liệu cụ thể được trình bày trong Bảng TH.5. Sự thay đổi về các chỉ tiêu xét cho từng doanh nghiệp trong từng ngành được thể hiện trong các Bảng A.3.

Tình trạng cải thiện ở các doanh nghiệp trong từng ngành cũng khác nhau. Trong số những doanh nghiệp được xét – doanh nghiệp có số liệu có thể so sánh của hai năm

2023 và 2024 – có 21 ngành (gồm 718 doanh nghiệp được xét, chiếm 90,3%) có từ 50% số doanh nghiệp trở lên có số lượng chỉ số được cải thiện đạt trên 50%. Cao nhất là Cung cấp nước với 80% doanh nghiệp có số chỉ tiêu tốt lên >50%. Ngược lại, ở số ít ngành, không ghi nhận có sự cải thiện nào đáng kể (Khai khoáng; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm <40%). Số liệu cụ thể được trình bày ở Bảng TH.6 và các Bảng A.

Mức độ cải thiện ở các doanh nghiệp cũng khác nhau. Số lượng chỉ tiêu nhiều nhất được cải thiện (được ghi nhận là "tốt lên") ở doanh nghiệp thuộc một ngành có thể từ 18/21 chỉ số (chiếm 86%) ở nhiều ngành như *Sản xuất thiết bị điện, điện tử; Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải; Thông tin, truyền thông…* tăng lên đến 21/21 chỉ tiêu (chiếm 100%) ở các doanh nghiệp được xét thuộc ngành *Cung cấp nước; Hoạt động kinh doanh bất động sản; Sản xuất và phân phối điện.* Số liệu cụ thể được thể hiện trong Bảng TH.7 và các Bảng A.

Danh sách các doanh nghiệp đạt mức cao nhất về một chỉ số hay thứ hạng xét theo ngành, và danh sách những doanh nghiệp có mức cải thiện nhiều nhất (số lượng chỉ tiêu được ghi nhận "tốt lên" nhiều nhất) thuộc từng ngành được cung cấp trong phần III và V.

BẢNG TH.2: SỐ DOANH NGHIỆP XẾP THEO NGÀNH

TT	NGÀNH	2023				2024			
		ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	*KHÔNG ĐẠT*	TỔNG CỘNG	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	*KHÔNG ĐẠT*	TỔNG CỘNG
1	Bán buôn và bán lẻ, Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	40	49	50	**139**	40	36	59	**135**
2	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	27	21	20	**68**	32	18	15	**65**
3	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1	6	10	**17**	2	5	10	**17**
4	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	6	13	11	**30**	8	10	11	**29**
5	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	13	13	18	**44**	13	10	22	**45**
6	Hoạt động kinh doanh bất động sản	29	36	59	**124**	28	32	56	**116**
7	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	16	14	21	**51**	18	16	16	**50**
8	Khai khoáng	17	8	23	**48**	13	9	21	**43**
9	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	9	20	12	**41**	16	15	10	**41**
10	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	28	21	4	**53**	28	19	3	**50**
11	Thông tin, truyền thông, Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	11	15	8	**34**	10	20	4	**34**
12	Vận tải	18	18	22	**58**	21	18	15	**54**
13	Kho bãi	31	20	17	**68**	34	21	12	**67**
14	Xây dựng nhà các loại	6	8	13	**27**	9	5	15	**29**
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	11	33	65	**109**	19	25	59	**103**
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	4	9	20	**33**	7	10	17	**34**
17	Sản xuất, chế biến thực phẩm	32	23	24	**79**	33	16	29	**78**
18	Sản xuất đồ uống	8	10	10	**28**	9	10	8	**27**
19	Dệt và sản xuất trang phục	22	12	16	**50**	23	12	15	**50**
20	Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ	6	5	6	**17**	6	2	8	**16**
21	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	12	10	6	**28**	12	9	6	**27**
22	Sản xuất kim loại và sản phẩm từ kim loại	9	16	23	**48**	12	13	24	**49**
23	Sản xuất hóa chất, hóa dược, dược liệu	42	26	16	**84**	40	28	16	**84**
24	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, cao su và plastic	20	36	45	**101**	24	33	45	**102**
25	Sản xuất thiết bị điện, điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	7	13	8	**28**	7	9	9	**25**
26	Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải	8	7	16	**31**	8	5	18	**31**
	TỔNG CỘNG	433	462	543	**1.438**	472	406	523	**1.401**

BẢNG TH.3: TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỀ SỐ LƯỢNG DN XÉT THEO NGÀNH

TT	NGÀNH	2024/2023		2024			
		ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	KHÔNG ĐẠT	KHÔNG CÓ TÊN
1	Bán buôn và bán lẻ, Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	40	31	6	0	3
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	49	7	24	16	2
		KHÔNG ĐẠT	50	1	5	42	2
2	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	27	26	1	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	21	3	12	3	3
		KHÔNG ĐẠT	20	2	5	12	1
3	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	1	1	0	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	6	0	5	1	0
		KHÔNG ĐẠT	10	1	0	8	1
4	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	6	5	1	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	13	3	8	2	0
		KHÔNG ĐẠT	11	0	1	9	1
5	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	13	11	1	1	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	13	1	7	5	0
		KHÔNG ĐẠT	18	0	2	15	1
6	Hoạt động kinh doanh bất động sản	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	29	23	4	0	2
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	36	4	22	6	4
		KHÔNG ĐẠT	59	1	6	45	7
7	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	16	13	2	0	1
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	14	4	4	5	1
		KHÔNG ĐẠT	21	1	9	11	0
8	Khai khoáng	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	17	11	3	2	1
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	8	0	4	1	3
		KHÔNG ĐẠT	23	2	2	15	4
9	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	9	8	1	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	20	7	10	2	0
		KHÔNG ĐẠT	12	1	4	8	0
10	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	28	25	2	0	1
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	21	3	15	2	1
		KHÔNG ĐẠT	4	0	2	1	1
11	Thông tin, truyền thông, Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	11	8	3	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	15	2	11	1	1
		KHÔNG ĐẠT	8	0	5	3	0
12	Vận tải	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	18	14	3	0	1
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	18	4	12	2	0
		KHÔNG ĐẠT	22	3	3	12	4
13	Kho bãi	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	31	27	3	0	1
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	20	5	13	2	0
		KHÔNG ĐẠT	17	2	4	10	1

TT	NGÀNH	2024/2023		2024			
		ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	KHÔNG ĐẠT	KHÔNG CÓ TÊN
14	Xây dựng nhà các loại	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	6	6	0	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	8	3	3	2	0
		KHÔNG ĐẠT	13	0	2	11	0
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	11	11	1	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	33	4	17	10	1
		KHÔNG ĐẠT	65	4	7	49	5
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	4	4	0	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	9	1	7	1	0
		KHÔNG ĐẠT	20	2	3	12	3
17	Sản xuất, chế biến thực phẩm	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	32	27	3	1	1
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	23	4	12	7	0
		KHÔNG ĐẠT	24	2	1	19	2
18	Sản xuất đồ uống	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	8	8	0	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	10	1	9	0	0
		KHÔNG ĐẠT	10	0	1	8	1
19	Dệt và sản xuất trang phục	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	22	20	2	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	12	2	6	2	2
		KHÔNG ĐẠT	16	1	3	12	0
20	Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	6	5	0	1	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	5	1	2	2	0
		KHÔNG ĐẠT	6	0	0	5	1
21	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	12	10	1	0	1
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	10	1	7	1	1
		KHÔNG ĐẠT	6	1	1	4	0
22	Sản xuất kim loại và sản phẩm từ kim loại	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	9	8	1	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	16	4	10	2	0
		KHÔNG ĐẠT	23	0	1	22	0
23	Sản xuất hóa chất, hóa dược, dược liệu	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	42	35	6	0	1
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	26	4	15	6	1
		KHÔNG ĐẠT	16	1	5	8	2
24	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, cao su và plastic	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	20	18	1	0	1
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	36	5	25	5	1
		KHÔNG ĐẠT	45	1	5	37	2
25	Sản xuất thiết bị điện, điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	7	5	0	1	1
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	13	2	8	1	2
		KHÔNG ĐẠT	8	0	1	7	0
26	Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải	ĐẠT 2 TIÊU CHÍ	8	7	1	0	0
		ĐẠT 1 TIÊU CHÍ	7	1	2	3	1
		KHÔNG ĐẠT	16	0	1	14	1
TỔNG CỘNG			**1.438**	**469**	**395**	**495**	**79**

BẢNG TH.4: TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỀ THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

TT	NGÀNH	2023/2024	THỨ HẠNG NGÀNH			THỨ HẠNG TỔNG		
		SỐ DOANH NGHIỆP	SỐ DN TĂNG HẠNG	SỐ DN GIẢM HẠNG	K.ĐỔI	SỐ DN TĂNG HẠNG	SỐ DN GIẢM HẠNG	KĐỔI
1	Bán buôn và bán lẻ, Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	132	88	43	1	85	47	0
2	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	64	32	30	5	44	23	0
3	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	16	4	7	6	10	7	0
4	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	29	21	7	2	13	17	0
5	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	43	15	22	7	31	13	0
6	Hoạt động kinh doanh bất động sản	111	54	61	4	54	65	0
7	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	49	21	24	2	32	15	0
8	Khai khoáng	40	20	26	1	23	24	0
9	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	41	22	11	6	16	23	0
10	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	50	17	31	4	13	39	0
11	Thông tin, truyền thông, Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	33	17	17	0	16	18	0
12	Vận tải	53	31	22	4	34	23	0
13	Kho bãi	66	35	27	5	42	25	0
14	Xây dựng nhà các loại	27	12	13	2	18	9	0
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	103	54	48	1	53	50	0
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	30	13	14	5	18	14	0
17	Sản xuất, chế biến thực phẩm	76	39	32	5	38	38	0
18	Sản xuất đồ uống	27	11	12	4	11	16	0
19	Dệt và sản xuất trang phục	48	24	23	2	13	36	0
20	Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ	16	9	6	2	5	12	0
21	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	26	17	6	4	17	10	0
22	Sản xuất kim loại và sản phẩm từ kim loại	48	22	22	3	32	15	0
23	Sản xuất hóa chất, hóa dược, dược liệu	80	43	31	8	32	50	0
24	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, cao su và plastic	97	48	49	3	45	55	0
25	Sản xuất thiết bị điện, điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	25	11	13	3	11	15	1
26	Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải	29	11	17	1	17	12	0

BẢNG TH.5: TÌNH TRẠNG CẢI THIỆN CÁC CHỈ TIÊU XÉT THEO NGÀNH

STT	NGÀNH	SỐ LƯỢNG DN	SỐ CHỈ TIÊU	SỐ CHỈ TIÊU TỐT LÊN	SỐ CHỈ TIÊU YẾU ĐI	SỐ CHỈ TIÊU KHÔNG ĐỔI	TỶ TRỌNG CÁC CHỈ TIÊU TỐT LÊN	TỶ TRỌNG CÁC CHỈ TIÊU YẾU ĐI	TỶ TRỌNG CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐỔI
1	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	64	1.344	878	449	17	61%	38%	1%
	Tổng hợp nhóm	***64***					***61%***	***38%***	***1%***
2	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	49	1.029	437	537	55	56%	38%	5%
3	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	43	903	497	390	16	53%	45%	2%
4	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	16	336	192	137	7	51%	48%	1%
	Tổng hợp nhóm	***108***					***53%***	***44%***	***3%***
5	Kho bãi	66	1.386	806	554	26	49%	49%	2%
6	Vận tải	53	1.113	656	440	17	48%	50%	1%
7	Xây dựng nhà các loại	27	567	338	216	13	48%	52%	0%
8	Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải	29	609	344	261	4	47%	52%	1%
9	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	26	546	252	290	4	47%	52%	1%
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	30	630	332	272	26	46%	52%	3%
11	Khai khoáng	40	840	383	440	17	45%	52%	3%
12	Sản xuất kim loại và sản phẩm từ kim loại	48	1.008	586	415	7	45%	54%	1%
13	Sản xuất hóa chất, hóa dược, dược liệu	80	1.680	901	769	10	45%	55%	0%
14	Sản xuất, chế biến thực phẩm	76	1.596	882	698	16	43%	56%	1%
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	103	2.163	1.209	938	16	43%	56%	1%
16	Thông tin, truyền thông, Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	33	693	353	329	11	43%	55%	2%
17	Hoạt động kinh doanh bất động sản	111	2.331	1.201	1.089	41	42%	55%	2%
18	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	41	861	526	314	21	42%	56%	2%
19	Bán buôn và bán lẻ, Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	132	2.772	1.526	1.222	24	41%	58%	1%
20	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	29	609	307	271	31	40%	55%	4%
21	Sản xuất thiết bị điện, điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	25	525	295	227	3	40%	59%	1%
22	Sản xuất đồ uống	27	567	317	241	9	36%	63%	1%
23	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, cao su và plastic	97	2.037	1.092	935	10	35%	64%	0%
24	Dệt và sản xuất trang phục	48	1.008	603	387	18	31%	68%	2%
25	Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ	16	336	214	120	2	31%	69%	0%
26	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	50	1.050	528	512	10	29%	71%	1%
	Tổng hợp nhóm	***1.187***					***42%***	***57%***	***1%***
	TỔNG CỘNG	**1.359**	**2.373**	**1.315**	**986**	**72**	**55%**	**42%**	**3%**

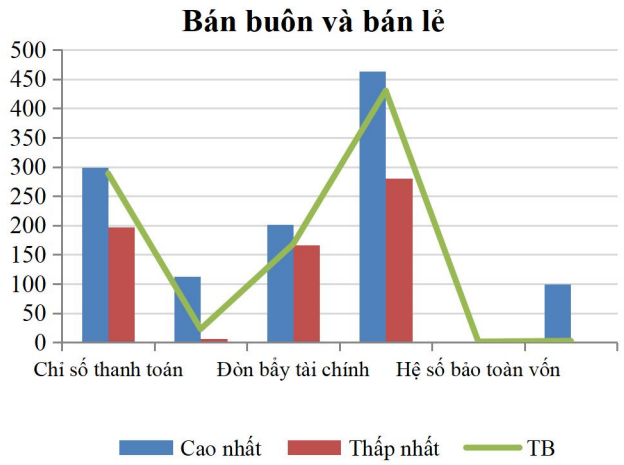
BẢNG TH.6: SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP CÓ SỐ CHỈ TIÊU TỐT LÊN CHIẾM TRÊN 50%, XÉT THEO NGÀNH VÀ THEO THỨ TỰ GIẢM DẦN

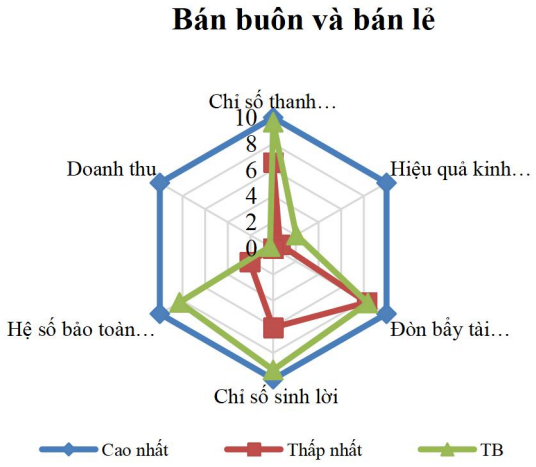
STT	NGÀNH	SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP ĐƯỢC XÉT	SỐ LƯỢNG CÁC DOANH NGHIỆP CÓ SỐ CHỈ TIÊU TỐT LÊN CAO HƠN 50%		SỐ CHỈ TIÊU TỐT LÊN CỦA DOANH NGHIỆP CÓ SỐ CHỈ TIÊU TỐT LÊN NHIỀU NHẤT	
1	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	64	51	80%	21	100%
2	Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ	16	12	75%	19	90%
3	Vận tải	53	39	74%	19	90%
4	Sản xuất thiết bị điện, điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	25	18	72%	18	86%
5	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	41	29	71%	19	90%
6	Dệt và sản xuất trang phục	48	33	69%	20	95%
7	Kho bãi	66	45	68%	19	90%
8	Xây dựng nhà các loại	27	18	67%	20	95%
9	Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải	29	19	66%	18	86%
10	Sản xuất kim loại và sản phẩm từ kim loại	48	31	65%	19	90%
11	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	30	19	63%	20	95%
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	103	64	62%	20	95%
13	Bán buôn và bán lẻ, Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	132	80	61%	20	95%
14	Thông tin, truyền thông, Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	33	19	58%	18	86%
15	Sản xuất, chế biến thực phẩm	76	43	57%	19	90%
16	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	16	9	56%	19	90%
17	Sản xuất đồ uống	27	15	56%	18	86%
18	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, cao su và plastic	97	53	55%	19	90%
19	Sản xuất hóa chất, hóa dược, dược liệu	80	43	54%	18	86%
20	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	43	23	53%	18	86%
21	Hoạt động kinh doanh bất động sản	111	55	50%	21	100%
	Tổng hợp nhóm	***1.165 (85,7%)***	***718***			
22	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	50	23	46%	21	100%
23	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	29	13	45%	18	86%
24	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	26	11	42%	18	86%
25	Khai khoáng	40	15	38%	18	86%
26	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	49	15	31%	18	86%
	Tổng hợp nhóm	***194 (14,3%)***	***77***	***39,7%***		
	TỔNG CỘNG	**1.359**	**795**	**58,5%**		

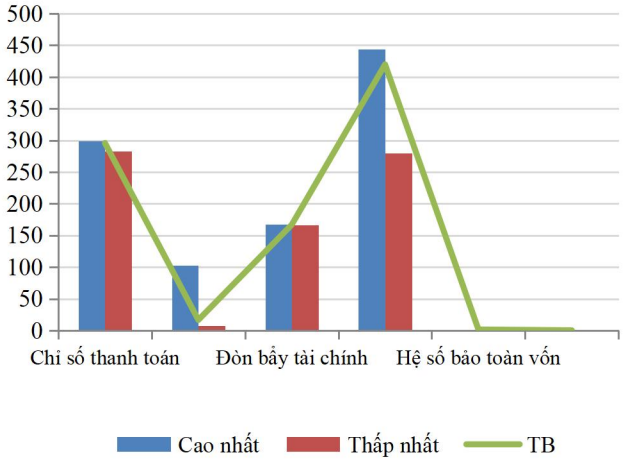
BẢNG TH.7: SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU TỐT LÊN CỦA DOANH NGHIỆP CÓ SỐ CHỈ TIÊU TỐT LÊN NHIỀU NHẤT, XÉT THEO NGÀNH VÀ THEO THỨ TỰ GIẢM DẦN

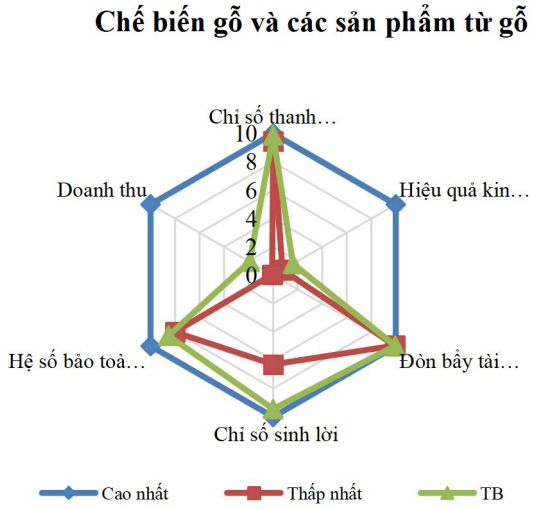
STT	NGÀNH	SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP	SỐ LƯỢNG CÁC DOANH NGHIỆP CÓ SỐ CHỈ TIÊU TỐT LÊN CAO HƠN 50%		SỐ CHỈ TIÊU TỐT LÊN CỦA DOANH NGHIỆP CÓ SỐ CHỈ TIÊU TỐT LÊN NHIỀU NHẤT	
1	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	64	51	80%	21	100%
2	Hoạt động kinh doanh bất động sản	111	55	50%	21	100%
3	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	50	23	46%	21	100%
4	Dệt và sản xuất trang phục	48	33	69%	20	95%
5	Xây dựng nhà các loại	27	18	67%	20	95%
6	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	30	19	63%	20	95%
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	103	64	62%	20	95%
8	Bán buôn và bán lẻ, Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	132	80	61%	20	95%
9	Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ	16	12	75%	19	90%
10	Vận tải	53	39	74%	19	90%
11	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	41	29	71%	19	90%
12	Kho bãi	66	45	68%	19	90%
13	Sản xuất kim loại và sản phẩm từ kim loại	48	31	65%	19	90%
14	Sản xuất, chế biến thực phẩm	76	43	57%	19	90%
15	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	16	9	56%	19	90%
16	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, cao su và plastic	97	53	55%	19	90%
17	Sản xuất thiết bị điện, điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	25	18	72%	18	86%
18	Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải	29	19	66%	18	86%
19	Thông tin, truyền thông, Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	33	19	58%	18	86%
20	Sản xuất đồ uống	27	15	56%	18	86%
21	Sản xuất hóa chất, hóa dược, dược liệu	80	43	54%	18	86%
22	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	43	23	53%	18	86%
23	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	29	13	45%	18	86%
24	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	26	11	42%	18	86%
25	Khai khoáng	40	15	38%	18	86%
26	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	49	15	31%	18	86%
TỔNG CỘNG		**1.359**				

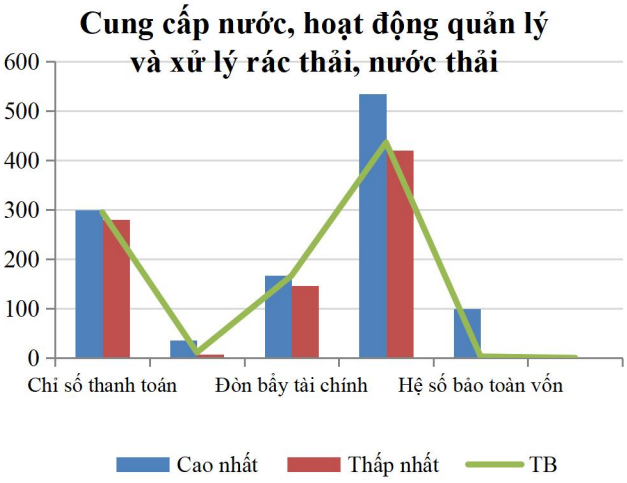
ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH TRẠNG PHÂN BỐ CỦA CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TRONG TỪNG NGÀNH

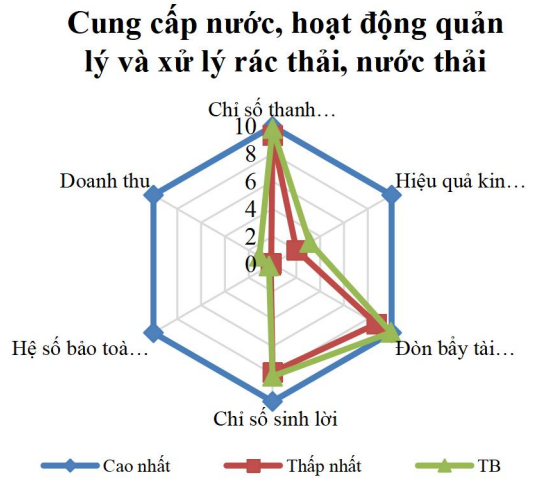


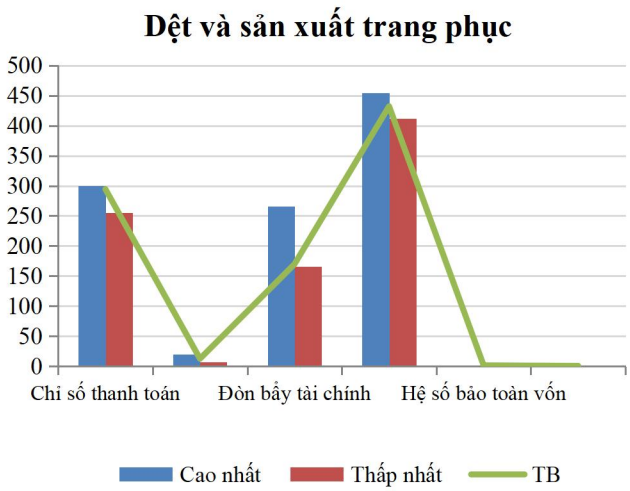


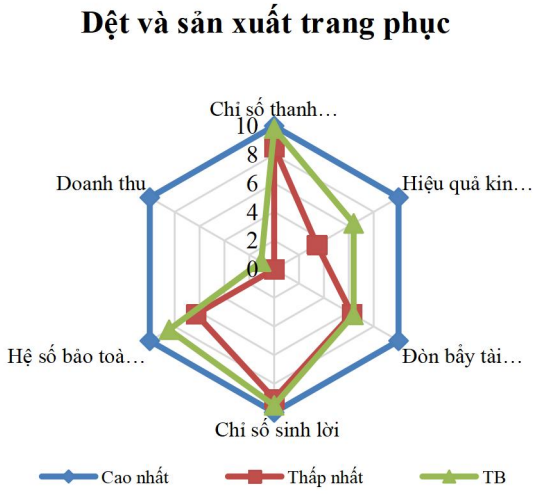


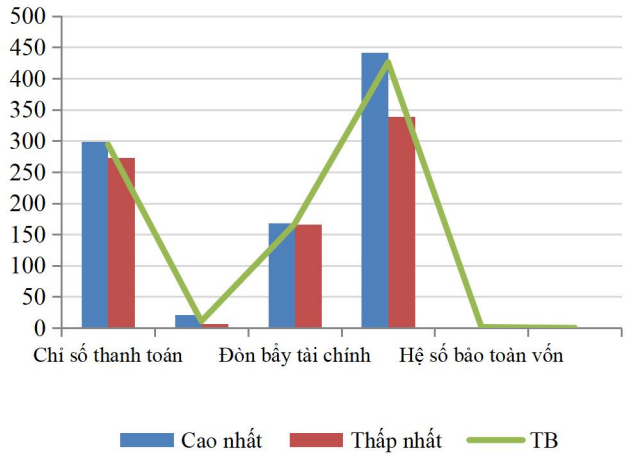


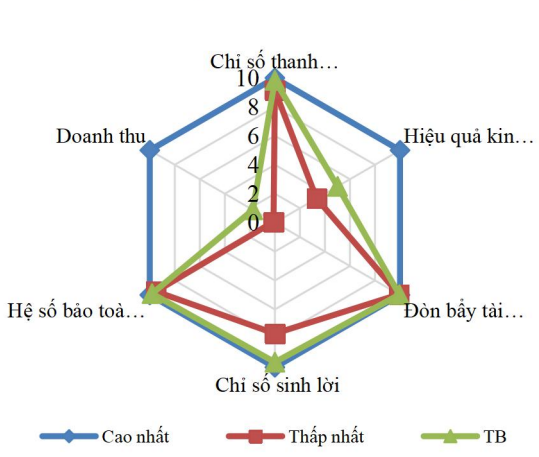


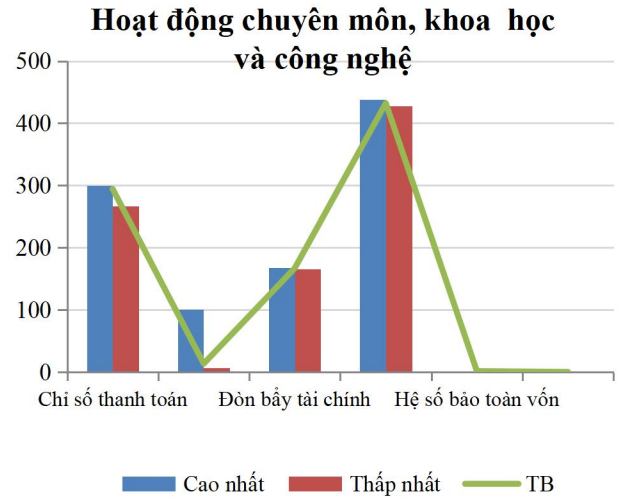


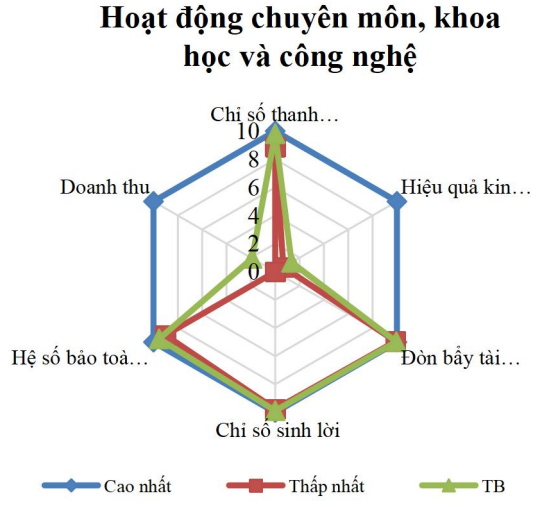

Dệt và sản xuất trang phục
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

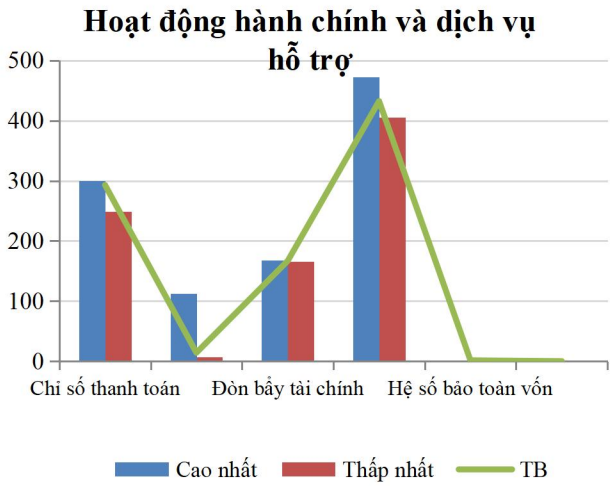

Dệt và sản xuất trang phục
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

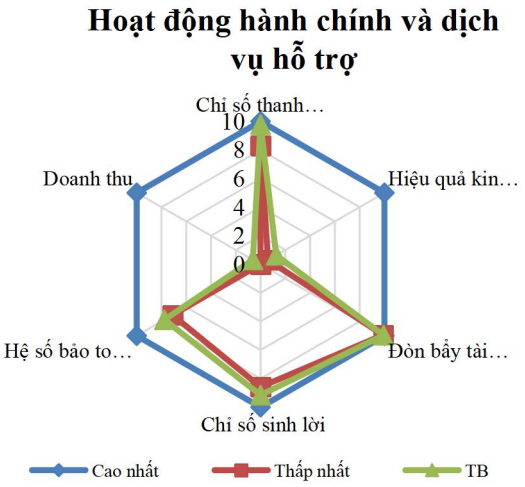

Dịch vụ lưu trú và ăn uống
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

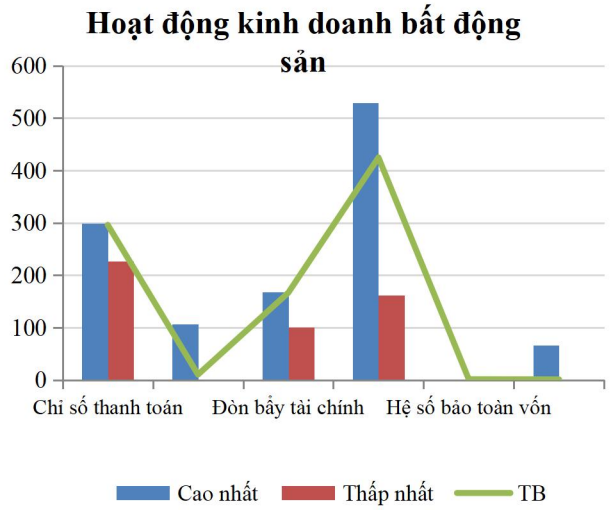

Dịch vụ lưu trú và ăn uống
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

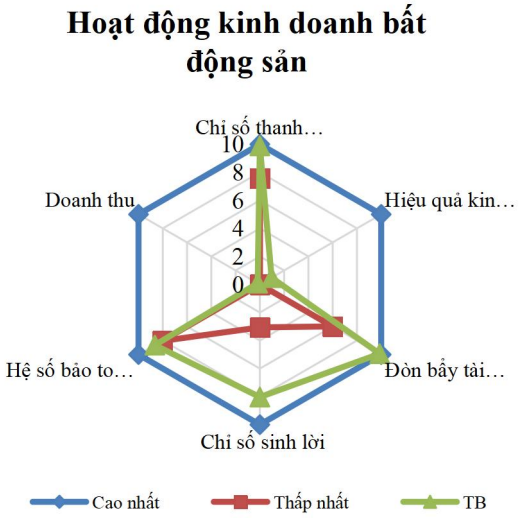

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ
500
400
300
200
100
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

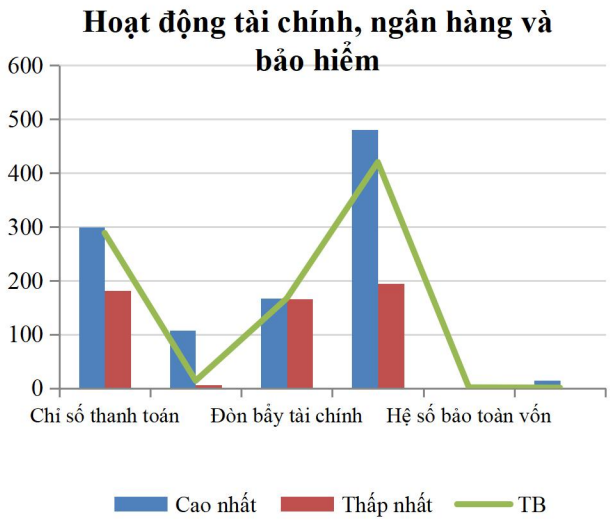

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

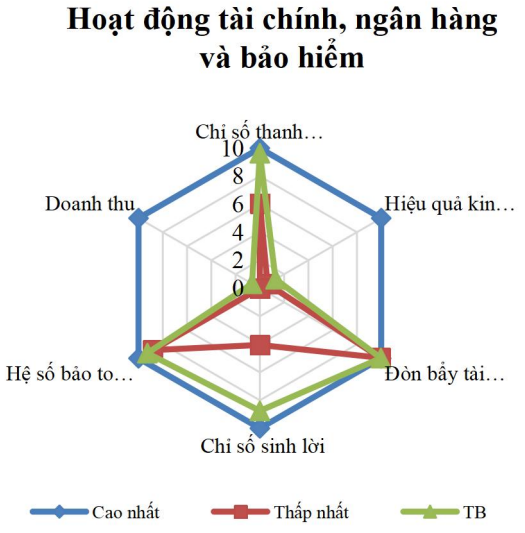

Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ
500
400
300
200
100
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

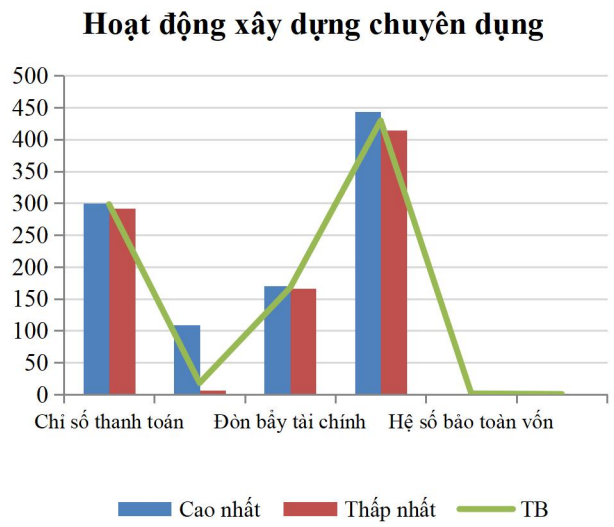

Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo to…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

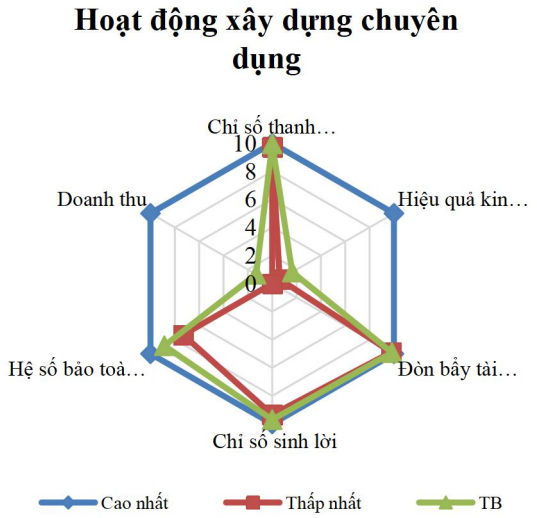

Hoạt động kinh doanh bất động sản
600
500
400
300
200
100
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

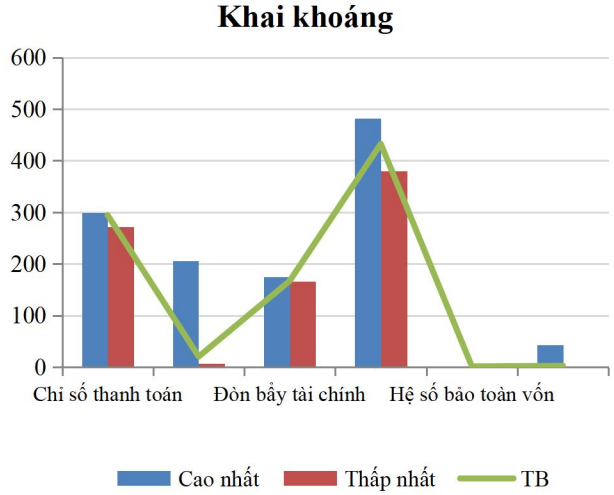

Hoạt động kinh doanh bất động sản
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo to…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

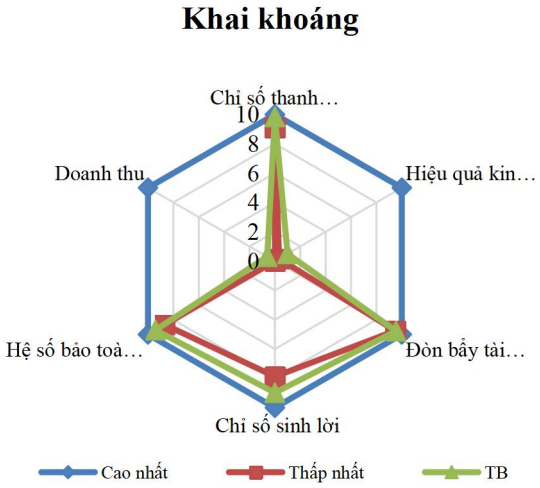

Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
600
500
400
300
200
100
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

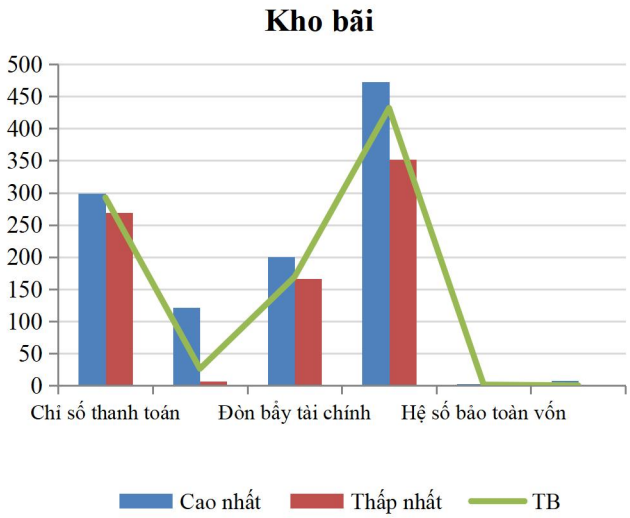

Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo to…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

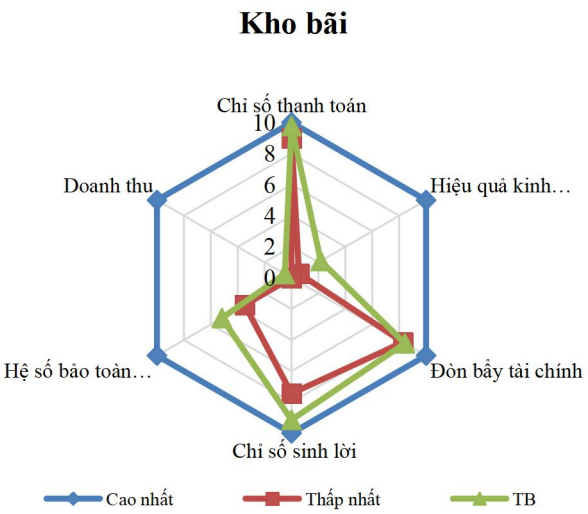

Hoạt động xây dựng chuyên dụng
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

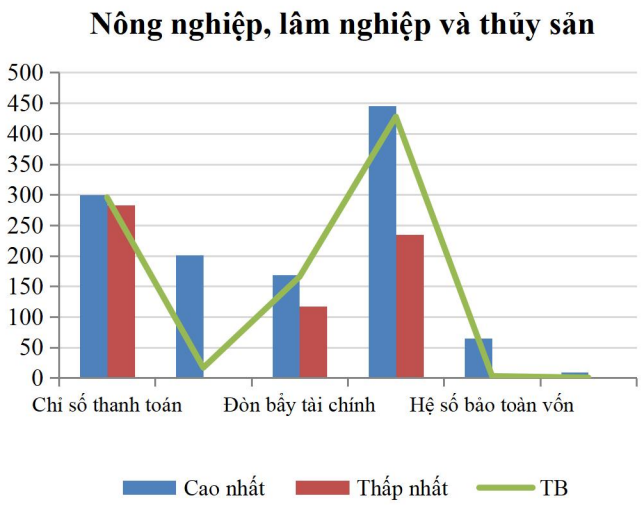

Hoạt động xây dựng chuyên dụng
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

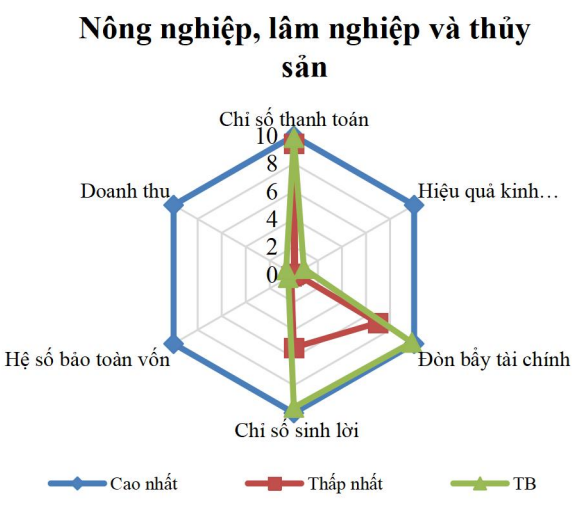

Khai khoáng
600
500
400
300
200
100
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

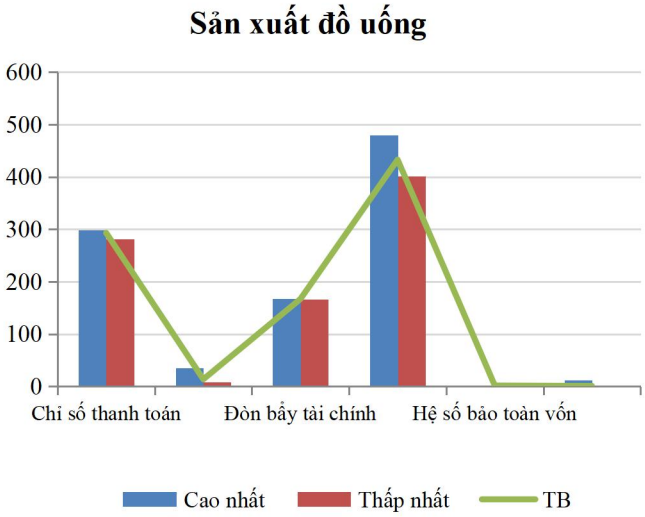

Khai khoáng
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

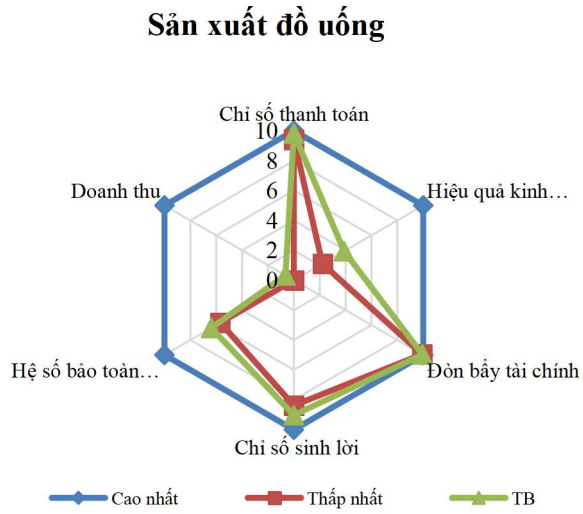

Kho bãi
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

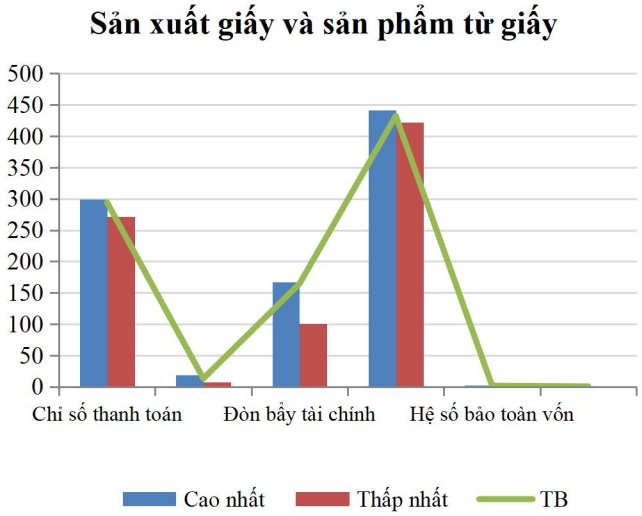

Kho bãi
Chỉ số thanh toán
Hiệu quả kinh…
Đòn bẩy tài chính
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toàn…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

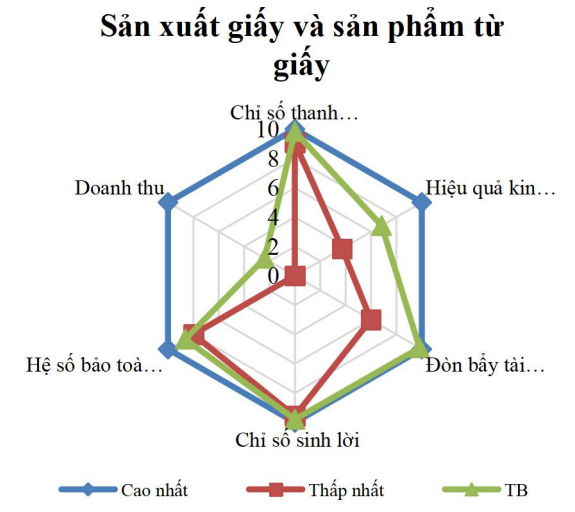

Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

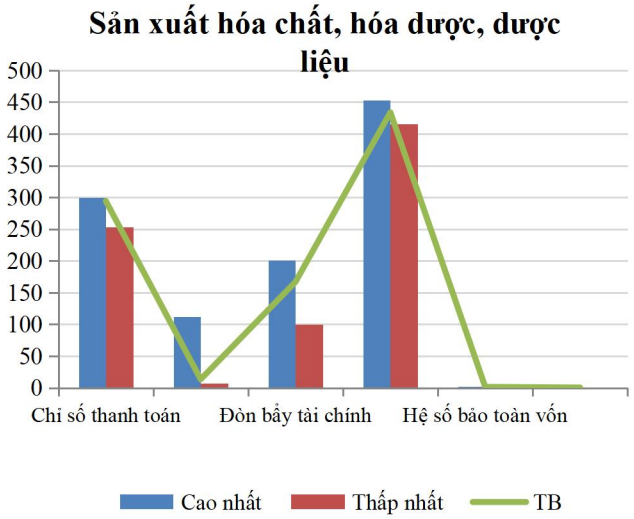

Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
Chỉ số thanh toán
Hiệu quả kinh…
Đòn bẩy tài chính
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toàn vốn
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

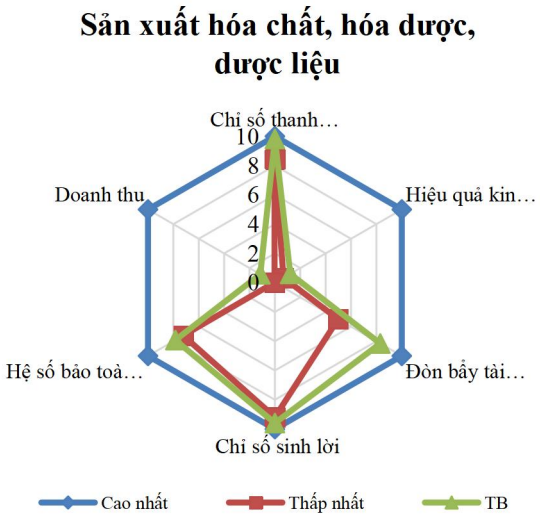

Sản xuất đồ uống
600
500
400
300
200
100
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

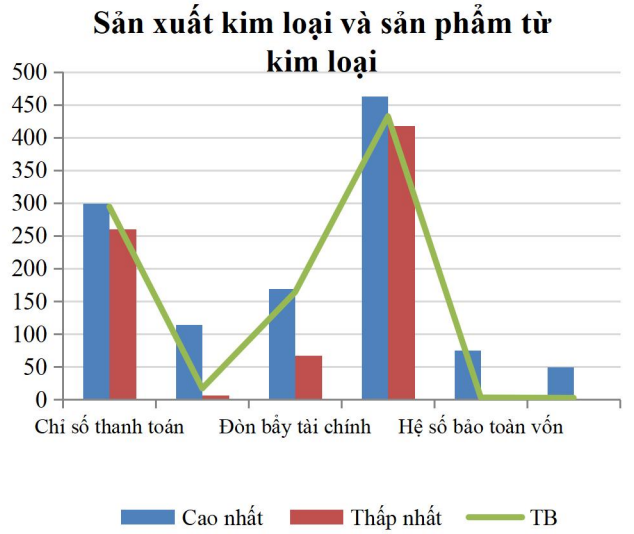

Sản xuất đồ uống
Chỉ số thanh toán
Hiệu quả kinh…
Đòn bẩy tài chính
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toàn…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

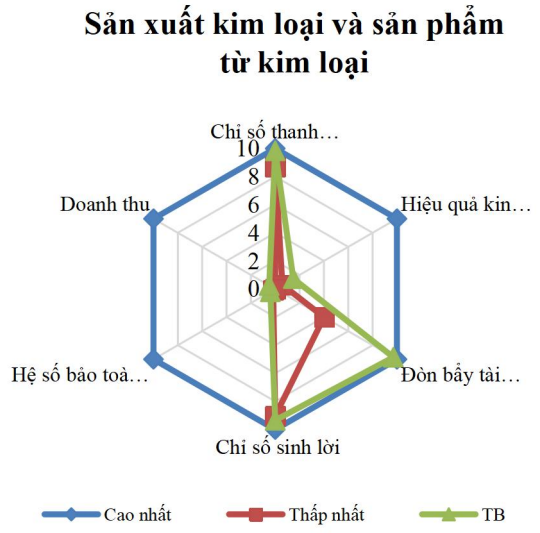

Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

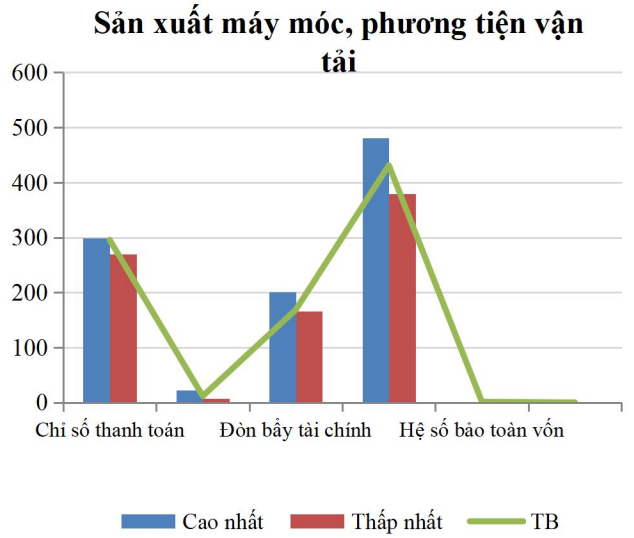

Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

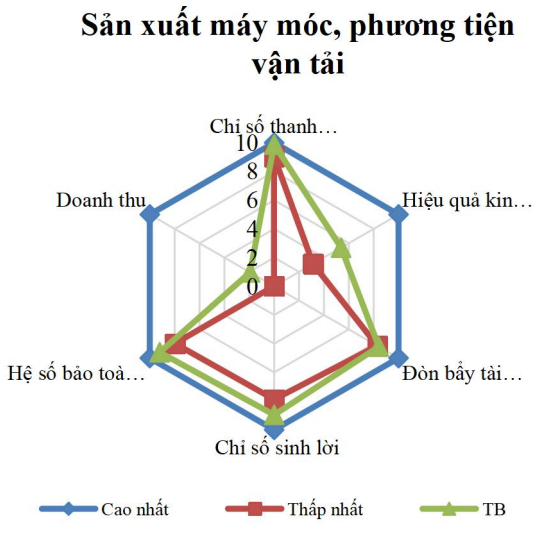

Sản xuất hóa chất, hóa dược, dược liệu
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

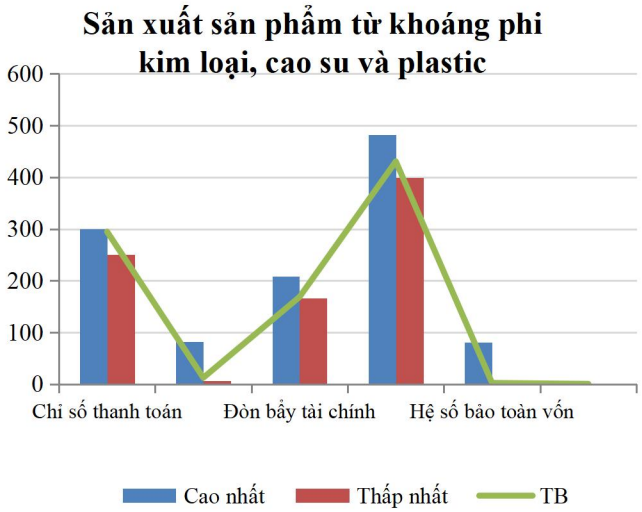

Sản xuất hóa chất, hóa dược, dược liệu
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

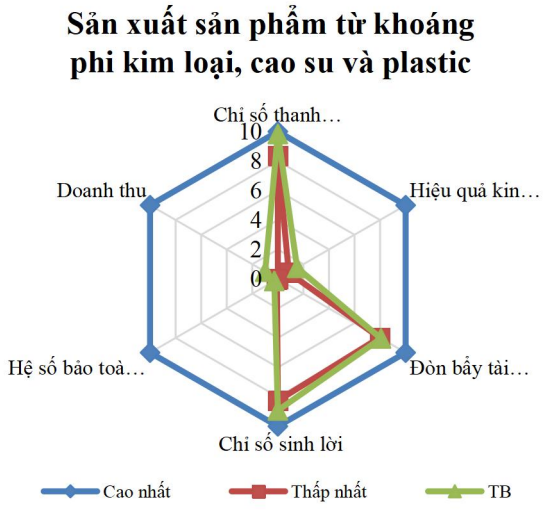

Sản xuất kim loại và sản phẩm từ kim loại
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

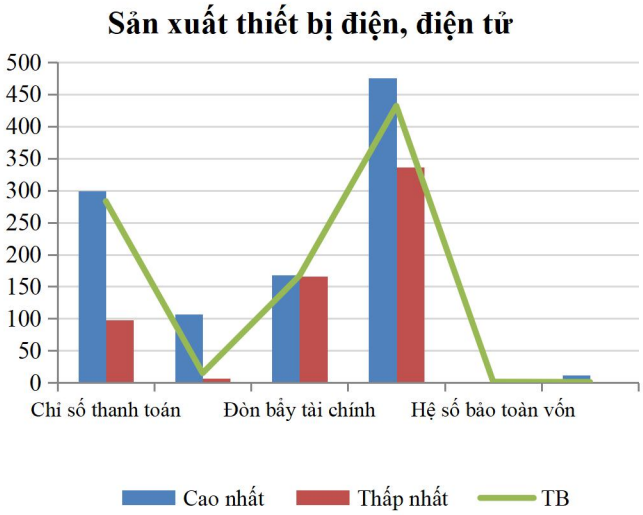

Sản xuất kim loại và sản phẩm từ kim loại
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

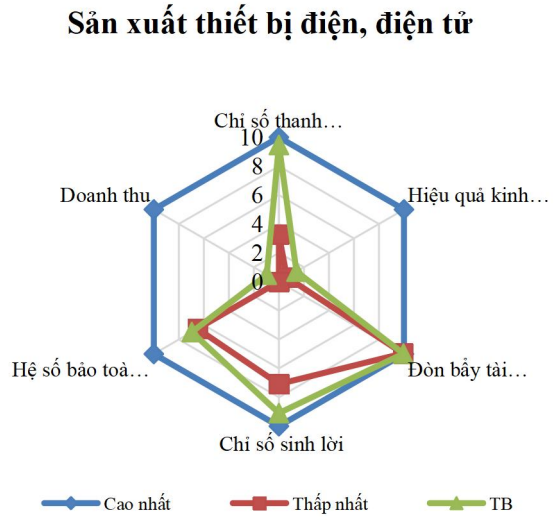

Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải
600
500
400
300
200
100
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

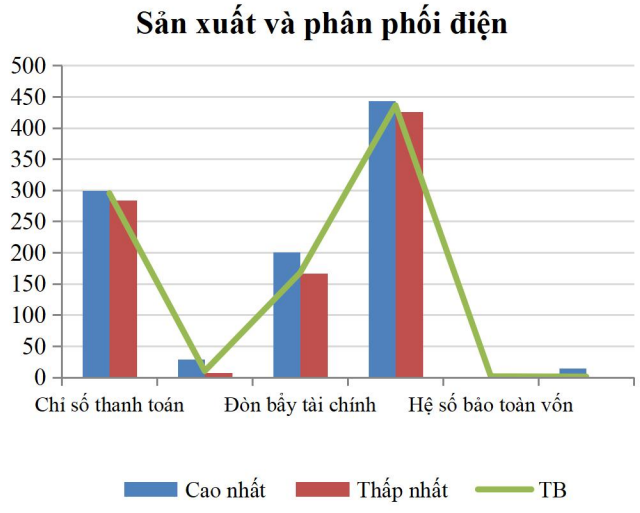

Sản xuất máy móc, phương tiện vận tải
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

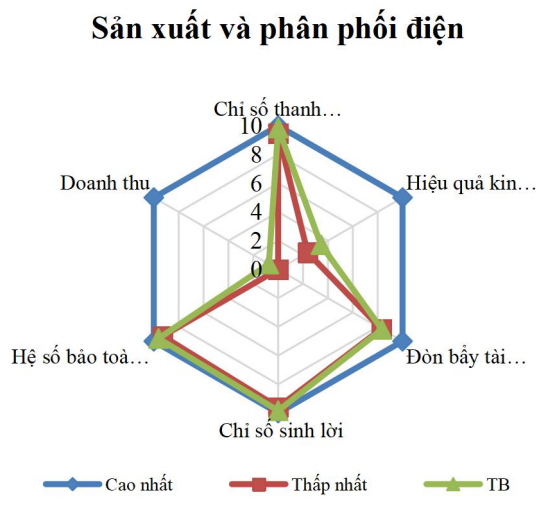

Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, cao su và plastic
600
500
400
300
200
100
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

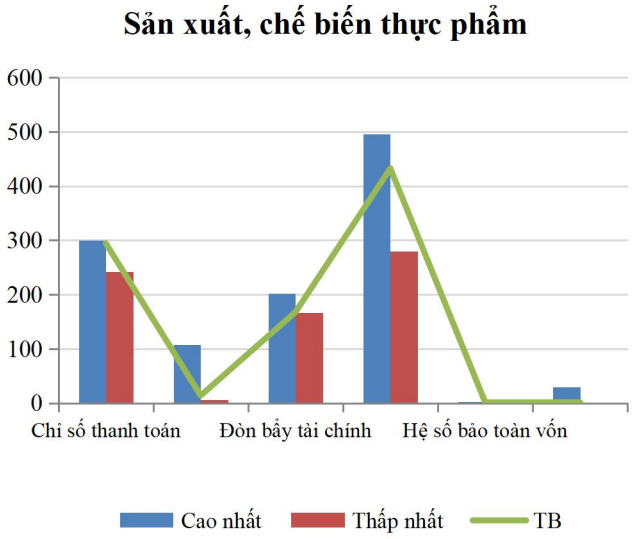

Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, cao su và plastic
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

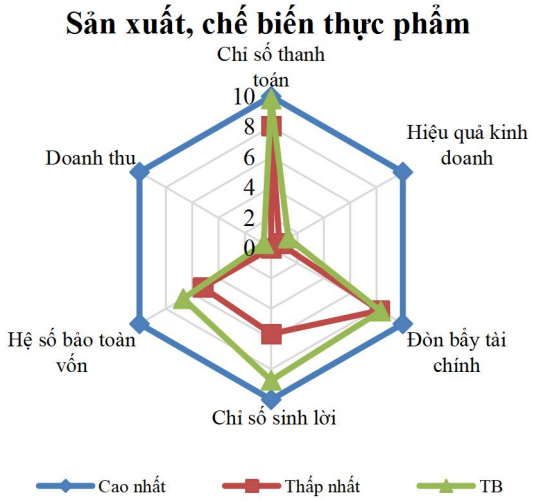

Sản xuất thiết bị điện, điện tử
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

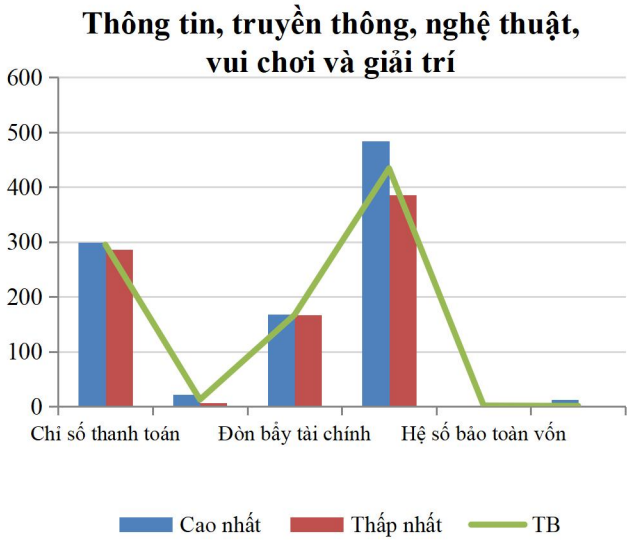

Sản xuất thiết bị điện, điện tử
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kinh…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

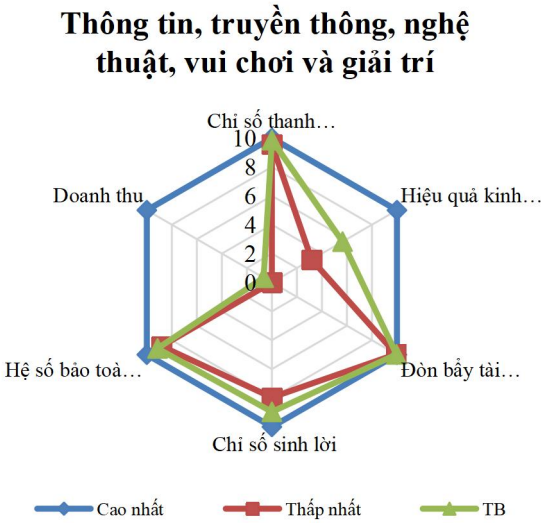

Sản xuất và phân phối điện
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

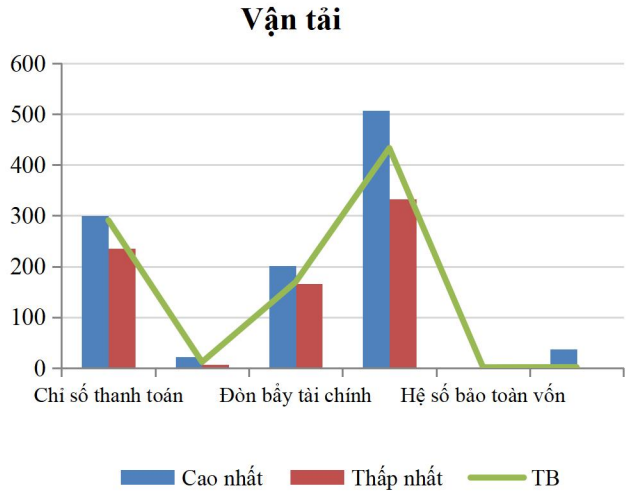

Sản xuất và phân phối điện
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

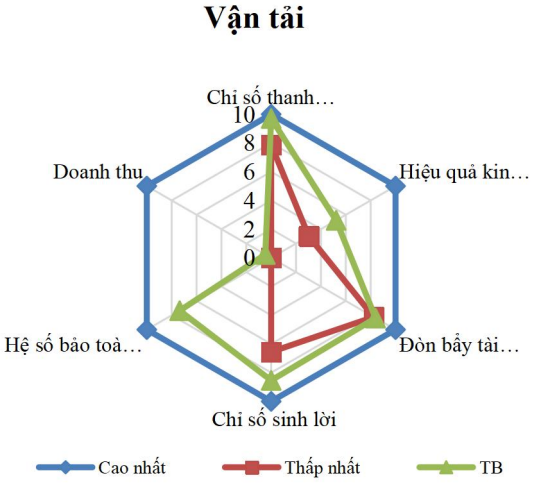

Sản xuất, chế biến thực phẩm
600
500
400
300
200
100
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

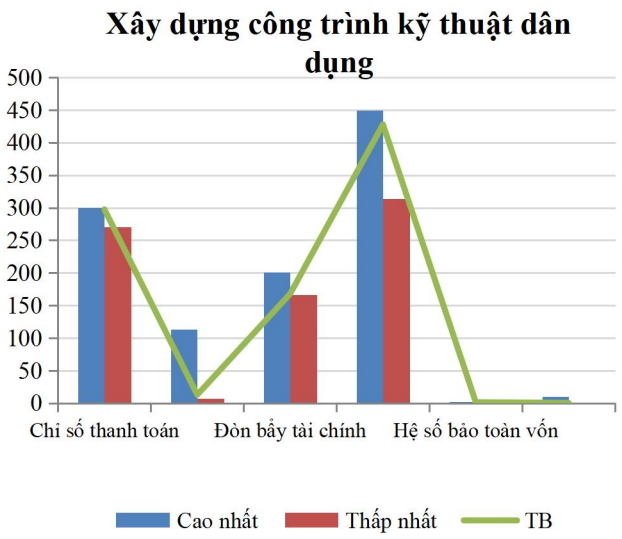

Sản xuất, chế biến thực phẩm
Chỉ số thanh toán
Hiệu quả kinh doanh
Đòn bẩy tài chính
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toàn vốn
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

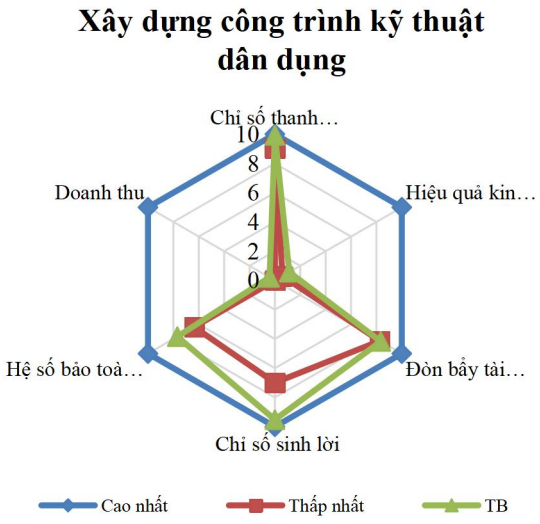

Thông tin, truyền thông, nghệ thuật, vui chơi và giải trí
600
500
400
300
200
100
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB

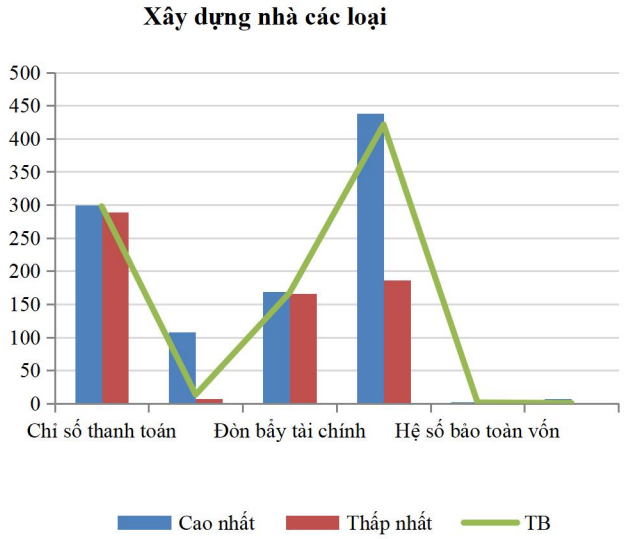

Thông tin, truyền thông, nghệ thuật, vui chơi và giải trí
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kinh…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

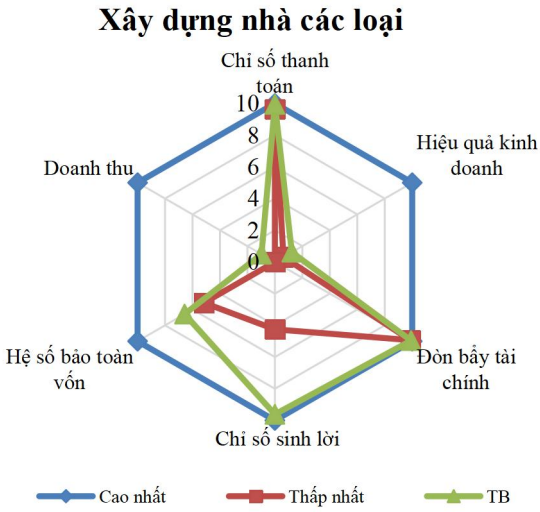

Vận tải
600
500
400
300
200
100
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB


Vận tải
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB


Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB


Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Chỉ số thanh…
Hiệu quả kin…
Đòn bẩy tài…
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toà…
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB


Xây dựng nhà các loại
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
Chỉ số thanh toán
Đòn bẩy tài chính
Hệ số bảo toàn vốn
Cao nhất
Thấp nhất
TB


Xây dựng nhà các loại
Chỉ số thanh toán
Hiệu quả kinh doanh
Đòn bẩy tài chính
Chỉ số sinh lời
Hệ số bảo toàn vốn
Doanh thu
10
8
6
4
2
0
Cao nhất
Thấp nhất
TB

PHẦN V

CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CHI TIẾT CỦA DOANH NGHIỆP TRONG TỪNG NGÀNH

1. NGÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Số lượng doanh nghiệp trong ngành

Năm 2023: 124 Năm 2024: 116

Thêm: 5 Bớt: 13

Tình trạng doanh nghiệp trong nhóm năm 2024 so với năm 2023

+ *Số lượng doanh nghiệp đạt 2 tiêu chí:*

  Duy trì: 23 Tăng thêm: 5 Giảm bớt: 6

+ *Số doanh nghiệp đạt tiêu chí về giá:*

  Duy trì: 22 Tăng thêm: 10 Giảm bớt: 14

+ *Số doanh nghiệp không đạt tiêu chí*

  Duy trì: 45 Tăng thêm: 6 Giảm bớt: 14

Tình trạng thực hiện các chỉ tiêu tài chính ở các doanh nghiệp trong nhóm

Điểm cao: Chỉ số thanh toán Mức tăng LNST TSLN

Điểm thấp: Phải thu NH HSSD vốn Hệ số bảo toàn vốn

Tình trạng cân đối trong việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính giữa các DN trong nhóm

Chênh lệch ít: TT tức thời Nợ/Vốn CP

Chênh lệch nhiều: Chỉ số hiệu quả Mức tăng LNST Doanh thu

Thay đổi vị trí xếp hạng trong tổng số doanh nghiệp

Tăng bậc: 59 Không đổi: Giảm bậc: 52

Các doanh nghiệp đạt chỉ số tốt nhất trong ngành

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Vinhomes (7)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần KOSY (299,59)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (107,27)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Quốc tế Holding (168,59)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Vinhomes (528,76)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO (58,82)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (66,55)

Doanh nghiệp có số lượng chỉ tiêu tốt lên nhiều nhất trong ngành

+ Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai (21)

BẢNG 1.A.1: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2023

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái bình Dương	0,16	0,68	0,05	0,39	0,16	1,01	0,08	0,23	0,59	1,61	0,22
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	1,46	0,80	0,17	2,90	2,33	1,82	0,59	3,56	0,61	3,71	1,42
3	Công ty Cổ phần Thống Nhất	1,65	5,69	0,14	2,44	2,78	2,92	0,10	0,91	0,71	6,27	0,00
4	TCT Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần	0,34	0,37	0,06	1,12	0,18	6,80	0,15	0,76	0,64	3,28	3,98
5	Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp	0,74	0,70	0,07	5,83	5,15	3,80	0,32	1,18	0,60	2,23	2,50
6	Công ty cổ phần BV Land	2,40	1,46	0,07	1,94	1,60	36,23	0,70	1,81	0,34	0,87	2,91
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	12,38	13,80	1,06	21,97	51,57	19,73	0,54	2,40	0,66	2,92	0,00
8	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	1,23	2,68	0,01	0,46	0,72	35,66	0,28	0,53	0,40	0,76	3,20
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	0,56	1,81	0,47	0,92	0,75	1,02	0,15	0,27	0,34	0,62	5,28
10	Công ty Cổ phần COMA18	0,12	0,85	0,00	0,15	2,95	0,67	0,09	0,21	0,78	1,73	-1,17
11	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	0,84	3,92	0,13	0,23	1,35	4,52	0,13	0,20	0,21	0,32	-12,78
12	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	0,43	0,61	0,14	1,16	1,89	0,81	0,17	0,43	0,48	1,20	0,00
13	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0,24	1,47	0,18	0,21	0,40	9,42	0,10	0,53	0,47	2,52	163,65
14	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	2,61	3,12	0,39	3,82	0,97	14,26	0,12	0,64	0,40	2,05	0,00
15	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	0,13	0,95	0,30	0,22	0,12	1,35	0,06	0,17	0,53	1,46	2,70
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	0,78	0,41	0,03	2,10	0,39	144,46	0,37	4,85	0,86	11,18	7,08
17	Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn	1,92	3,17	1,63	90,53	0,00	6,44	0,44	0,77	0,23	0,41	0,00
18	Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	0,26	0,08	0,03	7,92	0,50	1,29	0,32	0,38	1,31	1,56	1,20
19	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0,24	0,15	0,02	2,54	0,63	5,01	0,14	0,55	0,71	2,80	1,35
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung	4,48	1,14	0,01	3,97	95,55	374,11	1,03	2,33	0,56	1,26	1,01
21	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	0,32	1,04	0,02	0,33	0,14	10,01	0,13	0,61	0,51	2,39	1,84
22	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	0,30	1,55	0,03	0,20	0,31	10,02	0,13	0,35	0,48	1,28	0,37
23	Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện Lực	0,04	1,17	0,00	0,39	0,48	0,48	0,02	0,06	0,67	1,81	-9,13
24	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	2,43	4,03	0,29	0,65	1,14	1.092,09	0,30	0,51	0,27	0,45	38,56

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
25	Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. HCM	0,08	0,28	0,05	0,45	0,00	867,55	0,03	0,05	0,33	0,58	0,00
26	Công ty cổ phần Địa ốc First Real	0,32	1,06	0,02	0,31	0,22	84,53	0,12	0,26	0,47	1,03	1,57
27	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	1,05	3,12	0,03	0,49	3,27	2,81	0,23	0,51	0,25	0,57	0,77
28	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	4,46	73,75	5,56	0,07	0,00	0,22	0,02	0,02	0,00	0,00	40,29
29	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD 2	0,26	0,82	0,04	0,36	0,16	10,36	0,11	0,46	0,73	3,08	0,00
30	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	0,32	0,46	0,01	0,71	0,32	2,11	0,14	0,49	0,59	2,07	2,96
31	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	1,24	0,98	0,11	1,81	1,09	0,32	0,20	0,94	0,50	2,36	2,98
32	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	0,20	1,72	0,77	0,26	0,02	0,43	0,02	0,07	0,28	0,84	2,28
33	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	0,01	0,47	0,01	0,14	127,25	0,88	0,01	0,04	0,85	3,48	0,00
34	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	0,43	0,89	0,01	0,50	0,47	29,30	0,20	0,55	0,57	1,55	2,22
35	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	0,11	1,14	0,01	0,10	0,41	112,99	0,04	0,06	0,40	0,62	2,35
36	Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	3,62	9,85	0,27	61,53	0,00	0,00	0,26	0,67	0,18	0,47	0,00
37	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	0,10	0,27	0,01	0,39	0,00	4,46	0,03	0,04	0,40	0,41	-2,71
38	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	0,38	0,86	0,02	0,49	1,61	44,86	0,29	1,84	0,76	4,81	1,02
39	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	0,86	1,43	0,11	0,65	1,67	4,58	0,40	1,09	0,47	1,27	1,09
40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	0,08	0,21	0,04	0,49	0,03	8,99	0,04	0,19	0,74	3,56	1,02
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6	0,15	2,48	0,25	0,07	0,03	0,35	0,03	0,04	0,23	0,31	0,00
42	Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp	0,99	1,09	0,31	3,30	1,30	1,15	0,29	2,24	0,50	3,83	0,00
43	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	0,00	0,38	0,22	0,03	0,01	0,02	0,00	0,01	0,47	1,26	-2,20
44	Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	0,34	0,59	0,03	0,66	0,34	25,74	0,18	0,50	0,56	1,52	9,97
45	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0,98	2,42	0,08	6,68	5,07	1,57	0,10	0,59	0,56	3,28	137,13
46	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	0,64	0,42	0,12	2,22	0,31	2,57	0,23	0,59	0,40	1,02	7,90
47	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	0,36	0,35	0,10	1,47	0,18	0,44	0,13	0,55	0,44	1,91	2,49
48	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-Công ty Cổ phần	0,85	1,95	0,13	0,58	0,16	12,52	0,17	0,73	0,40	1,72	8,61
49	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	0,39	1,11	0,70	1,14	0,03	25,67	0,08	0,26	0,41	1,37	0,00
50	Công ty cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land	0,34	1,67	0,05	0,21	1,44	509,31	0,05	0,07	0,19	0,27	1,29
51	Công ty Cổ phần KOSY	1,04	0,64	0,00	1,72	0,47	1,20	0,28	0,61	0,51	1,13	1,26

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
52	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	0,08	1,54	0,02	0,06	0,14	6,75	0,03	0,18	0,60	3,66	5,68
53	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	0,35	0,23	0,12	4,30	0,20	15,06	0,18	2,51	0,83	11,25	7,96
54	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	-0,01	1,20	0,00	-0,01	0,08	-129,71	-0,01	-0,01	0,63	1,77	-12,34
55	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	0,14	1,13	0,01	0,12	0,24	44,29	0,07	0,18	0,50	1,31	2,32
56	Công ty Cổ phần Long Hậu	0,46	1,75	0,28	1,28	0,30	7,12	0,13	0,79	0,48	2,92	15,03
57	Công ty Cổ phần Quốc tế Holding	0,37	0,23	0,03	1,96	0,76	0,00	0,53	0,21	1,42	0,58	-11,36
58	Công ty Cổ phần Thiết bị	4,33	0,95	0,77	44,33	434,14	8,56	0,50	2,32	0,26	1,22	16,84
59	Công ty cổ phần Tập đoàn Mgroup	0,68	4,86	0,63	0,17	0,90	28,20	0,04	0,04	0,10	0,10	-345,23
60	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cao su Bình Long	1,61	9,44	3,54	4,69	663,34	1,55	0,12	0,64	0,54	2,93	0,00
61	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	0,13	0,49	0,01	0,28	0,12	1,32	0,04	0,29	0,74	5,07	1,14
62	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	1,61	3,50	0,99	2,85	1,57	110,88	0,33	0,61	0,21	0,38	84,70
63	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	0,38	0,44	0,04	1,46	0,53	1,08	0,11	0,17	0,37	0,60	4,43
64	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	0,32	0,81	0,26	0,87	0,09	22,64	0,11	0,83	0,53	3,92	4,49
65	Công ty Cổ phần Tập đoàn Danh Khôi	0,01	1,25	0,00	0,01	0,01	0,07	0,00	0,00	0,38	0,85	1,77
66	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	0,36	2,03	0,03	2,59	320,07	7,19	0,05	0,98	0,79	15,01	40,30
67	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm	1,63	1,69	0,85	5,31	0,40	18,45	0,45	1,50	0,28	0,94	52,13
68	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0,05	0,60	0,04	0,10	0,02	1,98	0,02	0,24	0,81	10,06	7,10
69	Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay	2,80	0,94	0,24	4,57	12,77	0,67	0,35	0,42	0,50	0,60	2,65
70	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	1,38	0,53	0,28	9,91	2,21	1,92	0,21	0,33	0,67	1,07	9,07
71	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	0,07	0,51	0,06	0,15	0,01	22,84	0,03	0,08	0,55	1,55	3,58
72	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	2,82	3,33	0,76	3,54	8,04	2,73	0,40	0,55	0,25	0,33	0,00
73	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận	0,49	2,76	0,17	0,19	0,04	1,67	0,07	0,17	0,40	0,94	0,00
74	Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần	0,76	1,01	0,36	1,81	1,57	0,75	0,20	0,39	0,32	0,62	16,40
75	Công ty Cổ phần Victory Group	0,14	2,29	0,14	0,08	0,12	0,27	0,03	0,02	0,25	0,16	0,00
76	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	0,00	0,52	0,06	0,00	4,07	0,00	0,00	0,00	0,39	0,42	0,00
77	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt	-0,05	1,48	0,26	-0,07	-0,15	-2,32	-0,01	-0,01	0,25	0,11	0,00
78	Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội	0,00	0,06	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,53	0,97	-3,48

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
79	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	0,17	0,68	0,22	0,66	0,35	0,45	0,09	0,19	0,64	1,36	-3.128,92
80	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	0,41	0,19	0,00	2,15	0,35	4,59	0,33	0,41	0,83	1,03	1,00
81	Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí-Long Sơn	0,25	1,90	0,09	0,18	0,01	3,03	0,01	0,01	0,06	0,06	0,00
82	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	0,09	0,10	0,01	0,98	0,05	0,38	0,05	0,16	0,55	1,90	1,11
83	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0,07	1,19	0,04	0,07	0,08	1,59	0,03	0,10	0,39	1,33	0,00
84	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	0,10	1,04	0,03	0,10	0,07	1,88	0,03	0,09	0,52	1,39	1,05
85	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	0,10	0,53	0,01	0,21	0,08	400,38	0,07	0,42	0,71	4,26	1,35
86	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	0,12	1,20	0,06	0,11	0,10	8,49	0,05	0,17	0,55	1,88	5,26
87	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	1,39	1,02	0,03	1,41	338,04	360,36	1,00	4,42	0,72	3,18	1,02
88	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op	1,66	18,82	4,36	0,97	0,00	13,47	0,02	0,04	0,06	0,13	0,00
89	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	2,18	2,69	0,27	1,91	12,28	5,33	0,32	3,67	0,81	9,37	20,88
90	Công ty Cổ phần SJ Group	0,14	0,19	0,02	0,92	0,05	1,82	0,06	0,36	0,63	4,10	535,18
91	TCT CP Phát triển Khu Công nghiệp	1,42	1,41	0,30	2,89	1,58	1,10	0,23	1,45	0,56	3,48	15,13
92	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	1,56	1,69	1,11	7,47	31,29	0,97	0,26	1,28	0,60	2,99	95,47
93	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	0,46	0,25	0,12	12,15	0,29	1,03	0,12	0,68	0,75	4,35	6,82
94	Công ty cổ phần Sonadezi Giang Điền	1,18	3,71	0,11	0,40	1,49	1,75	0,12	0,77	0,79	5,28	849,94
95	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	2,41	1,68	0,95	8,11	2,48	2,18	0,23	1,51	0,68	4,45	46,68
96	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	0,93	0,54	0,08	2,38	0,61	5,67	0,33	1,09	0,60	2,00	9,27
97	Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Bình	2,43	17,59	1,30	0,66	0,50	6,53	0,08	0,17	0,05	0,11	0,00
98	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	0,13	0,63	0,01	0,22	0,38	370,05	0,09	0,11	0,72	0,85	0,00
99	Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	1,74	2,02	0,13	0,93	5,66	42,18	0,28	0,45	0,16	0,26	16,86
100	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	2,26	1,97	0,55	2,29	3,14	7,52	0,30	0,64	0,38	0,81	72,41
101	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TANIMEX)	2,41	4,51	0,70	4,93	10,26	14,04	0,17	0,70	0,31	1,24	0,00
102	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	3,53	4,62	0,95	2,61	5,60	46,18	0,58	1,97	0,45	1,55	2,48
103	Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	0,20	0,29	0,02	0,92	0,39	0,25	0,11	0,27	0,71	1,77	-1,56
104	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	0,56	0,93	0,02	0,61	0,31	13,85	0,16	0,51	0,55	1,73	0,00
105	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	16,11	1,50	0,64	19,00	19,82	14,98	4,29	30,63	0,29	2,05	44,71

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
106	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0,00	68,40	58,68	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,01	0,01	0,00
107	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	0,02	0,14	0,01	0,27	2,03	1,09	0,01	0,02	0,68	1,60	0,00
108	Công ty Cổ phần Vinhomes	0,49	0,89	0,07	0,78	1,23	8,87	0,23	2,38	0,59	6,02	15,19
109	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	0,40	0,63	0,07	0,96	1,49	1,01	0,24	4,16	0,78	13,39	1,80
110	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	3,39	3,61	1,21	3,30	0,00	5,51	0,47	2,12	0,61	2,75	0,00
111	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội	0,68	0,86	0,34	1,55	0,60	3,09	0,20	0,63	0,36	1,15	0,00
112	Công ty Cổ phần AAV Group	0,84	7,58	0,01	0,11	10,79	3,75	0,08	0,11	0,15	0,20	-2,24
113	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	0,74	1,19	0,15	0,75	1,45	130,15	0,42	3,11	0,69	5,13	5,90
114	Công ty Cổ phần BCG Land	0,38	0,71	0,02	0,64	0,19	10,13	0,08	0,21	0,51	1,33	1,54
115	Công ty Cổ phần Thế kỷ 21	0,61	1,55	0,38	0,63	61,26	1,54	0,09	0,41	0,23	1,00	0,00
116	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	1,01	0,42	0,02	2,55	0,66	10,59	0,41	2,54	0,57	3,53	-3,87
117	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài sản Koji	0,07	23,67	0,12	0,00	0,00	54,09	0,00	0,00	0,02	0,02	0,00
118	Công ty cổ phần Bất động sản Sài Gòn VINA	0,00	1,25	0,03	0,00	0,00	1,84	0,00	0,00	0,55	1,43	1,08
119	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	0,14	0,19	0,01	0,92	0,50	2,25	0,08	0,30	0,78	2,82	-1,10
120	Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng	0,05	0,62	0,02	0,09	0,03	4,85	0,03	0,08	0,57	1,41	1,07
121	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	0,40	0,48	0,04	0,93	0,15	3,33	0,15	0,77	0,68	3,54	2,35
122	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0,01	0,15	0,03	0,13	0,00	9,91	0,00	0,01	0,27	0,92	15,32
123	Công ty Cổ phần Vincom Retail	1,57	1,50	0,66	6,07	6,95	23,69	0,21	0,42	0,21	0,42	17,72

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái bình Dương	1.351,55	29%	-5%	-28%	-2%	-6%	-664	-53.815.187.926	1,11	210.997.766.321
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	988,73	11%	7%	2%	1%	7%	580	243.699.371.212	2,32	11.991.539.015.201
3	Công ty Cổ phần Thống Nhất	814,35	48%	19%	39%	4%	35%	3.015	28.766.331.975	2,57	74.522.860.806
4	TCT Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần	761,95	54%	35%	29%	4%	22%	2.187	2.280.087.767.209	1,88	8.174.569.493.181

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
5	Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp	940,90	28%	14%	9%	3%	11%	887	41.420.358.153	1,51	456.261.093.100
6	Công ty cổ phần BV Land	949,65	17%	9%	5%	4%	10%	663	55.593.081.192	1,70	1.035.173.221.559
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	975,67	11%	2%	6%	3%	14%	1.222	25.155.426.972	1,49	425.126.763.680
8	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	790,33	38%	31%	18%	5%	10%	0	57.697.557.914	1,15	327.040.438.502
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	883,52	31%	15%	9%	1%	2%	495	121.198.197.396	1,21	1.393.477.022.200
10	Công ty Cổ phần COMA18	1.015,63	32%	3%	-11%	-1%	-2%	-228	-7.212.365.906	0,49	66.138.358.271
11	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	2.371,54	20%	-128%	-130%	-17%	-27%	4	-1.231.337.645.467	1,21	1.036.200.764.186
12	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	870,13	34%	13%	11%	2%	5%	453	35.729.266.421	1,29	336.593.140.856
13	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	770,67	55%	23%	14%	1%	7%	550	4.740.118.144	2,84	34.876.498.058
14	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	916,92	23%	8%	13%	2%	8%	746	25.753.192.699	3,09	194.833.190.232
15	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	1.048,74	24%	5%	11%	1%	2%	195	111.623.208.557	1,29	1.039.100.785.050
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	936,92	18%	7%	5%	2%	23%	2.383	14.083.666.318	1,77	290.916.836.128
17	Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn	777,41	43%	22%	31%	14%	24%	2.368	5.420.236.854	1,34	17.635.617.298
18	Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	863,56	46%	25%	2%	1%	1%	83	375.714.619	-0,37	17.028.913.590
19	Công ty Cổ phần Đệ Tam	984,16	22%	10%	1%	0%	1%	74	1.332.721.130	1,12	100.007.683.374
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung	1.027,89	1%	1%	0%	0%	0%	5	58.155.503	1,00	314.165.654.366
21	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	947,08	46%	20%	4%	1%	2%	273	150.240.038.598	2,32	3.724.825.944.342
22	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	1.009,98	36%	5%	-8%	-1%	-3%	-293	-160.261.911.611	1,41	1.997.404.377.548
23	Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện Lực	2.668,95	13%	-151%	-164%	-4%	-10%	-979	-44.466.097.589	0,89	27.090.455.033
24	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	973,35	4%	3%	3%	1%	1%	141	31.435.382.432	1,22	1.090.134.190.400
25	Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. HCM	973,79	72%	3%	4%	0%	0%	19	724.785.101	1,15	18.771.213.545
26	Công ty cổ phần Địa ốc First Real	863,56	59%	42%	11%	1%	3%	297	19.086.654.877	1,15	169.124.770.174
27	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	1.023,75	20%	2%	-4%	-1%	-2%	-338	-77.624.493.681	1,70	1.774.922.351.603
28	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	768,04	70%	28%	197%	3%	4%	376	35.939.331.273	1,05	18.271.816.853
29	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD 2	1.016,11	3%	-2%	0%	0%	0%	3	28.645.029	1,15	40.896.771.367
30	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	765,88	45%	36%	20%	3%	10%	1.079	131.972.098.044	1,41	666.012.382.553

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
31	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	652,70	60%	52%	30%	6%	28%	2.175	866.291.361.944	2,36	2.889.383.967.575
32	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	1.007,29	44%	22%	24%	1%	2%	165	3.301.094.794	2,12	13.536.488.470
33	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	3.011,69	-53%	-201%	298%	3%	11%	1.124	67.459.246.738	0,60	83.665.245.800
34	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	1.034,95	17%	6%	8%	2%	4%	419	134.937.784.139	1,18	1.680.274.226.042
35	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	959,74	18%	6%	2%	0%	0%	11	5.158.051.909	0,92	322.609.440.195
36	Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	481,10	89%	52%	55%	14%	37%	3.240	23.339.136.543	2,12	42.471.841.604
37	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	2.830,23	36%	-131%	-192%	-7%	-7%	-681	-13.615.231.313	0,62	7.080.206.851
38	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	1.003,29	6%	2%	0%	0%	0%	-4	6.831	1,49	183.849.160.657
39	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	1.012,25	11%	3%	0%	0%	0%	32	319.071.033	1,46	109.064.148.447
40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	970,67	29%	34%	0%	0%	0%	9	139.771.949	1,28	28.820.510.366
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6	1.911,61	73%	-91%	2%	0%	0%	8	61.581.391	1,03	2.865.763.376
42	Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp	875,90	24%	12%	12%	4%	27%	2.427	10.336.292.096	3,83	85.010.764.469
43	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	11.796,30	-90%	-839%	-785%	-1%	-4%	-464	-8.138.886.004	1,45	6.336.061.310
44	Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	906,53	33%	11%	13%	2%	6%	631	109.408.912.172	1,18	862.043.543.600
45	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	615,15	52%	39%	86%	9%	51%	5.666	157.694.943.998	2,55	184.344.971.901
46	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	680,02	44%	37%	26%	6%	16%	1.458	394.852.892.967	1,52	1.515.697.523.598
47	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	854,78	43%	30%	17%	2%	9%	813	87.961.741.896	2,39	531.504.743.092
48	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-Công ty Cổ phần	554,52	66%	51%	40%	7%	29%	2.646	2.245.003.412.966	2,63	5.858.772.665.527
49	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	317,92	76%	68%	59%	5%	15%	1	1.229.153.778.902	1,94	2.166.305.461.000
50	Công ty cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land	1.730,73	8%	-38%	8%	0%	1%	56	25.361.139.253	1,15	404.320.394.132
51	Công ty Cổ phần KOSY	1.014,09	11%	8%	2%	0%	1%	97	21.137.848.119	1,07	1.315.815.469.460
52	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	921,16	53%	18%	37%	1%	7%	463	204.156.563.202	2,43	554.618.871.168
53	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	792,98	36%	24%	18%	3%	44%	4.202	37.877.680.376	2,37	214.571.401.023
54	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	-10.483	318%	1030%	1444%	-7%	-21%	-2.058	-527.174.206.324	1,06	48.804.563.174
55	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	1.858,91	5%	-63%	18%	1%	3%	297	16.627.329.661	1,31	91.321.602.864
56	Công ty Cổ phần Long Hậu	690,66	51%	35%	42%	5%	33%	2.691	166.186.589.658	3,19	394.859.343.137
57	Công ty Cổ phần Quốc tế Holding	2.298,18	3%	-119%	-130%	-68%	-28%	-2.764	-70.848.527.521	-0,17	54.674.203.873

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
58	Công ty Cổ phần Thiết bị	574,86	51%	45%	34%	17%	78%	7.850	41.522.457.876	3,42	122.775.302.168
59	Công ty cổ phần Tập đoàn Mgroup	3.066,87	10%	-206%	-196%	-8%	-8%	-832	-16.946.967.833	0,92	8.628.902.864
60	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cao su Bình Long	907,82	24%	9%	29%	4%	19%	2.786	45.191.627.189	2,30	154.475.719.362
61	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	1.713,11	36%	18%	0%	0%	0%	18	1.085.764.774	1,81	293.035.706.646
62	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	530,01	52%	48%	50%	16%	30%	3.044	218.145.970.922	1,47	435.756.928.839
63	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	901,84	32%	13%	8%	1%	1%	140	5.893.045.623	1,03	73.133.546.015
64	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	904,43	49%	18%	25%	3%	21%	1.187	800.477.434.350	3,52	3.181.421.790.727
65	Công ty Cổ phần Tập đoàn Danh Khôi	9.091,81	96%	311%	257%	1%	1%	129	11.899.525.078	1,40	4.628.774.256
66	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	560,56	70%	48%	127%	7%	125 %	12.486	299.669.833.741	4,00	235.260.332.814
67	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm	481,30	56%	53%	40%	18%	60%	5.553	364.190.288.722	2,40	914.023.641.213
68	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	1.165,59	28%	-10%	10%	0%	2%	311	485.864.524.898	2,32	4.769.950.330.281
69	Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay	918,25	51%	17%	10%	3%	4%	62	35.833.221.189	0,59	377.060.270.126
70	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	881,76	46%	14%	14%	3%	5%	287	141.290.936.288	0,52	999.175.492.396
71	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	1.023,33	88%	53%	111%	3%	9%	1.003	682.501.990.821	1,30	617.515.216.109
72	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	1.025,38	31%	-3%	1%	0%	0%	-35	381.368.132	1,02	54.799.880.243
73	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận	783,78	85%	22%	17%	1%	3%	294	2.726.892.830	1,24	15.866.538.263
74	Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần	967,69	31%	4%	10%	2%	4%	328	118.510.410.966	1,33	1.158.033.524.801
75	Công ty Cổ phần Victory Group	1.140,22	50%	-14%	12%	0%	0%	25	2.385.512.377	0,49	20.096.294.018
76	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	0,00	0%	0%	0%	2%	2%	232	8.563.443.608	0,66	0
77	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt	- 2.747,52	-16%	375%	3172%	-41%	-18%	-1.776	-88.808.673.309	0,33	1.445.583.263
78	Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội	0,00	0%	0%	0%	-1%	-1%	-124	-6.573.210.740	0,87	0
79	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	1.304,21	-5%	-30%	-24%	-2%	-5%	-435	-4.561.971.675	0,75	19.273.127.879
80	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	999,18	25%	10%	0%	0%	0%	1	8.192.587	0,21	61.351.304.177
81	Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí-Long Sơn	1.494,76	77%	-49%	4%	0%	0%	6	532.134.640	1,00	12.303.958.402
82	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	980,82	19%	13%	1%	0%	0%	27	3.187.818.561	1,58	432.487.596.439
83	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	1.026,44	47%	-3%	9%	0%	1%	66	1.160.720.473	2,07	13.590.356.820
84	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	1.884,23	29%	-6%	4%	0%	0%	22	15.422.380.326	1,30	371.274.768.051

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
85	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	866,60	49%	32%	1%	0%	1%	52	1.032.046.328	1,76	84.753.584.590
86	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	1.186,98	48%	12%	104%	5%	17%	1.700	103.074.050.589	1,53	99.164.951.899
87	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	1.039,60	2%	1%	0%	0%	0%	26	3.538.908.678	1,22	5.724.422.556.276
88	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op	2.081,50	71%	-108%	48%	1%	2%	0	17.775.784.052	2,09	36.862.665.605
89	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	886,52	14%	12%	15%	5%	55%	4.574	1.003.655.108.735	2,22	6.679.456.563.258
90	Công ty Cổ phần SJ Group	668,66	45%	33%	44%	2%	16%	1.627	183.765.581.553	2,40	416.023.571.847
91	TCT CP Phát triển Khu Công nghiệp	744,27	38%	28%	26%	6%	37%	2.041	1.398.218.983.871	2,68	5.446.697.369.421
92	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	678,05	40%	33%	30%	8%	39%	3.578	116.366.184.392	1,97	382.603.590.319
93	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	695,00	43%	36%	27%	3%	18%	1.621	218.873.291.512	1,45	817.957.115.033
94	Công ty cổ phần Sonadezi Giang Điền	481,02	61%	52%	45%	5%	35%	3.169	189.731.957.746	1,44	425.252.010.237
95	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	773,89	35%	23%	23%	5%	36%	3.034	103.593.524.648	2,13	441.070.578.052
96	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	829,82	27%	19%	15%	5%	16%	1.522	472.685.379.918	1,34	3.237.612.289.032
97	Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Bình	1.199,18	63%	-20%	21%	2%	4%	351	2.832.465.742	2,07	13.382.606.259
98	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	1.280,08	14%	-28%	-52%	-5%	-6%	-554	-62.753.025.320	0,33	120.441.564.617
99	Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	1.002,06	11%	2%	25%	7%	11%	937	81.658.654.100	1,34	325.520.733.030
100	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	912,96	12%	9%	18%	5%	12%	1.249	226.421.558.832	1,33	1.232.618.318.344
101	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TANIMEX)	585,56	77%	41%	50%	9%	35%	3.014	105.439.256.863	2,81	209.234.306.057
102	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	947,01	26%	10%	5%	3%	10%	1.026	51.843.397.272	1,85	978.884.265.226
103	Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	1.701,32	-17%	-39%	-83%	-9%	-23%	-2.112	-79.356.591.786	0,72	96.009.407.022
104	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	778,52	28%	22%	17%	3%	9%	841	14.609.869.011	1,43	83.767.107.212
105	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	978,86	3%	2%	2%	9%	61%	6.021	48.654.367.161	5,09	2.450.028.021.042
106	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0,00	0%	0%	0%	-30%	-28%	-2.844	-11.377.375.215	0,93	0
107	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	1.554,43	17%	-55%	-863%	-6%	-14%	-1.365	-286.729.751.925	0,76	33.215.712.132
108	Công ty Cổ phần Vinhomes	759,57	34%	27%	32%	8%	77%	7.664	33.532.876.000.000	4,19	103.556.722.000.000
109	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	1.122,13	15%	-2%	1%	0%	5%	565	2.056.061.000.000	3,82	161.452.751.000.000

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
110	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	566,03	59%	43%	34%	16%	72%	7.206	186.587.914.737	1,77	548.836.250.142
111	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội	993,94	12%	1%	13%	2%	8%	847	21.500.897.485	2,05	171.508.248.654
112	Công ty Cổ phần AAV Group	1.287,16	4%	-22%	-24%	-2%	-3%	-252	-17.328.079.341	1,13	73.112.403.857
113	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	926,14	25%	10%	12%	5%	37%	1.402	460.384.055.847	2,30	3.891.046.850.177
114	Công ty Cổ phần BCG Land	1.229,66	29%	9%	15%	1%	3%	194	137.830.161.995	1,29	944.398.199.129
115	Công ty Cổ phần Thế kỷ 21	708,95	61%	29%	18%	2%	7%	547	14.106.892.321	3,36	79.199.528.022
116	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	1.210,71	13%	-17%	-21%	-9%	-54%	-4.061	-20.606.463.235	2,70	96.348.659.902
117	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài sản Koji	37.237,28	100%	-3624%	102%	0%	0%	17	1.015.479.081	1,30	1.000.000.000
118	Công ty cổ phần Bất động sản Sài Gòn VINA	113.147,44	38%	-1215%	630%	0%	1%	66	5.980.776.797	1,16	950.000.000
119	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	1.727,40	34%	-9%	-134%	-11%	-40%	-4.032	-402.796.465.319	0,79	583.802.824.495
120	Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng	2.184,71	60%	-25%	-1%	0%	0%	-9	-821.558.557	1,07	76.123.892.180
121	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	742,59	70%	50%	24%	4%	19%	2.051	450.750.006.472	1,64	1.864.841.561.755
122	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	893,95	95%	12%	10%	0%	0%	4	402.544.431	2,52	3.911.753.367
123	Công ty Cổ phần Vincom Retail	567,42	55%	47%	45%	9%	19%	1.940	4.408.808.000.000	1,62	9.791.335.000.000

BẢNG 1.A.2: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2024

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái bình Dương	0,19	0,76	0,11	0,48	0,16	12,37	0,10	0,25	0,58	1,50	0,70
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	1,53	1,18	0,26	2,39	2,45	1,89	0,53	3,25	0,65	3,99	1,48
3	Công ty Cổ phần Thống Nhất	1,24	4,12	0,17	3,76	0,55	3,06	0,10	0,89	0,71	6,27	0,00
4	TCT Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần	0,24	0,49	0,10	0,65	0,08	4,93	0,09	0,51	0,65	3,68	2,98
5	Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp	0,52	0,35	0,03	3,11	2,78	1,83	0,17	0,49	0,51	1,46	0,30

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
6	Công ty cổ phần BV Land	2,16	2,24	0,05	1,11	1,09	31,28	0,45	0,97	0,28	0,60	3,47
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	10,33	12,13	0,64	25,71	61,99	20,99	0,53	2,39	0,66	2,94	0,00
8	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	1,09	2,43	0,04	0,46	0,77	37,33	0,27	0,51	0,36	0,69	2,76
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	0,00	1,84	0,51	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,30	0,49	0,00
10	Công ty Cổ phần COMA18	0,19	0,67	0,00	0,30	4,37	0,99	0,10	0,30	0,79	2,45	5,12
11	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	1,06	2,73	0,02	0,41	3,52	8,31	0,21	0,33	0,21	0,33	1,79
12	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	0,21	0,55	0,12	0,54	0,99	0,42	0,08	0,20	0,47	1,15	0,00
13	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0,69	1,46	0,10	0,60	2,07	29,81	0,29	1,45	0,48	2,39	0,00
14	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	1,41	0,82	0,26	5,44	1,02	4,22	0,23	1,14	0,51	2,54	114,02
15	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	0,16	0,98	0,10	0,22	0,12	1,54	0,07	0,21	0,57	1,72	4,34
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	0,48	0,26	0,01	1,97	0,36	107,65	0,36	3,22	0,81	7,30	3,83
17	Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn	1,92	3,16	1,33	5,07	0,00	8,78	0,45	0,81	0,24	0,43	0,00
18	Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	0,22	0,10	0,06	11,34	0,38	0,91	0,24	0,27	1,12	1,28	3,33
19	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0,43	0,16	0,01	4,00	0,74	7,53	0,22	0,79	0,68	2,38	1,34
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung	4,80	1,55	0,01	3,11	334,20	887,69	2,33	4,60	0,49	0,97	1,02
21	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	0,46	1,22	0,12	0,43	0,19	12,97	0,16	0,66	0,48	1,94	2,74
22	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	0,39	1,57	0,07	0,26	0,29	12,02	0,16	0,42	0,45	1,17	4,49
23	Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện Lực	0,05	1,15	0,00	0,57	1,12	0,74	0,03	0,09	0,69	1,82	-7,14
24	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	1,15	2,60	0,45	0,59	0,74	1.276,77	0,25	0,55	0,42	0,95	3,73
25	Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. HCM	0,49	1,75	0,60	0,76	0,00	134,63	0,04	0,07	0,45	0,96	2,55
26	Công ty cổ phần Địa ốc First Real	0,24	1,08	0,01	0,23	0,18	82,02	0,09	0,19	0,45	0,93	1,18
27	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	1,43	3,62	0,07	0,51	3,81	2,94	0,25	0,57	0,23	0,53	5,53
28	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	5,22	92,92	1,21	0,06	0,00	0,22	0,02	0,02	0,00	0,00	103,78
29	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD 2	0,76	0,37	0,07	2,63	0,41	47,52	0,49	1,73	0,64	2,27	1,74
30	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	0,26	0,45	0,00	0,59	0,24	1,81	0,11	0,31	0,53	1,46	2,61
31	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	1,27	1,11	0,16	2,14	1,32	0,32	0,20	0,81	0,47	1,92	2,67

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
32	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	0,03	0,09	0,03	0,54	0,01	1,02	0,01	0,09	0,79	5,05	3,22
33	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	0,02	0,44	0,28	0,22	-108,76	1,19	0,01	0,06	0,82	3,28	0,00
34	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	0,42	0,94	0,00	0,45	0,41	29,57	0,21	0,53	0,53	1,34	2,04
35	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	-0,02	1,66	0,01	-0,01	-0,12	-34,34	-0,01	-0,01	0,47	0,82	1,48
36	Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	3,39	8,91	0,25	56,02	0,00	0,00	0,27	0,69	0,18	0,47	0,00
37	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	0,07	0,18	0,00	0,42	0,00	4,48	0,03	0,03	0,42	0,42	-2,14
38	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	0,60	1,05	0,04	0,69	4,31	192,91	0,51	4,43	0,85	7,43	1,96
39	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	1,22	1,86	0,02	0,67	1,76	3,98	0,40	0,86	0,33	0,70	-1,74
40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	0,32	0,18	0,02	2,13	0,12	52,93	0,22	1,04	0,71	3,33	1,72
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6	0,12	2,11	0,60	0,10	0,01	0,32	0,02	0,03	0,24	0,32	0,00
42	Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp	1,19	1,64	0,91	3,39	6,93	2,35	0,33	2,43	0,49	3,62	0,00
43	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	0,06	0,34	0,16	0,33	0,03	0,31	0,02	0,07	0,47	1,26	1,26
44	Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	0,35	0,70	0,05	0,59	0,33	21,89	0,17	0,41	0,50	1,22	8,73
45	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0,81	3,00	0,36	0,83	346,15	1,19	0,07	0,37	0,53	2,80	144,86
46	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	0,49	0,39	0,04	1,60	0,15	1,86	0,13	0,27	0,34	0,71	1,91
47	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	0,44	0,33	0,03	1,53	0,22	0,52	0,14	0,59	0,42	1,73	1,89
48	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-Công ty Cổ phần	0,39	3,13	0,93	0,21	0,11	6,80	0,06	0,36	0,54	3,14	3,69
49	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	0,78	1,59	0,74	1,09	0,07	44,70	0,11	0,32	0,37	1,12	0,00
50	Công ty cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land	0,40	2,05	0,14	0,21	2,12	557,01	0,05	0,07	0,21	0,31	1,58
51	Công ty Cổ phần KOSY	1,06	0,58	0,03	2,05	0,50	1,35	0,30	0,66	0,52	1,17	1,33
52	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	0,29	1,47	0,05	0,26	1,43	7,09	0,12	0,82	0,67	4,56	7,83
53	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	1,20	0,23	0,02	5,90	0,17	29,27	0,30	2,29	0,74	5,75	10,40
54	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	-0,04	0,63	0,00	-0,08	0,56	-2.777,57	-0,03	-0,07	0,80	1,92	-27,74
55	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	0,07	0,45	0,01	0,16	0,11	45,48	0,03	0,09	0,51	1,40	-0,90
56	Công ty Cổ phần Long Hậu	0,53	1,69	0,15	1,34	0,24	7,31	0,14	0,85	0,46	2,81	18,07
57	Công ty Cổ phần Quốc tế Holding	0,00	0,22	0,18	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1,48	0,60	-0,84
58	Công ty Cổ phần Thiết bị	4,82	2,35	0,14	20,62	294,83	11,01	0,50	1,33	0,17	0,46	387,00

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
59	Công ty cổ phần Tập đoàn Mgroup	0,18	4,94	0,27	0,04	0,15	2,51	0,01	0,01	0,10	0,09	0,00
60	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cao su Bình Long	3,05	27,32	0,06	3,95	153,29	1,00	0,08	0,39	0,51	2,56	0,00
61	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	0,03	0,57	0,01	0,05	0,02	0,30	0,01	0,06	0,77	5,91	1,06
62	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	0,30	4,92	0,52	0,43	0,33	16,65	0,04	0,08	0,15	0,26	10,76
63	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	0,69	0,43	0,09	2,80	0,76	2,55	0,20	0,36	0,36	0,64	32,38
64	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	0,70	0,93	0,53	2,57	0,23	50,35	0,24	1,87	0,52	4,09	8,95
65	Công ty Cổ phần Tập đoàn Danh Khôi	0,01	0,69	0,00	0,01	0,06	0,08	0,00	0,01	0,40	0,84	-1,58
66	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	0,13	0,66	0,01	4,14	182,88	14,10	0,05	1,53	0,85	26,02	46,32
67	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm	3,52	3,95	1,41	13,74	1,12	30,02	0,66	1,18	0,19	0,34	5.981,67
68	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0,08	0,57	0,04	0,17	0,06	4,68	0,04	0,47	0,80	9,77	-7,77
69	Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay	2,69	1,10	0,56	5,81	15,04	0,77	0,38	0,45	0,51	0,60	2,88
70	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	1,39	0,61	0,26	5,11	2,27	2,09	0,22	0,34	0,62	0,92	3,30
71	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	0,10	0,86	0,04	0,12	0,03	1,10	0,03	0,09	0,54	1,48	1,92
72	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	2,40	3,18	0,34	2,86	8,73	3,70	0,40	0,54	0,26	0,35	0,00
73	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận	2,67	6,05	0,55	0,49	0,58	4,93	0,22	0,49	0,34	0,77	0,00
74	Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần	0,77	1,14	0,28	2,23	1,38	0,67	0,18	0,33	0,28	0,53	49,25
75	Công ty Cổ phần Victory Group	0,45	0,81	0,03	0,61	1,04	3,36	0,24	0,27	0,56	0,63	-14,83
76	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	5,31	4,13	1,98	39,75	137,65	950,45	0,58	0,40	0,11	0,08	0,00
77	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt	0,01	0,89	0,06	0,02	0,01	0,03	0,00	0,00	0,27	0,11	0,00
78	Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội	0,00	0,06	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,53	0,97	-0,23
79	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	0,10	0,85	0,26	0,30	0,19	0,28	0,05	0,11	0,64	1,30	-7,58
80	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	0,14	0,17	0,01	0,90	0,05	1,80	0,12	0,16	0,84	1,08	0,87
81	Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí-Long Sơn	0,21	1,80	0,00	0,15	0,01	3,39	0,01	0,01	0,06	0,06	0,00
82	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	0,18	0,19	0,03	1,15	0,42	0,69	0,08	0,27	0,48	1,57	3,68
83	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0,08	1,12	0,03	0,07	0,07	1,84	0,03	0,11	0,42	1,48	7,66
84	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	0,21	0,96	0,05	0,25	0,25	8,05	0,07	0,19	0,54	1,48	1,11
85	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	0,10	0,54	0,01	0,19	0,07	436,96	0,07	0,41	0,70	4,17	1,37

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
86	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	0,15	1,00	0,03	0,15	0,18	15,51	0,07	0,25	0,57	2,13	3,20
87	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0,95	0,97	0,01	0,99	25,49	156,85	0,68	2,95	0,72	3,09	1,06
88	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op	2,10	12,21	4,44	2,11	21,62	1,26	0,04	0,10	0,06	0,16	0,00
89	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	1,88	2,80	0,16	1,61	20,82	5,96	0,31	3,71	0,81	9,59	21,46
90	Công ty Cổ phần SJ Group	0,29	0,37	0,08	1,04	0,05	2,93	0,08	0,56	0,62	4,22	595,34
91	TCT CP Phát triển Khu Công nghiệp	1,51	1,22	0,41	6,79	1,58	1,32	0,28	1,56	0,48	2,71	19,90
92	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	2,82	2,37	1,37	6,01	42,54	1,31	0,33	1,76	0,57	3,00	69,77
93	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	0,46	0,69	0,37	5,81	0,25	1,15	0,11	0,48	0,62	2,84	12,64
94	Công ty cổ phần Sonadezi Giang Điền	2,06	7,78	3,04	0,67	1,53	1,90	0,11	0,80	0,77	5,49	196,01
95	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	2,38	0,78	0,25	6,19	2,78	2,62	0,26	1,68	0,67	4,31	33,34
96	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	0,81	1,01	0,22	1,20	0,31	1,97	0,18	0,57	0,55	1,72	6,09
97	Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Bình	0,94	8,43	0,27	2,23	0,13	4,45	0,04	0,09	0,06	0,12	162,49
98	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	0,08	0,29	0,09	0,46	0,12	229,19	0,07	0,04	0,90	0,55	0,00
99	Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	2,93	8,06	0,03	0,40	5,30	45,25	0,17	0,25	0,15	0,21	2,35
100	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	1,35	1,42	0,26	1,46	2,65	10,60	0,37	0,77	0,49	1,02	57,59
101	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TANIMEX)	1,90	4,66	0,41	8,03	924,29	6,29	0,18	0,73	0,30	1,23	0,00
102	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	1,32	2,55	0,10	1,09	69,25	43,22	0,45	1,77	0,57	2,24	2,41
103	Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	0,63	0,38	0,06	2,12	1,29	4,70	0,40	0,98	0,77	1,87	-0,39
104	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	0,33	0,67	0,01	0,50	0,18	7,32	0,10	0,26	0,47	1,27	0,00
105	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	11,49	1,26	0,74	22,56	28,90	12,14	4,11	37,09	0,36	3,23	37,96
106	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0,00	0,24	0,00	0,01	0,00	0,00	0,00	0,01	0,71	2,51	1,59
107	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	0,00	0,14	0,00	0,03	0,25	0,11	0,00	0,00	0,69	1,71	0,00
108	Công ty Cổ phần Vinhomes	0,37	0,83	0,10	0,61	1,27	7,00	0,18	2,49	0,61	8,36	6,38
109	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	0,37	0,56	0,08	0,99	1,42	1,03	0,23	4,87	0,82	17,60	1,73
110	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	1,29	4,59	1,44	1,10	53,01	1,26	0,11	0,44	0,60	2,40	0,00
111	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội	0,63	0,69	0,15	1,26	0,41	2,97	0,18	0,58	0,36	1,14	0,00

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
112	Công ty Cổ phần DRH Holdings	0,00	0,60	0,00	0,00	0,01	11,43	0,00	0,00	0,67	2,09	-0,51
113	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doánh nghiệp Việt Nam	0,53	0,53	0,20	1,64	0,00	1,42	0,16	0,23	0,29	0,43	2,52
114	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	0,00	0,39	0,01	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1,02	13,43	-0,16
115	Công ty Cổ phần Điện lực miền Trung	0,25	1,17	0,00	0,22	1,82	11,41	0,15	0,49	0,62	1,97	-0,59
116	Côgn ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Việt Nam	1,33	0,16	0,02	9,30	1,30	0,00	0,65	4,26	0,82	5,38	1.107,46

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái bình Dương	1.159,77	36%	9%	-11%	-1%	-3%	-265	-22.157.609.635	1,08	209.580.465.103
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	983,23	11%	7%	2%	1%	7%	517	250.986.637.049	2,18	12.021.821.033.080
3	Công ty Cổ phần Thống Nhất	709,87	57%	29%	36%	4%	32%	3.183	26.578.738.211	2,57	72.989.804.812
4	TCT Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần	906,54	67%	34%	46%	4%	23%	2.010	2.395.046.491.307	2,00	5.313.486.976.247
5	Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp	1.139,68	28%	-3%	-7%	-1%	-4%	-384	-14.018.921.497	1,42	188.049.554.111
6	Công ty cổ phần BV Land	993,29	12%	2%	2%	1%	2%	111	17.734.859.556	1,56	803.565.512.060
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	991,65	10%	1%	8%	4%	19%	1.650	32.827.950.428	1,54	423.749.900.407
8	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	796,35	35%	30%	14%	4%	7%	640	42.364.525.565	1,21	306.854.287.888
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	0,00	0%	0%	0%	0%	0%	0	0	1,17	0
10	Công ty Cổ phần COMA18	933,79	28%	21%	58%	6%	17%	1.727	54.445.333.595	0,66	95.362.496.264
11	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	958,40	19%	9%	3%	1%	1%	89	41.786.503.553	1,22	1.538.002.600.367
12	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	998,15	31%	0%	7%	1%	1%	144	11.278.967.091	1,30	160.560.665.333
13	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	989,65	15%	1%	4%	1%	5%	428	3.896.943.492	2,58	106.293.882.447
14	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	685,91	45%	32%	25%	6%	29%	2.426	88.209.222.744	2,46	346.321.381.873
15	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	979,31	23%	6%	8%	1%	2%	188	101.904.198.712	1,32	1.531.489.886.037
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	922,55	19%	10%	6%	2%	19%	1.941	13.364.366.925	1,74	222.112.989.462

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
17	Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn	772,87	43%	23%	22%	10%	18%	1.806	4.132.175.707	1,35	18.464.532.261
18	Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	1.642,01	46%	-26%	87%	21%	24%	2.372	10.672.776.840	-0,13	12.254.955.800
19	Công ty Cổ phần Đệ Tam	987,14	17%	9%	1%	0%	1%	83	1.497.515.310	1,13	142.968.937.296
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung	1.019,26	0%	0%	0%	0%	0%	13	175.798.178	1,01	620.650.947.433
21	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	849,86	48%	24%	9%	2%	6%	352	453.428.103.801	2,10	4.795.471.317.826
22	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	857,80	48%	18%	10%	2%	4%	236	248.079.309.374	1,44	2.609.745.694.557
23	Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện Lực	1.561,24	20%	-46%	-79%	-3%	-7%	-703	-31.935.934.220	0,82	40.592.641.745
24	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	977,63	5%	4%	3%	1%	2%	146	33.747.100.605	1,31	1.192.875.784.911
25	Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. HCM	800,03	70%	31%	17%	1%	1%	131	5.062.047.483	1,17	28.938.468.889
26	Công ty cổ phần Địa ốc First Real	931,16	61%	45%	0%	0%	0%	10	610.194.284	1,15	123.961.564.779
27	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	1.005,62	20%	2%	9%	2%	5%	351	176.503.301.953	1,75	1.984.757.327.393
28	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	528,84	68%	48%	55%	1%	1%	103	9.857.289.670	1,06	17.815.218.515
29	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD 2	910,57	41%	20%	6%	3%	10%	976	8.747.049.946	1,25	155.001.794.121
30	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	803,04	40%	30%	12%	1%	4%	434	66.904.962.530	1,27	556.262.767.958
31	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	706,50	59%	42%	16%	3%	13%	1.083	447.271.054.002	2,19	2.774.708.549.033
32	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	870,43	22%	20%	13%	0%	1%	187	3.819.884.933	1,35	28.958.565.964
33	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	106,36	174%	89%	199%	3%	11%	1.103	66.198.661.604	0,71	97.156.532.251
34	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	873,84	32%	19%	4%	1%	2%	186	61.465.006.731	1,19	1.615.671.932.877
35	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	280,90	-136%	-60%	-51%	0%	1%	58	33.773.319.252	0,94	345.666.808.425
36	Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	505,56	89%	49%	52%	14%	36%	3.155	22.722.154.778	2,11	43.982.908.789
37	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	2.821,09	21%	-122%	-188%	-5%	-5%	-479	-9.584.339.039	0,57	5.099.799.539
38	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	1.007,90	9%	3%	3%	1%	12%	1.215	1.287.999.809	1,32	46.929.372.433
39	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	1.049,69	8%	-3%	-5%	-2%	-4%	-386	-3.860.537.543	1,42	86.013.572.108
40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	877,08	55%	28%	9%	2%	9%	925	13.877.231.177	1,36	155.994.902.978
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6	1.487,29	79%	-49%	1%	0%	0%	4	29.854.458	1,03	2.338.483.636
42	Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp	965,52	12%	3%	7%	2%	18%	1.418	6.703.701.573	3,80	92.339.343.097
43	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	1.510,08	50%	-37%	2%	0%	0%	15	277.031.984	1,40	13.209.223.017

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
44	Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	860,60	35%	16%	13%	2%	6%	551	95.594.301.336	1,21	717.532.138.019
45	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	534,30	66%	47%	102%	7%	37%	3.463	134.159.119.720	2,44	130.939.549.954
46	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	1.102,06	45%	34%	35%	5%	9%	931	354.137.893.485	1,36	1.026.332.766.569
47	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	918,74	34%	22%	6%	1%	3%	335	32.554.841.609	2,41	572.806.132.538
48	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-Công ty Cổ phần	835,46	46%	26%	15%	1%	6%	498	423.033.429.135	2,69	2.775.773.466.955
49	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	601,15	53%	40%	25%	3%	8%	1	803.639.057	1,92	3.295.129.859
50	Công ty cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land	1.519,00	15%	-13%	18%	1%	1%	122	54.626.254.024	1,16	309.842.135.613
51	Công ty Cổ phần KOSY	978,84	12%	9%	2%	0%	1%	99	21.739.293.790	1,07	1.438.926.718.406
52	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	689,22	50%	37%	31%	4%	26%	2.264	773.848.687.911	2,29	2.469.680.760.318
53	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	544,25	60%	50%	36%	11%	84%	8.156	142.965.206.201	2,00	392.266.099.584
54	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	-6.495,80	392%	721%	869%	-24%	-59%	-5.877	-1.505.751.846.738	0,47	185.104.842.667
55	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	2.119,79	2%	-47%	-124%	-4%	-11%	-1.078	-55.521.267.614	1,31	44.908.822.785
56	Công ty Cổ phần Long Hậu	658,44	52%	37%	44%	6%	37%	3.205	187.446.883.408	3,33	423.469.587.710
57	Công ty Cổ phần Quốc tế Holding	0,00	0%	0%	0%	-6%	-2%	-379	-5.922.698.909	-0,19	0
58	Công ty Cổ phần Thiết bị	481,48	59%	52%	42%	21%	57%	5.663	56.917.410.483	2,20	134.136.291.971
59	Công ty cổ phần Tập đoàn Mgroup	9.916,85	3%	-892%	-940%	-10%	-9%	-852	-17.631.725.411	0,83	1.875.818.093
60	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cao su Bình Long	814,22	40%	19%	49%	4%	19%	1.842	45.797.661.332	2,32	93.647.784.692
61	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	4.837,35	35%	6%	1%	0%	0%	7	438.931.588	1,81	64.726.492.360
62	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	856,79	48%	22%	65%	3%	5%	503	36.176.027.961	1,52	55.616.946.205
63	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	505,78	56%	51%	39%	8%	14%	1.467	63.003.683.331	1,17	160.353.679.429
64	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	800,69	42%	23%	19%	5%	36%	1.285	1.387.388.524.753	3,79	7.196.050.482.193
65	Công ty Cổ phần Tập đoàn Danh Khôi	26.336,64	88%	-1499%	-2666%	-7%	-15%	-1.482	-137.296.581.082	1,25	5.149.234.224
66	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	612,06	61%	41%	80%	4%	122%	12.194	292.659.902.504	4,63	367.858.654.446
67	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm	425,50	61%	57%	43%	28%	51%	4.728	620.095.406.671	1,44	1.441.314.355.785
68	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	1.241,56	1%	-21%	-48%	-2%	-23%	-3.310	-4.394.642.203.703	2,43	9.079.619.602.216
69	Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay	858,22	54%	20%	6%	2%	3%	-108	22.912.306.850	0,59	410.702.451.708

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
70	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	902,19	47%	20%	21%	5%	7%	398	215.147.294.010	0,58	1.041.737.803.129
71	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	1.143,66	49%	20%	19%	1%	2%	184	155.183.720.727	1,27	821.690.538.691
72	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	1.021,32	32%	-2%	0%	0%	0%	-46	92.359.401	1,01	54.377.041.065
73	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận	802,37	45%	20%	16%	4%	8%	800	7.429.526.316	1,29	45.482.527.811
74	Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần	974,73	30%	3%	13%	2%	4%	240	124.637.313.042	1,33	988.625.452.359
75	Công ty Cổ phần Victory Group	983,43	19%	3%	-16%	-4%	-4%	-487	-41.738.490.902	0,49	279.274.237.552
76	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	1.167,37	-12%	-17%	-9%	-5%	-4%	-385	-14.209.750.154	0,62	150.000.000.000
77	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt	34.993,81	32%	-3399%	-3420%	-9%	-3%	-344	-17.208.739.281	0,29	503.204.817
78	Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội	0,00	0%	0%	0%	0%	0%	-35	-1.838.559.047	0,86	0
79	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	1.982,71	6%	-96%	-19%	-1%	-2%	-245	-2.113.829.390	0,73	11.103.042.636
80	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	1.042,95	69%	22%	-3%	0%	-1%	-54	-810.461.882	0,20	23.321.617.039
81	Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí-Long Sơn	1.590,47	73%	-59%	9%	0%	0%	11	905.515.225	1,00	10.516.648.979
82	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	871,48	26%	18%	11%	1%	3%	302	81.960.878.776	1,66	729.152.742.656
83	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	1.025,60	50%	-1%	10%	0%	1%	86	1.507.070.311	2,07	14.946.403.677
84	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	1.537,07	-6%	-16%	1%	0%	0%	7	4.247.882.268	1,27	800.166.459.850
85	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	841,84	53%	34%	2%	0%	1%	63	1.259.567.645	1,77	82.881.861.309
86	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	1.104,90	49%	13%	40%	3%	10%	987	60.112.724.989	1,62	151.466.345.283
87	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	1.043,61	1%	1%	0%	0%	1%	68	8.887.884.541	1,23	3.821.515.529.002
88	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op	1.133,87	63%	-13%	67%	3%	7%	617	66.854.718.904	2,40	99.050.317.216
89	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	883,59	14%	13%	16%	5%	61%	5.136	1.278.834.016.020	2,31	7.804.642.332.029
90	Công ty Cổ phần SJ Group	433,33	68%	57%	42%	3%	23%	2.357	269.389.739.664	2,61	646.014.829.304
91	TCT CP Phát triển Khu Công nghiệp	712,73	41%	30%	28%	8%	43%	2.394	1.619.396.121.264	2,90	5.873.085.755.439
92	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	568,11	50%	44%	37%	12%	66%	6.173	196.648.864.114	2,26	526.843.642.104
93	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	612,68	49%	42%	35%	4%	17%	1.616	302.127.157.852	1,73	872.690.974.636
94	Công ty cổ phần Sonadezi Giang Điền	532,85	60%	47%	42%	5%	34%	3.255	184.865.289.995	1,65	439.780.982.222
95	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	777,22	33%	23%	21%	6%	36%	3.059	104.572.311.833	2,16	488.191.875.766
96	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	1.002,68	25%	10%	41%	7%	23%	2.147	685.099.949.842	1,42	1.684.453.453.400

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
97	Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Bình	4.207,26	65%	-320%	39%	2%	4%	215	2.921.066.404	2,06	7.542.406.993
98	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	7.884,52	43%	-688%	-622%	-44%	-27%	-2.705	-304.703.372.927	0,06	48.996.847.797
99	Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	1.033,43	7%	-1%	1%	0%	0%	42	2.671.036.124	1,22	298.751.951.743
100	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	857,34	17%	15%	12%	4%	9%	912	176.324.679.329	1,08	1.495.660.143.817
101	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TANIMEX)	614,88	71%	39%	48%	9%	35%	3.009	105.150.717.723	2,81	217.995.997.303
102	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	939,98	25%	11%	5%	2%	10%	932	52.009.796.366	1,68	965.470.121.681
103	Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	1.100,74	9%	-1%	-14%	-5%	-13%	-1.109	-46.693.339.731	0,57	344.087.811.289
104	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	792,94	32%	21%	16%	2%	4%	378	6.777.210.849	1,40	42.732.464.207
105	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	977,38	3%	2%	2%	8%	72%	7.035	57.426.599.196	5,79	2.967.385.498.973
106	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	915,32	84%	12%	0%	0%	0%	0	1.341.501	1,05	1.067.037.037
107	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	7.913,27	14%	-691%	-698%	0%	-1%	-104	-21.831.377.837	0,75	3.129.661.385
108	Công ty Cổ phần Vinhomes	833,92	32%	24%	34%	6%	85%	7.348	35.072.686.000.000	5,37	102.323.186.000.000
109	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	1.152,76	14%	-3%	3%	1%	14%	3.045	5.276.058.000.000	3,97	189.090.599.000.000
110	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	345,03	93%	65%	52%	6%	23%	2.266	58.690.542.841	1,57	113.587.777.352
111	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội	878,70	20%	12%	13%	2%	8%	778	21.014.132.452	2,04	155.896.493.884
112	Công ty Cổ phần DRH Holdings	43.991,07	-107%	-722%	-5694%	-5%	-16%	-1.635	-203.365.887.440	1,05	3.571.276.701
113	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doánh nghiệp Việt Nam	835,32	2%	26%	14%	2%	3%	176	7.949.790.294	1,03	56.128.696.800
114	Công ty CỔ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	0,00	0%	0%	0%	-1%	-17%	-1.726	-35.911.290.419	-0,28	0
115	Công ty Cổ phần Điện lực miền Trung	1.226,63	11%	-1%	-35%	-5%	-17%	-1.381	-44.791.098.786	1,22	126.931.340.067
116	Côgn ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Việt Nam	772,51	37%	23%	17%	11%	71%	7.196	74.535.188.598	1,16	450.039.084.577

BẢNG 1.A.3: CHIỀU HƯỚNG THAY ĐỔI CỦA CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2024 SO VỚI 2023

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái bình Dương	0,04	0,08	0,06	0,10	0,00	11,36	0,01	0,02	-0,01	-0,11	0,49
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	0,07	0,38	0,10	-0,51	0,12	0,06	-0,06	-0,31	0,03	0,28	0,06
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
3	Công ty Cổ phần Thống Nhất	-0,42	-1,58	0,03	1,33	-2,23	0,14	0,00	-0,02	0,00	0,00	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
4	TCT Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần	-0,10	0,11	0,04	-0,47	-0,10	-1,86	-0,06	-0,26	0,01	0,40	-1,00
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
5	Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp	-0,22	-0,35	-0,04	-2,72	-2,37	-1,97	-0,15	-0,69	-0,09	-0,77	-2,20
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
6	Công ty cổ phần BV Land	-0,24	0,79	-0,02	-0,82	-0,51	-4,95	-0,25	-0,84	-0,06	-0,27	0,56
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	-2,05	-1,67	-0,42	3,74	10,41	1,26	-0,01	-0,01	0,00	0,02	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
8	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	-0,15	-0,25	0,03	-0,01	0,05	1,67	-0,01	-0,03	-0,04	-0,07	-0,44
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	-0,56	0,03	0,04	-0,92	-0,75	-1,02	-0,15	-0,27	-0,04	-0,13	-5,28
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
10	Công ty Cổ phần COMA18	0,07	-0,18	0,00	0,15	1,42	0,32	0,00	0,09	0,01	0,73	6,29
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
11	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	0,22	-1,20	-0,10	0,18	2,17	3,79	0,08	0,13	0,00	0,01	14,56
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
12	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	-0,22	-0,06	-0,02	-0,62	-0,90	-0,39	-0,09	-0,22	-0,01	-0,06	0,00
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
13	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0,45	-0,02	-0,08	0,39	1,67	20,39	0,19	0,92	0,01	-0,13	-163,65
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
14	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	-1,20	-2,29	-0,13	1,62	0,05	-10,04	0,10	0,50	0,11	0,49	114,02
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
15	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	0,03	0,03	-0,20	0,00	0,00	0,20	0,01	0,05	0,04	0,26	1,64
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	-0,29	-0,15	-0,02	-0,13	-0,02	-36,80	-0,02	-1,63	-0,06	-3,88	-3,24
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
17	Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn	-0,01	-0,01	-0,29	-85,45	0,00	2,34	0,01	0,04	0,01	0,02	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
18	Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	-0,04	0,02	0,03	3,42	-0,12	-0,37	-0,08	-0,11	-0,20	-0,27	2,13
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
19	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0,19	0,01	-0,01	1,46	0,11	2,52	0,08	0,23	-0,04	-0,42	-0,01
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung	0,31	0,40	-0,01	-0,85	238,64	513,58	1,30	2,27	-0,07	-0,29	0,02
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
21	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	0,14	0,18	0,10	0,11	0,04	2,96	0,03	0,05	-0,03	-0,45	0,89
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
22	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	0,09	0,02	0,04	0,06	-0,03	1,99	0,03	0,07	-0,03	-0,12	4,12
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
23	Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện Lực	0,02	-0,01	0,00	0,18	0,64	0,26	0,01	0,03	0,02	0,01	1,99
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
24	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	-1,29	-1,44	0,16	-0,06	-0,40	184,68	-0,06	0,05	0,15	0,50	-34,83
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
25	Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. HCM	0,40	1,47	0,54	0,32	0,00	-732,92	0,01	0,03	0,12	0,38	2,55
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Không đổi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
26	Công ty cổ phần Địa ốc First Real	-0,08	0,02	-0,01	-0,08	-0,04	-2,51	-0,03	-0,07	-0,03	-0,10	-0,39
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
27	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0,38	0,50	0,05	0,02	0,54	0,13	0,03	0,06	-0,02	-0,04	4,76
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
28	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0,76	19,17	-4,35	-0,01	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	63,48
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
29	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD 2	0,50	-0,45	0,03	2,27	0,25	37,16	0,38	1,27	-0,08	-0,81	1,74
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
30	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	-0,07	-0,02	0,00	-0,13	-0,08	-0,30	-0,03	-0,19	-0,06	-0,60	-0,34
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
31	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	0,03	0,13	0,05	0,33	0,23	0,00	0,00	-0,14	-0,03	-0,43	-0,31
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
32	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	-0,18	-1,63	-0,75	0,29	-0,01	0,59	-0,01	0,02	0,51	4,21	0,94
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
33	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	0,01	-0,03	0,27	0,08	-236,02	0,31	0,00	0,02	-0,03	-0,20	0,00
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
34	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	-0,01	0,05	-0,01	-0,05	-0,06	0,27	0,01	-0,02	-0,04	-0,21	-0,18
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
35	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	-0,13	0,52	0,00	-0,11	-0,52	-147,33	-0,05	-0,07	0,06	0,20	-0,87
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
36	Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	-0,23	-0,93	-0,02	-5,51	0,00	0,00	0,01	0,02	0,00	-0,01	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*K.đổi*	*K. đổi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
37	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	-0,03	-0,09	0,00	0,03	0,00	0,03	-0,01	-0,01	0,02	0,01	0,57
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*K.đổi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
38	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	0,21	0,19	0,02	0,20	2,69	148,05	0,21	2,59	0,09	2,61	0,94
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
39	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	0,37	0,44	-0,09	0,02	0,09	-0,60	0,01	-0,23	-0,14	-0,57	-2,83
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	0,24	-0,03	-0,02	1,65	0,08	43,94	0,18	0,85	-0,03	-0,23	0,70
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6	-0,03	-0,37	0,35	0,03	-0,01	-0,03	-0,01	-0,01	0,01	0,01	0,00
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
42	Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp	0,20	0,55	0,60	0,09	5,63	1,20	0,04	0,19	-0,01	-0,21	0,00
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
43	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	0,05	-0,04	-0,06	0,31	0,02	0,28	0,02	0,06	0,01	-0,01	3,45
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
44	Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	0,02	0,11	0,02	-0,07	-0,01	-3,85	-0,01	-0,08	-0,06	-0,30	-1,24
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
45	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	-0,17	0,58	0,27	-5,86	341,08	-0,38	-0,03	-0,23	-0,03	-0,47	7,73
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
46	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	-0,16	-0,03	-0,08	-0,61	-0,15	-0,70	-0,10	-0,32	-0,06	-0,31	-5,98
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
47	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	0,08	-0,02	-0,07	0,06	0,04	0,07	0,02	0,05	-0,03	-0,19	-0,60
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
48	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-Công ty Cổ phần	-0,46	1,19	0,80	-0,37	-0,05	-5,72	-0,11	-0,37	0,14	1,42	-4,93
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
49	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	0,39	0,48	0,04	-0,05	0,04	19,03	0,03	0,06	-0,05	-0,25	0,00
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
50	Công ty cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land	0,06	0,38	0,09	0,00	0,68	47,69	0,00	0,00	0,02	0,03	0,29
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
51	Công ty Cổ phần KOSY	0,02	-0,07	0,03	0,33	0,03	0,15	0,02	0,06	0,01	0,04	0,08
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
52	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	0,21	-0,07	0,02	0,20	1,29	0,35	0,09	0,64	0,06	0,90	2,15
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
53	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	0,86	0,00	-0,11	1,60	-0,03	14,20	0,11	-0,22	-0,08	-5,50	2,44
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
54	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	-0,03	-0,56	0,00	-0,07	0,47	-2.647,86	-0,02	-0,05	0,18	0,15	-15,40
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
55	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	-0,07	-0,68	-0,01	0,04	-0,13	1,19	-0,04	-0,09	0,02	0,09	-3,22
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
56	Công ty Cổ phần Long Hậu	0,08	-0,06	-0,14	0,06	-0,06	0,19	0,01	0,06	-0,02	-0,11	3,03
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
57	Công ty Cổ phần Quốc tế Holding	-0,37	-0,01	0,15	-1,96	-0,76	0,00	-0,53	-0,21	0,06	0,02	10,52
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*K.đổi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
58	Công ty Cổ phần Thiết bị	0,48	1,40	-0,63	-23,71	-139,31	2,45	0,00	-0,99	-0,09	-0,75	370,16
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
59	Công ty cổ phần Tập đoàn Mgroup	-0,51	0,07	-0,36	-0,13	-0,74	-25,69	-0,03	-0,03	0,00	-0,01	345,23
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
60	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cao su Bình Long	1,45	17,88	-3,48	-0,74	-510,05	-0,56	-0,04	-0,25	-0,03	-0,36	0,00
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
61	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-0,11	0,08	0,01	-0,24	-0,10	-1,02	-0,03	-0,23	0,03	0,84	-0,08
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
62	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	-1,31	1,42	-0,47	-2,42	-1,24	-94,23	-0,29	-0,53	-0,06	-0,12	-73,94
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
63	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	0,31	-0,01	0,05	1,34	0,23	1,47	0,09	0,19	-0,01	0,05	27,96
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
64	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	0,38	0,13	0,28	1,70	0,14	27,71	0,13	1,04	-0,01	0,17	4,46
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
65	Công ty Cổ phần Tập đoàn Danh Khôi	0,00	-0,56	0,00	0,01	0,05	0,01	0,00	0,00	0,02	-0,02	-3,34
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
66	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	-0,23	-1,37	-0,02	1,56	-137,19	6,90	0,00	0,55	0,06	11,02	6,02
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
67	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm	1,90	2,26	0,56	8,44	0,73	11,57	0,21	-0,32	-0,09	-0,60	5.929,54
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
68	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0,03	-0,03	0,00	0,06	0,04	2,70	0,02	0,22	-0,01	-0,29	-14,87
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
69	Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay	-0,11	0,16	0,32	1,24	2,27	0,10	0,03	0,04	0,00	0,00	0,22
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
70	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	0,01	0,08	-0,01	-4,80	0,06	0,16	0,02	0,01	-0,06	-0,15	-5,78
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
71	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	0,03	0,35	-0,01	-0,03	0,02	-21,73	0,00	0,01	-0,01	-0,07	-1,67
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
72	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	-0,42	-0,15	-0,43	-0,68	0,69	0,97	0,00	0,00	0,01	0,02	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
73	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận	2,19	3,29	0,38	0,30	0,54	3,26	0,15	0,32	-0,05	-0,17	0,00
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
74	Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần	0,01	0,13	-0,08	0,42	-0,19	-0,08	-0,02	-0,06	-0,03	-0,09	32,85
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
75	Công ty Cổ phần Victory Group	0,31	-1,48	-0,11	0,53	0,92	3,09	0,21	0,25	0,32	0,47	-14,83
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
76	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	5,31	3,61	1,92	39,75	133,58	950,45	0,58	0,40	-0,28	-0,34	0,00
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
77	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt	0,06	-0,59	-0,21	0,09	0,16	2,34	0,02	0,01	0,02	0,00	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
78	Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	3,25
		K.đổi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*K.đổi*	*K.đổi*	*K.đổi*	*K.đổi*	*K.đổi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
79	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	-0,07	0,17	0,04	-0,36	-0,17	-0,17	-0,04	-0,08	0,00	-0,06	3.121,35
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
80	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	-0,26	-0,03	0,00	-1,25	-0,30	-2,79	-0,21	-0,25	0,01	0,05	-0,14
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
81	Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí-Long Sơn	-0,04	-0,11	-0,09	-0,03	0,00	0,36	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
82	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	0,09	0,09	0,02	0,17	0,37	0,32	0,04	0,11	-0,06	-0,33	2,57
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
83	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0,00	-0,07	-0,01	0,01	-0,02	0,25	0,00	0,01	0,03	0,16	7,66
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
84	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	0,11	-0,09	0,02	0,15	0,18	6,17	0,03	0,09	0,02	0,09	0,06
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
85	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	0,00	0,00	0,00	-0,01	-0,01	36,58	0,00	-0,01	0,00	-0,08	0,03
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
86	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	0,03	-0,20	-0,03	0,05	0,09	7,02	0,02	0,09	0,02	0,25	-2,06
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
87	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	-0,43	-0,05	-0,02	-0,41	-312,55	-203,51	-0,32	-1,47	-0,01	-0,09	0,05
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
88	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op	0,44	-6,60	0,08	1,15	21,62	-12,21	0,02	0,06	0,01	0,03	0,00
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
89	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	-0,30	0,11	-0,12	-0,30	8,55	0,63	-0,01	0,03	0,00	0,22	0,57
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
90	Công ty Cổ phần SJ Group	0,15	0,19	0,05	0,12	0,00	1,11	0,03	0,20	-0,01	0,12	60,17
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
91	TCT CP Phát triển Khu Công nghiệp	0,09	-0,19	0,11	3,90	0,00	0,21	0,04	0,11	-0,08	-0,77	4,77
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
92	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	1,26	0,67	0,25	-1,46	11,25	0,34	0,08	0,48	-0,03	0,01	-25,71
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
93	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	0,00	0,44	0,24	-6,34	-0,04	0,12	-0,01	-0,20	-0,13	-1,51	5,82
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
94	Công ty cổ phần Sonadezi Giang Điền	0,88	4,07	2,93	0,27	0,04	0,16	0,00	0,03	-0,02	0,20	-653,92
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
95	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-0,03	-0,90	-0,70	-1,92	0,30	0,44	0,03	0,16	-0,01	-0,13	-13,33
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
96	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	-0,13	0,47	0,14	-1,18	-0,30	-3,70	-0,15	-0,52	-0,05	-0,29	-3,17
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
97	Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Bình	-1,49	-9,16	-1,03	1,58	-0,37	-2,08	-0,03	-0,07	0,01	0,02	162,49
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
98	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	-0,05	-0,34	0,08	0,25	-0,26	-140,86	-0,02	-0,06	0,18	-0,30	0,00
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
99	Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	1,19	6,03	-0,10	-0,53	-0,36	3,07	-0,11	-0,20	-0,02	-0,05	-14,51
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
100	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	-0,91	-0,55	-0,29	-0,83	-0,48	3,08	0,07	0,14	0,11	0,22	-14,82
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
101	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TANIMEX)	-0,51	0,15	-0,28	3,10	914,02	-7,74	0,01	0,03	0,00	-0,01	0,00
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
102	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	-2,21	-2,07	-0,85	-1,52	63,66	-2,96	-0,13	-0,20	0,12	0,70	-0,07
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
103	Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	0,43	0,09	0,04	1,20	0,91	4,45	0,29	0,71	0,06	0,11	1,16
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
104	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	-0,23	-0,26	0,00	-0,12	-0,14	-6,53	-0,06	-0,25	-0,07	-0,46	0,00
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
105	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	-4,62	-0,24	0,10	3,56	9,08	-2,84	-0,18	6,47	0,07	1,18	-6,74
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
106	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0,00	-68,16	-58,68	0,01	0,00	0,00	0,00	0,01	0,69	2,50	1,59
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
107	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	-0,02	0,00	-0,01	-0,25	-1,79	-0,98	-0,01	-0,01	0,02	0,12	0,00
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
108	Công ty Cổ phần Vinhomes	-0,12	-0,06	0,04	-0,17	0,04	-1,87	-0,05	0,11	0,02	2,35	-8,80
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
109	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	-0,03	-0,07	0,01	0,03	-0,07	0,03	-0,02	0,71	0,04	4,21	-0,07
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
110	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	-2,11	0,98	0,22	-2,20	53,01	-4,25	-0,36	-1,68	0,00	-0,35	0,00
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
111	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội	-0,06	-0,17	-0,19	-0,29	-0,19	-0,11	-0,02	-0,06	0,00	-0,01	0,00
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái bình Dương	-191,78	7%	14%	17%	1%	4%	399	31.657.578.291	-0,03	-1.417.301.218
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	-5,50	0%	0%	0%	0%	0%	-63	7.287.265.837	-0,14	30.282.017.879
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
3	Công ty Cổ phần Thống Nhất	-104,48	8%	10%	-2%	0%	-3%	168	-2.187.593.764	0,00	-1.533.055.994
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
4	TCT Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần	144,59	13%	-1%	17%	0%	1%	-177	114.958.724.098	0,12	-2.861.082.516.934
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
5	Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp	198,78	1%	-16%	-17%	-4%	-14%	-1.271	-55.439.279.650	-0,09	-268.211.538.989
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
6	Công ty cổ phần BV Land	43,64	-5%	-7%	-3%	-3%	-8%	-552	-37.858.221.636	-0,14	-231.607.709.499
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	15,98	-1%	-2%	2%	1%	4%	428	7.672.523.456	0,04	-1.376.863.273
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
8	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	6,02	-3%	-1%	-4%	-1%	-3%	640	-15.333.032.349	0,06	-20.186.150.614
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	-883,52	-31%	-15%	-9%	-1%	-2%	-495	-121.198.197.396	-0,05	-1.393.477.022.200
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
10	Công ty Cổ phần COMA18	-81,84	-3%	17%	69%	7%	20%	1.955	61.657.699.501	0,17	29.224.137.993
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
11	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	-1.413	-2%	137%	133%	18%	27%	85	1.273.124.149.020	0,01	501.801.836.181
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
12	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	128,03	-3%	-13%	-4%	-1%	-3%	-309	-24.450.299.330	0,01	-176.032.475.523
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
13	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	218,98	-40%	-22%	-10%	0%	-2%	-122	-843.174.652	-0,26	71.417.384.389
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
14	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	-231,01	21%	23%	12%	4%	21%	1.680	62.456.030.045	-0,63	151.488.191.641
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
15	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	-69,42	-1%	1%	-3%	0%	0%	-7	-9.719.009.845	0,02	492.389.100.987
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	-14,37	1%	3%	1%	0%	-4%	-442	-719.299.393	-0,03	-68.803.846.666
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
17	Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn	-4,54	1%	0%	-8%	-3%	-6%	-562	-1.288.061.147	0,01	828.914.963
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
18	Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	778,45	0%	-51%	85%	20%	23%	2.289	10.297.062.221	0,24	-4.773.957.790
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
19	Công ty Cổ phần Đệ Tam	2,98	-5%	-1%	0%	0%	0%	9	164.794.180	0,01	42.961.253.922
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung	-8,63	-1%	-1%	0%	0%	0%	8	117.642.675	0,00	306.485.293.067
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
21	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	-97,22	2%	4%	5%	1%	4%	79	303.188.065.203	-0,21	1.070.645.373.484
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
22	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	-152,18	13%	13%	18%	3%	7%	529	408.341.220.985	0,02	612.341.317.009
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
23	Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện Lực	-1.107	7%	104%	85%	1%	3%	276	12.530.163.369	-0,07	13.502.186.712
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
24	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	4,28	1%	1%	0%	0%	0%	5	2.311.718.173	0,09	102.741.594.511
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
25	Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. HCM	-173,75	-2%	29%	14%	1%	1%	112	4.337.262.382	0,01	10.167.255.344
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
26	Công ty cổ phần Địa ốc First Real	67,60	2%	3%	-11%	-1%	-3%	-287	-18.476.460.593	0,00	-45.163.205.395
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
27	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	-18,13	0%	0%	13%	3%	7%	689	254.127.795.634	0,05	209.834.975.790
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
28	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	-239,20	-2%	19%	-141%	-2%	-3%	-273	-26.082.041.603	0,01	-456.598.338
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
29	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD 2	-105,55	38%	22%	6%	3%	10%	973	8.718.404.917	0,10	114.105.022.754
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
30	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	37,17	-4%	-6%	-8%	-1%	-6%	-645	-65.067.135.514	-0,14	-109.749.614.595
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
31	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	53,80	-1%	-10%	-14%	-3%	-15%	-1.092	-419.020.307.942	-0,17	-114.675.418.542
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
32	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	-136,86	-22%	-2%	-11%	0%	0%	22	518.790.139	-0,77	15.422.077.494
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
33	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	-2.905	227%	291%	-99%	0%	0%	-21	-1.260.585.134	0,11	13.491.286.451
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
34	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	-161,12	15%	13%	-4%	-1%	-2%	-233	-73.472.777.408	0,02	-64.602.293.165
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
35	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	-678,84	-154%	-65%	-52%	0%	0%	47	28.615.267.343	0,02	23.057.368.230
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
36	Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	24,46	0%	-2%	-3%	0%	-1%	-85	-616.981.765	-0,01	1.511.067.185
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
37	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	-9,15	-15%	9%	4%	2%	2%	202	4.030.892.274	-0,05	-1.980.407.312
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
38	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	4,62	3%	1%	3%	1%	12%	1.219	1.287.992.978	-0,17	-136.919.788.224
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
39	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	37,44	-4%	-6%	-5%	-2%	-4%	-418	-4.179.608.576	-0,04	-23.050.576.339
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	-93,59	26%	-6%	8%	2%	9%	916	13.737.459.228	0,08	127.174.392.612
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6	-424,31	6%	42%	-1%	0%	0%	-4	-31.726.933	0,00	-527.279.740
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
42	Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp	89,62	-12%	-9%	-5%	-1%	-10%	-1.009	-3.632.590.523	-0,03	7.328.578.628
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
43	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	-10.286	140%	803%	787%	2%	4%	479	8.415.917.988	-0,05	6.873.161.707
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
44	Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	-45,93	2%	5%	1%	0%	-1%	-80	-13.814.610.836	0,03	-144.511.405.581
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
45	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	-80,84	14%	8%	17%	-2%	-13%	-2.203	-23.535.824.278	-0,11	-53.405.421.947
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
46	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	422,04	1%	-3%	8%	-2%	-6%	-527	-40.714.999.482	-0,15	-489.364.757.029
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
47	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	63,96	-9%	-9%	-11%	-1%	-6%	-478	-55.406.900.287	0,02	41.301.389.446
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
48	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-Công ty Cổ phần	280,94	-20%	-25%	-25%	-6%	-24%	-2.148	-1.821.969.983.831	0,06	-3.082.999.198.572
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
49	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	283,23	-23%	-28%	-34%	-2%	-7%	0	-1.228.350.139.845	-0,02	-2.163.010.331.141
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
50	Công ty cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land	-211,73	6%	25%	10%	0%	1%	66	29.265.114.771	0,01	-94.478.258.519
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
51	Công ty Cổ phần KOSY	-35,25	1%	1%	0%	0%	0%	2	601.445.671	0,01	123.111.248.946
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
52	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	-231,95	-3%	19%	-5%	3%	19%	1.801	569.692.124.709	-0,13	1.915.061.889.150
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
53	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	-248,73	24%	27%	19%	8%	39%	3.954	105.087.525.825	-0,36	177.694.698.561
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
54	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	3.987	74%	-309%	-575%	-17%	-38%	-3.819	-978.577.640.414	-0,58	136.300.279.493
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
55	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	260,87	-3%	16%	-142%	-5%	-14%	-1.375	-72.148.597.275	0,01	-46.412.780.079
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
56	Công ty Cổ phần Long Hậu	-32,22	2%	3%	2%	1%	4%	514	21.260.293.750	0,14	28.610.244.573
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
57	Công ty Cổ phần Quốc tế Holding	-2.298	-3%	119%	130%	63%	25%	2.385	64.925.828.612	-0,02	-54.674.203.873
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
58	Công ty Cổ phần Thiết bị	-93,38	8%	7%	9%	4%	-22%	-2.187	15.394.952.607	-1,22	11.360.989.803
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
59	Công ty cổ phần Tập đoàn Mgroup	6.849	-7%	-686%	-744%	-1%	0%	-20	-684.757.578	-0,09	-6.753.084.771
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
60	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cao su Bình Long	-93,60	16%	9%	20%	0%	0%	-944	606.034.143	0,02	-60.827.934.670
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
61	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	3.124	-1%	-13%	0%	0%	0%	-11	-646.833.186	0,00	-228.309.214.286
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
62	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	326,78	-4%	-26%	15%	-14%	-25%	-2.541	-181.969.942.961	0,05	-380.139.982.634
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
63	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	-396,05	24%	38%	31%	7%	13%	1.327	57.110.637.708	0,14	87.220.133.414
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
64	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	-103,74	-7%	5%	-6%	2%	15%	98	586.911.090.403	0,27	4.014.628.691.466
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
65	Công ty Cổ phần Tập đoàn Danh Khôi	17.244	-8%	-1809%	-2923%	-8%	-16%	-1.611	-149.196.106.160	-0,15	520.459.968
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
66	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	51,50	-10%	-7%	-48%	-3%	-3%	-292	-7.009.931.237	0,63	132.598.321.632
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
67	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm	-55,80	5%	5%	3%	11%	-9%	-825	255.905.117.949	-0,96	527.290.714.572
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
68	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	75,97	-27%	-11%	-59%	-2%	-25%	-3.621	-4.880.506.728.601	0,10	4.309.669.271.935
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
69	Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay	-60,02	3%	3%	-4%	-1%	-1%	-170	-12.920.914.339	-0,01	33.642.181.582
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
70	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	20,43	1%	7%	7%	2%	2%	111	73.856.357.722	0,06	42.562.310.733
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
71	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	120,32	-40%	-33%	-92%	-3%	-7%	-819	-527.318.270.094	-0,03	204.175.322.582
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
72	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	-4,06	1%	0%	-1%	0%	0%	-11	-289.008.731	-0,01	-422.839.178
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
73	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận	18,59	-40%	-2%	-1%	2%	5%	506	4.702.633.486	0,05	29.615.989.548
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
74	Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần	7,04	-1%	-1%	2%	0%	0%	-88	6.126.902.076	0,00	-169.408.072.442
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
75	Công ty Cổ phần Victory Group	-156,79	-32%	17%	-27%	-4%	-4%	-512	-44.124.003.279	0,00	259.177.943.534
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
76	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	1.167	-12%	-17%	-9%	-8%	-6%	-618	-22.773.193.762	-0,04	150.000.000.000
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
77	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt	37.741	48%	-3774%	-6592%	32%	14%	1.432	71.599.934.028	-0,03	-942.378.446
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
78	Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội	0,00	0%	0%	0%	0%	1%	89	4.734.651.693	0,00	0
		K.đổi	*K.đổi*	*K.đổi*	*K.đổi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
79	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	678,50	10%	-66%	5%	1%	2%	190	2.448.142.285	-0,02	-8.170.085.243
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
80	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	43,77	44%	12%	-3%	0%	-1%	-55	-818.654.469	-0,01	-38.029.687.138
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
81	Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí-Long Sơn	95,71	-4%	-10%	4%	0%	0%	5	373.380.585	0,00	-1.787.309.423
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
82	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	-109,34	6%	5%	11%	1%	3%	275	78.773.060.215	0,09	296.665.146.217
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
83	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	-0,83	3%	2%	2%	0%	0%	20	346.349.838	0,00	1.356.046.857
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
84	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	-347,16	-35%	-9%	-4%	0%	0%	-15	-11.174.498.058	-0,03	428.891.691.799
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
85	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	-24,75	4%	2%	0%	0%	0%	11	227.521.317	0,01	-1.871.723.281
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
86	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	-82,08	1%	1%	-64%	-2%	-7%	-713	-42.961.325.600	0,09	52.301.393.384
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
87	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	4,01	0%	0%	0%	0%	0%	42	5.348.975.863	0,01	-1.902.907.027.274
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
88	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op	-947,63	-8%	95%	19%	2%	5%	617	49.078.934.852	0,31	62.187.651.611
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
89	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	-2,93	0%	0%	1%	0%	6%	562	275.178.907.285	0,10	1.125.185.768.771
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
90	Công ty Cổ phần SJ Group	-235,33	23%	24%	-2%	1%	7%	730	85.624.158.111	0,20	229.991.257.457
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
91	TCT CP Phát triển Khu Công nghiệp	-31,54	3%	3%	2%	2%	6%	353	221.177.137.393	0,21	426.388.386.018
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
92	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-109,95	10%	11%	7%	5%	27%	2.595	80.282.679.722	0,29	144.240.051.785
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
93	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-82,32	7%	6%	8%	1%	-1%	-5	83.253.866.340	0,28	54.733.859.603
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
94	Công ty cổ phần Sonadezi Giang Điền	51,83	-1%	-5%	-3%	0%	-1%	86	-4.866.667.751	0,21	14.528.971.985

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
95	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	3,33	-1%	0%	-2%	0%	0%	25	978.787.185	0,03	47.121.297.714
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
96	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	172,86	-3%	-9%	26%	3%	7%	625	212.414.569.924	0,08	-1.553.158.835.632
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
97	Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Bình	3.008	2%	-300%	18%	0%	0%	-136	88.600.662	-0,01	-5.840.199.266
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
98	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	6.604	29%	-660%	-570%	-40%	-21%	-2.151	-241.950.347.607	-0,27	-71.444.716.820
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
99	Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	31,37	-4%	-4%	-24%	-7%	-11%	-895	-78.987.617.976	-0,12	-26.768.781.287
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
100	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	-55,62	5%	6%	-7%	-1%	-3%	-337	-50.096.879.503	-0,25	263.041.825.473
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
101	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TANIMEX)	29,32	-6%	-3%	-2%	0%	0%	-5	-288.539.140	0,00	8.761.691.246
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
102	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	-7,03	-1%	1%	0%	-1%	-1%	-94	166.399.094	-0,18	-13.414.143.545
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
103	Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	-600,59	26%	38%	69%	4%	9%	1.003	32.663.252.055	-0,15	248.078.404.267
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
104	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	14,42	4%	-1%	-2%	-1%	-5%	-463	-7.832.658.162	-0,03	-41.034.643.005
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
105	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	-1,48	0%	0%	0%	-1%	11%	1.014	8.772.232.035	0,71	517.357.477.931
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
106	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	915,32	84%	12%	0%	30%	28%	2.844	11.378.716.716	0,12	1.067.037.037
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
107	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	6.358	-3%	-636%	166%	5%	13%	1.261	264.898.374.088	-0,01	-30.086.050.747
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
108	Công ty Cổ phần Vinhomes	74,35	-2%	-3%	2%	-1%	8%	-316	1.539.810.000.000	1,18	-1.233.536.000.000
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
109	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	30,63	0%	-2%	2%	0%	8%	2.480	3.219.997.000.000	0,14	27.637.848.000.000

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
110	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	-221,00	34%	22%	18%	-10%	-49%	-4.940	-127.897.371.896	-0,20	-435.248.472.790
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
111	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội	-115,24	8%	12%	1%	0%	0%	-69	-486.765.033	-0,01	-15.611.754.770
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*

BẢNG 1.B: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUY ĐIỂM

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái bình Dương	298,31	297,67	1,12	7,22	117,82	167,20	338,41	430,50	65,65	49,94	0,08	0,07
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	299,39	298,74	5,93	9,28	115,05	167,27	355,92	430,45	68,83	52,02	4,38	4,23
3	Công ty Cổ phần Thống Nhất	296,26	297,05	2,16	7,25	111,66	167,33	376,65	437,12	69,47	52,74	0,03	0,03
4	TCT Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần	298,61	297,93	2,48	7,17	115,71	167,27	382,59	442,77	67,67	51,67	2,98	1,87
5	Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp	299,58	298,92	4,23	7,56	117,05	167,09	361,13	429,69	66,70	50,57	0,17	0,07
6	Công ty cổ phần BV Land	298,11	297,06	9,63	8,96	118,29	166,74	358,64	478,35	67,19	50,84	0,38	0,28
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	281,63	279,63	12,17	9,50	116,12	167,30	290,45	431,51	66,66	50,80	0,16	0,15
8	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	298,38	298,24	6,36	8,09	118,21	166,87	270,98	432,66	65,76	50,19	0,12	0,11
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	298,68	296,30	1,61	106,72	118,01	166,77	155,33	428,42	65,93	50,11	0,51	-
10	Công ty Cổ phần COMA18	298,12	297,56	1,19	7,19	117,81	167,51	353,07	433,59	64,03	49,15	0,02	0,03
11	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	297,76	298,03	1,80	7,77	117,03	166,64	280,86	429,99	65,92	50,21	0,38	0,54
12	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	298,90	297,89	1,86	7,13	118,26	167,04	362,56	430,90	66,12	50,35	0,12	0,06
13	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	298,05	298,77	2,27	8,21	120,64	167,04	369,83	430,00	70,18	52,76	0,01	0,04
14	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	296,89	299,16	3,65	7,87	117,04	167,11	360,43	435,92	70,84	52,55	0,07	0,12
15	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	298,13	297,41	0,97	7,07	118,02	167,18	353,97	430,57	66,14	50,39	0,38	0,54
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	299,60	298,06	21,43	8,72	105,40	167,46	363,16	432,20	67,37	51,18	0,11	0,08
17	Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn	297,20	296,03	119,20	8,95	117,50	166,68	375,86	435,68	66,25	50,45	0,01	0,01

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
18	Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	298,08	297,26	3,83	7,93	118,60	168,03	363,51	438,11	61,78	47,65	0,01	0,00
19	Công ty Cổ phần Đệ Tam	298,14	297,79	2,41	7,84	116,36	167,34	355,14	429,66	65,69	50,04	0,04	0,05
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung	296,42	294,21	54,11	20,00	118,27	167,07	350,13	328,47	65,38	49,80	0,11	0,22
21	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	298,37	298,01	2,55	7,55	116,74	167,04	361,24	285,55	68,82	51,87	1,36	1,69
22	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	298,03	297,49	2,43	7,53	118,16	167,01	353,46	333,68	66,44	50,61	0,73	0,92
23	Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện Lực	297,78	296,85	0,65	6,90	117,38	167,36	272,45	161,88	65,07	49,45	0,01	0,01
24	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	296,55	297,91	102,17	10,94	118,57	166,97	353,21	428,88	65,95	50,37	0,40	0,42
25	Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. HCM	298,03	297,50	100,35	7,22	117,82	167,01	361,15	434,35	65,77	50,10	0,01	0,01
26	Công ty cổ phần Địa ốc First Real	298,36	297,40	10,93	7,37	118,52	167,00	367,74	433,33	65,77	50,08	0,06	0,04
27	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	298,29	297,01	2,37	7,95	117,75	166,67	351,17	431,01	67,20	51,20	0,65	0,70
28	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	251,34	227,22	0,50	6,81	117,76	166,34	381,54	434,37	65,50	49,91	0,01	0,01
29	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD 2	298,41	299,31	2,42	9,22	115,97	167,29	350,47	433,13	65,76	50,26	0,01	0,05
30	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	298,65	297,76	1,74	107,27	117,28	167,13	371,80	432,48	66,45	50,31	0,24	0,20
31	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	299,45	299,15	2,26	7,68	116,80	167,02	385,85	436,08	68,94	52,04	1,05	0,98
32	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	297,70	296,71	0,61	6,80	118,18	167,47	359,56	430,23	68,31	50,45	0,00	0,01
33	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	298,10	297,34	4,96	6,80	115,55	167,55	381,39	445,11	64,33	49,25	0,03	0,03
34	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	298,65	297,93	5,20	7,81	117,93	167,13	354,46	431,35	65,84	50,16	0,61	0,57
35	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	297,93	296,32	13,63	6,61	118,00	167,03	354,91	416,99	65,15	49,67	0,12	0,12
36	Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	291,99	290,87	12,49	8,36	117,53	166,59	398,50	441,88	68,29	51,88	0,02	0,02
37	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	298,03	296,91	1,15	100,26	117,59	166,96	270,52	427,14	64,37	48,98	0,00	0,00
38	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	298,59	298,84	8,05	9,64	113,70	167,52	351,51	430,40	66,66	50,39	0,07	0,02
39	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	299,27	298,44	3,76	8,68	118,17	166,82	352,12	427,91	66,57	50,58	0,04	0,03
40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	297,93	297,56	1,78	7,93	115,36	167,37	358,10	434,16	66,09	50,46	0,01	0,05
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6	297,27	296,32	0,59	6,84	117,36	166,68	322,40	434,31	65,45	49,85	0,00	0,00
42	Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp	299,57	298,37	3,66	8,34	114,75	167,03	367,59	431,11	72,77	55,07	0,03	0,03
43	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	298,07	297,35	0,38	6,85	118,11	167,04	263,63	431,96	66,55	50,55	0,00	0,00

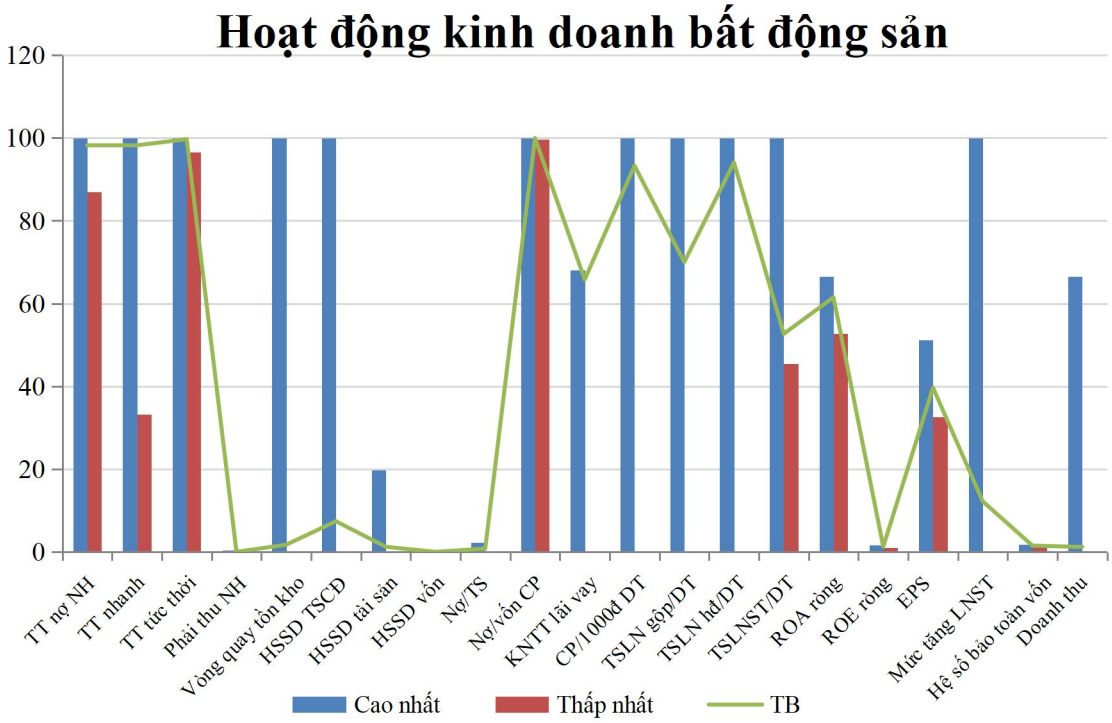
TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
44	Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	298,68	298,01	4,69	7,60	118,17	167,09	362,00	432,34	65,85	50,18	0,31	0,25
45	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	298,76	297,71	2,66	7,08	119,04	167,15	395,06	439,31	69,42	52,50	0,07	0,05
46	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	299,55	298,31	2,61	7,36	118,62	166,84	377,52	434,65	66,72	50,47	0,55	0,36
47	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	298,63	298,09	1,61	7,43	117,33	166,95	367,24	431,55	69,01	52,45	0,19	0,20
48	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-Công ty Cổ phần	298,96	296,00	3,15	7,04	117,70	167,11	394,85	433,84	69,64	52,97	2,14	0,98
49	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	298,42	298,51	4,06	7,35	117,97	166,88	397,60	433,28	67,83	51,53	0,79	0,00
50	Công ty cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land	298,03	297,28	59,32	8,28	117,31	166,63	325,10	429,51	65,76	50,09	0,15	0,11
51	Công ty Cổ phần KOSY	299,77	299,59	2,62	8,16	118,42	167,12	352,79	429,32	65,54	49,92	0,48	0,51
52	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	297,64	297,28	1,40	7,33	115,22	167,29	365,73	437,55	69,10	52,23	0,20	0,87
53	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	298,47	299,06	4,89	8,26	105,29	167,39	378,05	444,41	68,94	51,68	0,08	0,14
54	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	297,68	296,99	0,06	0,00	117,32	167,53	395,08	349,48	65,51	48,79	0,02	0,07
55	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	297,99	297,30	5,94	6,99	118,19	167,10	319,83	425,56	66,17	50,38	0,03	0,02
56	Công ty Cổ phần Long Hậu	298,24	298,47	2,46	7,42	116,33	167,00	382,39	437,74	71,09	54,17	0,14	0,15
57	Công ty Cổ phần Quốc tế Holding	298,47	297,07	3,80	6,73	118,57	168,59	272,94	426,92	62,30	47,54	0,02	-
58	Công ty Cổ phần Thiết bị	296,62	293,82	27,62	9,28	118,46	166,69	402,19	443,53	71,70	52,06	0,04	0,05
59	Công ty cổ phần Tập đoàn Mgroup	296,97	294,63	3,92	6,78	108,17	166,46	355,05	418,61	65,15	49,47	0,00	0,00
60	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cao su Bình Long	293,20	277,86	25,21	7,13	116,00	167,08	366,52	434,33	68,76	52,27	0,06	0,03
61	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	298,34	297,23	0,92	6,77	113,34	167,42	332,90	429,67	67,49	51,31	0,11	0,02
62	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	297,45	294,80	15,76	6,98	119,59	166,54	391,26	433,37	66,59	50,77	0,16	0,02
63	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	298,74	299,34	1,43	7,71	117,99	166,87	359,97	338,51	65,44	50,11	0,03	0,06
64	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	298,58	299,05	4,08	8,01	114,76	167,07	370,06	437,57	71,95	55,04	1,16	2,53
65	Công ty Cổ phần Tập đoàn Danh Khôi	297,68	297,08	0,39	6,74	118,28	166,93	434,84	415,83	66,41	50,26	0,00	0,00
66	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	297,84	297,40	13,38	0,42	101,02	167,25	422,76	399,17	73,22	56,63	0,09	0,13
67	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm	298,55	293,40	6,55	10,05	119,58	168,31	401,74	445,52	69,02	50,62	0,33	0,51
68	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	298,17	297,42	0,82	6,93	106,85	167,41	350,56	413,00	68,83	52,47	1,74	3,20
69	Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay	298,11	297,17	3,81	8,60	118,07	167,09	362,93	433,06	64,31	49,01	0,14	0,14
70	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	299,60	299,33	3,64	7,83	118,85	167,26	364,25	336,35	64,11	49,00	0,36	0,37

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
71	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	298,26	297,23	3,21	6,89	117,94	167,14	376,05	432,84	66,14	50,29	0,23	0,29
72	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	296,53	296,11	4,06	8,66	117,41	166,71	353,65	430,70	65,42	49,81	0,02	0,02
73	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận	297,71	293,63	1,07	7,79	118,36	166,84	372,22	433,50	65,99	50,33	0,01	0,02
74	Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần	299,39	299,13	2,09	7,59	118,27	166,76	358,24	431,62	66,22	50,41	0,42	0,35
75	Công ty Cổ phần Victory Group	297,36	298,12	0,60	7,89	117,17	167,18	352,02	428,31	64,02	48,82	0,01	0,10
76	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	298,13	290,58	0,50	11,99	117,66	166,47	385,21	425,50	64,47	49,07	-	0,05
77	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt	297,50	297,02	0,00	6,74	117,11	166,72	350,39	402,37	63,61	48,46	0,00	0,00
78	Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội	297,59	296,56	0,36	6,73	118,45	167,13	383,71	428,34	65,02	49,53	-	-
79	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	298,40	297,42	1,13	6,99	100,13	167,30	334,72	427,40	64,72	49,28	0,01	0,00
80	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	298,47	297,08	3,31	7,32	118,85	167,61	354,67	433,68	63,29	48,28	0,02	0,01
81	Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí-Long Sơn	297,76	296,79	0,83	6,79	116,86	166,39	340,19	433,78	65,36	49,79	0,00	0,00
82	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	297,79	297,25	0,89	7,13	117,41	167,06	354,91	431,02	66,88	51,04	0,16	0,26
83	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	297,85	296,98	0,76	6,88	118,00	166,96	356,20	432,36	68,18	51,81	0,00	0,01
84	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	297,98	297,46	0,83	7,07	118,06	167,14	324,67	427,36	66,14	50,30	0,14	0,28
85	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	298,29	297,44	47,00	8,10	114,40	167,35	364,04	432,70	67,36	51,24	0,03	0,03
86	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	297,94	297,24	1,70	7,09	117,54	167,17	362,94	433,90	66,75	50,97	0,04	0,05
87	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	299,25	299,29	61,19	10,39	115,85	167,39	349,81	428,31	65,95	50,22	2,09	1,35
88	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op	287,28	286,78	2,18	6,93	116,95	166,41	317,86	434,54	68,21	52,43	0,01	0,03
89	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	297,59	297,17	5,01	8,27	108,13	167,43	376,00	439,00	68,55	52,26	2,44	2,75
90	Công ty Cổ phần SJ Group	297,99	297,84	1,19	7,14	128,12	167,39	377,94	386,95	69,04	52,82	0,15	0,23
91	TCT CP Phát triển Khu Công nghiệp	299,03	298,50	2,95	8,11	115,66	167,04	380,39	439,80	69,77	53,36	1,99	2,07
92	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	298,54	295,45	4,79	8,38	118,40	100,84	383,02	441,96	67,90	52,17	0,14	0,19
93	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	298,69	298,23	3,49	7,27	114,45	167,25	376,60	435,65	66,54	51,16	0,30	0,31
94	Công ty cổ phần Sonadezi Giang Điền	297,86	291,15	1,65	7,28	134,69	167,49	393,02	438,18	66,51	51,02	0,16	0,15
95	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	297,84	298,00	3,99	8,02	115,27	167,30	376,36	435,56	68,33	51,98	0,16	0,17
96	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	299,86	299,36	3,73	7,61	117,53	167,15	368,63	435,61	66,26	50,59	1,18	0,59
97	Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Bình	288,14	294,09	1,74	6,96	116,92	166,44	352,81	431,90	68,17	51,79	0,00	0,00

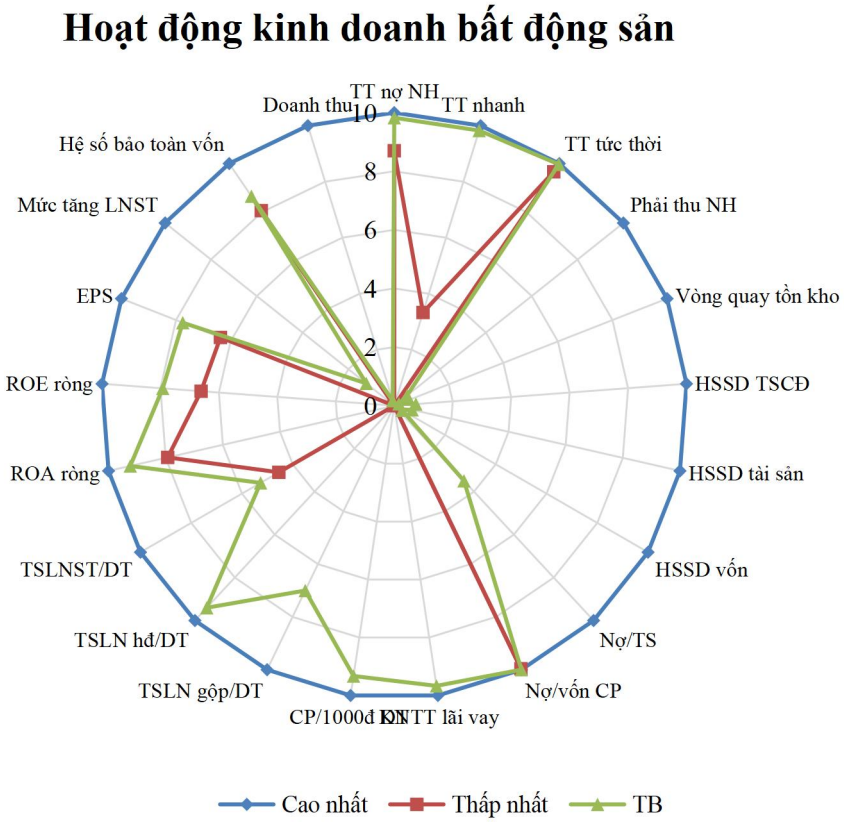
TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
98	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	298,28	297,25	43,51	7,62	118,55	167,69	335,68	414,33	63,62	48,02	0,04	0,02
99	Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	298,39	291,87	7,33	7,66	117,66	166,54	357,79	428,68	66,26	50,21	0,12	0,11
100	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	297,91	298,81	3,67	8,52	120,01	167,08	361,77	431,83	66,24	49,94	0,45	0,53
101	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TANIMEX)	296,20	295,53	4,42	7,68	118,04	166,78	391,22	439,39	70,10	53,20	0,08	0,08
102	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	295,07	297,95	10,39	9,00	117,83	167,18	360,46	431,79	67,60	51,07	0,36	0,34
103	Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	298,22	299,14	1,30	8,68	117,68	167,48	309,79	426,43	64,62	48,97	0,04	0,12
104	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	299,25	297,90	3,19	7,21	117,61	167,05	367,30	431,60	66,49	50,55	0,03	0,02
105	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	285,84	285,97	42,72	26,82	118,07	166,85	371,13	437,46	76,06	58,82	0,89	1,04
106	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	242,06	296,83	0,36	6,74	116,76	167,38	371,36	435,08	65,18	49,89	-	0,00
107	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	297,72	296,68	0,65	6,73	117,91	167,37	278,60	423,60	64,75	49,33	0,01	0,00
108	Công ty Cổ phần Vinhomes	298,79	298,03	3,84	7,63	112,28	167,14	476,01	528,76	73,72	58,03	37,78	36,01
109	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	298,79	298,21	3,75	7,85	102,21	167,32	355,33	445,87	72,75	55,38	58,91	66,55
110	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	295,73	295,70	5,07	7,27	116,30	167,23	401,59	439,86	67,38	50,87	0,20	0,04
111	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội	299,43	299,32	2,38	7,61	118,22	166,87	356,00		68,11		0,06	0,05
112	Công ty Cổ phần AAV Group	295,48		1,68		117,08		337,70		65,71		0,03	
113	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	299,32		19,13		113,33		367,11		68,76		1,42	
114	Công ty Cổ phần BCG Land	298,67		2,17		118,15		349,43		66,12		0,34	
115	Công ty Cổ phần Thế kỷ 21	298,92		3,46		118,28		373,48		71,53		0,03	
116	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	299,80		5,37		115,11		268,19		69,82		0,04	
117	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài sản Koji	284,33		6,59		116,77		331,66		66,16		0,00	
118	Công ty cổ phần Bất động sản Sài Gòn VINA	297,68		0,58		118,05		352,17		65,78		0,00	
119	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	297,99		1,39		116,34		308,48		64,82		0,21	
120	Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng	298,15		1,14		118,09		316,54		65,55		0,03	
121	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	298,83		2,06		115,37		380,68		67,04		0,68	
122	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	297,73		1,54		118,60		367,68		69,34		0,00	

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
123	Công ty Cổ phần Vincom Retail	298,77		5,69		117,94		396,31		67,00		3,57	
124	Công ty Cổ phần DRH Holdings		297,12		6,76		167,32		393,30		49,89		0,00
125	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doánh nghiệp Việt Nam		299,38		7,48		166,76		429,07		49,85		0,02
126	Công ty CỔ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng		297,05		6,73		167,70		426,25		47,38		-
127	Công ty Cổ phần Điện lực miền Trung		297,33		7,49		167,25		426,25		50,21		0,04
128	Côgn ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Việt Nam		298,81		9,93		167,83		441,14		50,09		0,16

SƠ ĐỒ 1.A: CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP CHI TIẾT – ĐỒ THỊ CỘT



SƠ ĐỒ 1.B: CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP CHI TIẾT – ĐỒ THỊ RADA



BẢNG 1.C: VỊ TRÍ THỨ HẠNG XẾP THEO ĐIỂM

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP					
		Tổng điểm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái bình Dương	821,39	952,61	99	74	1.287	1.067
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	849,50	961,99	63	23	831	439
3	Công ty Cổ phần Thống Nhất	856,22	961,51	50	24	638	460
4	TCT Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần	870,05	968,68	28	11	349	221
5	Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp	848,87	953,90	67	66	857	1.009
6	Công ty cổ phần BV Land	852,24	1.002,24	57	6	741	65
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	767,18	938,88	115	98	1.389	1.289
8	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	759,80	956,16	117	49	1.401	843
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	640,07	1.048,32	124	3	1.438	35
10	Công ty Cổ phần COMA18	834,24	955,03	92	57	1.211	939
11	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	763,75	953,18	116	71	1.395	1.039
12	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	847,82	953,37	68	70	900	1.035
13	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	860,99	956,81	42	42	522	787
14	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	848,91	962,73	66	20	856	399
15	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	837,61	953,15	87	72	1.168	1.041
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	857,06	957,71	49	36	615	715
17	Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn	976,01	957,80	2	35	20	709
18	Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	845,80	958,99	72	32	964	628
19	Công ty Cổ phần Đệ Tam	837,79	952,72	86	73	1.166	1.062
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung	884,43	859,78	21	113	205	1.381
21	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	849,08	811,71	65	115	850	1.391
22	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	839,25	857,24	82	114	1.136	1.384
23	Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện Lực	753,35	682,45	121	116	1.410	1.400
24	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	936,84	955,48	4	52	57	895
25	Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. HCM	943,12	956,20	3	48	48	840
26	Công ty cổ phần Địa ốc First Real	861,38	955,23	41	55	512	920
27	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	837,43	954,54	88	62	1.173	972
28	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	816,66	884,65	103	109	1.307	1.374
29	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD 2	833,03	959,26	93	31	1.222	615
30	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	856,15	1.055,14	51	2	640	29
31	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	874,34	962,95	25	19	294	389
32	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	844,37	951,67	74	82	1.007	1.102

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP					
		Tổng điểm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
33	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	864,36	966,08	38	15	462	283
34	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	842,69	954,93	77	59	1.047	950
35	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	849,73	936,75	61	101	824	1.300
36	Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	888,83	959,58	16	30	181	589
37	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	751,66	1.040,26	122	5	1.411	39
38	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	838,58	956,81	84	43	1.153	788
39	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	839,93	952,47	79	77	1.121	1.071
40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	839,27	957,56	81	38	1.135	728
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6	803,08	954,01	108	64	1.340	1.001
42	Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp	858,37	959,95	46	28	574	568
43	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	746,74	953,76	123	67	1.413	1.014
44	Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	849,70	955,48	62	53	827	896
45	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	885,00	963,80	20	18	201	354
46	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	865,57	958,00	35	33	435	695
47	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	854,02	956,67	55	46	700	802
48	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-Công ty Cổ phần	886,44	957,95	18	34	189	698
49	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	886,67	957,56	17	37	187	727
50	Công ty cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land	865,67	951,90	34	81	432	1.094
51	Công ty Cổ phần KOSY	839,62	954,63	80	61	1.125	967
52	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	849,29	962,55	64	22	843	404
53	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	855,72	970,94	52	8	650	184
54	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	875,67	862,86	23	110	278	1.377
55	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	808,16	947,35	105	90	1.331	1.201
56	Công ty Cổ phần Long Hậu	870,65	964,95	27	17	342	312
57	Công ty Cổ phần Quốc tế Holding	756,10	946,84	120	92	1.407	1.210
58	Công ty Cổ phần Thiết bị	916,64	965,42	6	16	85	300
59	Công ty cổ phần Tập đoàn Mgroup	829,27	935,95	95	102	1.241	1.307
60	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cao su Bình Long	869,74	938,71	30	99	355	1.291
61	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	813,10	952,43	104	78	1.319	1.075
62	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	890,81	952,48	14	76	166	1.070
63	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	843,59	862,59	76	111	1.023	1.378
64	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	860,60	969,27	43	9	530	208
65	Công ty Cổ phần Tập đoàn Danh Khôi	917,59	936,84	5	100	83	1.299
66	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	908,31	920,99	7	105	104	1.339
67	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm	895,79	968,42	8	12	143	228

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP					
		Tổng điểm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
68	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	826,97	940,43	98	97	1.261	1.277
69	Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay	847,36	955,08	70	56	913	935
70	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	850,82	860,13	59	112	776	1.380
71	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	861,83	954,69	40	60	505	961
72	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	837,09	952,01	89	80	1.177	1.090
73	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận	855,36	952,11	53	79	660	1.088
74	Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần	844,64	955,86	73	51	1.000	868
75	Công ty Cổ phần Victory Group	831,18	950,41	94	85	1.230	1.142
76	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	865,97	943,67	32	96	425	1.251
77	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt	828,62	921,31	96	104	1.248	1.337
78	Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội	865,13	948,29	36	89	445	1.188
79	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	799,12	948,39	110	88	1.350	1.187
80	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	838,61	953,98	83	65	1.152	1.002
81	Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí-Long Sơn	820,99	953,55	100	69	1.293	1.026
82	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	838,04	953,75	85	68	1.163	1.015
83	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	841,00	954,99	78	58	1.091	941
84	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	807,83	949,60	106	86	1.332	1.163
85	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	891,12	956,85	13	41	164	785
86	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	846,91	956,42	71	47	925	820
87	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	894,16	956,94	10	40	152	774
88	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op	792,50	947,13	112	91	1.364	1.204
89	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	857,71	966,88	47	14	594	263
90	Công ty Cổ phần SJ Group	874,43	912,36	24	107	291	1.351
91	TCT CP Phát triển Khu Công nghiệp	869,79	968,89	29	10	354	217
92	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	872,81	898,98	26	108	314	1.365
93	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	860,06	959,88	44	29	547	573
94	Công ty cổ phần Sonadezi Giang Điền	893,89	955,27	11	54	153	915
95	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	861,95	961,04	39	25	504	489
96	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	857,18	960,91	48	27	611	498
97	Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Bình	827,78	951,18	97	83	1.254	1.118
98	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	859,68	934,92	45	103	551	1.310
99	Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	847,55	945,07	69	94	910	1.237
100	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	850,05	956,72	60	45	807	797
101	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TANIMEX)	880,06	962,66	22	21	244	400
102	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	851,72	957,33	58	39	758	753

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP					
		Tổng điểm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
103	Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	791,65	950,83	113	84	1.367	1.131
104	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	853,87	954,32	56	63	703	985
105	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	894,72	976,97	9	7	149	125
106	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	795,72	955,90	111	50	1.356	862
107	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	759,64	943,72	118	95	1.402	1.250
108	Công ty Cổ phần Vinhomes	1.002,43	1.095,62	1	1	6	7
109	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	891,73	1.041,19	12	4	163	37
110	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	886,27	960,96	19	26	191	492
111	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội	844,20	956,77	75	44	1.009	790
112	Công ty Cổ phần AAV Group	817,68		1.302		101	
113	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	869,08		373		31	
114	Công ty Cổ phần BCG Land	834,89		1.200		90	
115	Công ty Cổ phần Thế kỷ 21	865,70		431		33	
116	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	758,32		1.405		119	
117	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài sản Koji	805,51		1.336		107	
118	Công ty cổ phần Bất động sản Sài Gòn VINA	834,25		1.210		91	
119	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	789,24		1.371		114	
120	Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng	799,49		1.348		109	
121	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	864,66		454		37	
122	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	854,91		678		54	
123	Công ty Cổ phần Vincom Retail	889,28		176		15	
124	Công ty Cổ phần DRH Holdings		914,40		106		1.349
125	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doánh nghiệp Việt Nam		952,57		75		1.069
126	Công ty CỔ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng		945,11		93		1.235
127	Công ty Cổ phần Điện lực miền Trung		948,57		87		1.183
128	Côgn ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Việt Nam		967,95		13		243

2. NGÀNH HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CHUYÊN DỤNG

Số lượng doanh nghiệp trong ngành

Năm 2023: 33 Năm 2024: 34

Thêm: 4 Bớt: 3

Tình trạng doanh nghiệp trong nhóm năm 2024 so với năm 2023

+ *Số lượng doanh nghiệp đạt 2 tiêu chí:*

  Duy trì: 4 Tăng thêm: 3 Giảm bớt:

+ *Số doanh nghiệp đạt tiêu chí về giá:*

  Duy trì: 7 Tăng thêm: 3 Giảm bớt: 2

+ *Số doanh nghiệp không đạt tiêu chí về giá:*

  Duy trì: 12 Tăng thêm: 1 Giảm bớt: 8

Tình trạng thực hiện các chỉ tiêu tài chính ở các doanh nghiệp trong nhóm

Điểm cao: Chỉ số thanh toán Vòng quay tồn kho HSSD TSCĐ

Điểm thấp: Phải thu NH HSSD vốn ROE ròng

Tình trạng cân đối trong việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính giữa các DN trong nhóm

Chênh lệch ít: Chỉ số thanh toán Nợ/Vón CP ROA ròng

Chênh lệch nhiều: Vòng quay tồn kho HSSD TSCĐ Doanh thu

Thay đổi vị trí xếp hạng trong tổng số doanh nghiệp

Tăng bậc: 23 Không đổi: Giảm bậc: 7

Các doanh nghiệp đạt chỉ số tốt nhất trong ngành

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (20)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (299,75)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4 (109,21)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (170,09)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (443,18)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (56,89)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (4,53)

Doanh nghiệp có số lượng chỉ tiêu tốt lên nhiều nhất trong ngành

+ Tổng Công ty Licogi – Công ty Cổ phần (20)

BẢNG 2.A.1: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2023

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4	2,25	1,32	0,16	2,05	6,05	12,12	0,86	2,21	0,46	1,19	8,10
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	1,20	0,91	0,50	3,94	2,50	1,48	0,52	5,48	0,65	6,89	2,75
3	Công ty Cổ phần FECON	0,67	1,03	0,16	0,79	1,42	1,68	0,34	1,83	0,61	3,32	0,93
4	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn	1,62	1,13	0,22	1,78	29,90	7,85	1,15	4,52	0,71	2,81	0,00
5	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội	0,20	0,72	0,07	0,46	0,75	4,74	0,12	0,39	0,58	1,97	0,00
6	Công ty Cổ phần Licogi 12	0,88	0,64	0,00	1,41	1,47	3,54	0,62	3,00	0,74	3,60	1,12
7	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9	0,91	0,82	0,02	1,15	3,21	9,21	0,73	5,78	0,81	6,47	1,18
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0,51	0,56	0,23	1,61	85,65	0,10	0,07	0,83	0,77	9,19	3,81
9	TCT LICOGI - Công ty Cổ phần	0,62	0,41	0,04	1,80	3,08	8,03	0,47	2,26	0,90	4,33	1,12
10	Công ty Cổ phần Licogi 13	0,90	0,91	0,01	1,06	3,93	11,89	0,50	3,49	0,79	5,45	1,03
11	Công ty Cổ phần Đầu tư MST	4,52	0,74	0,01	6,18	193,01	1.694,45	0,99	1,59	0,32	0,51	6,14
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	1,65	1,26	0,44	2,76	6,56	0,72	0,38	2,50	0,64	4,17	1,46
13	Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	0,02	0,24	0,05	0,12	0,02	285,93	0,01	0,03	0,50	1,14	0,00
14	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	0,68	1,16	0,28	1,00	5,30	4,16	0,46	2,30	0,67	3,36	0,00
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	0,56	0,90	0,19	1,99	0,00	0,14	0,09	0,33	0,55	1,96	1,30
16	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	2,17	2,07	0,77	2,27	3,59	0,57	0,25	2,09	0,41	3,45	4,26
17	Công ty cổ phần Sông đà 7.04	0,00	5,62	0,01	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,07	0,22	0,00
18	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	0,59	1,06	0,20	0,73	1,53	1,29	0,31	1,64	0,65	3,48	1,05
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 19	0,00	0,99	0,16	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,65	0,46	117,98
20	Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông	0,89	1,41	0,13	0,71	2,39	6,86	0,48	0,52	0,54	0,59	-22,09
21	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	0,00	0,14	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1,20	3,50	-0,04
22	Công ty Cổ phần Vinaconex 21	0,59	0,87	0,04	0,79	1,28	4,64	0,33	0,90	0,62	1,68	1,13
23	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0,48	1,00	0,02	0,50	1,25	19,87	0,31	1,86	0,65	3,85	1,52
24	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	1,77	0,83	0,19	3,13	6,11	33,24	1,47	14,58	0,84	8,30	2,14
25	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	0,99	1,00	0,17	1,22	7,13	8,95	0,25	0,39	0,30	0,46	5,74
26	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	0,36	0,79	0,01	0,48	1,20	54,61	0,27	1,58	0,94	5,49	1,05
27	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	0,88	0,82	0,19	1,80	1,67	3,29	0,41	2,38	0,67	3,83	1,67
28	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	1,32	0,84	0,12	2,05	7,18	9,50	1,14	8,94	0,88	6,90	-0,55

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
29	TCT Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	1,18	0,85	0,12	1,67	2,58	4,06	0,66	2,34	0,65	2,33	1,67
30	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	2,86	1,21	0,49	4,49	27,31	2,95	0,90	3,52	0,62	2,44	2,89
31	Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	0,53	0,98	0,08	0,67	3,31	25,54	0,46	4,43	0,87	8,35	1,06
32	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	0,09	0,41	0,00	0,23	0,49	0,32	0,10	0,85	1,20	10,57	-0,51
33	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô Thị Vinahud	0,16	0,92	0,01	0,18	0,19	7,64	0,06	0,82	0,95	12,45	0,06

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4	963,59	7%	4%	4%	3%	9%	519	55.553.416.986	1,37	1.413.416.351.806
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	910,43	17%	14%	8%	4%	45%	3.223	282.686.723.503	3,73	3.450.139.573.539
3	Công ty Cổ phần FECON	1.001,64	17%	9%	-1%	0%	-3%	-204	-42.089.215.119	2,14	2.879.566.997.423
4	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn	977,95	8%	2%	2%	2%	10%	807	27.183.988.861	1,13	1.288.309.809.945
5	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội	1.321,17	40%	-32%	-23%	-3%	-9%	-1.124	-4.753.816.607	1,44	20.604.226.191
6	Công ty Cổ phần Licogi 12	1.015,98	10%	5%	1%	0%	2%	229	1.542.567.613	1,28	209.960.401.319
7	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9	998,48	9%	4%	0%	0%	1%	131	739.429.978	1,48	290.599.180.615
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	699,31	67%	52%	58%	4%	48%	3.564	927.228.912.533	2,69	1.702.630.820.294
9	TCT LICOGI - Công ty Cổ phần	1.069,34	9%	0%	0%	0%	1%	-14	6.795.352.481	0,47	2.035.962.622.006
10	Công ty Cổ phần Licogi 13	1.045,30	2%	-1%	0%	0%	0%	31	2.606.727.197	1,47	3.325.201.927.581
11	Công ty Cổ phần Đầu tư MST	1.035,95	0%	-2%	6%	6%	9%	955	68.295.218.300	1,09	1.207.223.328.653
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	955,46	20%	15%	4%	1%	10%	405	303.032.989.501	2,34	7.775.239.783.868
13	Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	1.194,42	13%	-19%	46%	1%	1%	128	2.312.886.258	1,15	5.043.840.828
14	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	1.032,08	14%	-3%	1%	0%	2%	188	228.654.978	1,63	27.941.452.506
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	1.058,95	53%	38%	13%	1%	4%	311	14.021.129.703	1,62	107.718.308.611
16	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	764,82	43%	34%	33%	8%	68%	5.354	2.786.658.064.221	5,07	8.579.347.840.237
17	Công ty cổ phần Sông đà 7.04	0,00	0%	0%	0%	23%	76%	7.572	49.063.486.204	3,05	0
18	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.004,65	17%	9%	-1%	0%	-1%	-28	-4.976.959.725	1,88	705.299.312.356
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 19	0,00	0%	0%	0%	7%	5%	507	2.537.304.074	0,25	0

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
20	Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông	1.072,76	21%	-7%	-7%	-4%	-4%	-383	-1.932.800.736	0,49	26.107.472.301
21	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	0,00	0%	0%	0%	-3%	-10%	-987	-8.293.672.803	-0,59	0
22	Công ty Cổ phần Vinaconex 21	1.013,76	10%	2%	0%	0%	0%	5	59.007.958	1,02	107.609.657.162
23	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	973,13	8%	7%	1%	0%	2%	218	2.620.614.329	2,07	222.687.685.088
24	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	995,44	5%	2%	1%	2%	18%	1.793	15.783.351.454	1,60	1.283.261.244.544
25	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	898,76	19%	13%	11%	3%	4%	805	42.466.970.398	1,09	373.424.320.568
26	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	1.034,25	13%	8%	1%	0%	1%	98	1.396.164.116	0,37	268.465.172.567
27	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	973,68	9%	9%	3%	1%	7%	752	396.437.714.817	1,90	12.709.754.496.075
28	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	1.047,94	5%	-2%	-4%	-5%	-38%	-3.813	-3.919.399.180	0,92	91.882.045.416
29	TCT Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	984,21	10%	4%	1%	1%	2%	61	14.278.956.324	1,23	1.355.133.321.493
30	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	934,35	15%	10%	6%	5%	19%	1.990	25.653.079.229	1,47	465.001.073.687
31	Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	1.004,61	8%	3%	0%	0%	1%	66	70.325.170	1,20	46.954.773.891
32	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	1.513,45	8%	-13%	-57%	-6%	-49%	-4.801	-40.821.312.949	-1,79	71.110.693.488
33	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô Thị Vinahud	1.548,14	5%	-6%	-53%	-3%	-43%	-4.309	-163.742.467.427	0,65	310.792.902.944

BẢNG 2.A.2: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2024

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4	1,13	1,31	0,12	0,97	5,30	8,27	0,51	1,46	0,53	1,51	6,53
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	1,44	0,93	0,41	3,23	2,48	1,63	0,56	5,68	0,59	6,04	4,04
3	Công ty Cổ phần FECON	0,70	0,97	0,10	0,83	1,74	2,13	0,35	2,14	0,65	4,03	1,28
4	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn	2,05	1,07	0,38	3,10	14,27	8,57	1,40	5,27	0,69	2,59	686,87
5	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội	0,15	0,63	0,03	0,32	0,46	3,82	0,09	0,29	0,62	1,96	0,00
6	Công ty Cổ phần Licogi 12	1,53	0,72	0,06	2,39	2,91	6,83	1,06	5,00	0,72	3,40	1,36
7	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9	0,85	0,78	0,00	1,11	2,95	7,70	0,70	5,96	0,83	7,08	1,16

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	1,42	1,10	0,17	2,52	85,68	0,16	0,11	1,30	0,76	9,22	1,82
9	TCT LICOGI - Công ty Cổ phần	0,65	0,49	0,14	2,03	4,17	9,49	0,49	2,50	0,89	4,59	1,71
10	Công ty Cổ phần Licogi 13	1,07	0,92	0,01	1,22	6,29	15,89	0,61	3,89	0,81	5,20	1,22
11	Công ty Cổ phần Đầu tư MST	1,63	1,14	0,00	1,48	873,06	2.342,78	0,73	1,68	0,52	1,19	2,20
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	1,99	1,28	0,45	3,24	5,04	0,99	0,48	2,82	0,63	3,71	2,20
13	Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	0,00	0,23	0,03	0,02	0,00	0,00	0,00	0,00	0,50	1,12	0,00
14	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	1,94	1,06	0,18	2,34	25,30	24,01	1,58	14,41	0,81	7,41	20,77
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	0,00	8,54	0,11	0,01	0,00	0,01	0,00	0,00	0,07	0,08	110,67
16	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	2,06	2,46	1,38	2,68	4,12	0,60	0,23	1,78	0,38	2,95	4,64
17	Công ty cổ phần Sông đà 7.04	0,51	0,99	0,34	0,80	1,37	0,79	0,03	0,11	0,07	0,21	0,00
18	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	0,94	1,07	0,16	1,11	2,43	2,00	0,49	2,39	0,62	3,06	0,99
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 19	0,00	0,80	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,55	0,35	78,14
20	Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông	1,42	1,39	0,09	1,10	14,96	18,93	0,91	1,30	0,64	0,92	2,69
21	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	0,00	0,14	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1,24	3,61	-0,28
22	Công ty Cổ phần Vinaconex 21	0,53	0,85	0,07	0,75	1,17	3,23	0,33	0,99	0,67	2,04	0,70
23	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	1,11	0,83	0,00	1,46	1,93	44,60	0,72	4,24	0,65	3,81	1,60
24	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	1,96	0,59	0,16	5,62	3,71	42,14	1,64	17,02	0,84	8,71	3,31
25	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	0,78	1,02	0,04	0,81	6,78	7,78	0,20	0,31	0,29	0,45	3,15
26	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	0,41	0,73	0,02	0,62	1,02	77,02	0,28	1,37	0,92	4,53	1,08
27	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1,00	0,82	0,19	2,20	1,54	3,70	0,44	2,15	0,62	3,06	4,16
28	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	1,53	0,94	0,16	2,01	8,77	8,38	1,18	7,10	0,84	5,04	1,38
29	TCT Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	0,80	0,78	0,11	1,25	1,42	2,80	0,44	1,52	0,64	2,18	1,81
30	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	1,23	1,04	0,50	2,62	5,78	1,73	0,48	1,91	0,63	2,54	4,32
31	Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và phát triển Đô thị	0,92	3,09	0,08	0,36	0,00	1,53	0,10	0,07	0,10	0,08	0,00
32	Công ty Cổ phần Sông Đà 12	0,02	0,06	0,01	1,21	0,41	4,16	0,03	0,06	2,51	5,57	0,77
33	Công ty Cổ phần Sông Đà 6	0,14	0,59	0,00	0,24	0,24	2,60	0,11	0,27	0,79	1,95	1,10
34	Công ty Cổ phần Searefico	1,00	0,82	0,08	1,45	3,08	4,57	0,68	3,04	0,73	3,27	1,22

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4	965,39	9%	4%	4%	2%	6%	295	36.793.052.417	1,34	937.569.678.800
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	905,86	15%	13%	9%	5%	48%	3.553	304.095.161.443	4,15	3.577.535.172.372
3	Công ty Cổ phần FECON	1.003,28	13%	6%	1%	0%	2%	59	30.070.564.322	2,14	3.374.697.356.483
4	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn	969,13	7%	3%	3%	4%	14%	1.604	40.422.617.743	1,17	1.501.926.294.433
5	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội	1.666,04	50%	-67%	-61%	-6%	-18%	-1.891	-9.187.152.669	1,25	15.029.356.365
6	Công ty Cổ phần Licogi 12	990,72	6%	3%	1%	1%	3%	298	2.009.684.254	1,31	350.280.301.516
7	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9	999,90	8%	4%	0%	0%	1%	124	624.220.136	1,48	299.595.684.754
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	847,59	67%	55%	32%	3%	41%	2.718	791.644.169.033	2,95	2.606.007.502.075
9	TCT LICOGI - Công ty Cổ phần	1.037,54	11%	2%	3%	2%	8%	663	73.351.698.125	0,54	2.250.355.273.122
10	Công ty Cổ phần Licogi 13	1.002,40	3%	1%	0%	0%	1%	22	6.055.366.559	1,20	3.695.151.811.446
11	Công ty Cổ phần Đầu tư MST	997,13	2%	2%	1%	1%	2%	256	17.139.549.264	1,12	1.273.890.610.665
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	918,23	21%	15%	7%	3%	20%	1.177	709.975.393.730	2,16	10.088.901.620.619
13	Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	4.547,05	34%	-355%	-283%	-1%	-1%	-133	-2.400.266.763	1,13	848.407.070
14	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	997,62	5%	0%	1%	1%	11%	1.129	1.371.790.214	1,72	175.055.723.554
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	110.847, 46	100%	- 10532 %	49658%	5%	6%	601	19.358.133.621	1,17	50.000.000
16	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	798,38	37%	29%	29%	7%	51%	4.237	2.396.000.255.249	4,77	8.394.604.176.003
17	Công ty cổ phần Sông đà 7.04	1.631,33	-16%	-63%	-49%	-2%	-5%	-533	-3.451.675.148	2,99	7.195.785.509
18	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.002,66	13%	4%	0%	0%	-1%	-4	-4.226.241.029	1,87	1.022.914.332.736
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 19	0,00	0%	0%	0%	7%	5%	466	2.331.846.344	0,29	0
20	Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông	989,53	10%	2%	1%	1%	1%	125	625.830.126	0,51	65.233.665.021
21	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	0,00	0%	0%	0%	-4%	-11%	-1.135	-9.533.993.734	-0,71	0
22	Công ty Cổ phần Vinaconex 21	1.032,80	10%	0%	-1%	0%	-1%	-98	-1.176.066.225	1,01	119.230.524.183
23	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	983,79	6%	4%	1%	1%	3%	299	3.587.937.616	2,10	508.497.357.574
24	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	983,05	6%	2%	1%	2%	25%	2.492	24.118.526.544	1,66	1.647.088.311.259
25	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	959,36	15%	7%	5%	1%	2%	149	15.096.405.725	1,10	293.915.224.690
26	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	1.000,54	9%	4%	0%	0%	0%	47	789.293.438	0,37	233.707.109.417
27	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	913,85	15%	12%	9%	4%	18%	1.548	1.106.403.658.020	1,84	12.870.215.463.529
28	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	993,62	10%	3%	1%	1%	5%	455	467.652.435	0,96	72.961.639.009

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
29	TCT Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	981,19	14%	5%	2%	1%	3%	75	15.296.734.315	1,24	881.589.056.619
30	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	877,62	29%	16%	11%	5%	20%	1.733	26.578.170.435	1,47	251.708.699.986
31	Công ty CPTư vấn Thiết kế và phát triển Đô thị	1.094,84	9%	-9%	-9%	-1%	-1%	-62	-1.926.359.797	0,66	22.230.523.406
32	Công ty Cổ phần Sông Đà 12	907,17	-90%	45%	-8%	0%	-1%	-52	-260.314.623	-3,35	3.174.888.779
33	Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.491,78	-1%	-18%	3%	0%	1%	77	2.690.693.682	0,52	92.912.137.144
34	Công ty Cổ phần Searefico	1.016,62	7%	1%	0%	0%	0%	52	1.212.916.946	1,22	1.082.727.400.017

BẢNG 2.A.3: CHIỀU HƯỚNG THAY ĐỔI CỦA CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2024 SO VỚI 2023

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4	-1,11	0,00	-0,04	-1,09	-0,74	-3,85	-0,35	-0,74	0,06	0,32	-1,57
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	0,24	0,02	-0,09	-0,71	-0,02	0,14	0,04	0,20	-0,06	-0,85	1,29
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
3	Công ty Cổ phần FECON	0,04	-0,06	-0,06	0,03	0,32	0,46	0,01	0,31	0,04	0,71	0,35
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
4	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn	0,43	-0,06	0,16	1,31	-15,63	0,72	0,25	0,75	-0,02	-0,22	686,87
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
5	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội	-0,05	-0,09	-0,04	-0,13	-0,30	-0,92	-0,03	-0,11	0,03	0,00	0,00
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
6	Công ty Cổ phần Licogi 12	0,64	0,08	0,06	0,99	1,44	3,29	0,45	2,00	-0,02	-0,20	0,25
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
7	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9	-0,06	-0,04	-0,02	-0,04	-0,26	-1,52	-0,03	0,18	0,01	0,61	-0,03
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0,91	0,54	-0,05	0,91	0,02	0,06	0,04	0,47	-0,02	0,03	-1,99
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
9	TCT LICOGI - Công ty Cổ phần	0,04	0,08	0,10	0,23	1,09	1,46	0,02	0,24	-0,01	0,26	0,60
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
10	Công ty Cổ phần Licogi 13	0,17	0,01	0,00	0,16	2,36	4,00	0,10	0,39	0,02	-0,26	0,18
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
11	Công ty Cổ phần Đầu tư MST	-2,90	0,40	0,00	-4,69	680,06	648,33	-0,26	0,09	0,20	0,68	-3,94
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	0,34	0,02	0,01	0,49	-1,53	0,27	0,10	0,32	-0,01	-0,46	0,74
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
13	Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	-0,02	-0,01	-0,02	-0,10	-0,02	-285,93	-0,01	-0,02	0,00	-0,02	0,00
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
14	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	1,26	-0,10	-0,10	1,34	19,99	19,85	1,12	12,11	0,14	4,05	20,77
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	-0,56	7,64	-0,08	-1,99	0,00	-0,12	-0,09	-0,33	-0,48	-1,88	109,37
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Không đổi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
16	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	-0,11	0,39	0,62	0,41	0,53	0,03	-0,01	-0,31	-0,02	-0,50	0,39
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
17	Công ty cổ phần Sông đà 7.04	0,51	-4,63	0,32	0,80	1,37	0,79	0,03	0,11	0,00	-0,01	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
18	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	0,35	0,01	-0,04	0,37	0,91	0,71	0,18	0,75	-0,03	-0,42	-0,06
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 19	0,00	-0,19	-0,16	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	-0,10	-0,10	-39,85
		Không đổi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
20	Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông	0,53	-0,02	-0,03	0,39	12,57	12,07	0,43	0,78	0,10	0,33	24,78
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
21	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	0,00	-0,01	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,04	0,11	-0,25
		Không đổi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
22	Công ty Cổ phần Vinaconex 21	-0,06	-0,02	0,03	-0,05	-0,12	-1,41	-0,01	0,10	0,05	0,36	-0,42
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
23	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0,63	-0,17	-0,02	0,96	0,67	24,73	0,40	2,38	-0,01	-0,04	0,08
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
24	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	0,19	-0,25	-0,02	2,50	-2,40	8,90	0,17	2,43	0,00	0,42	1,17
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
25	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	-0,21	0,02	-0,13	-0,41	-0,35	-1,17	-0,05	-0,08	-0,01	-0,01	-2,59
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
26	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	0,05	-0,05	0,02	0,14	-0,18	22,41	0,01	-0,20	-0,01	-0,96	0,04
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
27	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	0,12	0,00	0,01	0,40	-0,14	0,41	0,02	-0,23	-0,04	-0,77	2,49
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
28	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	0,21	0,10	0,04	-0,04	1,59	-1,11	0,04	-1,84	-0,04	-1,86	1,93
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
29	TCT Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	-0,37	-0,07	-0,01	-0,42	-1,15	-1,27	-0,21	-0,82	-0,02	-0,15	0,13
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
30	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	-1,62	-0,17	0,02	-1,88	-21,52	-1,21	-0,43	-1,62	0,01	0,10	1,43
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4	1,81	2%	0%	0%	-1%	-3%	-224	-18.760.364.569	-0,03	-475.846.673.006
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	-4,58	-2%	-2%	0%	1%	3%	330	21.408.437.940	0,42	127.395.598.833
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
3	Công ty Cổ phần FECON	1,65	-4%	-3%	2%	1%	5%	263	72.159.779.441	0,00	495.130.359.060
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
4	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn	-8,82	-1%	1%	1%	1%	5%	797	13.238.628.882	0,04	213.616.484.488
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
5	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội	344,87	10%	-34%	-38%	-3%	-8%	-767	-4.433.336.062	-0,19	-5.574.869.826
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
6	Công ty Cổ phần Licogi 12	-25,26	-3%	-2%	0%	0%	1%	69	467.116.641	0,03	140.319.900.197
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
7	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9	1,42	-1%	0%	0%	0%	0%	-7	-115.209.842	0,00	8.996.504.139
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	148,28	0%	4%	-26%	-1%	-7%	-846	-135.584.743.500	0,26	903.376.681.781
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
9	TCT LICOGI - Công ty Cổ phần	-31,80	2%	2%	3%	1%	7%	677	66.556.345.644	0,08	214.392.651.116
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
10	Công ty Cổ phần Licogi 13	-42,90	1%	2%	0%	0%	0%	-9	3.448.639.362	-0,27	369.949.883.865
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
11	Công ty Cổ phần Đầu tư MST	-38,83	2%	4%	-4%	-5%	-7%	-700	-51.155.669.036	0,02	66.667.282.012
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	-37,23	0%	0%	3%	2%	10%	772	406.942.404.229	-0,18	2.313.661.836.751
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
13	Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	3.352,63	22%	-335%	-329%	-1%	-2%	-261	-4.713.153.021	-0,01	-4.195.433.758
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
14	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	-34,46	-9%	3%	0%	1%	9%	941	1.143.135.236	0,09	147.114.271.048
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	109.788,51	47%	-10569%	49645%	4%	2%	290	5.337.003.918	-0,44	-107.668.308.611
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
16	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	33,56	-6%	-6%	-4%	-1%	-17%	-1.117	-390.657.808.972	-0,30	-184.743.664.234
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
17	Công ty cổ phần Sông đà 7.04	1.631	-16%	-63%	-49%	-25%	-81%	-8.105	-52.515.161.352	-0,05	7.195.785.509
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
18	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-1,99	-4%	-5%	0%	0%	0%	24	750.718.696	-0,01	317.615.020.380
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 19	0,00	0%	0%	0%	0%	0%	-41	-205.457.730	0,05	0
		Không đổi	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Không đổi*
20	Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông	-83,23	-11%	9%	8%	4%	5%	508	2.558.630.862	0,01	39.126.192.720
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
21	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	0,00	0%	0%	0%	-1%	-1%	-148	-1.240.320.931	-0,11	0
		Không đổi	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Không đổi*
22	Công ty Cổ phần Vinaconex 21	19,04	0%	-2%	-1%	0%	-1%	-103	-1.235.074.183	-0,01	11.620.867.021
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
23	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	10,66	-1%	-3%	0%	0%	1%	81	967.323.287	0,03	285.809.672.486
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
24	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	-12,39	1%	1%	0%	1%	7%	699	8.335.175.090	0,06	363.827.066.715
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
25	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	60,60	-4%	-6%	-6%	-2%	-3%	-657	-27.370.564.673	0,01	-79.509.095.878
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
26	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	-33,70	-4%	-4%	0%	0%	0%	-51	-606.870.678	0,00	-34.758.063.150
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
27	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-59,84	6%	3%	5%	2%	11%	796	709.965.943.203	-0,06	160.460.967.454
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
28	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	-54,32	5%	5%	5%	6%	43%	4.268	4.387.051.615	0,05	-18.920.406.407
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
29	TCT Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	-3,01	4%	1%	1%	0%	0%	14	1.017.777.991	0,00	-473.544.264.874
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
30	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	-56,74	13%	6%	5%	0%	1%	-257	925.091.206	0,00	-213.292.373.701
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*

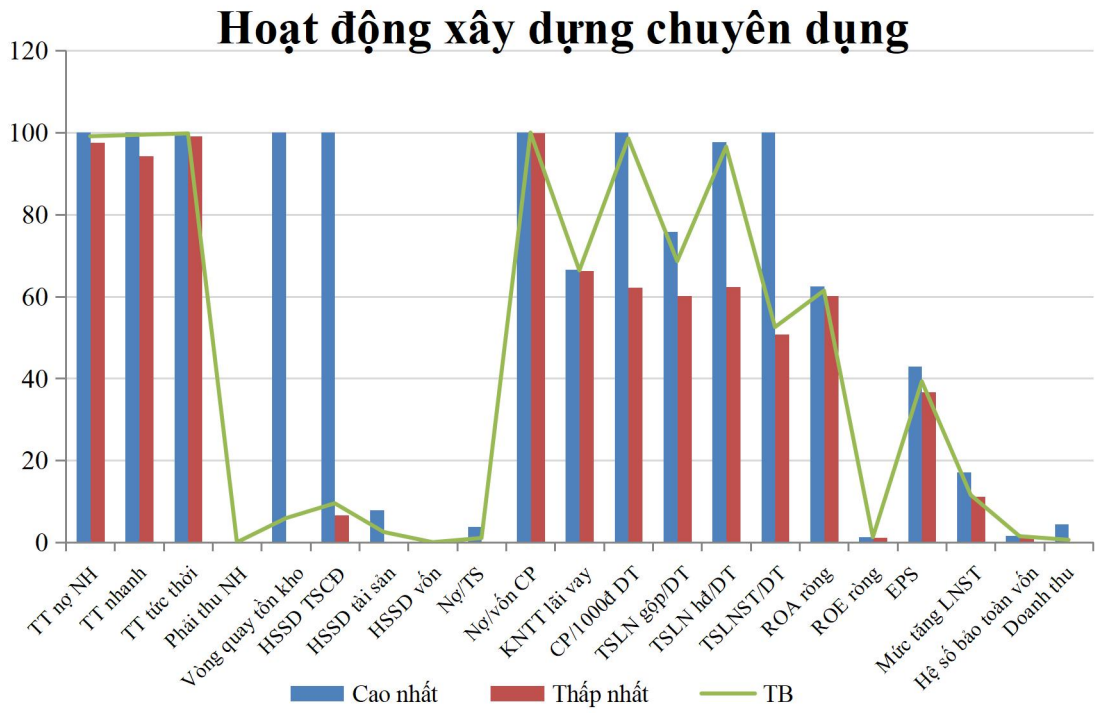
BẢNG 2.B: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUY ĐIỂM

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4	298,38	299,11	8,10	109,21	118,46	167,13	356,10	429,63	66,34	50,43	0,52	0,33
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	299,42	298,80	6,43	9,46	110,85	167,15	369,98	434,89	72,51	55,72	1,26	1,26
3	Công ty Cổ phần FECON	299,36	299,12	3,38	8,41	115,56	167,28	352,57	429,38	68,34	51,94	1,05	1,19

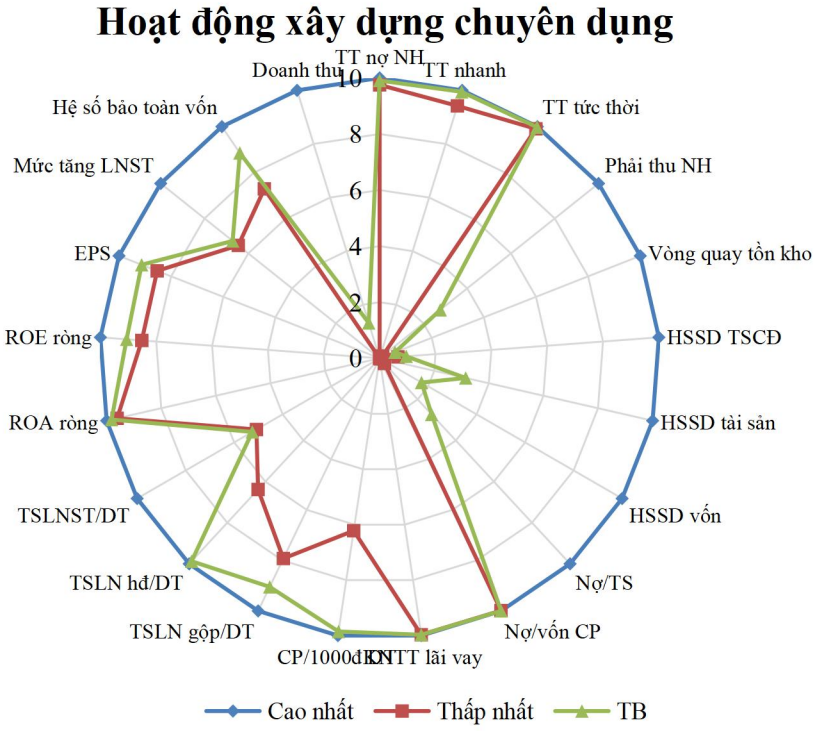
TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
4	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn	299,06	298,00	10,93	13,49	116,32	167,55	355,79	431,16	65,71	50,12	0,47	0,53
5	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội	298,38	297,51	1,83	7,17	117,33	167,25	337,86	428,65	66,52	50,26	0,01	0,01
6	Công ty Cổ phần Licogi 12	299,71	298,97	5,76	11,87	115,31	167,39	352,59	429,05	66,09	50,37	0,08	0,12
7	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9	299,64	299,30	8,19	10,12	111,52	167,50	352,66	428,91	66,62	50,69	0,11	0,11
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	299,52	299,00	4,34	7,26	107,89	167,36	391,45	439,49	69,78	53,46	0,62	0,92
9	TCT LICOGI - Công ty Cổ phần	299,46	299,46	5,29	9,11	114,49	167,64	349,67	430,19	63,97	48,93	0,74	0,79
10	Công ty Cổ phần Licogi 13	299,57	299,30	6,32	9,70	112,87	167,50	349,61	428,40	66,60	50,17	1,21	1,30
11	Công ty Cổ phần Đầu tư MST	296,62	298,44	114,08	15,80	117,87	167,11	353,47	428,76	65,61	50,01	0,44	0,45
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	298,84	297,81	4,33	9,07	114,46	167,25	359,20	433,59	68,87	51,97	2,84	3,55
13	Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	297,88	296,86	33,33	6,74	118,36	167,08	347,19	428,01	65,75	50,04	0,00	0,00
14	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	299,28	298,39	4,74	14,45	115,54	167,47	351,83	429,93	67,00	51,15	0,01	0,06
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	299,36	291,57	1,38	6,73	117,33	166,44	360,30	414,21	66,98	50,11	0,04	0,00
16	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	297,86	296,32	3,17	7,86	115,27	166,88	394,43	443,18	76,01	56,89	3,13	2,95
17	Công ty cổ phần Sông đà 7.04	295,03	298,81	0,36	6,90	117,08	166,41	409,81	425,37	70,72	53,54	-	0,00
18	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	299,30	299,45	3,09	9,07	115,39	167,24	353,20	429,14	67,67	51,43	0,26	0,36
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 19	297,90	296,97	0,36	6,73	120,96	167,17	386,76	430,28	63,39	48,46	-	-
20	Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông	299,32	298,66	4,30	11,15	117,47	167,31	348,30	429,20	64,04	48,86	0,01	0,02
21	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	297,69	296,67	0,36	6,73	115,86	168,19	380,79	426,45	61,20	46,57	-	-
22	Công ty Cổ phần Vinaconex 21	299,33	298,95	3,32	8,30	117,78	167,33	351,74	428,72	65,41	49,80	0,04	0,04
23	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	298,68	299,30	5,31	10,30	114,90	167,27	353,90	429,02	68,15	51,85	0,08	0,18
24	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	299,11	298,69	19,18	14,83	109,12	167,49	357,24	431,74	66,94	51,03	0,47	0,58
25	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	299,68	299,10	3,42	7,69	117,78	166,76	360,49	429,74	65,59	49,98	0,14	0,10
26	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	298,58	298,09	8,93	8,26	112,95	167,68	352,17	428,94	63,71	48,61	0,10	0,08
27	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	299,69	299,75	4,41	102,26	114,95	167,24	357,07	434,59	67,72	51,37	4,64	4,53
28	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	299,47	298,97	12,15	12,46	110,97	167,55	337,56	429,54	65,15	49,72	0,03	0,03
29	TCT Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	299,59	299,41	5,87	8,88	116,95	167,28	353,54	429,51	65,97	50,23	0,49	0,31
30	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	297,77	299,08	8,94	9,03	116,81	167,27	362,52	433,44	66,60	50,68	0,17	0,09
31	Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	299,23		7,95		109,06		352,05		65,88		0,02	

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
32	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	298,17		1,35		106,35		315,55		58,06		0,03	
33	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô Thị Vinahud	298,15		1,96		103,60		316,31		64,44		0,11	
34	Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và phát triển Đô thị		297,84		107,19		166,47		428,55		49,15		0,01
35	Công ty Cổ phần Sông Đà 12		296,60		6,88		170,09		420,69		41,60		0,00
36	Công ty Cổ phần Sông Đà 6		297,47		7,25		167,52		427,95		48,89		0,03
37	Công ty Cổ phần Searefico		299,57		10,01		167,40		428,69		50,20		0,38

SƠ ĐỒ 2.A: CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP CHI TIẾT – ĐỒ THỊ CỘT



SƠ ĐỒ 2.B: CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP CHI TIẾT – ĐỒ THỊ RADA



BẢNG 2.C: VỊ TRÍ THỨ HẠNG XẾP THEO ĐIỂM

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP					
		Tổng điểm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4	847,89	1.055,85	14	2	896	27
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	860,44	967,28	7	6	535	257
3	Công ty Cổ phần FECON	840,26	957,32	19	16	1.114	754
4	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn	848,28	960,84	13	10	887	508
5	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội	821,93	950,85	31	28	1.285	1.129
6	Công ty Cổ phần Licogi 12	839,54	957,77	20	15	1.128	711
7	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9	838,74	956,62	22	18	1.146	805
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	873,60	967,49	4	5	305	254
9	TCT LICOGI - Công ty Cổ phần	833,62	956,12	28	21	1.217	845
10	Công ty Cổ phần Licogi 13	836,19	956,38	26	19	1.187	824
11	Công ty Cổ phần Đầu tư MST	948,09	960,57	1	11	39	525
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	848,54	963,24	11	8	873	378
13	Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	862,50	948,73	6	31	498	1.181
14	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	838,40	961,44	23	9	1.157	463
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	845,39	929,06	16	34	973	1.324
16	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	889,88	974,08	3	4	174	155
17	Công ty cổ phần Sông đà 7.04	893,01	951,04	2	27	158	1.121
18	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	838,90	956,69	21	17	1.142	800
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 19	869,38	949,61	5	29	366	1.162
20	Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông	833,44	955,19	29	23	1.218	923
21	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	855,90	944,61	8	32	644	1.242
22	Công ty Cổ phần Vinaconex 21	837,63	953,15	24	25	1.167	1.042
23	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	841,03	957,93	18	14	1.089	701
24	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	852,05	964,36	10	7	750	334
25	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	847,10	953,38	15	24	919	1.034
26	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	836,46	951,66	25	26	1.185	1.103
27	Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	848,48	1.059,74	12	1	876	20
28	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	825,33	958,26	30	13	1.267	680
29	TCT Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	842,42	955,62	17	22	1.054	883
30	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	852,82	959,58	9	12	727	590
31	Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	834,19		1.212		27	
32	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	779,51		1.380		33	
33	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô Thị Vinahud	784,58		1.376		32	
34	Công ty CP Tư vấn Thiết kế và phát triển Đô thị		1.049,20		3		33
35	Công ty Cổ phần Sông Đà 12		935,86		33		1.308
36	Công ty Cổ phần Sông Đà 6		949,11		30		1.171
37	Công ty Cổ phần Searefico		956,25		20		836

3. NGÀNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT DÂN DỤNG

Số lượng doanh nghiệp trong ngành

Năm 2023: 109 Năm 2024: 103

Thêm: 0 Bớt: 6

Tình trạng doanh nghiệp trong nhóm năm 2024 so với năm 2023

+ *Số lượng doanh nghiệp đạt 2 tiêu chí:*

  Duy trì: 11 Tăng thêm: 8 Giảm bớt: 1

+ *Số doanh nghiệp đạt tiêu chí về giá:*

  Duy trì: 17 Tăng thêm: 8 Giảm bớt: 15

+ *Số doanh nghiệp không đạt tiêu chí về giá:*

  Duy trì: 49 Tăng thêm: 10 Giảm bớt: 16

Tình trạng thực hiện các chỉ tiêu tài chính ở các doanh nghiệp trong nhóm

Điểm cao:	Chỉ số thanh toán	Nợ/Vốn CP	KNTT lãi vay
Điểm thấp:	Phải thu NH	HSSD vốn	ROE ròng

Tình trạng cân đối trong việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính giữa các DN trong nhóm

Chênh lệch ít:	TT tức thời	TT nợ NH	Nợ/Vốn CP
Chênh lệch nhiều:	HSSD TSCĐ	HSSSD Tài sản	Nợ/TS

Thay đổi vị trí xếp hạng trong tổng số doanh nghiệp

Tăng bậc: 84 Không đổi: Giảm bậc: 19

Các doanh nghiệp đạt chỉ số tốt nhất trong ngành

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (16)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (299,75)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (113,67)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (201,15)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (449,32)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Sông Đà 505 (65,71)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Tasco (10,65)

Doanh nghiệp có số lượng chỉ tiêu tốt lên nhiều nhất trong ngành

+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (20)

BẢNG 3.A.1: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2023

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2	0,88	0,49	0,05	2,98	1,16	21,75	0,71	6,80	0,81	7,77	1,16
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	0,35	1,37	0,10	0,29	2,33	1,88	0,18	0,35	0,52	1,01	1,16
3	Công ty Cổ phần 715	3,60	1,76	0,34	2,61	40,34	27,50	1,77	3,77	0,49	1,05	52,43
4	Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà	0,07	0,21	0,00	0,94	0,00	0,03	0,03	0,08	0,89	2,20	0,19
5	Công ty Cổ phần CIC 39	1,50	1,12	0,19	1,95	4,66	3,26	0,57	3,29	0,38	2,19	-0,51
6	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	0,95	0,40	0,01	2,43	1,04	1,96	0,55	2,71	0,76	3,77	1,28
7	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cienco4	0,91	1,64	0,25	0,66	2,79	1,15	0,27	0,74	0,61	1,64	1,79
8	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	2,60	1,54	0,06	2,07	2,52	35,65	0,94	2,02	0,38	0,81	1,47
9	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	0,79	0,69	0,23	2,14	1,82	12,03	0,67	5,83	0,87	7,59	1,08
10	Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	0,76	1,22	0,37	0,95	5,69	35,17	0,38	1,57	0,72	2,99	1,70
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	1,69	1,16	0,29	2,12	7,55	168,43	1,22	5,42	0,72	3,21	2,43
12	Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh	2,95	2,15	0,89	3,22	11,71	42,15	1,17	2,24	0,40	0,76	0,00
13	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Cơ sở Hạ tầng	3,16	7,45	0,08	0,95	1,15	81,36	0,34	0,48	0,11	0,15	0,00
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	0,38	0,78	0,15	0,76	3,33	0,19	0,09	0,97	0,74	7,75	1,32
15	Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	0,19	0,72	0,05	0,28	0,61	5,45	0,16	0,97	0,94	5,80	1,11
16	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0,75	2,32	0,44	0,46	1,06	3,74	0,23	0,39	0,35	0,59	2,31
17	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0,38	0,45	0,06	1,14	0,22	13,89	0,22	1,75	0,66	5,13	12,73
18	Công ty Cổ phần Công trình 6	1,78	0,85	0,08	2,35	2,93	33,74	1,14	3,44	0,66	1,97	4,92
19	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	1,15	1,13	0,16	1,21	5,04	178,37	0,82	3,29	0,74	2,97	0,00
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng số 1	1,41	0,50	0,00	2,92	2,25	14,34	0,80	3,28	0,74	3,05	1,05
21	Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings	0,60	0,39	0,02	1,68	0,38	18,49	0,34	1,10	0,58	1,86	10,03
22	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1	2,23	1,68	0,10	1,49	11,28	12,24	0,84	2,04	0,38	0,93	1,60
23	Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat	0,38	0,94	0,01	0,42	0,84	0,69	0,19	0,93	0,82	4,07	0,11
24	Công ty cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	0,27	1,09	0,01	0,25	0,49	2,95	0,09	0,20	0,48	1,06	0,86
25	Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco12	0,52	0,68	0,18	1,03	1,15	5,37	0,43	2,60	0,84	4,99	0,15
26	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29	1,55	0,62	0,07	3,17	3,47	163,46	1,44	21,21	0,93	13,68	3,29

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
27	Công ty cổ phần Công trình Giao Thông Hà Nội	1,70	1,11	0,08	3,49	9,86	64,64	0,99	2,46	0,58	1,46	204,04
28	Công ty Cổ phần HACISCO	1,73	2,48	0,09	0,84	8,45	8,83	0,54	1,45	0,35	0,94	1,31
29	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	0,55	0,82	0,03	0,71	3,20	10,57	0,49	2,75	0,99	5,53	-0,94
30	Công ty cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội	0,73	0,71	0,09	1,20	1,60	262,50	0,58	7,51	0,80	10,28	2,13
31	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị HUD 6	0,45	0,51	0,09	1,44	14,82	9,10	0,29	2,43	0,76	6,30	10,49
32	Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh	1,26	0,88	0,13	1,93	3,71	15,42	0,98	5,07	0,78	4,03	12,49
33	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	6,52	2,08	0,67	29,64	3.576,05	0,37	0,32	1,76	0,65	3,65	1,93
34	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	0,45	1,02	0,02	0,46	2,44	10,69	0,35	3,01	0,80	6,85	1,20
35	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	1,77	1,91	0,26	4,91	2,01	5,59	0,38	1,35	0,37	1,30	36,26
36	Công ty Cổ phần Tasco	1,34	0,95	0,21	1,97	4,00	1,53	0,41	1,23	0,58	1,73	1,14
37	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	0,49	0,94	0,11	0,71	1,85	20,92	0,38	1,96	0,76	3,96	1,84
38	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	0,93	2,09	0,51	1,82	0,42	3,93	0,18	1,10	0,78	4,75	138,98
39	Tổng Công ty IDICO - CTCP	1,82	1,18	0,33	3,01	3,70	2,25	0,41	2,19	0,65	3,49	12,12
40	Công ty cổ phần Lilama 10	1,80	1,47	0,81	3,28	4,42	10,16	0,83	10,60	0,79	10,10	4,62
41	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0,74	0,42	0,06	2,29	0,87	9,06	0,56	7,82	0,89	12,47	2,22
42	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	0,23	0,53	0,02	0,45	0,54	12,46	0,22	1,16	0,96	4,99	-279,02
43	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	0,95	0,95	0,44	2,02	7,83	2,09	0,60	3,07	0,65	3,36	49,93
44	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	0,09	0,33	0,00	0,27	0,18	5,96	0,09	0,95	1,00	10,81	-2,80
45	Công ty Cổ phần Lilama 69-3	1,95	0,69	0,04	3,19	5,78	4,92	1,34	7,25	0,86	4,64	1,30
46	Công ty cổ phần Lizen	0,61	1,02	0,22	0,79	1,17	5,18	0,34	1,05	0,58	1,80	3,67
47	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thuỷ lợi Lâm Đồng	3,07	1,42	0,54	3,56	5,94	3,03	1,02	7,77	0,37	2,84	38,52
48	TCT Lắp máy Việt Nam - Công ty Cổ phần	0,96	0,96	0,52	2,21	11,45	38,28	0,80	6,37	0,85	6,81	0,87
49	Công ty Cổ phần Lilama 18	1,45	0,62	0,02	2,91	2,46	13,45	1,09	14,16	0,76	9,82	1,39
50	Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	0,09	0,38	0,01	0,24	0,28	0,76	0,10	0,61	1,13	6,95	-2,16
51	Công ty ổ phần Đầu tư Xây dựng BDC Việt Nam	0,91	0,91	0,10	1,14	4,55	9,32	0,54	1,97	0,64	2,34	2,37
52	Công ty Cổ phần miền Đông	1,21	1,06	0,07	1,25	7,59	11,79	0,78	2,54	0,64	2,10	-3,77
53	Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình	0,90	5,12	0,99	0,46	1,68	0,09	0,03	0,03	0,04	0,04	0,00
54	Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	1,48	0,81	0,12	2,27	4,11	4,68	0,78	7,89	0,78	7,99	2,45

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
55	Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	0,71	1,14	0,19	0,82	6,10	7,14	0,52	2,68	0,78	3,97	-1,06
56	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	0,77	0,77	0,07	1,13	2,62	5,55	0,57	3,57	0,79	4,94	1,17
57	Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	2,37	1,01	0,39	4,03	4,66	6,46	1,12	3,59	0,85	2,71	160,09
58	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu Điện	3,91	3,05	0,52	1,66	7,88	50,77	1,10	2,37	0,33	0,70	0,00
59	Công ty Cổ phần Vinaconex 39	0,02	0,46	0,00	0,05	0,09	7,42	0,02	0,06	1,11	3,23	-0,29
60	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	0,22	0,51	0,06	0,59	0,67	1,18	0,19	0,30	0,92	1,42	-5,50
61	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	0,00	0,05	0,00	0,05	0,03	9,40	0,03	0,01	12,40	3,39	-0,08
62	Công ty cổ phần Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	0,41	0,92	0,01	0,46	2,05	2,90	0,34	0,50	0,82	1,21	2,17
63	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông	5,49	2,70	0,45	2,45	20,47	55,77	1,80	3,85	0,33	0,70	6.182,62
64	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	7,49	2,78	0,28	4,51	12,67	9,34	1,54	2,98	0,23	0,44	20,44
65	Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Công trình Đường sắt	1,08	1,08	0,42	1,73	2,99	9,96	0,70	2,62	0,66	2,46	2,51
66	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0,98	0,83	0,04	1,55	2,55	0,52	0,28	6,27	0,62	13,93	1,71
67	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	0,57	0,16	0,05	4,88	52,26	0,15	0,14	0,26	0,50	0,96	1,02
68	Công ty Cổ phần SCI	1,28	1,07	0,26	2,07	3,06	0,83	0,40	1,73	0,62	2,64	2,09
69	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	1,21	0,75	0,28	2,95	2,95	45,80	1,03	17,40	0,86	14,58	2,19
70	Công ty Cổ phần SCI E&C	1,37	1,03	0,10	1,80	3,11	13,83	0,87	5,83	0,71	4,72	2,25
71	Công ty Cổ phần Sông Đà 2	0,55	1,11	0,01	0,51	0,99	12,44	0,33	1,04	0,60	1,88	1,98
72	Công ty Cổ phần Sông Đà 3	0,19	0,33	0,03	0,65	0,52	0,27	0,15	0,93	0,94	6,04	1,04
73	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	0,43	0,79	0,00	0,57	2,68	3,99	0,38	2,97	0,96	7,50	-4,08
74	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	0,10	2,13	0,41	0,06	1.652,76	23,06	0,03	0,05	0,29	0,54	0,00
75	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1,02	1,23	0,28	1,23	1,37	0,51	0,27	1,48	0,55	3,04	1,71
76	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	0,69	0,16	0,00	4,48	22,61	0,26	0,24	0,36	0,55	0,82	-1,21
77	Công ty Cổ phần SDP	0,19	0,70	0,00	0,27	5,25	3,18	0,23	0,49	1,24	2,60	-0,88
78	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	0,68	0,82	0,02	0,89	1,72	0,14	0,11	0,91	0,65	5,19	0,98
79	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	1,21	0,86	0,13	1,67	3,65	0,56	0,36	2,88	0,61	4,83	2,21
80	TCT Sông Đà - CTCP	0,22	1,38	0,20	0,28	434.136,28	1,24	0,07	0,21	0,57	1,65	2,43
81	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	0,68	0,86	0,13	0,94	3,17	56,34	0,61	7,45	0,90	10,94	2,29

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
82	Công ty cổ phần Trung Đô	1,01	0,31	0,03	4,92	0,79	0,58	0,30	1,73	0,55	3,13	2,11
83	Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	1,67	0,82	0,16	2,75	3,58	12,83	1,14	5,74	0,68	3,44	1.846,65
84	Công ty cổ phần Thaiholdings	6,37	5,39	0,31	1,32	23,68	65,26	0,28	0,49	0,09	0,15	10,06
85	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	1,69	0,59	0,22	5,81	1,76	5,47	0,90	7,27	0,63	5,07	8,41
86	Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - Công ty Cổ phần	0,54	1,02	0,22	0,78	6,37	0,46	0,13	0,48	0,71	2,66	-2,92
87	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	0,69	0,81	0,15	1,19	1,82	4,31	0,52	3,48	0,77	5,21	1,49
88	Công ty cổ phần Thương mại Đầu Tư Xây lắp điện Thịnh Vượng	0,00	4.700,57	384,89	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
89	Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng -USCO	0,89	1,07	0,02	1,01	2,66	10,10	0,53	1,85	0,70	2,43	4,57
90	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	0,40	0,49	0,16	1,42	0,25	45,54	0,24	0,72	0,60	1,82	17,39
91	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	1,19	0,82	0,04	1,81	2,67	37,37	0,93	4,99	0,79	4,22	1,55
92	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1	3,58	14,56	3,29	0,64	3,00	2,91	0,21	0,10	0,06	0,03	0,00
93	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	0,85	0,83	0,19	1,37	2,83	17,36	0,72	6,77	0,85	8,00	1,25
94	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	0,33	0,54	0,01	0,78	0,82	6,22	0,32	1,88	0,99	5,82	-0,67
95	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng VNECO 9	0,25	0,46	0,02	0,70	2,05	1,64	0,12	0,02	0,51	0,08	0,00
96	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO	0,15	0,06	0,00	2,52	0,00	0,00	0,04	0,01	0,27	0,05	0,67
97	Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Thành Đạt	1,51	0,99	0,02	1,64	14,17	0,00	0,99	0,67	0,66	0,45	-648,54
98	Công ty Cổ Phần VIMECO	1,10	0,82	0,05	1,50	3,33	5,48	0,81	4,93	0,76	4,63	1,23
99	Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	0,53	0,70	0,02	0,91	1,61	1,28	0,28	1,17	0,73	3,04	0,84
100	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	1,85	2,74	0,57	1,09	2,81	7,13	0,51	0,69	0,27	0,37	-146,71
101	Công ty cổ phần Viwaseen 3	3,21	1,11	0,19	3,58	10,53	333,49	2,28	18,02	0,71	5,61	6,26
102	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	2,63	1,49	0,04	1,81	9,38	18,34	1,39	4,96	0,53	1,88	15,99
103	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	0,85	0,65	0,07	1,53	1,61	6,67	0,61	3,25	0,74	3,93	1,57
104	Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước	6,11	4,51	0,40	8,00	52,70	10,90	0,86	1,24	0,18	0,26	0,00
105	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	1,01	0,34	0,00	3,01	0,69	13,00	0,57	1,60	0,56	1,59	-1,79
106	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	0,55	0,65	0,13	1,11	1,28	9,95	0,46	3,62	0,83	6,60	1,21
107	Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	2,32	0,88	0,06	3,24	8,85	42,80	1,98	21,53	0,85	9,30	14,96
108	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	0,49	0,72	0,04	0,71	1,48	21,34	0,44	6,18	0,91	12,71	0,00
109	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	0,41	1,33	0,07	0,33	2,89	23,51	0,19	0,63	0,59	1,91	1,83

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2	1.007,49	11%	3%	0%	0%	0%	7	19.633.272	1,81	272.322.041.184
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	973,67	31%	10%	1%	0%	0%	22	779.086.770	0,95	122.673.733.246
3	Công ty Cổ phần 715	943,96	13%	6%	4%	6%	14%	553	3.726.438.855	1,08	103.783.763.006
4	Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà	2.856,15	62%	44%	-186%	-6%	-14%	-1.402	-83.064.681.558	0,26	44.751.230.136
5	Công ty Cổ phần CIC 39	1.078,86	10%	-4%	-5%	-3%	-18%	-1.795	-26.982.148.276	3,57	494.136.907.209
6	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	985,04	11%	8%	1%	1%	4%	485	14.631.908.182	1,20	986.064.220.977
7	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cienco4	969,82	15%	11%	5%	1%	4%	410	128.350.904.034	1,05	2.628.515.316.451
8	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	1.005,42	5%	2%	1%	1%	2%	155	10.913.031.647	1,34	1.249.444.244.471
9	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	1.005,10	9%	2%	0%	0%	0%	34	178.433.799	1,16	309.646.552.915
10	Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	1.080,98	6%	0%	4%	1%	6%	651	220.414.298.835	1,18	5.613.268.322.648
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	988,46	8%	2%	1%	1%	6%	589	1.257.458.043	1,22	115.802.028.443
12	Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh	939,59	19%	6%	6%	7%	14%	1.394	39.589.370.103	1,15	635.625.302.610
13	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Cơ sở Hạ tầng	547,79	78%	45%	39%	14%	19%	2.214	2.055.247.377	1,25	5.208.009.455
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	1.229,05	37%	20%	12%	1%	12%	583	369.952.270.581	2,67	3.195.316.563.683
15	Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	1.110,50	2%	-8%	0%	0%	0%	29	132.943.003	0,40	43.968.131.318
16	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	1.059,00	10%	-4%	2%	0%	1%	79	1.726.204.681	1,09	98.101.923.040
17	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	828,11	32%	19%	15%	3%	26%	1.630	79.752.482.309	2,68	546.046.021.065
18	Công ty Cổ phần Công trình 6	959,77	10%	5%	4%	5%	15%	1.493	9.116.898.484	1,03	210.142.813.547
19	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	996,26	4%	0%	0%	0%	1%	143	317.065.201	1,05	88.020.789.065
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng số 1	1.014,26	10%	5%	-1%	-1%	-3%	-290	-1.307.196.958	1,06	147.663.853.302
21	Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings	755,13	38%	27%	19%	6%	20%	2.045	107.067.097.134	1,34	577.971.520.153
22	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1	1.003,54	11%	5%	2%	1%	4%	424	10.597.688.473	1,49	611.228.355.791
23	Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat	1.273,71	11%	3%	-27%	-5%	-25%	-2.483	-198.663.157.390	0,88	743.421.848.850
24	Công ty cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	1.274,30	26%	-5%	-3%	0%	-1%	0	-5.176.941.287	1,14	159.621.925.974
25	Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco12	1.108,20	9%	1%	-11%	-5%	-27%	-2.750	-3.299.957.545	0,98	31.156.681.161
26	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29	1.004,56	3%	0%	0%	0%	7%	706	3.530.817.130	1,07	1.060.620.170.363
27	Công ty cổ phần Công trình Giao Thông Hà Nội	1.001,39	7%	0%	3%	3%	7%	430	7.643.486.140	1,04	284.390.902.415

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
28	Công ty Cổ phần HACISCO	1.040,60	6%	-3%	0%	0%	0%	41	317.453.125	1,74	115.619.862.855
29	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	1.147,20	3%	-7%	-15%	-7%	-41%	-4.052	-1.115.337.522.268	0,03	7.542.214.414.041
30	Công ty cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội	984,64	8%	3%	1%	1%	11%	1.112	8.894.504.964	2,57	600.449.169.779
31	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị HUD 6	884,28	30%	13%	8%	2%	20%	1.191	30.314.562.944	2,04	367.164.877.293
32	Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh	978,72	8%	2%	2%	2%	10%	0	8.778.700.292	1,13	461.468.193.063
33	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	843,83	43%	33%	13%	4%	23%	2.298	57.320.795.701	1,93	440.346.839.733
34	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	1.036,41	8%	6%	2%	1%	7%	653	60.300.503.603	1,71	2.681.482.517.419
35	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	912,79	27%	9%	19%	7%	26%	2.196	67.238.793.294	2,26	355.314.754.637
36	Công ty Cổ phần Tasco	1.024,64	9%	1%	1%	0%	1%	91	56.348.664.563	1,27	10.995.242.821.798
37	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	1.007,01	5%	0%	0%	0%	1%	83	330.410.451	1,26	78.413.822.599
38	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	754,61	33%	25%	29%	5%	32%	3.986	66.038.477.239	1,33	224.760.239.697
39	Tổng Công ty IDICO - CTCP	740,80	33%	28%	23%	9%	50%	4.223	1.656.045.375.533	1,88	7.237.031.762.979
40	Công ty cổ phần Lilama 10	988,40	4%	2%	2%	2%	26%	2.646	25.908.911.978	2,72	1.048.111.999.761
41	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	993,24	7%	3%	2%	1%	15%	1.104	57.300.869.233	1,53	3.081.915.781.972
42	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	1.208,07	-6%	-21%	-23%	-5%	-27%	-2.712	-8.853.668.588	0,23	37.828.198.332
43	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	1.019,64	5%	-2%	1%	1%	3%	311	1.110.676.742	1,80	110.689.737.654
44	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	1.156,79	0%	-11%	-19%	-2%	-18%	-1.784	-8.561.037.049	0,05	45.823.059.586
45	Công ty Cổ phần Lilama 69-3	996,04	8%	4%	1%	1%	5%	464	3.841.733.985	0,75	600.169.396.555
46	Công ty cổ phần Lizen	936,66	14%	9%	5%	2%	5%	519	101.569.790.063	1,32	2.007.948.933.386
47	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thuỷ lợi Lâm Đồng	865,68	25%	14%	11%	11%	88%	5.671	126.274.753.220	4,79	1.119.808.512.341
48	TCT Lắp máy Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.018,55	2%	0%	0%	0%	-2%	53	-19.497.740.485	1,18	5.079.029.832.618
49	Công ty Cổ phần Lilama 18	991,55	9%	4%	1%	1%	13%	1.008	11.831.140.275	3,17	1.329.005.020.637
50	Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	1.552,45	1%	-35%	-65%	-6%	-40%	-3.959	-7.495.027.702	-0,79	11.529.410.184
51	Công ty ổ phần Đầu tư Xây dựng BDC Việt Nam	998,84	3%	0%	0%	0%	1%	77	314.584.387	1,29	80.800.967.685
52	Công ty Cổ phần miền Đông	1.127,12	20%	-10%	-13%	-10%	-34%	-3.545	-36.489.905.426	1,16	277.002.949.678
53	Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình	2.517,10	15%	-152%	-135%	-5%	-4%	-432	-8.031.064.206	0,88	5.956.917.906
54	Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	969,71	12%	5%	2%	2%	17%	1.615	19.496.361.237	2,19	907.354.337.924
55	Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	1.117,24	6%	-6%	-12%	-6%	-31%	-3.090	-15.450.780.902	1,13	133.984.999.883

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
56	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	996,39	7%	4%	0%	0%	2%	177	8.413.310.629	1,32	1.810.614.036.475
57	Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	978,58	6%	2%	2%	2%	7%	732	21.946.463.348	0,49	1.076.797.644.263
58	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu Điện	978,51	21%	2%	1%	1%	3%	264	316.601.246	1,45	28.397.252.594
59	Công ty Cổ phần Vinaconex 39	2.704,08	13%	-25%	-190%	-4%	-11%	-1.078	-32.704.390.743	-0,33	17.234.630.875
60	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.220,30	-8%	-19%	-22%	-4%	-7%	-399	-265.220.688.059	0,13	1.189.720.911.616
61	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	15.361	70%	-105%	-1437%	-49%	-13%	-1.325	-19.875.244.741	-3,11	1.383.481.513
62	Công ty cổ phần Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	957,50	17%	5%	1%	0%	1%	51	1.011.683.206	0,27	99.614.555.082
63	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông	955,46	11%	4%	3%	5%	11%	1.128	1.578.349.167	1,44	57.726.982.764
64	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	977,03	9%	2%	2%	4%	7%	676	1.825.672.239	1,47	80.747.978.301
65	Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Công trình Đường sắt	963,94	13%	7%	4%	3%	9%	856	30.083.671.279	1,27	839.968.366.132
66	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	991,68	21%	18%	11%	3%	72%	5.844	71.838.991.683	8,39	627.200.794.335
67	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	993,23	37%	32%	1%	0%	0%	19	225.877.084	0,95	31.242.151.755
68	Công ty Cổ phần SCI	963,03	11%	11%	7%	3%	11%	983	107.757.255.326	1,64	1.622.714.926.272
69	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	987,49	4%	3%	1%	1%	24%	2.187	36.408.141.903	2,37	2.607.714.683.955
70	Công ty Cổ phần SCI E&C	1.009,72	1%	0%	1%	1%	8%	831	21.124.914.806	1,96	1.480.235.833.532
71	Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.021,90	11%	0%	1%	0%	1%	147	2.120.029.126	1,25	149.526.131.340
72	Công ty Cổ phần Sông Đà 3	981,50	52%	40%	0%	0%	0%	-1	330.733.492	0,36	148.750.370.183
73	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.471,83	-30%	-38%	-44%	-17%	-132 %	-13.160	-135.543.511.729	0,34	306.180.159.949
74	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	2.742,22	-43%	-174%	-55%	-1%	-3%	0	-2.863.099.249	1,29	9.522.511.273
75	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	903,85	31%	25%	8%	2%	11%	349	38.473.900.578	2,44	505.064.276.476
76	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	1.250,34	-6%	-9%	-34%	-8%	-12%	-1.239	-19.841.040.162	0,67	57.692.153.789
77	Công ty Cổ phần SDP	1.116,78	-13%	-5%	-13%	-3%	-6%	-607	-6.750.705.446	-0,51	53.929.634.962
78	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.008,63	52%	43%	-2%	0%	-2%	-369	-1.516.966.702	2,74	90.754.213.886
79	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	833,64	33%	28%	13%	5%	37%	3.362	89.043.164.149	3,11	696.151.873.720
80	TCT Sông Đà - CTCP	1.136,38	17%	17%	43%	3%	9%	0	396.322.747.679	1,26	926.075.487.240
81	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	997,70	5%	1%	0%	0%	3%	219	938.413.002	1,18	223.540.130.614

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
82	Công ty cổ phần Trung Đô	920,27	24%	16%	7%	2%	12%	1.161	34.816.388.916	2,54	522.796.154.747
83	Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	934,69	25%	7%	9%	10%	50%	0	62.879.995.360	1,59	717.833.724.152
84	Công ty cổ phần Thaiholdings	1.136,00	2%	-12%	12%	3%	6%	458	224.505.007.760	1,60	1.887.010.119.335
85	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	916,85	23%	10%	7%	6%	52%	4.777	118.834.764.309	3,00	1.669.780.465.317
86	Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - Công ty Cổ phần	2.329,93	-19%	-117%	-62%	-8%	-30%	-3.253	-48.176.569.170	1,10	77.227.648.735
87	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	984,44	11%	6%	2%	1%	7%	564	29.170.211.576	1,52	1.459.810.715.128
88	Công ty cổ phần Thương mại Đầu Tư Xây lắp điện Thịnh Vượng	0,00	0%	0%	0%	-1%	-1%	-100	-300.955.809	1,09	0
89	Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng -USCO	993,06	12%	1%	1%	0%	1%	129	708.478.076	1,05	101.660.491.649
90	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	779,38	33%	23%	18%	4%	13%	1.262	141.148.419.835	1,20	806.322.344.212
91	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	995,64	8%	2%	1%	1%	3%	616	8.304.515.881	1,13	1.197.807.420.974
92	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1	1.569,08	11%	-57%	-62%	-13%	-6%	-618	-3.665.092.037	0,44	5.953.961.849
93	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	991,78	9%	4%	0%	0%	2%	173	228.235.651	1,44	89.293.503.677
94	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	1.364,31	-8%	-16%	-35%	-11%	-66%	-6.579	-11.842.154.655	0,06	33.926.987.969
95	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng VNECO 9	5.534,45	-485%	-453%	-533%	-65%	-10%	-1.031	-12.401.351.337	0,07	2.328.383.430
96	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO	1.092,62	62%	19%	-14%	-1%	0%	-11	-101.190.371	0,14	729.600.000
97	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh nhà Thành Đạt	1.120,28	-4%	-12%	-12%	-12%	-8%	-789	-5.917.909.912	0,23	50.441.339.361
98	Công ty Cổ Phần VIMECO	1.006,77	7%	4%	0%	0%	2%	196	4.661.140.433	1,49	1.172.412.058.367
99	Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.020,74	15%	10%	-3%	-1%	-3%	-221	-28.540.034.583	1,11	1.057.690.626.924
100	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	1.071,28	10%	-7%	-4%	-2%	-3%	-288	-2.570.158.970	0,98	61.253.440.363
101	Công ty cổ phần Viwaseen 3	982,80	5%	2%	1%	2%	14%	1.450	2.899.433.666	2,29	360.470.859.931
102	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	977,12	11%	2%	2%	3%	10%	950	2.850.706.227	1,67	148.867.288.956
103	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	1.022,74	9%	3%	2%	1%	6%	671	42.299.627.346	1,39	2.190.570.867.497
104	Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước	970,63	19%	3%	4%	4%	6%	905	3.098.668.829	1,18	69.644.214.274
105	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	1.120,10	12%	-8%	-12%	-7%	-19%	-1.875	-11.249.128.231	1,23	95.949.767.038
106	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	984,66	16%	8%	0%	0%	1%	158	503.910.714	1,34	318.163.099.081
107	Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	981,58	10%	2%	2%	3%	35%	3.464	4.780.522.304	1,60	297.182.818.640
108	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	997,10	4%	0%	0%	0%	2%	112	359.377.533	1,31	142.704.577.897
109	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	1.097,15	18%	5%	10%	2%	6%	461	175.423.264.616	1,34	1.784.919.624.763

BẢNG 3.A.2: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2024

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2	0,81	0,40	0,01	3,65	0,94	20,79	0,65	6,07	0,81	7,55	1,04
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	0,90	1,62	0,25	0,69	3,16	4,45	0,41	0,84	0,46	0,94	17,01
3	Công ty Cổ phần 715	2,65	1,58	0,20	1,95	15,01	20,72	1,40	3,21	0,53	1,21	0,00
4	Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà	0,45	0,21	0,00	3,09	703,99	0,32	0,23	0,70	0,78	2,40	3,43
5	Công ty Cổ phần CIC 39	2,56	0,85	0,20	6,04	6,65	4,53	0,79	4,17	0,31	1,63	1,70
6	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	0,95	0,67	0,16	2,42	1,24	2,01	0,50	2,60	0,77	3,94	1,18
7	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cienco4	1,11	1,52	0,08	0,78	3,28	1,49	0,35	0,91	0,58	1,54	2,25
8	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	3,37	1,45	0,11	4,76	1,95	33,35	0,97	1,86	0,29	0,55	2,69
9	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	0,76	0,84	0,37	1,75	3,11	14,75	0,66	7,03	0,89	9,45	1,17
10	Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	1,21	1,06	0,31	1,75	6,47	49,33	0,61	2,83	0,73	3,39	2,13
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	2,21	0,93	0,43	6,06	4,08	263,50	1,55	6,34	0,70	2,87	1,63
12	Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh	4,33	2,83	1,44	3,27	16,71	45,00	1,34	1,64	0,31	0,38	0,00
13	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Cơ sở Hạ tầng	2,98	7,00	0,17	0,88	1,09	1,83	0,30	0,44	0,10	0,15	0,00
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	0,34	0,70	0,15	0,80	0,59	0,19	0,08	0,95	0,75	8,62	1,46
15	Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	0,23	0,72	0,00	0,32	0,74	6,89	0,19	1,19	0,94	5,81	1,36
16	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	1,50	2,85	0,06	0,58	1,56	9,77	0,36	0,79	0,50	1,10	3,78
17	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0,52	0,53	0,11	1,44	0,30	17,77	0,26	1,59	0,63	3,91	2,50
18	Công ty Cổ phần Công trình 6	1,38	0,97	0,04	1,50	2,83	37,72	0,88	2,76	0,65	2,05	1,89
19	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	1,70	1,31	0,06	1,38	8,13	205,38	1,07	3,36	0,66	2,07	0,00
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng số 1	1,19	0,42	0,01	2,89	1,67	3,03	0,62	3,21	0,76	3,93	2,41
21	Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings	0,90	1,38	0,10	0,71	2,44	44,53	0,45	1,90	0,67	2,79	5,17
22	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1	2,40	0,87	0,02	3,09	8,28	21,57	1,27	4,42	0,53	1,85	6,61
23	Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat	0,12	0,63	0,00	0,19	0,40	0,38	0,09	0,37	0,93	3,82	-1,04
24	Công ty cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	0,88	3,72	0,01	0,24	0,96	3,36	0,17	0,34	0,36	0,70	1,20
25	Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco12	0,99	0,75	0,09	1,51	2,54	14,04	0,84	5,54	0,85	5,57	1,16
26	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29	3,66	0,75	0,05	5,44	9,36	274,88	3,18	26,93	0,87	7,36	3,07

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
27	Công ty cổ phần Công trình Giao Thông Hà Nội	2,06	1,19	0,19	4,20	26,47	62,23	1,18	2,89	0,58	1,42	151,35
28	Công ty Cổ phần HACISCO	2,64	4,07	0,12	0,68	2,65	29,95	0,45	0,87	0,18	0,35	-4,65
29	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	0,52	0,92	0,02	0,58	2,57	9,73	0,42	1,85	0,89	3,94	3,50
30	Công ty cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội	0,33	0,72	0,08	0,52	0,70	225,95	0,26	3,56	0,81	10,84	3,14
31	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị HUD 6	3,01	1,99	0,23	1,82	77,14	12,18	1,12	5,99	0,50	2,68	214,62
32	Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh	1,52	0,91	0,17	2,37	5,16	22,48	1,20	6,42	0,79	4,24	10,63
33	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	4,25	2,93	0,02	18,83	180,60	0,45	0,32	1,96	0,67	4,02	2,43
34	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	0,21	1,22	0,02	0,18	2,28	4,91	0,15	1,28	0,80	6,86	1,13
35	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	1,80	2,26	0,55	2,42	1,66	1,79	0,32	1,17	0,36	1,32	42,09
36	Công ty Cổ phần Tasco	3,41	1,03	0,32	5,50	8,67	4,26	1,04	3,39	0,60	1,95	1,68
37	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	0,85	0,96	0,07	1,07	2,90	32,90	0,62	2,84	0,73	3,34	3,68
38	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	1,94	1,94	0,62	5,40	1,06	10,75	0,46	3,05	0,69	4,58	122,76
39	Tổng Công ty IDICO - CTCP	1,95	1,33	0,48	5,84	3,93	2,88	0,47	2,68	0,62	3,51	23,97
40	Công ty cổ phần Lilama 10	1,30	0,97	0,40	2,57	2,50	11,51	0,78	10,85	0,80	11,09	4,56
41	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	1,48	0,57	0,10	3,41	1,63	14,38	0,97	12,92	0,85	11,23	4,53
42	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	0,39	0,59	0,02	0,69	0,92	30,97	0,37	2,08	0,97	5,37	0,00
43	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	3,53	2,10	1,30	4,38	9,98	31,04	1,38	7,08	0,41	2,12	0,00
44	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	0,07	0,32	0,00	0,21	0,20	5,68	0,07	0,73	1,05	10,86	-1,94
45	Công ty Cổ phần Lilama 69-3	1,58	0,65	0,04	2,74	3,92	3,74	0,91	6,78	0,86	6,43	3,12
46	Công ty cổ phần Lizen	0,87	0,78	0,11	1,33	1,20	6,30	0,47	1,44	0,57	1,76	3,55
47	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thuỷ lợi Lâm Đồng	2,88	1,11	0,65	6,56	6,83	3,24	1,01	8,37	0,38	3,13	44,41
48	TCT Lắp máy Việt Nam - Công ty Cổ phần	1,30	1,03	0,64	3,55	13,65	50,91	1,00	7,65	0,84	6,44	1,91
49	Công ty Cổ phần Lilama 18	1,76	0,68	0,04	3,36	3,16	19,07	1,30	16,46	0,74	9,40	1,74
50	Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	0,45	0,24	0,00	1,89	1,35	3,04	0,56	1,98	1,25	4,43	0,03
51	Công ty ổ phần Đầu tư Xây dựng BDC Việt Nam	0,80	0,89	0,05	0,97	2,73	7,78	0,43	1,34	0,58	1,81	1,95
52	Công ty Cổ phần miền Đông	1,17	1,07	0,12	1,26	11,23	11,99	0,70	2,10	0,60	1,80	1,70
53	Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình	0,68	6,49	0,18	0,26	0,83	0,05	0,02	0,02	0,03	0,03	0,00
54	Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	1,71	0,88	0,13	2,34	7,59	6,14	0,94	10,38	0,80	8,86	2,77

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
55	Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	1,28	1,09	0,07	1,36	9,60	16,58	0,99	5,37	0,79	4,29	1,20
56	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	0,63	0,79	0,10	0,92	2,34	4,52	0,48	3,07	0,80	5,09	1,35
57	Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	3,60	1,22	0,34	4,25	9,16	10,15	1,60	5,34	0,83	2,76	109,35
58	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu Điện	3,17	2,27	0,20	1,58	12,95	111,17	1,26	3,43	0,43	1,18	0,00
59	Công ty Cổ phần Vinaconex 39	0,02	0,45	0,00	0,04	0,08	7,07	0,02	0,05	1,15	3,28	-0,21
60	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	0,22	0,52	0,08	0,62	0,64	1,18	0,20	0,30	0,91	1,40	1,13
61	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	0,00	0,05	0,00	0,03	0,03	11,47	0,02	0,00	12,93	3,51	0,01
62	Công ty cổ phần Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	0,45	0,90	0,01	0,50	1,93	3,07	0,36	0,50	0,80	1,13	8,74
63	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông	4,61	3,74	1,51	2,08	6,64	36,40	1,02	1,82	0,22	0,40	69,19
64	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	3,35	1,80	0,35	3,48	6,57	7,21	1,16	2,74	0,36	0,85	177,64
65	Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Công trình Đường sắt	1,24	0,90	0,02	1,48	3,92	10,77	0,74	2,42	0,61	1,98	1,35
66	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2,06	1,01	0,09	5,67	75,18	0,39	0,28	5,84	0,55	11,39	3,10
67	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	0,92	0,28	0,07	4,34	66,59	0,18	0,17	0,30	0,45	0,82	1,88
68	Công ty Cổ phần SCI	1,13	0,91	0,11	1,87	2,40	0,56	0,32	1,41	0,62	2,74	1,47
69	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	1,59	0,68	0,12	3,20	2,98	265,59	1,29	18,40	0,82	11,73	2,01
70	Công ty Cổ phần SCI E&C	0,93	0,93	0,06	1,35	2,01	11,15	0,63	3,31	0,69	3,64	1,26
71	Công ty Cổ phần Sông Đà 2	0,66	0,99	0,01	0,68	2,05	18,67	0,49	1,02	0,75	1,55	-0,22
72	Công ty Cổ phần Sông Đà 3	0,24	0,40	0,05	0,68	0,36	0,24	0,13	0,79	0,95	5,90	1,02
73	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	0,27	0,74	0,01	0,39	1,21	2,66	0,25	1,61	1,01	6,48	-0,84
74	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	0,50	0,77	0,11	0,82	0,00	6,53	0,12	0,22	0,27	0,49	0,00
75	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0,99	1,23	0,17	1,33	1,08	0,46	0,25	1,25	0,51	2,57	2,17
76	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	0,13	0,02	0,01	7,84	0,00	0,06	0,06	0,08	0,57	0,75	-1,26
77	Công ty Cổ phần SDP	0,13	0,58	0,01	0,23	1,56	1,88	0,18	0,28	1,37	2,15	-17,06
78	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	0,93	0,85	0,08	1,26	2,18	0,19	0,15	1,15	0,63	4,65	1,70
79	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	1,85	0,79	0,09	2,69	9,19	1,99	0,88	9,76	0,66	7,30	3,03
80	TCT Sông Đà - CTCP	0,64	1,08	0,21	1,05	2,43	0,78	0,25	1,23	0,59	2,92	2,92
81	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	0,72	0,92	0,20	1,01	4,86	75,17	0,66	8,36	0,91	11,55	0,00

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
82	Công ty cổ phần Trung Đô	1,09	0,28	0,02	5,03	0,88	0,58	0,30	1,60	0,52	2,72	1,49
83	Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	1,46	0,93	0,18	2,19	3,06	17,64	1,05	10,90	0,72	7,50	154,57
84	Công ty cổ phần Thaiholdings	7,05	12,41	0,49	0,60	0,00	4.117,56	0,22	0,25	0,03	0,04	0,00
85	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	1,54	0,57	0,25	5,84	1,66	5,71	0,86	7,20	0,66	5,59	13,84
86	Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - Công ty Cổ phần	0,26	0,52	0,01	0,59	2,66	0,20	0,06	0,21	0,66	2,22	2,59
87	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	0,79	0,82	0,23	1,57	2,17	6,46	0,61	3,97	0,77	5,07	3,53
88	Công ty cổ phần Thương mại Đầu Tư Xây lắp điện Thịnh Vượng	3,15	31,49	5,13	0,12	0,00	0,00	0,04	0,05	0,01	0,02	0,00
89	Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng -USCO	0,76	1,05	0,05	0,82	1,93	9,23	0,45	1,54	0,69	2,38	7,78
90	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	0,37	0,41	0,05	1,17	0,22	39,29	0,20	0,49	0,54	1,34	95,20
91	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	1,10	0,78	0,03	1,67	2,26	47,10	0,86	4,40	0,78	4,01	1,61
92	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1	0,34	11,11	4,66	0,16	0,41	0,68	0,03	0,01	0,08	0,04	0,00
93	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	0,99	0,77	0,14	1,61	3,11	28,68	0,88	12,95	0,90	13,18	1,27
94	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	0,25	0,48	0,04	0,57	1,06	6,53	0,30	1,53	1,21	6,23	-1,41
95	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng VNECO 9	0,02	0,49	0,00	0,04	0,04	0,13	0,01	0,00	0,52	0,08	-26,44
96	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO	0,13	0,43	0,42	39,50	0,00	0,00	0,04	0,01	0,28	0,06	8,77
97	Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Thành Đạt	1,85	0,95	0,01	2,08	136,52	6,22	1,40	0,91	0,77	0,50	-428,45
98	Công ty Cổ Phần VIMECO	1,09	0,80	0,10	1,60	3,15	5,98	0,80	4,28	0,75	4,01	1,20
99	Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	0,38	0,63	0,02	0,70	1,85	0,92	0,22	0,77	0,77	2,71	-0,62
100	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	1,98	2,65	0,26	1,15	2,41	7,02	0,54	0,74	0,27	0,37	1.211,56
101	Công ty cổ phần Viwaseen 3	3,45	1,26	0,04	2,96	10,30	360,51	2,18	13,26	0,63	3,85	5,84
102	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	4,70	1,12	0,13	4,76	11,29	68,40	2,98	15,48	0,63	3,29	27,02
103	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	0,95	0,66	0,05	1,60	1,29	6,66	0,54	2,23	0,70	2,88	1,28

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2	1.029,13	8%	0%	0%	0%	0%	93	933.625	1,81	242.788.354.331

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	734,52	38%	28%	25%	10%	21%	2.131	74.583.327.505	1,10	298.034.721.682
3	Công ty Cổ phần 715	967,89	11%	3%	4%	6%	13%	721	3.638.779.268	1,08	88.293.089.565
4	Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà	401,17	86%	85%	60%	14%	42%	4.187	248.053.610.547	0,68	413.925.301.481
5	Công ty Cổ phần CIC 39	1.004,50	9%	1%	1%	1%	5%	541	8.129.058.483	3,62	626.849.791.749
6	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	1.015,99	9%	4%	0%	0%	1%	108	3.750.424.773	1,21	943.790.939.631
7	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cienco4	950,45	15%	10%	5%	2%	5%	501	178.686.107.625	1,10	3.265.161.157.779
8	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	989,13	5%	3%	2%	2%	4%	274	21.858.531.665	1,38	1.149.942.877.969
9	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	1.002,04	6%	2%	0%	0%	2%	152	809.699.950	1,18	373.306.889.290
10	Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	1.004,41	5%	2%	2%	1%	6%	581	229.481.493.017	1,27	10.161.129.014.429
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	981,82	9%	4%	1%	2%	6%	615	1.311.675.361	1,23	135.335.050.160
12	Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh	939,92	19%	6%	6%	8%	9%	1.242	35.262.826.960	0,84	629.840.476.520
13	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Cơ sở Hạ tầng	714,16	77%	29%	32%	9%	14%	1.629	1.512.168.144	1,33	4.790.594.679
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	1.086,65	55%	34%	20%	2%	19%	723	618.285.445.959	2,85	3.182.495.930.678
15	Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	1.062,33	2%	-6%	0%	0%	0%	14	63.544.651	0,40	53.871.900.184
16	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	1.002,75	8%	1%	2%	1%	2%	194	4.953.920.876	1,10	202.066.527.362
17	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	976,86	17%	4%	2%	1%	3%	171	12.682.234.894	2,26	595.839.362.733
18	Công ty Cổ phần Công trình 6	988,42	8%	3%	1%	1%	4%	374	2.284.160.015	1,08	168.375.450.321
19	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	992,83	4%	1%	1%	1%	2%	196	523.678.641	1,05	89.689.542.628
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng số 1	928,02	19%	12%	5%	3%	17%	1.685	7.588.016.791	1,23	144.741.200.462
21	Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings	863,16	22%	17%	11%	5%	21%	2.090	120.371.597.298	1,40	1.094.423.750.678
22	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1	964,27	8%	4%	3%	4%	13%	1.024	39.384.164.583	1,62	1.326.405.070.911
23	Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat	2.580,67	-3%	-81%	-157%	-14%	-58%	-5.782	-462.558.184.813	0,30	294.137.338.472
24	Công ty cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	1.107,35	24%	-2%	1%	0%	1%	47	4.039.483.281	1,27	269.834.576.628
25	Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco12	1.000,69	9%	4%	0%	0%	0%	48	57.890.181	0,98	66.449.464.733
26	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29	995,70	3%	1%	0%	1%	11%	1.081	5.402.566.254	1,12	1.346.711.673.317
27	Công ty cổ phần Công trình Giao Thông Hà Nội	984,95	8%	2%	2%	3%	7%	430	8.038.402.643	1,04	337.542.673.615
28	Công ty Cổ phần HACISCO	1.174,14	4%	-15%	-15%	-7%	-13%	-1.377	-10.740.798.320	1,60	69.343.852.258
29	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	971,33	6%	9%	15%	6%	28%	3.089	962.962.482.606	0,50	6.425.200.748.471

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
30	Công ty cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội	966,48	12%	5%	3%	1%	12%	1.179	9.432.352.562	2,62	284.445.781.490
31	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị HUD 6	869,00	22%	13%	9%	10%	53%	3.228	80.728.029.687	2,68	905.957.304.552
32	Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh	986,06	6%	2%	1%	1%	8%	0	7.102.913.376	1,11	584.432.941.809
33	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	859,32	34%	25%	13%	4%	26%	2.465	63.782.472.879	2,02	489.839.849.627
34	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	1.177,04	7%	3%	2%	0%	3%	276	25.612.193.420	1,73	1.140.492.454.254
35	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	869,71	26%	14%	23%	7%	27%	2.374	71.202.907.938	2,34	308.584.764.782
36	Công ty Cổ phần Tasco	1.015,60	9%	1%	1%	1%	3%	175	304.747.090.091	1,29	30.248.751.019.243
37	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	1.000,38	4%	0%	0%	0%	1%	135	538.889.627	1,25	113.410.102.475
38	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	539,22	52%	46%	39%	18%	119 %	11.891	242.577.412.543	2,01	622.811.727.724
39	Tổng Công ty IDICO - CTCP	682,45	38%	33%	27%	13%	72%	5.976	2.392.353.526.072	2,18	8.846.468.727.140
40	Công ty cổ phần Lilama 10	986,85	5%	2%	3%	2%	28%	2.816	27.564.331.931	2,86	1.073.199.177.579
41	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	936,65	13%	8%	5%	4%	59%	5.351	224.842.931.002	2,06	4.924.717.468.479
42	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	1.011,81	5%	-1%	-2%	-1%	-5%	-457	-1.492.747.472	0,18	67.939.382.540
43	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	974,51	6%	3%	17%	23%	118 %	11.906	42.586.241.398	3,00	254.801.144.791
44	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	1.739,56	-35%	-48%	-75%	-5%	-55%	-5.475	-26.281.416.053	-0,50	34.820.859.030
45	Công ty Cổ phần Lilama 69-3	949,47	12%	8%	4%	3%	25%	2.509	20.773.428.524	1,00	561.642.470.939
46	Công ty cổ phần Lizen	956,19	12%	7%	4%	2%	6%	603	120.453.054.649	1,33	2.817.129.128.166
47	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thuỷ lợi Lâm Đồng	901,55	18%	10%	10%	10%	81%	4.650	116.936.293.805	5,18	1.206.792.016.202
48	TCT Lắp máy Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.006,74	2%	1%	1%	1%	10%	1.163	79.224.943.547	1,23	6.101.321.678.819
49	Công ty Cổ phần Lilama 18	992,33	7%	3%	1%	1%	17%	1.501	16.387.900.755	3,23	1.545.729.303.608
50	Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	1.023,57	13%	3%	-5%	-3%	-10%	-1.010	-1.912.908.586	-0,89	37.510.973.675
51	Công ty ổ phần Đầu tư Xây dựng BDC Việt Nam	1.001,67	12%	0%	0%	0%	0%	50	204.865.967	1,30	54.937.895.620
52	Công ty Cổ phần miền Đông	975,90	23%	5%	2%	1%	4%	385	3.976.590.095	1,20	228.714.556.869
53	Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình	1.733,62	26%	-73%	-22%	0%	0%	-41	-756.335.355	0,88	3.369.278.515
54	Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	969,34	10%	5%	2%	2%	23%	2.218	26.481.457.632	2,24	1.193.445.981.480
55	Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	1.017,00	8%	0%	0%	0%	2%	202	1.010.428.401	1,15	268.459.795.880
56	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	1.013,69	6%	1%	0%	0%	1%	96	4.778.278.702	1,30	1.558.061.385.067
57	Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	981,01	5%	2%	2%	3%	9%	943	28.286.415.356	0,59	1.603.328.679.192

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
58	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu Điện	953,29	19%	5%	4%	5%	13%	1.250	1.500.514.681	1,55	41.181.026.401
59	Công ty Cổ phần Vinaconex 39	3.193,08	8%	-31%	-230%	-4%	-11%	-1.075	-32.612.257.008	-0,43	14.148.701.007
60	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.050,07	4%	-2%	0%	0%	0%	18	2.613.023.019	0,13	1.213.006.106.954
61	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	30.486,11	30%	-125%	-2806%	-45%	-12%	-1.221	-18.308.368.254	-3,24	652.577.063
62	Công ty cổ phần Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	993,09	11%	1%	1%	0%	1%	61	1.220.806.677	0,28	100.140.494.385
63	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông	967,96	14%	3%	3%	3%	6%	605	847.340.597	1,39	27.319.297.780
64	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	967,93	10%	3%	3%	4%	8%	833	2.248.925.972	1,49	74.110.410.430
65	Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Công trình Đường sắt	981,65	10%	5%	0%	0%	1%	41	3.745.801.930	1,28	776.639.692.661
66	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	854,39	29%	26%	24%	7%	139 %	10.762	139.396.614.239	9,45	583.807.146.427
67	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	837,05	40%	35%	16%	3%	5%	490	5.880.352.657	1,00	36.099.274.547
68	Công ty Cổ phần SCI	1.025,22	14%	8%	3%	1%	4%	403	43.908.869.085	1,70	1.402.572.526.314
69	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	984,28	5%	3%	1%	2%	25%	2.472	37.033.095.390	2,56	2.756.868.392.556
70	Công ty Cổ phần SCI E&C	1.085,28	0%	-6%	0%	0%	0%	1	23.311.352	1,63	1.007.950.534.867
71	Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.024,08	7%	1%	-4%	-2%	-4%	-413	-5.956.597.428	0,51	146.489.835.793
72	Công ty Cổ phần Sông Đà 3	912,04	56%	23%	-2%	0%	-1%	-145	-1.958.518.609	0,33	125.653.225.113
73	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.211,67	5%	-7%	-26%	-6%	-42%	-4.153	-42.773.731.931	-0,08	165.911.534.442
74	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.297,10	-2%	-30%	-7%	-1%	-2%	-150	-1.590.773.487	1,32	27.303.967.141
75	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	838,89	42%	29%	11%	3%	14%	739	48.459.255.727	2,48	426.909.134.428
76	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	2.096,09	-27%	-53%	-127%	-8%	-10%	-1.003	-16.050.212.999	0,57	12.637.116.978
77	Công ty Cổ phần SDP	2.070,32	6%	-100%	-119%	-21%	-33%	-3.285	-36.514.014.501	-0,58	30.730.111.996
78	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	788,08	55%	47%	17%	3%	20%	1.239	19.826.320.716	2,79	114.808.786.875
79	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	918,93	15%	12%	7%	6%	70%	6.402	170.146.054.947	3,75	2.359.678.868.681
80	TCT Sông Đà - CTCP	939,86	23%	15%	15%	4%	19%	1.365	855.720.656.035	2,03	5.532.197.539.753
81	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	997,03	4%	0%	0%	0%	4%	267	1.145.034.107	1,18	250.862.673.054
82	Công ty cổ phần Trung Đô	1.029,38	15%	6%	3%	1%	5%	454	13.607.993.793	2,53	483.049.215.328
83	Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	923,05	24%	8%	6%	7%	69%	5.085	86.840.703.204	2,87	1.365.232.607.982
84	Công ty cổ phần Thaiholdings	1.005,12	2%	-1%	9%	2%	2%	219	84.195.461.483	1,12	1.021.307.507.849

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
85	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	910,22	24%	10%	8%	7%	56%	5.139	144.397.103.396	2,82	1.867.200.093.415
86	Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - Công ty Cổ phần	1.855,18	23%	-77%	5%	0%	1%	130	1.714.609.054	1,14	33.940.309.586
87	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	958,78	8%	8%	9%	5%	34%	-187	144.363.514.677	1,48	1.664.861.035.149
88	Công ty cổ phần Thương mại Đầu Tư Xây lắp điện Thịnh Vượng	78.257,25	97%	-7726%	-7728%	-324%	-373%	475	-111.750.274.820	1,14	1.446.001.128
89	Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng -USCO	985,30	17%	2%	1%	0%	1%	134	734.793.096	1,05	84.758.019.605
90	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	815,41	29%	19%	11%	2%	5%	523	65.513.814.255	1,12	611.367.733.216
91	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	996,34	9%	2%	1%	1%	3%	311	7.474.212.883	1,13	1.057.004.061.947
92	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1	3.920,83	-17%	-292%	62%	2%	1%	83	493.380.820	0,45	800.173.437
93	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	995,46	7%	2%	0%	0%	2%	193	254.514.885	1,46	170.870.956.519
94	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	1.732,38	-35%	-43%	-74%	-22%	-113%	-11.269	-20.284.308.023	-1,07	27.574.940.603
95	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng VNECO 9	-777,35	-46%	179%	-42%	0%	0%	-6	-73.295.286	0,07	175.408.000
96	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO	1.008,45	61%	26%	154%	6%	1%	118	1.064.409.859	0,15	691.200.000
97	Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Thành Đạt	1.064,02	0%	-6%	-9%	-13%	-9%	-848	-6.385.935.786	0,15	68.599.726.268
98	Công ty Cổ Phần VIMECO	999,86	8%	4%	0%	0%	1%	123	3.213.700.731	1,37	1.118.087.481.331
99	Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.361,26	-1%	-13%	-38%	-8%	-29%	-3.105	-265.801.269.275	0,81	700.626.519.965
100	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	987,88	13%	1%	3%	1%	2%	196	1.750.514.651	1,00	65.821.065.970
101	Công ty cổ phần Viwaseen 3	991,58	5%	1%	1%	1%	9%	899	1.797.678.875	2,24	265.165.601.414
102	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	971,53	6%	3%	2%	6%	33%	3.261	9.781.884.363	1,91	464.469.371.474
103	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	999,87	9%	4%	0%	0%	1%	110	7.336.646.289	1,24	1.589.929.495.990

BẢNG 3.A.3: CHIỀU HƯỚNG THAY ĐỔI CỦA CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2024 SO VỚI 2023

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2	-0,07	-0,08	-0,04	0,67	-0,22	-0,95	-0,06	-0,73	0,00	-0,23	-0,12
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	0,55	0,26	0,15	0,40	0,83	2,57	0,23	0,49	-0,06	-0,08	15,85
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
3	Công ty Cổ phần 715	-0,95	-0,17	-0,14	-0,66	-25,33	-6,78	-0,37	-0,56	0,04	0,16	-52,43
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
4	Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà	0,38	0,00	0,00	2,14	703,99	0,28	0,20	0,62	-0,11	0,20	3,23
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
5	Công ty Cổ phần CIC 39	1,06	-0,27	0,01	4,09	1,98	1,27	0,22	0,88	-0,07	-0,56	2,21
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
6	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	0,00	0,26	0,15	-0,01	0,20	0,04	-0,04	-0,12	0,01	0,17	-0,11
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
7	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cienco4	0,20	-0,11	-0,17	0,12	0,48	0,34	0,07	0,18	-0,03	-0,10	0,46
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
8	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	0,77	-0,09	0,05	2,69	-0,57	-2,30	0,02	-0,16	-0,09	-0,25	1,23
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
9	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	-0,03	0,14	0,14	-0,39	1,29	2,72	-0,01	1,20	0,02	1,87	0,09
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
10	Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	0,45	-0,16	-0,06	0,80	0,78	14,16	0,23	1,27	0,01	0,41	0,43
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	0,52	-0,24	0,15	3,94	-3,47	95,07	0,32	0,93	-0,03	-0,34	-0,80
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
12	Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh	1,37	0,68	0,55	0,05	5,00	2,85	0,17	-0,60	-0,09	-0,38	0,00
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
13	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Cơ sở Hạ tầng	-0,18	-0,45	0,09	-0,07	-0,06	-79,52	-0,04	-0,04	-0,01	0,00	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-0,04	-0,08	0,00	0,04	-2,73	0,00	-0,01	-0,02	0,01	0,86	0,13
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
15	Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	0,04	0,00	-0,05	0,04	0,13	1,44	0,03	0,22	0,00	0,01	0,25
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
16	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0,74	0,53	-0,38	0,12	0,50	6,04	0,13	0,41	0,15	0,51	1,47
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
17	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0,14	0,07	0,05	0,30	0,08	3,88	0,03	-0,16	-0,02	-1,22	-10,23
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
18	Công ty Cổ phần Công trình 6	-0,40	0,12	-0,04	-0,86	-0,09	3,99	-0,26	-0,68	0,00	0,07	-3,03
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
19	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0,55	0,19	-0,10	0,17	3,09	27,00	0,25	0,06	-0,08	-0,90	0,00
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng số 1	-0,21	-0,08	0,00	-0,03	-0,58	-11,31	-0,17	-0,06	0,02	0,88	1,36
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
21	Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings	0,30	0,98	0,08	-0,97	2,05	26,04	0,11	0,79	0,09	0,94	-4,86
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
22	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1	0,16	-0,81	-0,08	1,60	-3,00	9,33	0,43	2,38	0,15	0,92	5,01
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
23	Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat	-0,26	-0,31	-0,01	-0,23	-0,44	-0,31	-0,10	-0,56	0,10	-0,25	-1,15
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
24	Công ty cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	0,61	2,63	0,00	-0,01	0,47	0,41	0,08	0,14	-0,13	-0,36	0,34
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
25	Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco12	0,47	0,07	-0,08	0,49	1,39	8,67	0,41	2,94	0,01	0,58	1,01
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
26	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29	2,11	0,13	-0,02	2,27	5,89	111,42	1,74	5,72	-0,06	-6,32	-0,23
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
27	Công ty cổ phần Công trình Giao Thông Hà Nội	0,36	0,07	0,11	0,71	16,62	-2,41	0,19	0,43	-0,01	-0,04	-52,69
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
28	Công ty Cổ phần HACISCO	0,91	1,59	0,03	-0,16	-5,80	21,12	-0,09	-0,58	-0,17	-0,59	-5,96
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
29	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	-0,03	0,10	-0,01	-0,12	-0,63	-0,84	-0,08	-0,90	-0,11	-1,59	4,44
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
30	Công ty cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội	-0,40	0,02	-0,01	-0,68	-0,90	-36,55	-0,32	-3,95	0,00	0,55	1,01
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
31	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị HUD 6	2,56	1,48	0,13	0,38	62,31	3,08	0,83	3,56	-0,26	-3,62	204,13
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
32	Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh	0,26	0,04	0,04	0,44	1,45	7,06	0,22	1,35	0,01	0,21	-1,86
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
33	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	-2,27	0,85	-0,66	-10,80	-3.395,46	0,08	0,01	0,20	0,01	0,37	0,50
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
34	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	-0,24	0,21	0,00	-0,28	-0,16	-5,78	-0,20	-1,73	0,00	0,01	-0,07
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
35	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0,03	0,35	0,29	-2,49	-0,35	-3,80	-0,06	-0,18	0,00	0,02	5,83
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
36	Công ty Cổ phần Tasco	2,07	0,08	0,12	3,53	4,67	2,73	0,63	2,16	0,02	0,22	0,54
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
37	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	0,35	0,03	-0,04	0,36	1,05	11,98	0,24	0,87	-0,03	-0,62	1,85
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
38	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	1,00	-0,15	0,11	3,58	0,64	6,82	0,28	1,95	-0,09	-0,17	-16,22
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
39	Tổng Công ty IDICO - CTCP	0,14	0,14	0,15	2,83	0,23	0,64	0,06	0,49	-0,03	0,02	11,85
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
40	Công ty cổ phần Lilama 10	-0,51	-0,50	-0,41	-0,70	-1,92	1,35	-0,05	0,25	0,01	0,99	-0,05
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
41	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0,73	0,16	0,04	1,11	0,77	5,31	0,41	5,10	-0,05	-1,24	2,31
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
42	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	0,16	0,06	0,00	0,23	0,38	18,51	0,15	0,92	0,01	0,38	279,02
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
43	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	2,58	1,15	0,86	2,36	2,14	28,95	0,79	4,01	-0,24	-1,24	-49,93
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
44	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	-0,02	-0,01	0,00	-0,06	0,02	-0,28	-0,02	-0,23	0,05	0,06	0,86
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
45	Công ty Cổ phần Lilama 69-3	-0,37	-0,04	0,00	-0,46	-1,86	-1,18	-0,43	-0,47	0,00	1,79	1,82
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
46	Công ty cổ phần Lizen	0,25	-0,24	-0,11	0,54	0,03	1,12	0,13	0,40	-0,01	-0,04	-0,12
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
47	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thuỷ lợi Lâm Đồng	-0,19	-0,32	0,11	3,00	0,88	0,20	-0,01	0,59	0,00	0,29	5,89
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
48	TCT Lắp máy Việt Nam - Công ty Cổ phần	0,35	0,07	0,12	1,34	2,20	12,63	0,20	1,28	-0,01	-0,36	1,04
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
49	Công ty Cổ phần Lilama 18	0,31	0,06	0,02	0,46	0,69	5,62	0,21	2,31	-0,01	-0,42	0,35
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
50	Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	0,36	-0,13	0,00	1,65	1,08	2,28	0,46	1,37	0,12	-2,51	2,19
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
51	Công ty ổ phần Đầu tư Xây dựng BDC Việt Nam	-0,12	-0,03	-0,05	-0,17	-1,83	-1,53	-0,11	-0,63	-0,06	-0,52	-0,42
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
52	Công ty Cổ phần miền Đông	-0,04	0,01	0,05	0,01	3,63	0,20	-0,08	-0,44	-0,04	-0,30	5,47
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
53	Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình	-0,22	1,37	-0,82	-0,20	-0,85	-0,04	-0,01	-0,01	-0,01	-0,01	0,00
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
54	Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	0,22	0,08	0,00	0,08	3,49	1,46	0,16	2,49	0,01	0,87	0,32
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
55	Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	0,57	-0,05	-0,11	0,54	3,50	9,44	0,46	2,69	0,01	0,32	2,25
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
56	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	-0,13	0,01	0,03	-0,21	-0,27	-1,03	-0,09	-0,50	0,01	0,15	0,18
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
57	Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	1,23	0,22	-0,05	0,22	4,50	3,68	0,48	1,76	-0,02	0,05	-50,74
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
58	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu Điện	-0,75	-0,78	-0,32	-0,09	5,07	60,40	0,16	1,07	0,11	0,48	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
59	Công ty Cổ phần Vinaconex 39	0,00	-0,01	0,00	-0,01	-0,01	-0,36	0,00	-0,01	0,04	0,05	0,08
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
60	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	0,01	0,01	0,02	0,03	-0,03	0,01	0,01	0,01	0,00	-0,02	6,63
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
61	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	0,00	0,00	0,00	-0,03	0,00	2,06	-0,02	0,00	0,53	0,12	0,09
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
62	Công ty cổ phần Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	0,03	-0,02	0,00	0,05	-0,12	0,17	0,02	0,00	-0,01	-0,08	6,57
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
63	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông	-0,88	1,04	1,06	-0,37	-13,83	-19,37	-0,78	-2,03	-0,11	-0,31	-6.113,43
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
64	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	-4,14	-0,98	0,07	-1,03	-6,09	-2,13	-0,38	-0,24	0,13	0,41	157,20
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
65	Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Công trình Đường sắt	0,16	-0,18	-0,40	-0,25	0,93	0,81	0,04	-0,20	-0,05	-0,48	-1,16
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
66	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	1,07	0,17	0,05	4,13	72,63	-0,13	0,00	-0,43	-0,08	-2,53	1,39
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
67	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	0,35	0,12	0,02	-0,55	14,33	0,03	0,03	0,04	-0,05	-0,14	0,86
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
68	Công ty Cổ phần SCI	-0,15	-0,16	-0,14	-0,20	-0,65	-0,27	-0,08	-0,31	0,00	0,10	-0,62
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
69	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	0,38	-0,07	-0,16	0,25	0,03	219,79	0,26	1,00	-0,04	-2,85	-0,18
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
70	Công ty Cổ phần SCI E&C	-0,44	-0,10	-0,04	-0,44	-1,10	-2,68	-0,24	-2,52	-0,02	-1,08	-0,99
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
71	Công ty Cổ phần Sông Đà 2	0,11	-0,12	0,00	0,17	1,06	6,22	0,16	-0,02	0,15	-0,33	-2,20
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
72	Công ty Cổ phần Sông Đà 3	0,05	0,07	0,02	0,03	-0,17	-0,03	-0,02	-0,14	0,00	-0,14	-0,02
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
73	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	-0,16	-0,05	0,00	-0,18	-1,47	-1,33	-0,13	-1,36	0,06	-1,02	3,25
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
74	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	0,40	-1,36	-0,29	0,76	-1.652,76	-16,53	0,10	0,17	-0,02	-0,05	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
75	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-0,03	0,00	-0,11	0,10	-0,29	-0,05	-0,02	-0,23	-0,05	-0,47	0,46
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
76	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	-0,55	-0,13	0,00	3,36	-22,61	-0,20	-0,18	-0,28	0,02	-0,08	-0,05
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
77	Công ty Cổ phần SDP	-0,06	-0,12	0,01	-0,04	-3,69	-1,30	-0,06	-0,21	0,13	-0,44	-16,18
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
78	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	0,25	0,03	0,06	0,37	0,46	0,05	0,04	0,24	-0,03	-0,54	0,72
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
79	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0,64	-0,07	-0,04	1,02	5,55	1,42	0,52	6,88	0,05	2,48	0,81
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
80	TCT Sông Đà - CTCP	0,43	-0,31	0,01	0,77	-434.133,85	-0,46	0,18	1,02	0,02	1,27	0,49
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
81	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	0,04	0,06	0,07	0,07	1,70	18,84	0,04	0,91	0,00	0,61	-2,29
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
82	Công ty cổ phần Trung Đô	0,08	-0,03	0,00	0,12	0,09	0,00	0,00	-0,13	-0,03	-0,40	-0,62
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
83	Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	-0,21	0,10	0,03	-0,56	-0,52	4,81	-0,09	5,16	0,04	4,06	-1.692,08
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
84	Công ty cổ phần Thaiholdings	0,68	7,02	0,18	-0,72	-23,68	4.052,30	-0,06	-0,23	-0,05	-0,11	-10,06
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
85	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	-0,15	-0,01	0,03	0,03	-0,10	0,24	-0,05	-0,08	0,04	0,52	5,43
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
86	Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - Công ty Cổ phần	-0,28	-0,50	-0,20	-0,18	-3,71	-0,25	-0,07	-0,27	-0,05	-0,44	5,51
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
87	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	0,10	0,01	0,08	0,37	0,36	2,14	0,09	0,49	0,00	-0,14	2,04
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
88	Công ty cổ phần Thương mại Đầu Tư Xây lắp điện Thịnh Vượng	3,15	-4.669,08	-379,76	0,12	0,00	0,00	0,04	0,05	0,01	0,02	0,00
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
89	Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO	-0,13	-0,02	0,03	-0,19	-0,73	-0,87	-0,08	-0,31	0,00	-0,05	3,20
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
90	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	-0,03	-0,08	-0,11	-0,25	-0,03	-6,25	-0,04	-0,23	-0,06	-0,47	77,81
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
91	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	-0,08	-0,04	-0,01	-0,14	-0,41	9,73	-0,07	-0,59	-0,01	-0,22	0,06
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
92	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1	-3,23	-3,46	1,37	-0,48	-2,59	-2,23	-0,18	-0,09	0,02	0,01	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
93	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	0,14	-0,06	-0,05	0,25	0,27	11,32	0,17	6,18	0,05	5,18	0,02
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
94	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	-0,08	-0,06	0,04	-0,21	0,23	0,31	-0,02	-0,35	0,22	0,40	-0,74
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
95	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng VNECO 9	-0,23	0,04	-0,02	-0,65	-2,02	-1,51	-0,11	-0,02	0,01	0,00	-26,44
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
96	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO	-0,03	0,36	0,42	36,98	0,00	0,00	-0,01	0,00	0,01	0,01	8,10
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
97	Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Thành Đạt	0,34	-0,04	-0,01	0,44	122,36	6,22	0,42	0,24	0,12	0,06	220,09
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
98	Công ty Cổ Phần VIMECO	-0,01	-0,03	0,05	0,10	-0,18	0,50	-0,01	-0,66	-0,01	-0,62	-0,02
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
99	Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	-0,15	-0,07	-0,01	-0,21	0,24	-0,36	-0,06	-0,39	0,04	-0,33	-1,46
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
100	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	0,13	-0,09	-0,31	0,06	-0,41	-0,11	0,03	0,05	0,00	0,00	1.358,27
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
101	Công ty cổ phần Viwaseen 3	0,24	0,15	-0,16	-0,62	-0,23	27,03	-0,10	-4,77	-0,08	-1,77	-0,42
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
102	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	2,07	-0,38	0,09	2,95	1,92	50,06	1,58	10,52	0,10	1,41	11,03
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
103	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	0,10	0,01	-0,02	0,07	-0,32	-0,01	-0,07	-1,02	-0,04	-1,06	-0,29
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2	21,64	-3%	-2%	0%	0%	0%	86	-18.699.647	0,00	-29.533.686.853
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	-239,15	7%	18%	25%	10%	21%	2.109	73.804.240.735	0,15	175.360.988.436
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
3	Công ty Cổ phần 715	23,92	-2%	-2%	1%	-1%	0%	168	-87.659.587	0,00	-15.490.673.441
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
4	Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà	-2.454	24%	40%	246%	19%	56%	5.589	331.118.292.105	0,42	369.174.071.345
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
5	Công ty Cổ phần CIC 39	-74,36	0%	6%	7%	4%	23%	2.336	35.111.206.759	0,05	132.712.884.540
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
6	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	30,95	-2%	-4%	-1%	-1%	-3%	-377	-10.881.483.409	0,01	-42.273.281.346
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
7	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cienco4	-19,36	-1%	-1%	1%	1%	1%	91	50.335.203.591	0,05	636.645.841.328
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
8	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	-16,29	0%	0%	1%	1%	2%	119	10.945.500.018	0,03	-99.501.366.502
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
9	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	-3,06	-3%	0%	0%	0%	1%	118	631.266.151	0,02	63.660.336.375
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
10	Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	-76,57	-1%	2%	-2%	0%	0%	-70	9.067.194.182	0,09	4.547.860.691.781
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	-6,63	1%	2%	0%	0%	0%	26	54.217.318	0,01	19.533.021.717
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
12	Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh	0,33	0%	0%	-1%	0%	-5%	-152	-4.326.543.143	-0,31	-5.784.826.090
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
13	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Cơ sở Hạ tầng	166,37	-1%	-17%	-8%	-4%	-5%	-585	-543.079.233	0,08	-417.414.776
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-142,41	18%	15%	8%	1%	8%	140	248.333.175.378	0,18	-12.820.633.005
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
15	Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	-48,17	0%	2%	0%	0%	0%	-15	-69.398.352	0,00	9.903.768.866
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
16	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	-56,25	-3%	4%	1%	0%	1%	115	3.227.716.195	0,01	103.964.604.322
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
17	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	148,75	-15%	-14%	-12%	-3%	-22%	-1.459	-67.070.247.415	-0,42	49.793.341.668
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
18	Công ty Cổ phần Công trình 6	28,65	-2%	-2%	-3%	-4%	-11%	-1.119	-6.832.738.469	0,05	-41.767.363.226
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
19	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	-3,43	0%	0%	0%	0%	1%	52	206.613.440	0,01	1.668.753.563
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng số 1	-86,24	9%	7%	6%	4%	20%	1.975	8.895.213.749	0,17	-2.922.652.840
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
21	Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings	108,03	-16%	-10%	-8%	-1%	0%	45	13.304.500.164	0,06	516.452.230.525
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
22	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1	-39,27	-3%	-1%	1%	2%	10%	600	28.786.476.110	0,13	715.176.715.120
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
23	Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat	1.306,95	-14%	-84%	-131%	-9%	-33%	-3.299	-263.895.027.423	-0,58	-449.284.510.378
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
24	Công ty cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	-166,95	-2%	3%	5%	1%	1%	47	9.216.424.568	0,13	110.212.650.654
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
25	Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco12	-107,51	0%	3%	11%	5%	28%	2.798	3.357.847.726	0,00	35.292.783.572
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
26	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29	-8,86	1%	1%	0%	1%	4%	375	1.871.749.124	0,04	286.091.502.954
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
27	Công ty cổ phần Công trình Giao Thông Hà Nội	-16,45	1%	2%	0%	0%	0%	0	394.916.503	0,00	53.151.771.200
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*	*Tốt lên*	*Không đổi*	*Tốt lên*
28	Công ty Cổ phần HACISCO	133,55	-3%	-12%	-16%	-7%	-14%	-1.418	-11.058.251.445	-0,14	-46.276.010.597
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
29	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	-175,87	2%	16%	30%	14%	68%	7.141	2.078.300.004.874	0,47	-1.117.013.665.570
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
30	Công ty cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội	-18,16	4%	2%	2%	0%	1%	67	537.847.598	0,06	-316.003.388.289
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
31	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị HUD 6	-15,28	-7%	0%	1%	8%	33%	2.037	50.413.466.743	0,63	538.792.427.259
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
32	Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh	7,34	-2%	-1%	-1%	0%	-2%	0	-1.675.786.916	-0,02	122.964.748.746
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Không đổi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
33	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	15,49	-9%	-8%	0%	0%	3%	167	6.461.677.178	0,09	49.493.009.894
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
34	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	140,64	-1%	-2%	0%	0%	-4%	-377	-34.688.310.183	0,02	-1.540.990.063.165
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
35	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	-43,08	-1%	4%	4%	0%	2%	178	3.964.114.644	0,08	-46.729.989.855
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
36	Công ty Cổ phần Tasco	-9,04	-1%	-1%	0%	1%	3%	84	248.398.425.528	0,03	19.253.508.197.445
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
37	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	-6,63	0%	0%	0%	0%	1%	52	208.479.176	-0,01	34.996.279.876
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
38	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	-215,39	19%	22%	10%	13%	87%	7.905	176.538.935.304	0,68	398.051.488.027
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
39	Tổng Công ty IDICO - CTCP	-58,35	4%	5%	4%	3%	22%	1.753	736.308.150.539	0,30	1.609.436.964.161
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
40	Công ty cổ phần Lilama 10	-1,55	1%	0%	0%	0%	2%	170	1.655.419.953	0,14	25.087.177.818
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
41	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	-56,59	6%	5%	3%	3%	44%	4.247	167.542.061.769	0,53	1.842.801.686.507
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
42	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	-196,26	12%	20%	21%	4%	23%	2.255	7.360.921.116	-0,05	30.111.184.208
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
43	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	-45,12	0%	4%	16%	23%	115%	11.595	41.475.564.656	1,20	144.111.407.137
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
44	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	582,77	-36%	-38%	-57%	-4%	-37%	-3.691	-17.720.379.004	-0,55	-11.002.200.556
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
45	Công ty Cổ phần Lilama 69-3	-46,57	4%	3%	3%	3%	20%	2.045	16.931.694.539	0,25	-38.526.925.616
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
46	Công ty cổ phần Lizen	19,53	-2%	-2%	-1%	0%	1%	84	18.883.264.586	0,00	809.180.194.780
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
47	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thuỷ lợi Lâm Đồng	35,87	-6%	-4%	-2%	-2%	-6%	-1.021	-9.338.459.415	0,39	86.983.503.861
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
48	TCT Lắp máy Việt Nam - Công ty Cổ phần	-11,82	-1%	1%	2%	2%	12%	1.110	98.722.684.032	0,04	1.022.291.846.201
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
49	Công ty Cổ phần Lilama 18	0,78	-2%	-2%	0%	0%	5%	493	4.556.760.480	0,06	216.724.282.971
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
50	Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	-528,88	12%	38%	60%	4%	29%	2.949	5.582.119.116	-0,10	25.981.563.491
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
51	Công ty ổ phần Đầu tư Xây dựng BDC Việt Nam	2,82	8%	0%	0%	0%	0%	-27	-109.718.420	0,00	-25.863.072.065
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
52	Công ty Cổ phần miền Đông	-151,22	3%	15%	15%	11%	37%	3.930	40.466.495.521	0,04	-48.288.392.809
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
53	Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình	-783,48	11%	78%	112%	4%	4%	391	7.274.728.851	0,00	-2.587.639.391
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
54	Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	-0,37	-2%	0%	0%	0%	6%	603	6.985.096.395	0,05	286.091.643.556
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
55	Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	-100,24	2%	7%	12%	6%	33%	3.292	16.461.209.303	0,02	134.474.795.997
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
56	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	17,30	-2%	-3%	0%	0%	-1%	-81	-3.635.031.927	-0,02	-252.552.651.408
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
57	Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	2,42	-1%	0%	0%	1%	2%	211	6.339.952.008	0,09	526.531.034.929
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
58	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu Điện	-25,22	-2%	3%	3%	3%	10%	986	1.183.913.435	0,10	12.783.773.807
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
59	Công ty Cổ phần Vinaconex 39	489,00	-5%	-6%	-41%	0%	0%	3	92.133.735	-0,11	-3.085.929.868
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
60	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-170,23	12%	17%	23%	4%	7%	417	267.833.711.078	0,00	23.285.195.338
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
61	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	15.124, 99	-40%	-20%	-1369%	4%	1%	104	1.566.876.487	-0,12	-730.904.450
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
62	Công ty cổ phần Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	35,60	-6%	-4%	0%	0%	0%	10	209.123.471	0,01	525.939.303
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
63	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông	12,50	3%	-1%	0%	-2%	-5%	-523	-731.008.570	-0,05	-30.407.684.984
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
64	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	-9,11	1%	1%	1%	0%	2%	157	423.253.733	0,02	-6.637.567.871
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
65	Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Công trình Đường sắt	17,70	-3%	-1%	-3%	-2%	-8%	-815	-26.337.869.349	0,01	-63.328.673.471
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
66	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-137,29	9%	8%	12%	3%	68%	4.918	67.557.622.556	1,06	-43.393.647.908
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
67	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	-156,18	3%	3%	16%	3%	5%	471	5.654.475.573	0,05	4.857.122.792
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
68	Công ty Cổ phần SCI	62,20	2%	-3%	-4%	-2%	-7%	-580	-63.848.386.241	0,06	-220.142.399.958
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
69	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	-3,21	1%	1%	0%	0%	0%	285	624.953.487	0,19	149.153.708.601
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
70	Công ty Cổ phần SCI E&C	75,56	-1%	-6%	-1%	-1%	-8%	-831	-21.101.603.454	-0,33	-472.285.298.665
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
71	Công ty Cổ phần Sông Đà 2	2,18	-4%	1%	-5%	-2%	-6%	-560	-8.076.626.554	-0,74	-3.036.295.547
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
72	Công ty Cổ phần Sông Đà 3	-69,47	4%	-16%	-2%	0%	-1%	-144	-2.289.252.101	-0,03	-23.097.145.070
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
73	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	-260,16	35%	31%	18%	10%	90%	9.007	92.769.779.798	-0,42	-140.268.625.507
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
74	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	-1.445	41%	145%	49%	1%	1%	-150	1.272.325.762	0,03	17.781.455.868
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
75	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-64,96	11%	4%	4%	1%	3%	390	9.985.355.149	0,04	-78.155.142.048
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
76	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	845,74	-21%	-44%	-93%	1%	2%	236	3.790.827.163	-0,10	-45.055.036.811
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
77	Công ty Cổ phần SDP	953,54	19%	-95%	-106%	-18%	-27%	-2.678	-29.763.309.055	-0,07	-23.199.522.966
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
78	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	-220,55	4%	5%	19%	3%	21%	1.608	21.343.287.418	0,05	24.054.572.989
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
79	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	85,29	-18%	-16%	-6%	2%	34%	3.040	81.102.890.798	0,64	1.663.526.994.961
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
80	TCT Sông Đà - CTCP	-196,52	6%	-2%	-27%	1%	10%	1.365	459.397.908.356	0,77	4.606.122.052.513
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
81	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	-0,67	-1%	0%	0%	0%	1%	48	206.621.105	0,00	27.322.542.440
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*	*Tốt lên*
82	Công ty cổ phần Trung Đô	109,11	-9%	-9%	-4%	-1%	-7%	-707	-21.208.395.123	0,00	-39.746.939.419
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
83	Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	-11,64	0%	1%	-2%	-3%	19%	5.085	23.960.707.844	1,28	647.398.883.830
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
84	Công ty cổ phần Thaiholdings	-130,88	1%	11%	-3%	-1%	-4%	-239	-140.309.546.277	-0,48	-865.702.611.486
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
85	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	-6,63	1%	0%	1%	0%	4%	362	25.562.339.087	-0,18	197.419.628.098
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
86	Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - Công ty Cổ phần	-474,74	42%	40%	67%	8%	31%	3.383	49.891.178.224	0,04	-43.287.339.149
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
87	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	-25,65	-4%	1%	7%	4%	27%	-751	115.193.303.101	-0,03	205.050.320.021
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
88	Công ty cổ phần Thương mại Đầu Tư Xây lắp điện Thịnh Vượng	78.257	97%	-7726%	-7728%	-323%	-371%	575	-111.449.319.011	0,05	1.446.001.128
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
89	Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng -USCO	-7,76	4%	1%	0%	0%	0%	5	26.315.020	0,00	-16.902.472.044
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
90	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	36,03	-4%	-5%	-7%	-2%	-7%	-739	-75.634.605.580	-0,08	-194.954.610.996
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
91	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0,71	1%	0%	0%	0%	0%	-305	-830.302.998	0,00	-140.803.359.027
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
92	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1	2.351	-28%	-235%	123%	15%	7%	701	4.158.472.857	0,01	-5.153.788.412
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
93	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	3,68	-2%	-2%	0%	0%	0%	20	26.279.234	0,02	81.577.452.842
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
94	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	368,08	-28%	-27%	-39%	-11%	-47%	-4.690	-8.442.153.368	-1,13	-6.352.047.366
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
95	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng VNECO 9	-6.311	440%	633%	491%	65%	10%	1.025	12.328.056.051	0,00	-2.152.975.430
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
96	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO	-84,17	-1%	7%	168%	6%	1%	129	1.165.600.230	0,01	-38.400.000
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
97	Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Thành Đạt	-56,26	4%	6%	2%	-1%	-1%	-59	-468.025.874	-0,09	18.158.386.907
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
98	Công ty Cổ Phần VIMECO	-6,91	0%	0%	0%	0%	-1%	-73	-1.447.439.702	-0,12	-54.324.577.036
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
99	Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	340,52	-16%	-23%	-35%	-8%	-26%	-2.884	-237.261.234.692	-0,30	-357.064.106.959
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
100	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	-83,41	3%	8%	7%	4%	5%	484	4.320.673.621	0,02	4.567.625.607
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
101	Công ty cổ phần Viwaseen 3	8,78	0%	-1%	0%	0%	-6%	-551	-1.101.754.791	-0,05	-95.305.258.517
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
102	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	-5,59	-5%	1%	0%	4%	23%	2.311	6.931.178.136	0,23	315.602.082.518
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
103	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	-22,86	0%	1%	-1%	-1%	-5%	-561	-34.962.981.057	-0,14	-600.641.371.507
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*

BẢNG 3.B: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUY ĐIỂM

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2	299,80	299,31	10,18	9,94	109,77	167,46	352,16	428,83	67,49	51,32	0,10	0,09
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	298,26	298,99	1,86	8,71	118,57	167,03	356,42	435,82	65,24	49,98	0,04	0,10
3	Công ty Cổ phần 715	296,85	297,16	16,95	13,50	119,81	167,13	358,67	430,91	65,58	49,94	0,04	0,03
4	Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà	297,89	297,89	0,73	7,85	117,32	167,49	284,94	443,39	63,44	49,19	0,02	0,15
5	Công ty Cổ phần CIC 39	299,18	297,81	5,80	10,60	116,82	166,79	342,94	429,64	72,08	54,72	0,18	0,22
6	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	299,74	299,75	5,23	9,17	115,10	167,45	354,81	428,98	65,90	50,19	0,36	0,33
7	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cienco4	299,21	298,93	2,55	8,40	117,84	167,21	356,44	430,69	65,49	49,97	0,96	1,15
8	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	297,87	296,23	11,06	11,46	118,20	166,76	352,01	429,19	66,26	50,50	0,46	0,40
9	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	299,68	299,18	8,31	9,99	110,08	167,55	352,01	428,78	65,80	50,13	0,11	0,13
10	Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	299,27	299,15	7,53	9,78	116,13	167,40	351,59	429,94	65,85	50,30	2,05	3,58
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	298,94	297,81	29,48	14,83	115,86	167,36	354,23	429,78	65,95	50,23	0,04	0,05
12	Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh	297,09	293,19	13,71	13,27	118,12	166,79	361,21	432,51	65,76	49,49	0,23	0,22
13	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Cơ sở Hạ tầng	293,83	292,79	12,06	8,17	117,03	166,46	389,22	438,16	66,02	50,42	0,00	0,00
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	298,70	298,13	1,55	7,13	109,74	167,36	353,60	435,42	69,74	53,28	1,17	1,12
15	Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	298,34	297,60	2,34	7,67	112,55	167,68	346,76	428,23	63,78	48,65	0,02	0,02
16	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	298,56	297,47	2,36	8,48	117,92	167,09	350,16	429,09	65,60	49,98	0,04	0,07
17	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	298,77	299,23	4,14	8,02	113,47	167,25	369,50	429,81	69,77	52,17	0,20	0,21

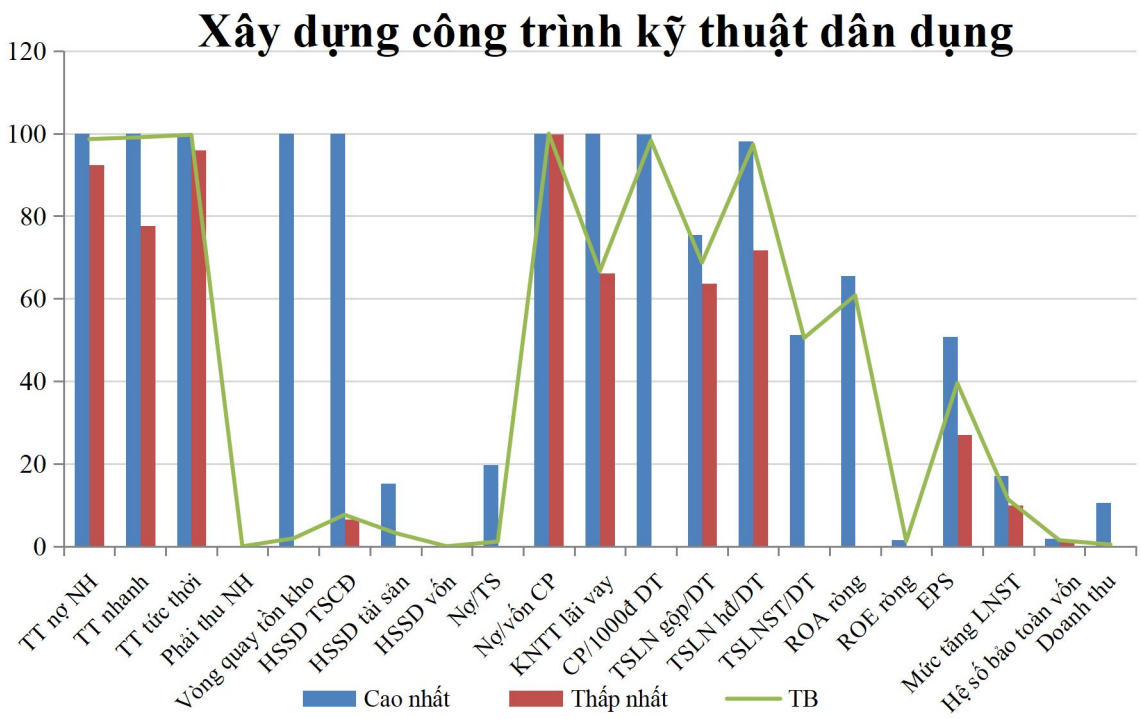
TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
18	Công ty Cổ phần Công trình 6	299,03	298,94	12,62	11,06	117,51	167,31	359,15	429,38	65,45	49,94	0,08	0,06
19	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	299,47	298,32	27,23	12,38	116,12	167,32	351,86	428,76	65,49	49,89	0,03	0,03
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng số 1	299,54	299,34	8,43	9,75	116,05	167,44	350,93	432,12	65,52	50,22	0,05	0,05
21	Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings	299,42	299,09	5,18	9,01	117,73	167,32	374,00	433,48	66,25	50,54	0,21	0,39
22	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1	298,14	297,71	8,01	12,92	118,38	167,13	353,89	430,69	66,65	50,95	0,22	0,47
23	Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat	298,53	297,40	1,98	7,16	114,74	167,70	333,30	416,94	65,04	48,47	0,27	0,10
24	Công ty cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	298,24	297,21	1,36	7,57	118,47	166,86	344,16	430,15	65,75	50,30	0,06	0,09
25	Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco12	299,45	299,64	4,71	10,85	113,51	167,55	339,13	428,93	65,31	49,76	0,01	0,02
26	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29	299,37	296,27	36,54	22,80	102,00	167,56	353,09	429,75	65,56	50,01	0,39	0,47
27	Công ty cổ phần Công trình Giao Thông Hà Nội	298,94	298,16	15,31	112,54	123,20	167,24	353,69	429,74	65,47	49,86	0,10	0,12
28	Công ty Cổ phần HACISCO	298,10	295,25	5,46	102,28	118,35	166,59	350,15	425,47	67,30	50,91	0,04	0,02
29	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	299,32	298,81	5,72	8,76	112,91	167,64	329,14	435,47	62,84	48,85	2,75	2,26
30	Công ty cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội	299,58	297,97	37,14	8,56	106,41	167,41	355,93	430,54	69,47	52,85	0,22	0,10
31	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị HUD 6	298,97	296,37	4,80	12,16	111,93	167,12	364,84	435,59	68,10	52,95	0,13	0,32
32	Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh	299,50	299,01	10,22	12,58	115,06	167,49	354,42	428,88	65,71	50,00	0,17	0,21
33	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	294,02	293,90	107,91	8,41	115,18	167,30	372,09	434,58	67,81	51,72	0,16	0,17
34	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	298,62	297,22	4,97	7,46	111,01	167,46	353,36	429,03	67,21	51,17	0,98	0,40
35	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	298,43	297,45	4,61	8,29	118,94	166,88	366,90	434,42	68,65	52,31	0,13	0,11
36	Công ty Cổ phần Tasco	299,42	296,43	3,84	11,78	117,67	167,23	351,62	429,97	66,07	50,34	4,01	10,65
37	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	298,79	299,27	5,88	9,78	114,86	167,40	351,39	428,63	66,04	50,26	0,03	0,04
38	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	298,90	297,46	2,61	9,02	117,31	167,37	378,02	449,32	66,23	51,70	0,08	0,22
39	Tổng Công ty IDICO - CTCP	298,79	297,76	4,46	9,04	115,65	167,23	386,12	446,27	67,67	52,02	2,64	3,11
40	Công ty cổ phần Lilama 10	298,54	298,98	11,21	10,57	106,71	167,39	359,96	431,91	69,85	53,29	0,38	0,38
41	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	299,60	299,20	8,15	11,53	103,56	167,46	356,14	436,28	66,75	51,78	1,12	1,73
42	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	298,52	298,13	3,62	8,61	106,52	167,74	331,48	427,87	63,35	48,25	0,01	0,02
43	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	299,56	294,82	5,84	13,49	116,79	166,94	351,66	445,64	67,47	53,56	0,04	0,09
44	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	298,07	297,11	1,98	7,08	105,77	167,78	338,24	417,80	62,88	46,97	0,02	0,01

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
45	Công ty Cổ phần Lilama 69-3	298,95	298,91	12,23	11,17	114,04	167,56	353,72	432,43	64,71	49,79	0,22	0,20
46	Công ty cổ phần Lizen	299,33	299,48	3,46	9,00	117,64	167,18	357,66	430,45	66,22	50,41	0,73	0,99
47	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thuỷ lợi Lâm Đồng	297,51	296,86	10,44	11,65	116,93	166,88	383,05	436,85	75,28	57,67	0,41	0,42
48	TCT Lắp máy Việt Nam - Công ty Cổ phần	299,60	298,89	12,63	11,69	111,10	167,53	350,04	429,89	65,85	50,22	1,85	2,15
49	Công ty Cổ phần Lilama 18	299,43	298,67	14,39	13,15	106,98	167,33	355,98	430,53	71,05	53,99	0,48	0,54
50	Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	298,13	297,94	1,31	9,43	111,10	168,18	313,70	427,51	60,69	46,23	0,00	0,01
51	Công ty ổ phần Đầu tư Xây dựng BDC Việt Nam	299,62	299,23	5,66	8,82	116,95	167,20	351,53	429,12	66,13	50,35	0,03	0,02
52	Công ty Cổ phần miền Đông	299,41	299,25	7,65	10,13	117,11	167,23	335,88	430,67	65,78	50,16	0,10	0,08
53	Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình	296,92	295,23	0,72	6,82	116,82	166,36	280,79	429,58	65,05	49,56	0,00	0,00
54	Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	299,26	298,73	8,30	11,31	111,13	167,42	356,45	431,75	68,36	52,12	0,28	0,42
55	Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	299,35	299,02	5,59	11,52	114,79	167,48	336,51	429,03	65,72	50,08	0,05	0,09
56	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	299,56	299,17	5,97	9,06	113,56	167,48	352,72	428,68	66,21	50,36	0,66	0,55
57	Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	298,38	296,03	9,76	14,44	120,65	167,59	355,04	430,14	64,04	49,01	0,39	0,56
58	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu Điện	295,79	296,02	13,95	13,03	117,98	166,98	355,31	431,87	66,55	50,83	0,01	0,01
59	Công ty Cổ phần Vinaconex 39	298,11	297,16	1,36	6,82	116,12	168,05	279,59	425,73	61,90	47,09	0,01	0,00
60	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	298,53	297,87	1,83	7,68	118,24	167,72	336,90	428,44	63,10	48,15	0,43	0,43
61	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	297,58	296,54	1,65	6,83	126,71	186,09	323,60	407,48	54,60	41,81	0,00	0,00
62	Công ty cổ phần Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	298,60	298,02	2,95	8,44	118,62	167,55	354,95	429,12	63,46	48,43	0,04	0,04
63	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông	294,55	292,12	19,64	11,70	199,91	166,67	357,99	430,51	66,53	50,53	0,02	0,01
64	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	292,81	295,90	12,60	12,33	118,06	166,93	355,51	430,50	66,60	50,71	0,03	0,03
65	Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Công trình Đường sắt	299,47	299,12	6,94	10,32	116,80	167,24	357,31	429,04	66,08	50,32	0,31	0,27
66	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	299,70	298,14	4,90	8,15	101,34	167,00	375,22	443,76	84,71	65,71	0,23	0,21
67	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	299,14	299,38	3,89	7,55	118,51	167,01	358,23	432,60	65,23	49,78	0,01	0,01
68	Công ty Cổ phần SCI	299,38	299,40	3,90	8,27	116,50	167,24	358,39	429,95	67,04	51,10	0,59	0,49
69	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	299,62	298,99	19,09	113,67	100,70	167,41	358,99	431,51	68,95	52,73	0,95	0,97
70	Công ty Cổ phần SCI E&C	299,30	299,38	9,67	9,78	113,80	167,34	353,37	428,03	67,87	50,98	0,54	0,35

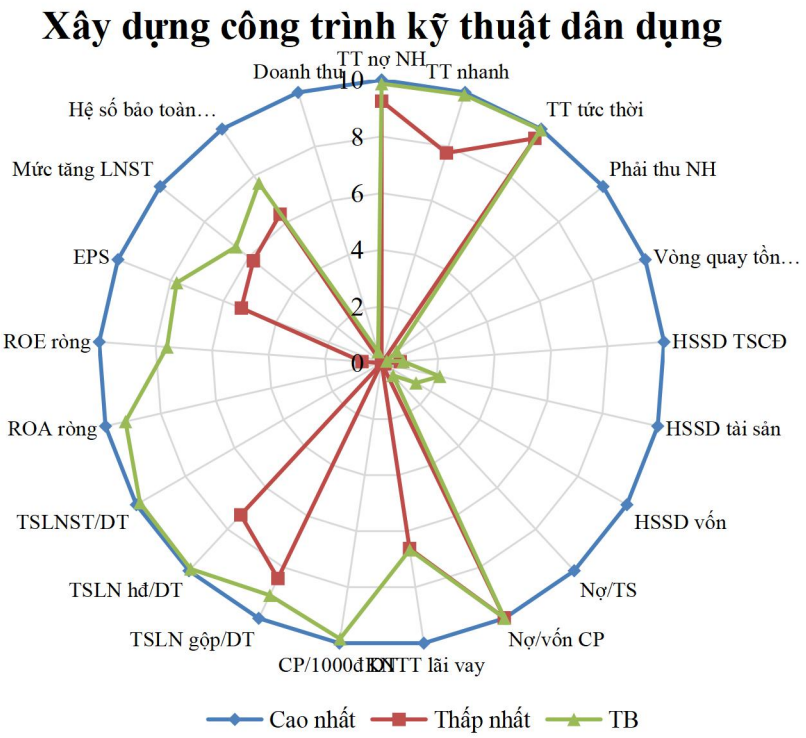
TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
71	Công ty Cổ phần Sông Đà 2	299,13	298,91	4,21	9,14	117,51	167,47	351,92	427,80	66,03	48,87	0,05	0,05
72	Công ty Cổ phần Sông Đà 3	298,27	297,72	1,72	7,34	112,23	167,70	361,03	432,63	63,69	48,54	0,05	0,04
73	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	298,70	297,70	4,37	7,95	110,15	167,79	284,73	422,61	63,64	47,76	0,11	0,06
74	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	297,31	299,04	60,36	7,34	117,73	166,73	269,89	427,42	66,12	50,38	0,00	0,01
75	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	299,50	299,41	2,80	7,93	115,91	167,08	362,73	433,19	69,14	52,57	0,18	0,15
76	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	299,21	296,84	3,44	7,06	118,33	167,19	334,13	422,62	64,51	48,98	0,02	0,00
77	Công ty Cổ phần SDP	298,33	297,47	2,47	7,58	117,09	168,40	341,97	420,23	61,42	46,81	0,02	0,01
78	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	299,43	299,47	1,60	7,48	113,09	167,22	359,38	434,80	69,91	53,16	0,03	0,04
79	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	299,56	298,56	4,06	11,05	113,56	167,24	374,50	437,83	70,88	54,97	0,25	0,83
80	TCT Sông Đà - CTCP	298,08	299,13	101,03	7,93	117,80	167,20	354,76	434,46	66,05	51,72	0,34	1,95
81	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	299,46	299,34	13,61	10,11	105,63	167,55	352,29	428,75	65,85	50,14	0,08	0,09
82	Công ty cổ phần Trung Đô	299,67	299,28	3,71	8,22	115,79	167,09	361,82	430,02	69,39	52,68	0,19	0,17
83	Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	299,18	299,10	11,22	11,89	162,43	167,37	365,96	437,07	66,92	53,32	0,26	0,48
84	Công ty cổ phần Thaiholdings	292,21	283,40	10,67	17,54	117,27	166,36	348,73	429,08	66,94	50,02	0,69	0,36
85	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	299,33	299,20	10,09	10,92	113,42	167,27	373,24	437,17	70,60	53,22	0,61	0,66
86	Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - Công ty Cổ phần	299,26	297,85	1,69	7,03	116,44	167,32	281,04	429,67	65,63	50,05	0,03	0,01
87	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	299,51	299,47	5,47	9,68	113,19	167,45	355,38	430,03	66,72	50,69	0,53	0,59
88	Công ty cổ phần Thương mại Đầu Tư Xây lắp điện Thịnh Vượng	197,62	271,00	0,36	6,93	116,73	166,33	383,76	314,20	65,60	50,04	-	0,00
89	Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng -USCO	299,47	299,06	5,55	8,91	116,93	167,37	353,08	429,70	65,49	49,88	0,04	0,03
90	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	298,90	298,05	7,50	7,78	117,99	167,18	369,65	431,72	65,89	50,02	0,29	0,22
91	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	299,56	299,40	12,36	10,98	114,53	167,47	353,67	429,33	65,72	50,03	0,44	0,37
92	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1	288,42	287,14	2,15	6,86	116,82	166,43	321,55	425,14	63,90	48,75	0,00	0,00
93	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	299,66	299,70	9,49	11,13	109,50	167,51	353,05	428,87	66,52	50,66	0,03	0,06
94	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	298,68	297,85	3,82	8,18	112,52	168,09	313,75	408,60	62,91	45,89	0,01	0,01
95	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng VNECO 9	298,51	297,22	1,44	6,77	117,31	167,10	246,91	325,11	62,95	48,04	0,00	0,00
96	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO	297,86	297,36	1,03	7,14	117,07	166,74	356,11	434,57	63,12	48,19	0,00	0,00
97	Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Thành Đạt	299,15	298,32	7,01	13,46	101,45	167,38	340,59	373,55	63,36	48,18	0,02	0,02

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
98	Công ty Cổ Phần VIMECO	299,64	299,52	7,94	10,58	113,95	167,42	352,41	428,90	66,64	50,48	0,43	0,39
99	Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	299,37	298,05	2,79	7,79	116,05	201,15	351,59	422,28	65,66	49,43	0,39	0,25
100	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	297,79	297,14	4,62	9,31	113,75	167,07	347,72	429,65	65,32	49,79	0,02	0,02
101	Công ty cổ phần Viwaseen 3	297,66	296,15	59,90	18,11	112,71	167,25	356,68	429,75	68,73	52,12	0,13	0,09
102	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	297,86	294,83	13,02	21,27	117,79	167,26	356,37	433,29	67,13	51,50	0,05	0,16
103	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	299,71	299,57	6,22	9,35	114,87	167,36	353,68	429,01	66,38	50,25	0,80	0,56
104	Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước	292,93		10,16		117,26		357,22		65,83		0,03	
105	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	299,69		6,26		117,77		340,58		65,97		0,04	
106	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	299,48		5,78		111,36		354,19		66,25		0,12	
107	Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	298,53		26,06		108,11		363,48		66,93		0,11	
108	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	298,87		7,98		103,20		351,78		66,18		0,05	
109	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	298,38		4,58		117,46		353,04		66,26		0,65	

SƠ ĐỒ 3.A: CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP CHI TIẾT – ĐỒ THỊ CỘT



SƠ ĐỒ 3.B: CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP CHI TIẾT – ĐỒ THỊ RADA



BẢNG 3.C: VỊ TRÍ THỨ HẠNG XẾP THEO ĐIỂM

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP					
		Tổng điểm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2	839,50	956,95	63	51	1.131	772
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	840,41	960,64	60	27	1.108	521
3	Công ty Cổ phần 715	857,89	958,67	19	39	588	656
4	Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà	764,34	965,96	103	17	1.392	286
5	Công ty Cổ phần CIC 39	837,00	959,78	70	35	1.178	577
6	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	841,14	955,88	54	65	1.087	865
7	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cienco4	842,49	956,35	50	58	1.053	826
8	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	845,86	954,53	37	74	962	974
9	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	835,98	955,75	76	67	1.190	873
10	Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	842,41	960,14	51	30	1.055	555
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	864,50	960,06	12	31	458	561
12	Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh	856,13	955,46	23	68	641	898
13	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Cơ sở Hạ tầng	878,15	956,00	7	63	257	856
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	834,49	962,44	81	22	1.206	410
15	Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	823,79	949,86	87	88	1.275	1.154
16	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	834,63	952,18	80	81	1.203	1.086
17	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	855,85	956,69	24	54	647	799
18	Công ty Cổ phần Công trình 6	853,85	956,68	25	55	704	801
19	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	860,20	956,70	18	53	539	798
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng số 1	840,53	958,93	59	37	1.106	632
21	Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings	862,79	959,82	16	34	492	575
22	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1	845,30	959,86	40	33	975	574
23	Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat	813,87	937,76	93	97	1.316	1.296
24	Công ty cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	828,03	952,19	85	80	1.253	1.084
25	Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco12	822,11	956,75	88	52	1.283	794
26	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29	856,95	966,86	21	15	620	264
27	Công ty cổ phần Công trình Giao Thông Hà Nội	856,72	1.057,66	22	2	624	23
28	Công ty Cổ phần HACISCO	839,41	1.040,52	64	3	1.133	38
29	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	812,69	961,79	94	25	1.321	446
30	Công ty cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội	868,75	957,42	9	48	383	744
31	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị HUD 6	848,77	964,52	30	18	865	326
32	Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh	845,08	958,17	41	40	990	685
33	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	957,17	956,08	1	62	29	849
34	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	836,14	952,74	75	78	1.188	1.060

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP					
		Tổng điểm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
35	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	857,67	959,46	20	36	598	602
36	Công ty Cổ phần Tasco	842,63	966,39	49	16	1.048	274
37	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	836,99	955,38	72	69	1.181	909
38	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	863,15	975,09	14	7	482	145
39	Tổng Công ty IDICO - CTCP	875,33	975,44	8	6	282	141
40	Công ty cổ phần Lilama 10	846,67	962,52	35	21	934	406
41	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	835,33	967,98	78	14	1.195	242
42	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	803,51	950,62	99	86	1.339	1.136
43	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	841,36	974,54	53	8	1.083	150
44	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	806,96	936,74	97	98	1.333	1.301
45	Công ty Cổ phần Lilama 69-3	843,88	960,06	45	32	1.014	562
46	Công ty cổ phần Lizen	845,04	957,51	42	46	992	732
47	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thuỷ lợi Lâm Đồng	883,62	970,33	6	10	209	194
48	TCT Lắp máy Việt Nam - Công ty Cổ phần	841,08	960,37	55	28	1.088	537
49	Công ty Cổ phần Lilama 18	848,31	964,22	31	19	885	339
50	Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	784,93	949,31	102	89	1.375	1.167
51	Công ty ổ phần Đầu tư Xây dựng BDC Việt Nam	839,92	954,74	62	73	1.122	959
52	Công ty Cổ phần miền Đông	825,93	957,52	86	45	1.264	731
53	Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình	760,30	947,55	107	90	1.400	1.198
54	Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	843,78	961,75	46	26	1.017	450
55	Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	822,01	957,22	89	50	1.284	759
56	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	838,67	955,31	66	70	1.149	912
57	Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	848,26	957,77	33	43	888	710
58	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu Điện	849,58	958,74	29	38	829	650
59	Công ty Cổ phần Vinaconex 39	757,09	944,86	108	92	1.406	1.238
60	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	819,02	950,28	92	87	1.299	1.147
61	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	804,14	938,75	98	96	1.338	1.290
62	Công ty cổ phần Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	838,63	951,59	67	83	1.151	1.105
63	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông	938,64	951,54	2	84	54	1.107
64	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	845,61	956,39	39	57	968	821
65	Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Công trình Đường sắt	846,90	956,32	34	60	926	832
66	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	866,10	982,96	11	4	423	100
67	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	845,01	956,33	43	59	993	830
68	Công ty Cổ phần SCI	845,81	956,46	38	56	963	816
69	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	848,30	1.065,29	32	1	886	16
70	Công ty Cổ phần SCI E&C	844,55	955,87	44	66	1.003	867

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP					
		Tổng điểm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
71	Công ty Cổ phần Sông Đà 2	838,85	952,24	65	79	1.143	1.080
72	Công ty Cổ phần Sông Đà 3	836,99	953,97	71	76	1.180	1.004
73	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	761,70	943,86	106	93	1.397	1.247
74	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	811,42	950,93	96	85	1.325	1.125
75	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	850,26	960,32	28	29	796	539
76	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	819,64	942,70	91	94	1.297	1.258
77	Công ty Cổ phần SDP	821,30	940,49	90	95	1.288	1.276
78	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	843,45	962,17	47	24	1.025	427
79	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	862,82	970,47	15	9	490	192
80	TCT Sông Đà - CTCP	938,05	962,39	3	23	56	414
81	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	836,92	955,98	73	64	1.182	857
82	Công ty cổ phần Trung Đô	850,57	957,45	27	47	789	740
83	Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	905,97	969,23	4	11	111	209
84	Công ty cổ phần Thaiholdings	836,52	946,76	74	91	1.184	1.212
85	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	867,28	968,44	10	12	405	227
86	Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - Công ty Cổ phần	764,09	951,92	104	82	1.393	1.093
87	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	840,80	957,91	57	42	1.094	703
88	Công ty cổ phần Thương mại Đầu Tư Xây lắp điện Thịnh Vượng	764,06	808,49	105	103	1.394	1.392
89	Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng -USCO	840,55	954,95	58	72	1.105	949
90	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	860,22	954,97	17	71	538	945
91	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	846,27	957,59	36	44	949	721
92	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1	792,84	934,32	100	99	1.362	1.311
93	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	838,26	957,94	68	41	1.161	699
94	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	791,68	928,62	101	100	1.366	1.326
95	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng VNECO 9	727,13	844,25	109	102	1.422	1.389
96	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO	835,19	954,01	79	75	1.196	1.000
97	Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Thành Đạt	811,58	900,91	95	101	1.324	1.361
98	Công ty Cổ Phần VIMECO	841,00	957,30	56	49	1.090	755
99	Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	835,85	978,95	77	5	1.191	112
100	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	829,23	952,99	83	77	1.242	1.050
101	Công ty cổ phần Viwaseen 3	895,82	963,47	5	20	142	369
102	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	852,24	968,31	26	13	742	232
103	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	841,66	956,10	52	61	1.075	848
104	Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước	843,42		1.028		48	
105	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1	830,31		1.234		82	
106	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	837,17		1.175		69	

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP					
		Tổng điểm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
107	Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	863,21		481		13	
108	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	828,06		1.252		84	
109	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	840,36		1.109		61	

4. NGÀNH XÂY DỰNG NHÀ CÁC LOẠI

Số lượng doanh nghiệp trong ngành

Năm 2023:	27	Năm 2024:	29
Thêm:	2	Bớt:	0

Tình trạng doanh nghiệp trong nhóm năm 2024 so với năm 2023

+ *Số lượng doanh nghiệp đạt 2 tiêu chí:*

  Duy trì: 6 Tăng thêm: 3 Giảm bớt:

+ *Số doanh nghiệp đạt tiêu chí về giá:*

  Duy trì: 3 Tăng thêm: 2 Giảm bớt: 5

+ *Số doanh nghiệp không đạt tiêu chí về giá:*

  Duy trì: 11 Tăng thêm: 2 Giảm bớt: 2

Tình trạng thực hiện các chỉ tiêu tài chính ở các doanh nghiệp trong nhóm

Điểm cao:	Chỉ số thanh toán	Vòng quay tồn kho	Nợ/Vốn CP
Điểm thấp:	Phải thu NH	HSSD vốn	ROE ròng

Tình trạng cân đối trong việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính giữa các DN trong nhóm

Chênh lệch ít:	KNTT lãi vay	TT nợ NH	Nợ/Vốn CP
Chênh lệch nhiều:	Vòng quay tồn kho	Doanh thu	HSSD vốn

Thay đổi vị trí xếp hạng trong tổng số doanh nghiệp

Tăng bậc: 20 Không đổi: Giảm bậc: 7

Các doanh nghiệp đạt chỉ số tốt nhất trong ngành

+ *Thứ hạng cao nhất trong tổng số*
  Công ty cổ phần LICOGI 14 (25)
+ *Chỉ số thanh toán tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 (299,59)
+ *Chỉ số hiệu quả tốt nhất*
  Công ty cổ phần LICOGI 14 (107,79)
+ *Chỉ số đòn bẩy tốt nhất*
  Công ty Cổ phần The Golden Group (168,65)
+ *Chỉ số sinh lời tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (438,38)
+ *Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (78,87)
+ *Chỉ số doanh thu tốt nhất*
  Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons (7,41)

Doanh nghiệp có số lượng chỉ tiêu tốt lên nhiều nhất trong ngành

+ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2 (20)

BẢNG 4.A.1: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2023

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Chương Dương	1,07	1,01	0,10	1,75	3,16	11,00	0,72	5,93	0,81	6,67	1,38
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 Hà Nội	1,60	0,69	0,04	2,58	3,19	5,14	1,08	7,11	0,68	4,47	10,67
3	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	1,73	1,36	0,03	1,31	6,16	12,39	0,77	1,87	0,46	1,11	5,15
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	0,54	1,33	0,15	0,56	2,09	12,89	0,32	8,56	0,61	16,62	2,37
5	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	2,49	1,06	0,18	3,86	13,17	39,71	1,63	9,88	0,71	4,31	8,60
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0,68	1,02	0,02	0,75	15,39	5,22	0,53	2,78	0,80	4,18	1,17
7	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	2,53	2,46	0,20	6,90	3,80	3,76	0,36	1,59	0,44	1,93	176,01
8	Tổng Công ty 36 - Công ty Cổ phần	0,57	0,66	0,20	1,43	1,15	1,06	0,30	1,35	0,77	3,44	1,20
9	Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty Cổ phần	0,62	0,81	0,12	0,95	1,71	51,49	0,44	2,10	0,76	3,65	2,38
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3 Hải Phòng	1,47	12,12	0,16	1,28	49,95	20,91	0,08	0,30	0,06	0,22	90.464,57
11	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	0,01	3,17	0,06	0,01	0,03	1,48	0,00	0,01	0,34	0,62	357,36
12	Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	0,81	0,91	0,11	1,05	0,78	7,41	0,37	5,12	0,63	8,68	1,52
13	Công ty cổ phần LICOGI 14	0,60	1,52	0,58	1,25	0,59	3,73	0,20	0,44	0,36	0,77	13,69
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	1,19	0,62	0,28	6,38	2,05	5,69	0,84	4,57	0,71	3,84	1,83
15	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	1,16	1,53	0,01	0,78	48,85	2,27	0,49	1,14	0,47	1,08	2,82
16	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	0,22	1,80	0,15	0,21	0,32	1,52	0,06	0,04	0,28	0,18	-90,48
17	Công ty Cổ phần Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Phúc Thịnh	2,53	0,66	0,06	5,79	5,94	430,82	1,93	14,47	0,77	5,78	1,54
18	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0,19	1,18	0,03	0,17	2,34	102,52	0,12	0,93	0,83	6,63	1,06
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2,55	0,92	0,10	3,40	6,27	29,00	1,51	8,70	0,68	3,91	2,35
20	Công ty Cổ phần Sông Đà 25	0,00	1,28	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,61	1,26	0,00
21	Công ty cổ phần Phát triển Sunshine Homes	0,86	1,62	0,03	0,55	1,24	37,32	0,22	0,77	0,56	1,96	4,05
22	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	1,39	0,76	0,31	3,38	4,68	32,75	1,28	22,90	0,93	16,65	3,16
23	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	2,88	25,03	1,06	0,13	0,46	6,03	0,08	0,24	0,12	0,36	0,00
24	Công ty Cổ phần Trường Sơn 532	0,86	0,99	0,08	1,00	0,37	4,29	0,27	1,88	0,85	6,07	1,11

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
25	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	0,90	1,25	0,35	1,04	14,66	28,61	0,62	3,19	0,73	3,76	27,38
26	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	0,62	1,03	0,11	0,69	2,41	18,90	0,39	1,62	0,68	2,80	1,35
27	TCT CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1,09	0,59	0,06	2,17	3,31	1,46	0,62	5,20	1,35	11,37	-1,21

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Chương Dương	1.001,12	7%	4%	1%	1%	5%	389	10.655.793.482	1,54	1.303.709.579.011
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 Hà Nội	974,98	5%	3%	2%	2%	14%	1.397	5.214.962.054	2,10	265.388.268.602
3	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	994,69	11%	1%	0%	0%	1%	90	241.680.455	1,32	50.542.755.575
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	1.012,82	2%	-1%	1%	0%	7%	707	52.200.847.672	10,49	6.746.056.394.050
5	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	950,59	8%	6%	5%	7%	45%	4.510	515.877.770.504	1,74	11.298.950.641.691
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	1.015,13	17%	11%	0%	0%	1%	135	1.018.545.579	1,06	209.968.415.995
7	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	506,10	54%	50%	41%	15%	66%	4.985	323.868.503.839	2,50	785.048.400.575
8	Tổng Công ty 36 - Công ty Cổ phần	993,76	9%	7%	1%	0%	2%	167	17.340.770.955	1,05	1.399.039.285.527
9	Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty Cổ phần	980,65	7%	4%	2%	1%	3%	319	47.005.429.528	1,15	2.967.066.544.731
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3 Hải Phòng	850,91	26%	15%	95%	8%	28%	2.832	58.577.682.527	3,39	61.809.997.522
11	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	9.967,33	32%	-893%	946%	3%	6%	640	6.400.839.811	1,23	676.673.300
12	Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	1.020,26	8%	0%	1%	0%	3%	452	3.060.870.919	5,12	517.871.818.845
13	Công ty cổ phần LICOGI 14	963,17	13%	5%	18%	4%	8%	785	24.220.354.383	1,39	134.602.077.623
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	984,19	13%	6%	2%	2%	10%	892	5.450.836.021	1,60	251.204.507.689
15	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	1.013,97	4%	1%	3%	2%	4%	429	3.791.511.075	1,24	114.224.088.979
16	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	1.516,00	-7%	-51%	-27%	-2%	-1%	-108	-5.386.142.296	0,44	19.753.509.521
17	Công ty Cổ phần Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Phúc Thịnh	993,36	10%	3%	1%	1%	10%	956	3.058.186.234	1,72	463.003.228.610
18	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	1.559,86	7%	-2%	3%	0%	2%	239	21.113.528.953	1,37	793.597.911.306

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	995,17	3%	1%	1%	1%	8%	810	21.051.666.998	1,84	2.262.146.228.240
20	Công ty Cổ phần Sông Đà 25	0,00	0%	0%	0%	-2%	-5%	-476	-577.472.439	0,81	0
21	Công ty cổ phần Phát triển Sunshine Homes	696,90	62%	49%	45%	10%	35%	3.097	1.299.493.798.487	1,56	2.901.240.375.102
22	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	996,65	4%	1%	1%	1%	19%	1.537	23.010.016.598	1,28	2.843.811.093.744
23	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	647,06	55%	35%	113%	9%	27%	2.676	178.381.748.116	2,68	157.744.638.019
24	Công ty Cổ phần Trường Sơn 532	997,84	22%	4%	0%	0%	0%	28	105.931.220	1,03	72.550.947.071
25	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	971,70	7%	3%	3%	2%	8%	993	9.367.847.865	1,38	371.646.017.566
26	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	1.016,50	11%	4%	1%	1%	2%	273	15.337.728.962	1,33	1.088.148.710.818
27	TCT CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.125,64	2%	-6%	-15%	-10%	-80%	-8.372	-442.749.886.425	-2,94	2.875.695.887.472

BẢNG 4.A.2: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2024

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU										
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Chương Dương	0,99	1,08	0,02	1,35	3,26	95,11	0,58	5,32	0,77	7,05	1,19
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 Hà Nội	1,95	0,86	0,13	2,70	5,53	5,94	1,28	7,90	0,66	4,07	9,13
3	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	2,06	1,42	0,03	1,49	21,03	21,52	1,07	2,98	0,52	1,46	3,82
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	1,48	1,22	0,16	1,75	6,50	46,18	0,92	20,31	0,62	13,78	5,22
5	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	2,71	1,03	0,19	4,29	19,21	66,11	1,77	11,02	0,74	4,58	12,05
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	1,23	1,11	0,13	1,27	7,56	4,90	0,78	2,28	0,63	1,85	1,70
7	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	1,95	3,02	0,96	3,66	2,50	1,40	0,22	0,86	0,40	1,55	39,93
8	Tổng Công ty 36 - Công ty Cổ phần	0,61	0,52	0,15	1,90	1,13	1,13	0,33	1,40	0,75	3,17	1,49
9	Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty Cổ phần	0,56	0,75	0,09	0,90	1,54	50,74	0,40	1,84	0,75	3,40	2,99
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3 Hải Phòng	2,14	13,95	0,07	1,00	30,78	34,52	0,11	0,38	0,05	0,19	0,00

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU											
		1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
11	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	0,02	3,01	0,06	0,19	0,05	4,58	0,01	0,01	0,35	0,60	0,00
12	Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	0,74	0,71	0,21	1,51	0,87	9,97	0,44	6,67	0,67	10,24	5,97
13	Công ty cổ phần LICOGI 14	0,72	1,59	0,52	1,62	0,39	4,09	0,22	0,44	0,32	0,64	8,77
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	2,42	0,90	0,17	4,71	5,04	6,89	1,32	47,55	0,54	19,68	2,62
15	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	0,56	1,55	0,05	0,39	9,46	1,07	0,23	0,49	0,44	0,94	1,08
16	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	0,75	1,53	0,16	0,80	0,95	6,22	0,24	0,15	0,31	0,20	219,39
17	Công ty Cổ phần Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Phúc Thịnh	1,50	0,73	0,15	3,58	6,61	330,78	1,23	5,00	0,90	3,66	-2,87
18	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0,41	0,94	0,01	0,44	3,34	425,87	0,32	3,18	0,84	8,40	1,69
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2,39	0,90	0,18	3,63	5,33	32,94	1,46	8,99	0,70	4,29	9,45
20	Công ty Cổ phần Sông Đà 25	0,00	1,26	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,61	1,16	0,00
21	Công ty cổ phần Phát triển Sunshine Homes	0,65	1,72	0,11	0,41	1,83	34,21	0,20	0,78	0,55	2,10	4,04
22	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	1,96	0,55	0,13	5,46	3,95	24,05	1,77	27,82	0,92	14,40	3,55
23	Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	1,19	3,72	0,62	0,40	0,51	7,56	0,08	0,26	0,15	0,49	0,00
24	Công ty Cổ phần Trường Sơn 532	0,88	0,49	0,04	2,37	1,27	14,48	0,73	4,61	0,83	5,24	1,18
25	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	1,04	1,27	0,52	1,40	37,75	32,30	0,73	3,96	0,74	4,01	184,33
26	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	0,82	1,21	0,13	0,89	3,18	24,92	0,44	1,79	0,67	2,70	2,16
27	TCT CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1,42	0,54	0,06	3,08	4,21	2,50	0,93	8,00	1,44	12,43	-1,22

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Chương Dương	1.027,93	6%	2%	2%	1%	11%	1.094	23.325.502.666	2,08	1.168.778.153.337
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 Hà Nội	980,11	4%	2%	2%	2%	13%	1.286	4.798.886.588	2,10	295.011.145.160
3	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	994,13	12%	1%	0%	0%	1%	130	351.171.409	1,32	80.379.587.152

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ TIÊU									
		4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	998,10	3%	1%	1%	1%	30%	3.320	309.592.561.393	8,29	21.045.175.037.120
5	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	948,07	7%	6%	4%	8%	47%	4.705	538.221.178.258	1,63	12.609.519.560.081
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	972,73	14%	7%	2%	2%	5%	607	5.573.793.896	1,09	250.229.267.995
7	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	633,61	44%	38%	36%	8%	31%	2.447	176.202.189.653	2,30	494.682.619.709
8	Tổng Công ty 36 - Công ty Cổ phần	996,18	9%	5%	2%	1%	3%	257	26.672.787.690	1,08	1.457.086.750.627
9	Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty Cổ phần	980,90	7%	4%	3%	1%	5%	374	66.477.702.295	1,16	2.597.545.414.888
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3 Hải Phòng	832,52	25%	17%	46%	5%	18%	1.757	36.352.969.645	3,36	78.498.815.539
11	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	6.498,35	21%	-550%	178%	1%	2%	187	1.868.117.407	1,11	1.050.468.017
12	Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	936,20	16%	8%	5%	2%	30%	3.215	32.946.848.116	5,07	728.642.033.157
13	Công ty cổ phần LICOGI 14	764,70	43%	26%	13%	3%	6%	556	17.166.936.788	1,38	136.087.301.281
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	970,36	16%	5%	3%	4%	144 %	1.253	7.946.227.757	16,44	261.507.511.137
15	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	1.130,88	0%	-8%	0%	0%	0%	16	66.072.013	1,20	48.574.095.529
16	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	1.020,71	7%	-2%	0%	0%	0%	8	376.574.655	0,44	76.376.983.700
17	Công ty Cổ phần Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Phúc Thịnh	1.149,76	7%	-11%	-13%	-17%	-67%	-6.733	-33.662.087.867	0,41	250.104.305.668
18	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	1.053,98	10%	7%	7%	2%	23%	2.327	198.322.921.141	1,60	2.705.064.519.164
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	993,97	4%	1%	1%	1%	9%	909	23.645.853.025	1,85	2.337.132.929.483
20	Công ty Cổ phần Sông Đà 25	0,00	0%	0%	0%	-3%	-6%	-559	-677.382.906	0,75	0
21	Công ty cổ phần Phát triển Sunshine Homes	770,24	46%	34%	28%	6%	22%	2.145	817.069.411.298	1,74	2.933.922.873.312
22	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	991,35	4%	1%	1%	1%	22%	1.678	27.063.996.847	1,33	3.455.603.546.641
23	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	600,81	58%	40%	111%	9%	29%	2.807	186.554.638.236	2,79	167.857.497.086
24	Công ty Cổ phần Trường Sơn 532	998,38	9%	2%	0%	0%	1%	84	324.152.119	1,04	177.384.254.221
25	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	972,52	6%	3%	2%	1%	8%	779	9.065.560.065	1,39	460.882.195.733
26	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	994,39	12%	6%	5%	2%	8%	847	57.524.288.223	1,35	1.234.099.700.401
27	TCT CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.101,37	0%	-5%	-11%	-10%	-85%	-8.819	-467.677.225.677	-3,83	4.412.893.357.483

BẢNG 4.A.3: CHIỀU HƯỚNG THAY ĐỔI CỦA CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2024 SO VỚI 2023

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
1	Công ty Cổ phần Chương Dương	-0,08	0,07	-0,08	-0,40	0,10	84,11	-0,14	-0,61	-0,04	0,37	-0,19
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 Hà Nội	0,35	0,17	0,09	0,12	2,34	0,80	0,20	0,79	-0,02	-0,40	-1,54
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
3	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	0,33	0,06	0,00	0,18	14,87	9,13	0,30	1,11	0,07	0,35	-1,34
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	0,94	-0,11	0,01	1,19	4,41	33,29	0,60	11,75	0,01	-2,85	2,85
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
5	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	0,22	-0,03	0,01	0,43	6,03	26,40	0,14	1,15	0,03	0,27	3,45
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0,56	0,08	0,11	0,52	-7,82	-0,31	0,25	-0,50	-0,17	-2,33	0,53
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
7	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	-0,58	0,56	0,76	-3,24	-1,30	-2,36	-0,14	-0,73	-0,03	-0,38	-136,09
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
8	Tổng Công ty 36 - Công ty Cổ phần	0,03	-0,14	-0,05	0,46	-0,01	0,07	0,03	0,06	-0,02	-0,27	0,30
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
9	Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty Cổ phần	-0,06	-0,05	-0,03	-0,05	-0,17	-0,75	-0,03	-0,26	-0,02	-0,26	0,61
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3 Hải Phòng	0,67	1,83	-0,09	-0,28	-19,17	13,61	0,02	0,08	-0,01	-0,03	-90.464
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
11	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	0,01	-0,16	0,00	0,18	0,02	3,10	0,00	0,00	0,01	-0,02	-357,36
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
12	Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	-0,07	-0,20	0,10	0,46	0,09	2,56	0,07	1,56	0,04	1,56	4,44
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
13	Công ty cổ phần LICOGI 14	0,12	0,06	-0,05	0,38	-0,20	0,36	0,02	0,00	-0,04	-0,13	-4,91
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	1,23	0,29	-0,11	-1,67	2,99	1,20	0,48	42,98	-0,16	15,84	0,79
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
15	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	-0,60	0,02	0,04	-0,40	-39,39	-1,20	-0,27	-0,66	-0,03	-0,14	-1,74
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
16	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	0,53	-0,26	0,01	0,59	0,63	4,70	0,17	0,11	0,03	0,03	309,86
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
17	Công ty Cổ phần Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Phúc Thịnh	-1,02	0,07	0,09	-2,21	0,67	-100,04	-0,70	-9,47	0,13	-2,12	-4,41
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
18	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0,21	-0,24	-0,02	0,27	1,00	323,35	0,20	2,25	0,01	1,77	0,63
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-0,16	-0,01	0,08	0,23	-0,94	3,94	-0,05	0,29	0,02	0,38	7,10
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
20	Công ty Cổ phần Sông Đà 25	0,00	-0,02	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	-0,10	0,00
		Không đổi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Không đổi*
21	Công ty cổ phần Phát triển Sunshine Homes	-0,22	0,10	0,08	-0,14	0,60	-3,11	-0,02	0,01	-0,01	0,14	-0,01
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
22	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0,58	-0,21	-0,18	2,08	-0,73	-8,70	0,49	4,93	-0,01	-2,25	0,39
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
23	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	-1,68	-21,31	-0,44	0,27	0,05	1,53	0,00	0,02	0,03	0,12	0,00
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Không đổi*
24	Công ty Cổ phần Trường Sơn 532	0,03	-0,49	-0,04	1,37	0,90	10,19	0,47	2,72	-0,02	-0,83	0,07
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
25	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	0,14	0,02	0,18	0,36	23,09	3,69	0,11	0,77	0,01	0,25	156,95
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
26	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	0,21	0,19	0,03	0,20	0,77	6,02	0,05	0,17	-0,01	-0,10	0,80
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	1. Chỉ số thanh toán			2. Chỉ số hiệu quả kinh doanh					3. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
		TT nợ NH	TT nhanh	TT tức thời	Phải thu NH	Vòng quay tồn kho	HSSD TSCĐ	HSSD tài sản	HSSD vốn	Nợ/TS	Nợ/vốn CP	KNTT lãi vay
27	TCT CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	0,33	-0,05	0,00	0,91	0,91	1,04	0,31	2,80	0,10	1,07	0,00
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
1	Công ty Cổ phần Chương Dương	26,81	-2%	-2%	1%	1%	6%	705	12.669.709.184	0,54	-134.931.425.674
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 Hà Nội	5,13	-1%	-1%	0%	0%	-1%	-111	-416.075.466	0,00	29.622.876.558
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
3	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	-0,56	1%	0%	0%	0%	0%	40	109.490.954	0,00	29.836.831.577
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	-14,72	1%	1%	1%	1%	23%	2.613	257.391.713.721	-2,20	14.299.118.643.070
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
5	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	-2,52	-1%	0%	0%	0%	2%	195	22.343.407.754	-0,11	1.310.568.918.390
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	-42,39	-3%	-4%	2%	1%	4%	472	4.555.248.317	0,03	40.260.852.000
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
7	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	127,51	-10%	-12%	-6%	-7%	-35%	-2.538	-147.666.314.186	-0,20	-290.365.780.866
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
8	Tổng Công ty 36 - Công ty Cổ phần	2,42	0%	-2%	1%	0%	1%	90	9.332.016.735	0,02	58.047.465.100
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
9	Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty Cổ phần	0,25	0%	0%	1%	0%	1%	55	19.472.272.767	0,01	-369.521.129.843
		Yếu đi	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3 Hải Phòng	-18,39	-1%	2%	-48%	-3%	-11%	-1.075	-22.224.712.882	-0,03	16.688.818.017
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
11	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	-3.468	-11%	343%	-768%	-2%	-5%	-453	-4.532.722.404	-0,12	373.794.717
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*

TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNST/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
12	Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	-84,06	8%	7%	4%	2%	27%	2.763	29.885.977.197	-0,06	210.770.214.312
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
13	Công ty cổ phần LICOGI 14	-198,46	30%	20%	-5%	-1%	-2%	-229	-7.053.417.595	-0,01	1.485.223.658
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	-13,83	3%	0%	1%	2%	135%	361	2.495.391.736	14,84	10.303.003.448
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
15	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	116,91	-4%	-9%	-3%	-2%	-4%	-413	-3.725.439.062	-0,04	-65.649.993.450
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
16	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	-495,29	13%	49%	28%	2%	1%	116	5.762.716.951	0,00	56.623.474.179
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
17	Công ty Cổ phần Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Phúc Thịnh	156,40	-3%	-14%	-14%	-18%	-77%	-7.689	-36.720.274.101	-1,31	-212.898.922.942
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*
18	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	-505,87	3%	9%	5%	2%	21%	2.088	177.209.392.188	0,23	1.911.466.607.858
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-1,20	1%	-1%	0%	0%	1%	99	2.594.186.027	0,01	74.986.701.243
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
20	Công ty Cổ phần Sông Đà 25	0,00	0%	0%	0%	-1%	-1%	-83	-99.910.467	-0,06	0
		Không đổi	*Không đổi*	*Không đổi*	*Không đổi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Không đổi*
21	Công ty cổ phần Phát triển Sunshine Homes	73,34	-16%	-14%	-17%	-4%	-13%	-952	-482.424.387.189	0,18	32.682.498.210
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
22	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	-5,30	0%	0%	0%	0%	3%	141	4.053.980.249	0,05	611.792.452.897
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
23	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	-46,25	3%	5%	-2%	0%	1%	131	8.172.890.120	0,11	10.112.859.067
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
24	Công ty Cổ phần Trường Sơn 532	0,54	-13%	-2%	0%	0%	1%	56	218.220.899	0,01	104.833.307.150
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*

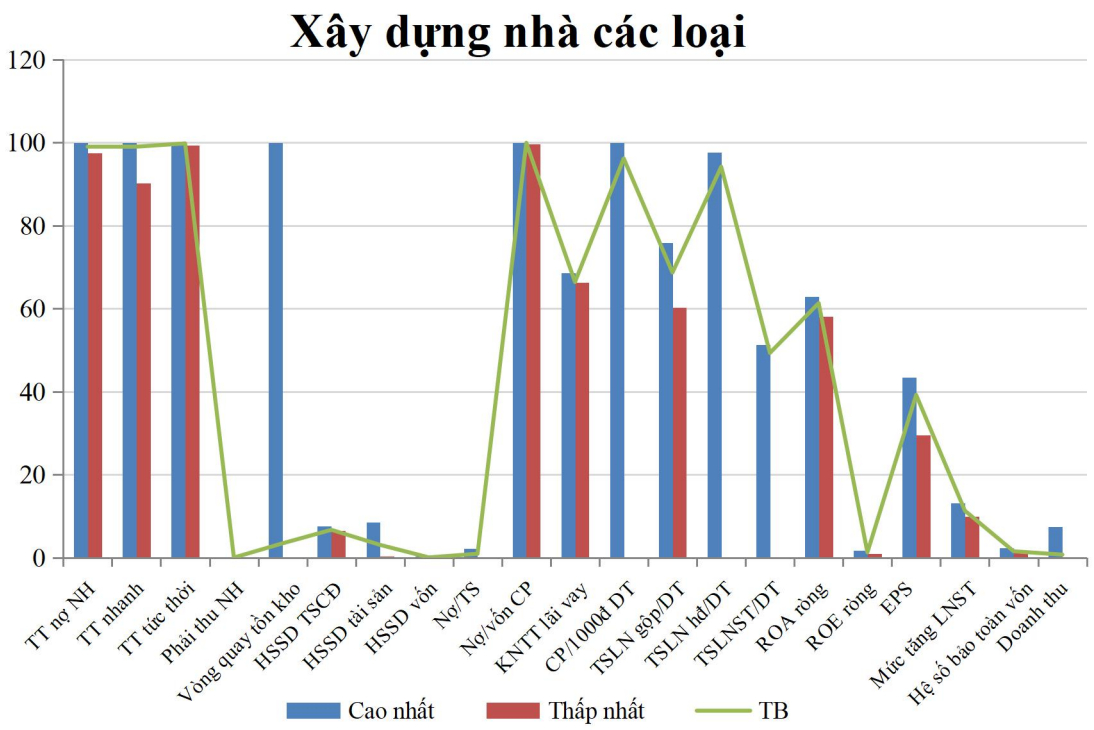
TT	TÊN CÔNG TY	4. Chỉ số sinh lời								5. Hệ số bảo toàn vốn	6. Doanh thu
		CP/ 1000đ DT	TSLN gộp/DT	TSLN hđ/DT	TSLNS T/DT	ROA ròng	ROE ròng	EPS	Mức tăng LNST		
25	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	0,82	-1%	0%	-1%	0%	0%	-214	-302.287.800	0,01	89.236.178.167
		Yếu đi	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
26	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	-22,10	1%	2%	3%	2%	6%	574	42.186.559.261	0,03	145.950.989.583
		Tốt lên	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Tốt lên*
27	TCT CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	-24,27	-2%	0%	5%	0%	-5%	-447	-24.927.339.252	-0,89	1.537.197.470.011
		Tốt lên	*Yếu đi*	*Tốt lên*	*Tốt lên*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Yếu đi*	*Tốt lên*

BẢNG 4.B: CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUY ĐIỂM

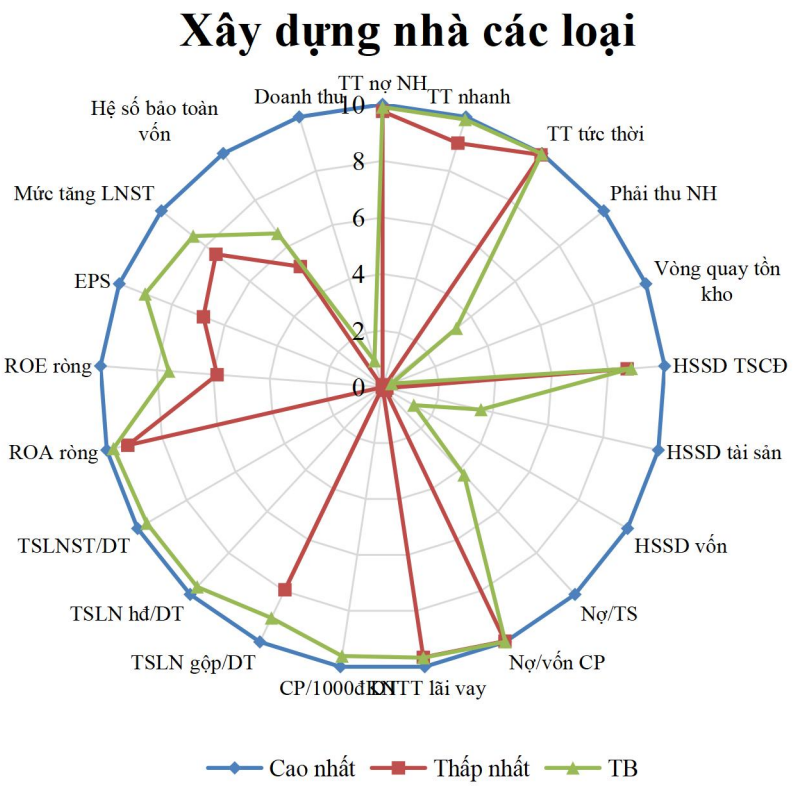
TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
1	Công ty Cổ phần Chương Dương	299,58	299,29	8,52	9,79	111,26	167,41	353,40	430,00	66,78	51,82	0,48	0,41
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 Hà Nội	299,27	298,45	10,51	12,93	114,33	167,29	356,94	430,21	68,24	51,87	0,10	0,10
3	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	298,74	297,74	7,35	11,92	118,49	167,12	352,68	429,26	66,21	50,40	0,02	0,03
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	299,06	298,81	7,26	11,41	97,72	167,08	352,78	432,90	90,20	63,52	2,46	7,41
5	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	298,32	297,47	19,30	15,47	114,52	167,40	369,63	436,47	67,30	50,98	4,12	4,44
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	299,31	299,16	5,75	10,47	114,59	167,27	353,73	430,26	65,53	49,96	0,08	0,09
7	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	297,45	296,39	4,77	7,83	121,71	166,94	399,99	436,58	69,29	52,23	0,29	0,17
8	Tổng Công ty 36 - Công ty Cổ phần	299,52	299,41	3,02	8,33	115,55	167,43	353,33	429,32	65,51	49,94	0,51	0,51
9	Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty Cổ phần	299,44	299,10	9,84	8,80	115,29	167,43	353,83	429,46	65,75	50,09	1,08	0,91
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3 Hải Phòng	292,55	288,66	5,30	7,33	199,01	166,39	374,73	433,22	71,62	54,25	0,02	0,03
11	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	296,56	295,52	0,56	6,77	126,98	166,85	370,32	426,70	65,97	50,01	0,00	0,00
12	Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	299,54	299,51	5,59	8,90	108,39	167,21	352,24	433,29	76,16	57,45	0,19	0,26
13	Công ty cổ phần LICOGI 14	298,93	298,60	2,35	107,79	118,45	166,80	357,90	432,94	66,38	50,51	0,05	0,05
14	CTCP Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	299,72	297,89	8,78	13,45	114,97	166,87	356,53	431,97	66,93	78,87	0,09	0,09

TT	TÊN CÔNG TY	CÁC CHỈ SỐ											
		Chỉ số thanh toán		Hiệu quả kinh doanh		Đòn bẩy tài chính		Chỉ số sinh lời		Hệ số bảo toàn vốn		Doanh thu	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
15	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	299,14	298,46	5,70	7,82	118,48	166,99	352,48	428,00	65,99	50,17	0,04	0,02
16	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	297,81	298,89	0,96	7,87	114,93	166,85	326,61	428,64	63,91	48,74	0,01	0,03
17	Công ty Cổ phần Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Phúc Thịnh	298,48	299,13	67,86	13,44	112,42	167,66	355,43	418,19	67,26	48,68	0,17	0,09
18	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	298,06	297,90	13,30	9,29	111,32	167,50	333,69	432,30	66,32	50,92	0,29	0,95
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	298,32	297,95	16,59	13,89	114,86	167,34	354,10	429,70	67,56	51,39	0,83	0,82
20	Công ty Cổ phần Sông Đà 25	297,65	296,65	0,36	6,73	118,30	167,25	382,46	427,27	64,87	49,33	-	-
21	Công ty cổ phần Phát triển Sunshine Homes	299,12	298,54	6,35	7,79	117,41	167,14	389,18	437,55	66,83	51,18	1,06	1,03
22	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	299,45	298,65	21,36	15,49	98,01	167,52	356,63	430,55	66,10	50,41	1,04	1,22
23	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	283,31	297,10	1,64	7,13	117,33	166,54	387,91	438,38	69,76	53,16	0,06	0,06
24	Công ty Cổ phần Trường Sơn 532	299,52	299,59	3,30	10,31	112,10	167,54	354,00	428,94	65,45	49,87	0,03	0,06
25	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	299,38	299,13	9,15	10,34	115,76	167,47	355,84	429,74	66,36	50,53	0,14	0,16
26	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	299,29	299,16	5,62	8,92	116,33	167,32	352,85	430,50	66,22	50,46	0,40	0,43
27	TCT CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	299,79	299,22	6,61	11,25	105,40	168,36	319,12	415,64	55,06	40,70	1,05	1,55
28	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá		297,21		7,10		167,68		418,13		48,41		0,01
29	Công ty Cổ phần The Golden Group		293,81		6,73		168,65		186,37		48,85		0,00

SƠ ĐỒ 4.A: CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP CHI TIẾT – ĐỒ THỊ CỘT



SƠ ĐỒ 4.B: CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP CHI TIẾT – ĐỒ THỊ RADA



BẢNG 4.C: VỊ TRÍ THỨ HẠNG XẾP THEO ĐIỂM

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DOANH NGHIỆP					
		Tổng điểm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2023	*2024*	*2023*	*2024*	*2023*	*2024*
1	Công ty Cổ phần Chương Dương	840,00	958,71	21	13	1.118	652
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 Hà Nội	849,39	960,86	11	10	837	504
3	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	843,49	956,47	16	17	1.024	815
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	849,49	981,14	10	3	832	106
5	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	873,20	972,23	5	4	310	174
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	838,98	957,21	22	15	1.139	760
7	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	893,50	960,15	3	11	156	554
8	Tổng Công ty 36 - Công ty Cổ phần	837,44	954,95	23	20	1.172	947
9	Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty Cổ phần	845,23	955,79	14	19	981	871
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3 Hải Phòng	943,24	949,87	1	23	47	1.153
11	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	860,38	945,85	7	26	536	1.229
12	Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	842,10	966,61	18	5	1.063	268
13	Công ty cổ phần LICOGI 14	844,05	1.056,69	15	1	1.010	25
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	847,02	989,14	12	2	923	86
15	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	841,83	951,46	19	21	1.069	1.108
16	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	804,23	951,02	26	22	1.337	1.122
17	Công ty Cổ phần Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Phúc Thịnh	901,61	947,19	2	25	118	1.203
18	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	822,99	958,85	25	12	1.279	642
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	852,26	961,09	9	9	740	486
20	Công ty Cổ phần Sông Đà 25	863,65	947,22	6	24	475	1.202
21	Công ty cổ phần Phát triển Sunshine Homes	879,94	963,23	4	7	245	379
22	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	842,59	963,84	17	6	1.049	353
23	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	860,02	962,36	8	8	548	417
24	Công ty Cổ phần Trường Sơn 532	834,40	956,30	24	18	1.207	834
25	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	846,63	957,37	13	14	936	750
26	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	840,71	956,78	20	16	1.098	789
27	TCT CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	787,03	936,72	27	28	1.373	1.302
28	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá		938,53		27		1.294
29	Công ty Cổ phần The Golden Group		704,42		29		1.399